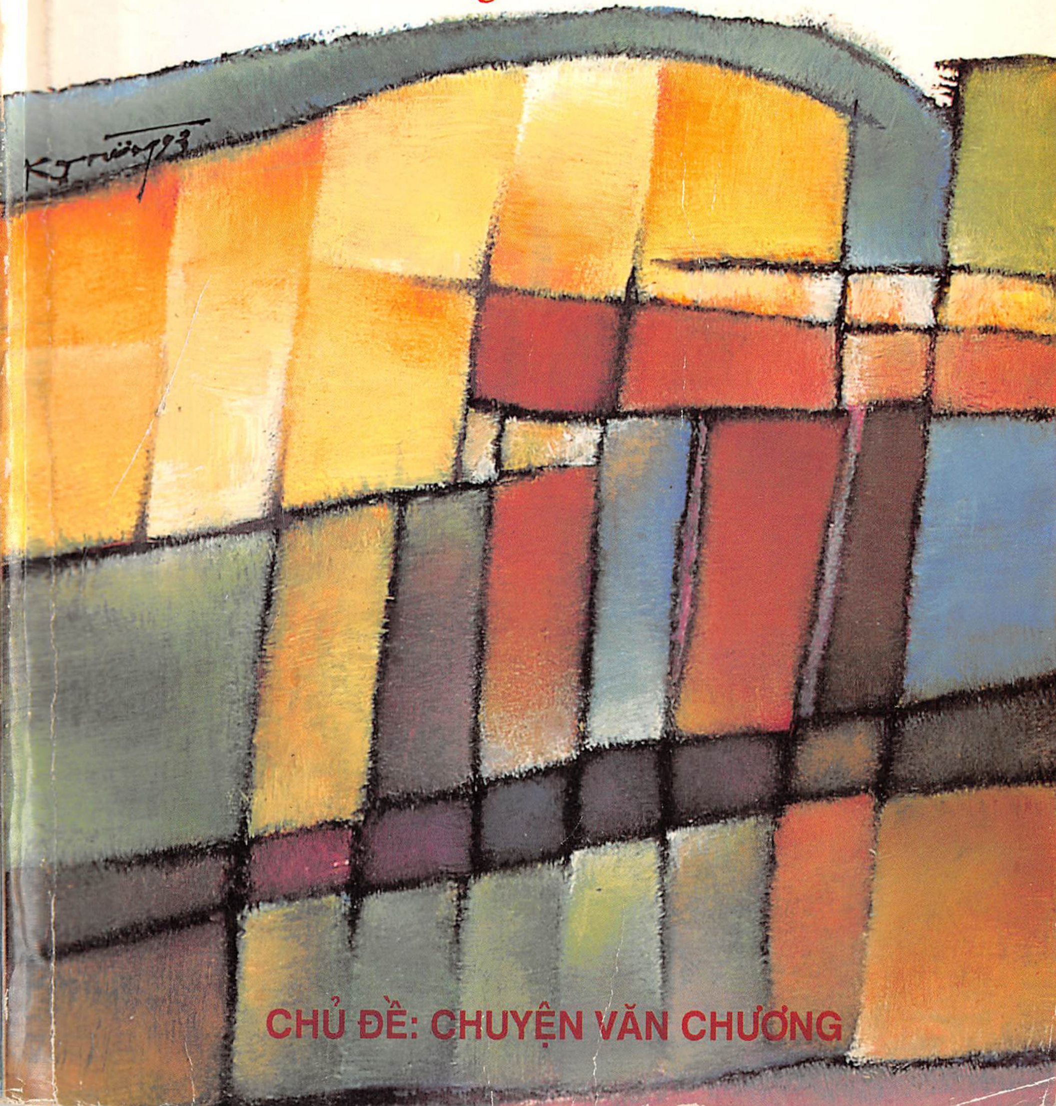
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

TÂN NIÊN

Số 9 tháng 2 & 3 năm 1993



CHỦ ĐỀ: CHUYỆN VĂN CHƯƠNG



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA
Telephone và Fax: (714)537-2468

Phát hành hai tháng một kỳ - số 9 tháng 2 & 3, 1993

Đại diện tại Florida:
Triều Hoa Đại, 2835 Cranberry Cir, Middleburg, FL 32068
Tél: (904)282-2419
Đại diện tại Âu Châu:
Mr & Mrs Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris, France
Tél: 45.83.19.12
Đại diện tại Na Uy:
Hoài Mỹ, Olsvikaasen 138, N-5079 Olsvik, Norway
Đại diện tại Canada:
Trân Sa, 12 Denbigh Cres., Toronto, ONT, M3M-2T2, Canada
Tél: (416)652-1384 và (416)398-5916
Hồ Đình Nghiêm, 3360 Barclay, Apt # 10, Montréal PQ. H3S 1K4
Tel: (514)342-8018
Đại diện tại Australia:
Thường Quán, 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149
Tél: 011-61-3-8071797

*

Chủ trương:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Ngọc Khôi, Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Trần Quảng Nam, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Nguyễn Văn Sâm, Hoàng Xuân Sơn, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Nhật Tiến, Kim Thi, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Trần Vũ, Trương Vũ.

Chủ biên
Khánh Trường

Phụ tá chủ biên:
Phan Tấn Hải

Nghiên cứu, lý luận
Hoàng Sử Mai - Đỗ Hữu Tài

Trị sự
Nguyễn Thị Giáng Châu

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



HỢP LƯU

Số 9 tháng 2 & 3, 1993

Chủ đề: Chuyện Văn Chương



MỤC LỤC

Tranh bìa: **Khánh Trường,** *sơn dầu trên cardboard*
Ký họa: **Nguyễn Trọng Khôi**



thư tòa soạn

Mười tám tháng, chín số báo, nếu so với những tạp chí bạn thì *Hợp Lưu* còn quá non trẻ. Riêng đối với chúng tôi, đó là khoảng thời gian dài đầy nỗ lực, vượt thắng. Để thực hiện một tờ báo, không khó. Nhưng để thực hiện một tờ báo đúng tiêu chuẩn về hình thức lẫn nội dung, có lẽ chẳng phải dễ dàng, nhất là trong hoàn cảnh quá đỗi gian nan: độc giả ít, các đại lý xa không thanh toán tiền bán báo, phí tổn ấn loát tốn kém, giá bưu điện cao gần bằng giá bán một số báo, lắm nơi cao hơn (Úc Châu, Á Châu). Vật chất đã thế, nội dung càng khó khăn hơn: người viết hiện sống tại hải ngoại không nhiều, lại do bất đồng quan điểm, đường hướng, đã cộng tác với báo này tất từ chối viết cho báo kia. Và ngay những vị này, do sinh kế, do đời sống bình lặng ít đổi thay, do ngọn lửa đam mê mỗi ngày mỗi lụn tàn, chỉ sáng tác cầm chừng, để rồi mòn dần đi, thậm chí dẫn đến tình trạng "sao chép" lại chính mình. Trong khi đó thế hệ kế thừa hầu như không có. Những người trẻ lớn lên bên ngoài đất mẹ thì hội nhập hẳn vào xã hội mới, viết, đọc bằng ngôn ngữ bản xứ. Lớp mới từ Việt Nam đến hoặc vì ít quá, hoặc cảm thấy ngán ngẩm trước tình trạng phân hóa của thế hệ đàn anh, không tha thiết gì chuyện sáng tác nữa.

Tuy nhiên dù vấp phải những trở lực vừa nêu, *Hợp Lưu* cũng đã làm hết sức mình, và trong một giới hạn nào đó phải được xem là tốt. Thành quả này, như trên đã nói, ngoài nỗ lực vượt thắng của anh chị em chủ trương, phần còn lại, rất lớn, nhờ công lao đóng góp, quan tâm của văn hữu và độc giả. Nếu không có quí vị, chắc chắn *Hợp Lưu* đã không tồn tại đến ngày hôm nay. Bước vào ngưỡng cửa năm mới - cũng là năm thứ ba - *Hợp Lưu* chân thành gởi đến quí vị lòng tri ân của chúng tôi, và mong quí vị sẽ vẫn tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ *Hợp Lưu*, như trước giờ.

Số này, ngoài phần sáng tác và các mục thường xuyên, có thể xem như số báo có chủ đề **"Chuyện Văn Chương"**. Từ bao nhiêu năm nay, văn giới hải ngoại vẫn loay hoay mãi trong cái vòng tròn của chính kiến, dù nhiều nhà văn, qua những bài viết của mình, đã bao lần muốn tách văn chương ra khỏi nhóm chữ vừa dùng. Nhưng đó là một cố gắng vô vọng. Vì ngay trong những bài viết đó, vẫn thấp thoáng khi mờ khi tỏ bóng dáng của thời cuộc, quan điểm, chính kiến. Và không nhiều thì ít, đã tác động trên sáng tác của họ, khiến cho văn chương không còn giữ được sự trung thực, công bình nữa. Mới đây, trên *Văn Học* số 79, tháng 11, 1992, có bài phê bình cuốn *Ánh Trăng*,

tập truyện ngắn được giải cuộc thi báo *Văn Nghệ* 1991, của tác giả Mai Kim Ngọc, đã khiến cho giới cầm bút hải ngoại "giật mình". Có vị "giật mình" vì thấy nó rất hợp với suy nghĩ của mình, nhưng cũng có nhiều, rất nhiều vị khác "giật mình" vì nhận ra phía sau những dòng chữ có vẻ chừng mực, đứng đắn, tử tế kia hình như thấp thoáng một điều gì. Điều gì? Phải chăng lực chi phối của thời cuộc và chính kiến đang đè lên sinh mệnh văn chương? Có lẽ đó là lý do, trong những ngày cuối tháng hai, 1993 *Hợp Lưu* nhận được một lượng bài phong phú ít nhiều liên quan đến bản văn của tác giả Mai Kim Ngọc. Hầu hết những bài viết này đều có cơ sở lý luận cần công khai, ngoại trừ một vài bài chúng tôi buộc phải gác lại vì ngôn ngữ sử dụng không được bình tĩnh, hòa nhã (vốn là tiền đề căn bản của bất cứ cuộc tranh luận nào, theo chủ trương của chúng tôi). Nhân đây cũng xin nói thêm và nói rõ để tránh ngộ nhận: hầu hết những văn hữu cộng tác và là chủ lực của tập san *Hợp Lưu* đều xuất thân từ tạp chí *Văn Học*. Cho đến nay, giao tình giữa hai tờ báo vẫn rất tốt đẹp: những vị có mặt trên *Văn Học* vẫn thường xuyên có mặt trên *Hợp Lưu*, và ngược lại. Và ngoài đời sống, chúng tôi vẫn thỉnh thoảng gặp nhau, cà phê, thuốc lá, đùa cợt vui vẻ. Cho nên những bài viết độc giả sắp đọc chỉ là những bài thảo luận hoàn toàn có tính cách văn chương, tuyệt đối không ảnh hưởng gì đến giao tình giữa hai tờ báo. Ngoài ra, tác giả Mai Kim Ngọc, và bài phê bình của ông, dù là nguyên nhân của những bài viết trên *Hợp Lưu* số này, đối với chúng tôi, không có một hiềm khích nào. Nói một cách thẳng thắn: đây chỉ là cơ hội để những người cầm bút có dịp đặt vấn đề và thảo luận, hầu tìm ra mẫu số chung cho hướng đi của văn chương Việt Nam hải ngoại. Ngoài ra, đây cũng là dịp để chúng ta có thể chuyện trò một cách nghiêm chỉnh, đứng đắn. Vì từ bấy lâu nay, mỗi khi có thảo luận, chúng ta vẫn thường tròng mấy chữ "Ta, Địch, Quốc, Cộng" lên đầu nhau, bằng vòng gai ngôn ngữ chẳng lấy gì làm "sạch sẽ" cho lắm, khiến chẳng những độc giả bị xúc phạm, mà ngay cả người trong cuộc, cũng cảm thấy ngán ngẩm, chẳng buồn tham dự.

Cuối cùng, *Hợp Lưu* trân trọng cáo lỗi: Vì nhà thơ Hoàng Cầm du Nam chưa về Bắc, nên bài viết "tiếp theo" ông đã hứa với chúng ta không gởi ra kịp.Vậy xin dời lại vào một số khác.

Hợp Lưu

NHẮN TIN CÁC NHÀ SÁCH CHƯA THANH TOÁN TIỀN BÁN BÁO

Gần hai năm nay, **kể từ số 1**, một số nhà sách trên thế giới tuy có nhận Hợp Lưu đều, nhưng vẫn chưa thanh toán hộ tiền báo bán được. Để có đủ điều kiện phục vụ bạn đọc, ty trị sự tha thiết kính mong các đại lý bỏ chút thì giờ kết toán sổ sách giúp chúng tôi. Trân trọng.



CHÂN PHƯƠNG

mừng giao thừa thế kỷ

Khi tìm hiểu về lịch sử, mỗi người dùng trí tuệ của chính mình và tiếp cận lịch sử với quan điểm đặc thù của bản thân và của thế hệ mình; do đó dĩ nhiên mỗi thời đại, mỗi con người nhận ra trong một biến cố lịch sử cá biệt những điều mà thời đại khác, con người khác không thể thấy...

R.G. Collingwood

Không thể tưởng tượng đây là Harvard Square. Chưa đầy tám giờ tối thứ năm. Kể cả quán Au Bon Pain, trung tâm mọi thứ sinh hoạt ẩm thực, hẹn hò, chuyện gẫu của cả Cambridge cũng lo dọn dẹp đóng cửa. Thiên hạ nhanh chóng tan hàng — dân di tản Trung Cận Đông, đám sinh viên Hoa Lục, mấy cụ hưu trí vô gia đình, sau cùng là bọn ghiền cờ tướng có mặt tại quán tứ thời mưa nắng. Đúng là đêm cuối năm. Quàng túi thơ lên vai trong đó đêm nay có thêm chai Whisky bỏ túi (lý do đặc biệt chút nữa giải bày), tôi thả qua góc phố kế bên hy vọng tiệm Coffee Connection còn mở. Nhưng cả khu thị tứ với hàng chục hàng quán phục vụ cho đủ loại khẩu vị thế giới cũng bế môn tỏa cảng. Đành nhịn vậy, *see you tomorow*, cà phê Trung Mỹ bốc khói và miếng bánh croissant thơm nóng! Thẩn thơ vài phút tôi chợt nhớ còn cái quán nhỏ bình dân của đôi vợ chồng người Hoa gần đó. Thật không lầm, tấm biển nhỏ OPEN vẫn đón mừng mọi khách tha phương. Cầm ly cà phê nóng bỏng quay ra, tôi thầm cảm ơn đức tính cần cù chịu khó kiếm từng đồng của dân Đông Á.

Trở lại quán Au Bon Pain lúc này đã vắng, tôi kéo hai chiếc ghế sắt vào

dưới mái hiên. Chỗ ngồi này là địa điểm lý tưởng nhất ngắm trời, ngắm phố, kể cả ngắm người. Vào những buổi tối trời, đặc biệt vào mùa hè, đây là một quảng trường tấp nập có hạng của thế giới. Du khách học giả trí thức đủ cỡ, sinh viên khắp nước Mỹ cũng như trái đất, dân bụi tứ xứ đổ về đây; bồ câu, chim sẻ cũng vậy. Thế mà đêm nay chỉ còn mấy thân cây trụi lá và những vỉa hè vắng ngắt. Lác đác dăm chiếc taxi đón hoài không thấy khách. Đặt ly cà phê xuống ghế bên cạnh, vừa châm điếu thuốc thơm vừa moi trong túi vải ra tờ Harper's số đầu năm mua khi nãy ở sạp báo, trên miệng nở nụ cười lưu vong, tôi nhủ trong bụng, bây giờ thì có thể cầm cự đến giao thừa.

Đồng hồ trên ngân hàng Cambridge Saving Bank đang nhích từng giây trong khoảng năm cùng tháng tận. Vào lúc này năm mới đã đến với các châu khác, ngoại trừ Mỹ châu. Châu Úc đốt pháo giao thừa đầu tiên, sau đó là nghìn ngọn lửa mừng thắp sáng đêm trừ tịch khắp Âu châu. Sau ngày rã vụn của Liên Xô, sau cuộc nội chiến tan hoang ở Nam Tư, giờ đến lượt Tiệp Khắc chia đôi. Nhưng hôm nay cũng là ngày thống nhất cả khối Tây âu, chưa đầy vài năm sau ngày thống nhất nước Đức. Không chỉ là một năm cũ qua đi mà là cả một thời đại, cả một thế kỷ - đồng thời một kỷ nguyên mới lại chào đời. Y như một đoạn kinh Cựu Ước về cái lẽ hợp tan, tan hợp.

Chị lao công da đen túm cột mấy bao rác to xong bắt đầu quét lượm giấy vụn, tàn thuốc quanh quán. Khá hơn tuần trước, thời tiết đêm nay dễ chịu. Hai cô Á Châu trang phục đẹp mắt đi qua, ngỡ ngàng nhìn vào quán trống, đứng lóng ngóng mấy phút trước cửa. Một anh chàng da vàng trờ tới, họ mừng rỡ chào hỏi rồi tất bật kéo nhau đi. Tan nhanh theo ngọn gió mát lạnh mấy âm tiết líu lo của người Nhật Bản. Uống cạn chút cà phê đã nguội, tôi châm thêm điếu thuốc vừa nghĩ ngợi về mấy trang tạp chí vừa mới đọc...

Thế kỷ hai mươi là một thế kỷ khá ngắn, theo ý kiến nhà sử học Mỹ John Lukacs trong bài *Sự Cáo Chung Của Thế Kỷ Hai Mươi* trên tạp chí *Harper's* tôi vừa xem xong. Từ 1914 đến 1989, thế kỷ này thọ được 75 năm, con đẻ của hai trận thế chiến với tất cả hậu quả khốc liệt mà chúng ta đã biết: Cách mạng Nga, bom nguyên tử, ngày tàn của chủ nghĩa thực dân, sự ra đời các nước Cộng Sản khắp trái đất, cuộc tranh chấp giữa hai siêu cường với sách lược leo thang vũ trang của Chiến Tranh Lạnh mà cái giá phải trả là sự phá sản của Liên Xô với Đông Âu kèm theo sự xuống dốc của sức mạnh Hoa Kỳ về mọi mặt trừ quân sự. Suy thoái kinh tế với thâm thủng ngân sách song song với nhiều bài toán xã hội, da màu, dân quyền, cộng thêm sự phồng trương bệnh hoạn của bộ máy nhà nước bị quân sự hóa trầm trọng khiến Hoa Kỳ hôm nay hiện ra dưới mắt thế giới như tên khổng lồ đang lâm trọng bệnh. Và John Lukacs kết luận, tương tự quan điểm thâm trầm của nhà sử học gốc Anh Paul Kennedy trước đây mấy năm: Thế kỷ hai mươi là thế kỷ của Hoa Kỳ, nhưng thế kỷ hai mươi mốt thì khác vì thời đại các siêu cường, siêu quốc đã cáo chung.

Xuất phát từ nhận thức đó, chúng ta có thể nói rằng thế kỷ này đã chấm

dứt. Và John Lukacs minh họa thêm:

> *Thế kỷ hai mươi sẽ chính thức vào ngày cuối cùng của năm 2000. Nhưng các điểm ngoặc thực sự (và điểm ngoặc khác với các cột mốc thời gian) trong đời sống các nền văn minh, các quốc gia, các cá nhân không trùng hợp với tờ lịch thập phân. Với lại lịch sử không phải là một khối toàn bích; các điểm ngoặc không mang tính tuyệt đối... Sự kết thúc của thế kỷ hai mươi chưa phải vẹn toàn. Các cái bóng của hai trận thế chiến chưa tan biến hết. Nhưng chúng đang tháo lui: chúng không còn ngự trị trong quang cảnh lịch sử nữa.*
>
> Vì vậy *mà thế kỷ hai mươi này, hiểu theo nghĩa rộng*, đã *cáo chung.*
>
> (Harper's, 1-1993, tr 40)

Tôi ngẫm nghĩ: Đúng vậy, nếu thế kỷ hai mươi cáo chung vào năm 1989 ở Liên Xô thì ở Mỹ đến hết năm 1992, sau cuộc thất cử của Bush, tổng thống cuối cùng của Chiến Tranh Lạnh, thế kỷ này mới chấm dứt. Cũng như hôm nay bên Âu châu thế kỷ hai mươi mốt vừa khởi sự. Còn Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Triều Tiên... thì vẫn ngụp lặn trong đêm dài thế kỷ!

Ngọn gió về khuya hình như lạnh hơn, phố xá càng trống trải. Dọn sạch ngoài sân, cô lao công tiếp tục lau chùi trong quán sau khi đã khuân hết ghế sắt chồng lên các mặt bàn.

Đã quá mười giờ, bách bộ một vòng giã biệt phố xá năm cũ là vừa. Băng qua mặt lộ trống, tôi theo lối hông vào khu Đại học. Không một bóng ma nào quanh thư viện lớn Widener, tôi đảnh lễ một vòng quanh "Tàng kinh các", nhớ anh bạn Như Hạnh giờ này đã lưu lạc xuống Virginia dạy học. Đến trước con rùa đá đội tấm bia mừng tuổi Đại học Harvard vào lúc được ba trăm tuổi; tôi đứng lại với một thoáng trầm tư - 1936,lúc đó là chính phủ Tưởng Giới Thạch, có thể tấm bia này được khắc từ Nam Kinh trong khoảng ngày tháng ngột ngạt trước khi chiến tranh Hoa-Nhật bùng nổ. 1936, Madrid và nội chiến Tây Ban Nha; Malraux, Orwell và Hemingway. *For whom the bells toll?...*

Mới hơn năm mươi năm, bao nhiêu là dâu bể. Đệ nhị thế chiến, rồi Chiến Tranh Lạnh, chiến tranh Đông Dương, rồi bức tường Bá Linh sụp tan. Tôi nhìn cái bóng mình nhạt nhòa trong đêm, tôi - hạt bụi tứ tán trong cơn địa chấn cuối thế kỷ. Và ngày mai, tất cả sẽ bắt đầu trở lại. Thiết nghĩ khó có địa điểm nào thích hợp hơn để tiễn đưa thế kỷ này. Do một ngẫu nhiên thú vị, đêm nay tôi lại đứng một mình giữa Harvard Yard, chung quanh là những kiến trúc cổ kính đầu tiên của đại học.

Kể từ ngày châu Mỹ được khám phá đến nay, lịch sử đã đi trọn năm trăm năm chu kỳ của quyền lực da trắng mà cực điểm là Pax Americana. Bắt đầu Anh lần lượt loại Tây Ban Nha và Pháp, sau đó đồng minh với Hoa Kỳ để

loại luôn Đức, Ý - Không kể Nhật, đế quốc da vàng mới dậy thì. Sau đó Hoa Kỳ gạt đồng minh cũ ra khỏi vũ đài, quay sang đối đầu với Liên Xô, bao vây khống chế đế quốc Đỏ cho đến ngày đế quốc này kiệt lực phải buông vũ khí. Và công cụ quyết định để tranh đoạt ưu thế bá chủ là đây: Đại học Harvard! Đây là não bộ quyền lực Mỹ; các gia tộc quyền thế như Roosevelt, Rockefeller, Kennedy đã dùi mài kinh sử tại khuôn viên này, các quân sư như Kissinger, Brzezinski, Samuel Pipes đã được đào tạo từ lò này... Là trung tâm thần kinh của cuộc Chiến Tranh Lạnh vừa qua, hiện nay tổ chức vừa giáo dục vừa quyền lực này đang trở thành vấn đề của nền dân chủ Mỹ. Nó sẽ là một phần đối tượng của tân tổng thống Clinton trong chính sách giải thể guồng máy quân sự và các bộ phận đối ngoại của cuộc chiến chống Cộng toàn cầu vừa qua.

Tôi nhìn tượng Harvard ngồi duỗi chân trên chiếc ghế mang phù hiệu Veritas của Đại học, trên bắp dùi phải là quyển sách mở toang, nét mặt đăm chiêu như một câu hỏi lớn gieo vào đêm tối. Trước khi quay lưng, tôi nói đùa với vị tổ sáng lập ấy rằng: "Đúng vậy, lịch sử là cuốn sách không bao giờ đóng lại, và sự thật, muốn tìm nó thì phải bước xuống cuộc đời chứ không phải ngồi mãi trên ghế như Ngài!"

Trở ra bằng cổng chính, tôi men theo Massachusetts Avenue xuống phố. Trên đại lộ này, nhắm hướng Tây khoảng nửa giờ lái xe là đến Lexington và Concord, nơi nổ những phát súng khởi nghĩa giành độc lập đầu tiên của dân Mỹ. Trước mặt tôi là bãi cỏ công viên Cambridge Commmons, nơi đóng quân của tướng Washington trước khi tổng phản công quân đội hoàng gia Anh. Mấy khẩu thần công tịch thu được ngày xưa còn nằm đó phơi sương tuyết. Vâng, đây là đất thánh của Tự Do, cái báu vật mà người Mỹ cũng như nhân loại đã đổ máu liên tục vẫn chưa hoàn toàn dành được. Và ngày mai, một chương sử mới của cuộc chiến đấu muôn đời ấy lại bắt đầu.

Còn độ mươi phút nữa là giao thừa. Tôi thả ngang rạp hát Loew's chào bức tượng đắp vôi lúc nào cũng chống gậy hiên ngang của Charlot, nhìn cô gái trong quầy bán vé với nước da tái xanh mà nhớ cô em mình đêm nào cũng ngồi may mớ cà vạt lụa ở Créteil, ngoại ô Paris. Đối với dân lao động trên quả đất này, một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, một ngày hai mươi bốn giờ, giờ nào cũng là giờ cật lực kiếm sống cả. Nơi góc đường, anh da đen lái xe bus vẫn túc trực đúng giờ ở trạm, dân lái taxi cũng có mặt, tụm năm tụm ba dấu láo giết thời giờ. Đám học sinh đội nón giấy cầm kèn con nít kéo nhau diễn hành, vừa đi vừa thổi tò te. Năm mới đang đến, năm mới đã đến. Giã từ 1992, giã từ thế kỷ hai mươi.

Đến lúc mở nắp chai Whisky nhịn thèm từ chiều đến giờ rồi đây. Khi tôi hớp ngụm rượu mừng năm mới thì cặp đàn ông đàn bà trung niên đứng trước quán Au Bon Pain cũng ôm nhau hôn. Các chiếc xe chạy qua bắt đầu bóp kèn vang rân. Mừng sức khỏe, mừng năm mới tất cả các bạn tha hương của tôi, các bạn còn ở lại Việt Nam cũng thế. Chúng ta còn sống, còn thở, còn tim

óc lành mạnh để gánh vác thân phận lịch sử của dân tộc mình đi vào kỷ nguyên mới. Dù bạn đang ở bất cứ nơi nào trên mặt địa cầu này, tất cả chúng ta hãy cùng nâng ly chúc phúc cho nhau. Nếu thế kỷ vừa qua là định mệnh với những kẻ bất hạnh xấu số, với những ai cam phận bị quặt què, cháy nám, chấn thương hết thuốc chạy chữa, đối với chúng ta - những người đang khát khao, đang tranh đấu cho tự do, dân chủ và nhân phẩm - thế kỷ hai mươi chỉ là một tai nạn. Và chúng ta phải khôi phục niềm tự tin của dân tộc, sức mạnh tinh thần duy nhất để xây dựng các giá trị mới cho cuộc sống trước mắt. Ngay giây phút đầu tiên của thế kỷ vừa chào đời này, tất cả chúng ta hãy nắm lấy tay nhau thành một vòng tròn không gì phá hoại được của hy vọng và của tình thương.

Hơi men bốc lên trong người như ngọn lửa chào đón tân niên, tôi nhập vào đám bộ hành đang kéo về Harvard Square đón năm mới. Tôi nhìn từng gương mặt trẻ trung, tươi sáng của thế hệ đang lên, thế hệ sẽ cùng với Clinton và Gore tái thiết lại đất nước này. Tôi nhớ đến những gương mặt Việt Nam, Trung Quốc, từ các em bé thiếu ăn đến những cụ lão bệnh tật thiếu thuốc men, tôi hình dung nét mặt thân yêu của tất cả quyến thuộc, bạn bè đang nhẫn nhục chịu đựng kiếp người. Trong nỗi xúc động khó kềm giữ, nước mắt tôi ứa ra pha trộn với nụ cười vui: Trái đất này là một, lịch sử hôm nay là một, không thế lực nào chặn được bánh xe thời đại, một ngày rất gần đây các bức tường, vách ngục cũng phải sụp đổ ở Á châu, thế kỷ hai mươi của chết chóc hận thù đang cáo chung và không bạo quyền nào có thể mua thời gian được nữa.

Khắp phố, từ dưới trạm xe điện ngầm tỏa ra, từ trên các xe chạy qua, trên các vỉa hè và mặt lộ, những người đón năm mới xuất hiện nhiều hơn, vui vẻ chào mừng nhau, bất kể thân quen. Giữa âm thanh rộn ràng của "Happy New Year", "Happy New Year", tôi cũng la lên, cho mình và cả loài người, "Happy New Century."

Cambridge, giao thừa và đầu năm 1993

CHÂN PHƯƠNG



ĐƠN HÀNH

lý của mọi nghịch lý, nguồn gốc của mọi sự hỗn loạn

Có một nhà báo đã than: Việt Nam là nước của những nghịch lý. Câu đó công nhận: trong vũ trụ, có một nơi, một thế giới có thể có sự nghịch lý. Nơi đó là quả đất, thế giới đó là thế giới người. Câu đó thổ lộ đòi hỏi: phải chấm dứt sự nghịch lý. Thật mâu thuẫn: con người, kẻ khát khao lôgic duy nhất trong trời đất, là nguồn gốc duy nhất của sự nghịch lý! Làm sao hiểu được, nếu sự nghịch lý không có lý của nó! Ta thử tìm hiểu xem.

Thí dụ, nhà nước Việt Nam cấm công nhân, xí nghiệp, cơ quan trực tiếp sử dụng ngoại tệ. Ngân hàng nhà nước công khai mở quầy mua ngoại tệ, không đòi giấy xác nhận nguồn gốc. Sở điện thoại treo bảng giá bằng tiền Việt Nam và... đô la. Và không ngần ngại thu đô la. Một cán bộ đi công tác nước ngoài, vội vã vay bạn dăm chục đô la để giải khát dọc đường, được nhân viên hải quan tốt bụng khuyên đừng khai, để ông lờ, cho mang đi. Như thế, dân phạm pháp, cán bộ nhà nước phạm pháp, cơ quan nhà nước phạm pháp. Xét cho cùng, bộ trưởng, chính phủ đều phạm pháp. Hội đồng nhà nước, quốc hội để yên cho chính phủ phạm pháp, cũng phạm pháp nốt. Tất cả đều là kẻ có tội. Lôgic, không có gì nghịch lý cả. Đã có hệ tư tưởng coi con người bẩm sinh tội lỗi, con cháu Adam đều rõ. Điều duy nhất làm ta có cảm giác nghịch lý là: muốn sống lương thiện cũng không được, phải phạm pháp mới được tồn tại, trong khi ta có cảm tưởng điều đó không cần thiết.

Cơ chế xã hội biến mọi người, từ trên xuống dưới, thành người có tội không như "mưa nắng ơn trời". Nó là sản phẩm của con người. Ta không có quyền quy những người chế tạo nó ngu, như thế thiếu nghiêm túc trong suy luận, thiếu tôn trọng người khác. Ta khao khát lôgic, người khác cũng vậy.

Phải tìm hiểu lôgic sản sinh ra cơ chế ấy. Nơi phải tìm, dĩ nhiên là Hiến Pháp, bộ luật cơ bản, nền tảng của chế độ.

Hiến Pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam dựa trên nguyên tắc: *Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý*. Đảng lãnh đạo đề ra những chủ trương cơ bản quyết định sự tiến (hoặc lùi) hóa của xã hội. Đảng cầm quyền nào cũng làm vậy. Đặc điểm duy nhất của Đảng Cộng Sản Việt Nam ở chỗ *đòi lãnh đạo nhưng không chịu quản lý*: không chịu trách nhiệm về sự thực hiện những chủ trương của mình. Như thế là *đòi lãnh đạo một cách vô trách nhiệm*. Dĩ nhiên, vô trách nhiệm trong lãnh vực thực tế, lãnh vực duy nhất có lỗ có lời. Trong lý thuyết, Đảng không ngần ngại tự phê, nhận sai lầm, và... tiếp tục lãnh đạo. Điều đó rất thuận lý: khi ta giới hạn quyền lãnh đạo ở lời nói, sai lầm là "lỡ lời", và tự phê, sửa sai giới hạn ở đầu lưỡi là đủ!

Nhà nước quản lý, đề ra và thực hiện những biện pháp cụ thể tác động đời sống xã hội. Như thế, nhà nước chịu trách nhiệm về hành động của mình. Nhưng hành động của con người cũng chẳng phải mưa nắng. Ý nghĩa, giá trị và, do đó, phần trách nhiệm của người hành động, còn tùy thuộc "ý đồ" chỉ đạo hành động. Không ai kết tội người mất trí! Nhà nước quản lý nhưng không lãnh đạo là *quản lý một cách vô trách nhiệm*. Một phó thủ tướng, bị cách chức, thản nhiên nói: tôi không có lỗi vì tôi chấp hành chủ trương của Đảng. Nói thế chí lý. Ông không từ chức vì trách nhiệm với dân. Ông từ chức vì ông tuân theo kỷ luật của Đảng. Thế thôi.

Mọi Đảng cầm quyền đều đặt người tin cậy vào những cương vị quyết định trong xã hội. Điều đó thể hiện sự thống nhất của quyền lực. Quyền lực thống nhất, không thể trốn trách nhiệm. *Muốn vừa có quyền lực, vừa vô trách nhiệm trong việc sử dụng quyền lực*, thì quyền lực vừa phải tập trung (trong tay Đảng), vừa phải phân tán (không qui về ai rõ ràng được, kể cả Tổng bí thư của Đảng). Đó là nhiệm vụ của chế độ hiện hành tại Việt Nam: một hệ thống chằng chịt, chồng chéo quyền lực, ranh giới không phân minh, trong nội bộ Đảng, giữa các cơ quan nhà nước, từ trên xuống dưới, từ quan hệ giữa Bộ chính trị, Tổng bí thư, Hội đồng nhà nước, Chính phủ, Quốc hội, Toà án, tới quan hệ giữa Chủ tịch và Bí thư xã! Khi tai họa xảy ra, mọi người sử dụng quyền lực đều có tội, đều vô tội, vì không ai chịu trách nhiệm toàn bộ chủ trương và hành động của mình. Với tư cách Đảng lãnh đạo, tất nhiên Đảng có trách nhiệm. Nhưng trách nhiệm ấy, một bài diễn văn cũng đủ thanh toán. Với tư cách Đảng quản lý, dĩ nhiên Đảng có trách nhiệm, nhưng trách nhiệm ấy cứ nấp sau Đảng lãnh đạo là hết chuyện. Cuối cùng, với tư cách Đảng cầm quyền, Đảng không có trách nhiệm gì hết, có thể tiếp tục cầm quyền. Khổ nhất, mặt nào đó, là đảng viên lương thiện, người luôn luôn bị chẻ đôi, không bao giờ có quyền, cùng một lúc trách nhiệm lời nói và hành động của mình, không bao giờ có quyền trách nhiệm nhân cách của mình. Điều kiện tồn tại của kiếp sống ấy là vô trách nhiệm về chính mình, giả dối với chính mình.

Một chế độ như thế đòi hỏi sự hình thành phổ biến của con người mới, con người vô trách nhiệm. Trong suốt thời gian cầm quyền Đảng dầy công đào tạo nó trong hàng ngũ của mình, trong guồng máy nhà nước và trong xã hội, truy tố, cách chức, khai trừ những người còn ý thức trách nhiệm, nuôi dưỡng, đề bạt những kẻ vâng dạ vô lối, qua thanh lọc, chỉnh Đảng, chỉnh quân, chỉnh huấn, qua phương pháp giáo dục, đào tạo, lãnh đạo, tổ chức và quản lý, trong mọi lãnh vực, ngành nghề, cấp bậc. Đó là ý nghĩa sâu sắc của những chiến dịch truy tố chủ nghĩa cá nhân: ý thức cá nhân là cơ sở của tinh thần trách nhiệm. Đó là ý nghĩa cơ bản của phương pháp lãnh đạo tập thể: không ai chịu trách nhiệm. Đó là lôgic nội tại của chế độ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Điều đó giúp ta hiểu vì sao, ngoài lãnh vực chiến tranh giải phóng, các cương lĩnh liên tiếp của Đảng toàn lời văn kêu, kẻng, rỗng, vì sao các Hiến pháp do Đảng đề xướng đều đầy mâu thuẫn và phân quyền lực: mục đích chính là tạo một chế độ trong đó mọi người đều có tội, đều vô tội, mọi người trách nhiệm tất cả, không ai trách nhiệm gì hết. Như thế, muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm, miễn sao đủ vây cánh, quyền lực để thủ chức là yên. Lôgic này chẳng có gì xa lạ: nó là lôgic của rừng xanh. Lôgic của rừng xanh, chính là *lôgic tự nhiên* trong thế giới sinh vật. Nó cho phép những sinh vật có bản năng tồn tại mãnh liệt, có vài năng khiếu thuận lợi cho cuộc tồn sinh kiểu ấy, tồn tại và chiếm cương vị đầu đàn trong trong "cộng đồng" của chúng. Người cũng là sinh vật, do đó nó đã sống, đang phải sống và, với không ít người, còn muốn sống với lôgic ấy. Logic của thị trường hay lôgic của Hiến pháp Việt Nam đều nằm trong lĩnh vực ấy. Chúng đều rất phù hợp với chủ nghĩa duy vật "biện chứng". Chính quyền Việt Nam ngại nhà văn, nghệ sĩ hơn ngại tư bản quốc tế, tư bản dân tộc, kẻ cướp và buôn lậu, hiểu rõ chính mình.

Cái lôgic của rừng xanh, dân tộc Việt Nam đã gánh đủ trong gần nửa thế kỷ, qua hai cuộc chiến tranh. Mặt nào đó, chế độ Việt Nam hiện nay là sản phẩm của chiến tranh. Nhưng điều đó không cơ bản sau 17 năm hòa bình. Việt Nam không thuộc quyền tư hữu của Đảng. Quyền lãnh đạo giành được trong chiến tranh phải kiểm xét lại. Đảng sợ và trốn tránh sự kiểm xét ấy nên biến quyền lãnh đạo của mình thành một thứ quyền thiêng liêng, vượt nhân giới, thành vai trò do lịch sử giao phó, thành qui luật... Hậu quả đương nhiên là mất lòng dân. Trong xã hội, trách nhiệm chỉ có nghĩa trách nhiệm với người khác (với Chúa, Phật, Lịch sử) thuộc lãnh vực đời sống riêng từng người. Càng mất lòng dân càng điếc mù, càng điếc mù càng sai sót, càng sai sót càng sợ sự kiểm xét của dân, càng trốn trách nhiệm, càng mất lòng dân. Một vòng lẩn quẩn không nguôi, cho tới khi trơ bộ xương mục, như các nước XHCN ở Châu Âu? Đặt sự chân chính của quyền lãnh đạo ngoài nhân giới, Đảng trốn trách nhiệm đối với dân, tự chém tương lai của mình, tự hủy diệt khả năng thực sự lãnh đạo, thực sự quản lý. Còn lại gì? Một mafia quyền lực,

giựt dây một tổ chức quần chúng (Đảng viên cơ sở, không có quyền lực) với mục tiêu duy nhất: tồn tại, tồn tại với bất cứ giá nào để tận hưởng bổng lộc của quyền lực. Cái môi trường cần thiết cho lối tồn sinh đó là... rừng xanh, với lý tự nhiên của nó, cái lý vừa ghi lại trong Hiến pháp.

Như thế, ta hiểu được mọi nghịch lý trong chế độ hiện hành ở Việt Nam. Không có gì lạ. Không có gì đáng thắc mắc. Tuy vậy, tiếng than ở đầu bài không vô lý! Nhưng cái *lý* này thuộc phạm trù khác. Bản thân khái niệm *lý* đòi hỏi sự hiện diện của một hiện vật không thuần lý! Nếu con người thuần lý, nó chẳng khác gì những hiện vật khác trong vũ trụ: nó sẽ tồn tại, vận động theo qui luật của tự nhiên trong thế giới sinh vật. Cái tính đặc thù ấy của con người, có người gọi là thiên tính, có người gọi là phi lý, có người gọi là tự do. Tự nó không thể có định nghĩa, không bị ràng buộc bởi quá khứ, không có tương lai cố định. Nhưng nó không thể tồn tại một mình: nó không tự tại. Đúng sai, phải trái, *có lý* hay *vô lý* một mình. Khi nói :"Anh có lý của anh, tôi có lý của tôi, họ có lý của họ" là chấp nhận điều ấy. Rõ ràng cái *lý* ở đây không liên quan tới lôgic vận động của tự nhiên trong bất cứ lãnh vực nào. Nó là cái *lý* giữa yêu cầu sống chung giữa người với người, và yêu cầu ấy dựa trên tính không thuần lý của con người. Chính vì con người, một mặt là tự do, mặt khác không thể tồn tại với tính người một cách độc lập với người khác, mà trong quan hệ với nhau cần phải *có lý* hay, nói đúng hơn, phải có *luật chơi*. Luật chơi không có qui luật. Cơ sở của luật chơi là: trên nguyên tắc chấp nhận tự do của người khác, muốn "chơi" với nhau, muốn chung sống. Do đó, không có luật chơi vĩnh cửu. Nhưng khi con người đã chấp nhận một luật chơi (dù để chơi xấu! vì xấu chỉ có nghĩa xấu đối với luật chơi được chấp nhận như chuẩn), luật chơi đó đủ sức tạo một thế giới tạm ổn định trong đó con người có thể yên tâm sống với nhau trong sự khác biệt và sự mâu thuẫn, trong tự do. Khi luật chơi hết thích hợp, bàn với nhau sửa đổi. Luật chơi đó, ở mức quốc gia, gọi là pháp luật. Những nguyên tắc cơ bản của nó ghi trong Hiến pháp. Nó hình thành khi nó thể hiện sự đồng tình chung sống của cộng đồng dân tộc. Điều ấy đòi hỏi dân chủ, tự do, ý thức công dân và văn hóa. Dĩ nhiên, vì con người cũng là con vật, pháp luật vừa phải thể hiện lý của con tạo, nhất là khi nó còn ràng buộc loài người nặng nề, vừa phải thể hiện *lý* của con người, yêu cầu chung sống để được làm người của nó. Do đó, bộ luật nào cũng có phần *vô lý* của nó, thí dụ, vừa khẳng định quyền lao động, vừa xác nhận quyền đào thải... Do đó, bộ luật nhân bản nào cũng khẳng định một số nguyên tắc hoàn toàn vô lý trong tự nhiên: sự bình đẳng giữa mọi người chẳng hạn. Nói như thế nghĩa là quyền làm người không thể có ngoài đạo làm người. Cái *lý* đẻ ra *luật chơi*, luật chung sống trong tự do, thực chất, là *tình*. Vì vậy, người trách ta *vô tình*, ta dễ đau, vô lý không? Vì vậy, chính quyền Việt Nam sợ nhà văn có tình, tu sĩ, Đảng viên còn lý tưởng, công dân lương thiện, trọng lẽ phải, hơn sợ đơn vị biệt kích hay cán bộ lãnh đạo bất tài, tham nhũng. Vì vậy, quyền cư trú, đi lại, thông tin, báo chí, xuất bản, tranh

luận... là những thứ Đảng chỉ cho thuê, không thể chấp nhận. Việt Nam ta có câu truyền thống, "Ăn ở cho có tình", không có tương đương trong văn hóa Pháp. Sau bấy nhiêu năm sống với luật rừng, có lẽ là lúc nhớ di sản văn hóa của tổ tiên, đóng góp nó cho văn minh nhân loại hôm nay bằng cách thực hiện nó ngay trên nước mình, ngay trong quá trình tiếp thu những luật chơi tiến bộ nhất của thế giới.

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân". Cách đây 600 năm, Nguyễn Trãi viết vậy. Một chế độ buộc mọi người phải phạm pháp mới có quyền tồn tại, một chế độ lấy luật rừng làm luật chơi giữa người với người, chế độ ấy không thể yên dân; ngược lại, nó gieo mầm hỗn loạn, khủng hoảng, có thể đẫm máu, vào tương lai. Nó phi nhân, phi nghĩa, hay nói như nhà báo nọ, nó "nghịch lý" vì nó từ bỏ nguồn gốc chân chính duy nhất cho phép thiết lập một quan hệ không tự nhiên, một quan hệ nhân bản giữa người với người: tự do ưng thuận. Nói như người Việt Nam: nó bạc tình. Do đó, dân đen chẳng mấy ai mất thời giờ tìm hiểu cái lý có thực của nó.

ĐƠN HÀNH



TRƯƠNG VŨ

tuổi trẻ việt nam

Cách đây hơn hai tháng, tôi được đọc một cuốn sách nhỏ và rất hay của Irina Zisman. Cuốn *Bút Ký Irina* (tập I)(1). Sách viết về sự liên hệ của tác giả với đất nước Việt Nam, về chính đất nước Việt Nam, và nhất là, về những con người Việt Nam mà tác giả đã được gặp trong suốt hơn hai mươi năm, kể từ ngày mới bước chân vào Đại học cho đến khi viết xong cuốn sách, vào năm 1991. Tôi bị cuốn hút vào sách. Không phải vì sách viết bằng tiếng Việt mà vì chính Irina Zisman, gắn liền với nhiệt tình dành cho cuộc đời, với tình yêu dành cho người khác hay cho chính mình, với quyết tâm, không nhân nhượng, để sống và viết theo điều mình tin tưởng, với sự thông minh và với những nhận xét nhạy bén và đầy khoan dung.

Tuy nhiên, những điều trình bày trong *Bút Ký Irina* cũng đồng thời làm tôi nghĩ đến một số vấn đề liên quan đến xã hội Việt Nam. Những vấn đề mà nhiều người trong chúng ta đã bàn cãivà đã có lắm bất đồng. Đặc biệt là về những con người trong xã hội đó. Thế nhưng, cho đến nay, thành phần quan trọng nhất của những con người đó là tuổi trẻ Việt Nam thì lại vẫn chưa được nhìn đến một cách nghiêm chỉnh, ngang với tầm quan trọng của họ. Ở đây, tôi muốn hàm ý Tuổi Trẻ Việt Nam, như những CON NGƯỜI, có tiếng khóc, tiếng cười, có như là da, là thịt, là xương, là máu trong cơ thể của một dân tộc. Chớ không phải chỉ có những liên hệ lạnh lùng với những vấn đề như chính trị, kinh tế, kỹ thuật, hay như để tạo hãnh diện cho một tập thể không bao gồm tuổi trẻ.

*

Trong một dịp gặp gỡ ngắn ngủi với Irina Zisman, ở Washington D.C., tôi có hỏi chị vài điều liên quan đến tuổi trẻ Việt Nam. Irina cho biết chị rất tin

tưởng ở tương lai giới trẻ Việt Nam. Chị nêu một thí dụ về ba người trẻ tuổi đang hợp tác với chị ở đài phát thanh, trong đó có một nữ sinh viên đang theo học tại một trường Đại học nổi tiếng ở Mạc Tư Khoa. Họ là những người trẻ lý tưởng, hăng say, và biết hy sinh. Chị cũng nhấn mạnh là nếu sứ quán Việt Nam biết được việc làm của họ thì không biết chuyện gì sẽ xảy ra cho họ.

Lời phát biểu của Irina phù hợp với lòng tin tưởng của rất nhiều người trong chúng ta, là *chính giới trẻ với khả năng, sự trong sáng, và không mặc cảm quá khứ, sẽ giúp cho đất nước vượt qua những bế tắc phát sinh từ một tình trạng xã hội chậm tiến, nghèo đói, và ù lỳ trong chính trị*. Tuy nhiên, vẫn có những khía cạnh "đen tối" liên quan đến giới trẻ Việt Nam cần được nhận diện. Và, nếu không có những thay đổi thích nghi thì chưa chắc những khả năng và những đức tính thường thấy này nơi giới trẻ Việt Nam sẽ có thể đóng góp tích cực vào việc xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho đất nước.

Đọc *Bút Ký Irina*, người đọc nhìn thấy được rất nhiều khuôn mặt khác nhau, từ Nam ra Bắc. Những khuôn mặt này có thể tạo nên một hình ảnh tiêu biểu cho xã hội Việt Nam, hay một tập hợp điển hình cho nhiều thành phần Việt Nam khác nhau. Có điều đáng để ý là trong số những khuôn mặt này, tôi không tìm thấy một người trẻ tuổi nào cả. Nói trẻ tuổi ở đây không có nghĩa là khoảng 20 hay 30 trở lại, mà kể cả từ 40 trở lại. Tôi không hiểu sự kiện này phát sinh từ một thực tế hoàn toàn có tính cách cá nhân - chẳng hạn, tất cả những người chị quen biết và thích viết về họ đều là những người lớn tuổi - hay vì lý do là xã hội Việt Nam hiện nay đã không có những người trẻ, từ 40 trở xuống, có gì đặc sắc khiến chị phải để ý, phải tìm đến để viết về họ. Ý nghĩ sau này làm tôi rất bàng hoàng. Vì, nếu quả thật như vậy, thì *xã hội Việt Nam là một xã hội chỉ có quá khứ mà không có tương lai, chỉ có cái chết chờ đợi đằng trước mà không có sự sống.*

Nhìn trở lại các sinh hoạt của cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại, tôi cũng nhìn thấy một hình ảnh khá tương tự, mặc dầu, có thể ít trầm trọng hơn. Mở một tờ tạp chí Việt ngữ ra, nhìn tên họ những người được nhắc nhở trong đó (ngoài phạm vi học đường) và nghĩ đến số tuổi hiện thời của họ. Hay, nhìn danh sách thành phần lãnh đạo một hội đoàn, một tổ chức (ngoài phạm vi kỹ thuật), và nghĩ đến số tuổi hiện thời của họ. Tôi rùng mình. Ở đây, phần nào cũng giống như ở trong nước, con số những người trẻ "chạy việc" thì có nhiều, nhưng con số những người trẻ giữ những trách nhiệm hay những vị thế có khả năng tạo nên nét đặc thù cho cộng đồng thì chẳng bao nhiêu. Trong rất nhiều lãnh vực, đặc biệt là về chính trị, cộng đồng Việt Nam hải ngoại là một cộng đồng già nua và cằn cỗi. Như vậy, sự kiện này không hẳn chỉ phát sinh từ yếu tố "Xã Hội Chủ Nghĩa" mà Việt Nam là một, mà có thể còn phát sinh từ yếu tố "Á Đông" mà Việt Nam cũng là một, hay từ một yếu tố nào khác?"

Điều quan trọng nhất tôi muốn báo động là *sự vắng bóng của ít nhất hai thế hệ thanh niên trong đời sống Việt Nam hiện tại.*

Trong suốt một trăm năm qua, chúng ta luôn ghi nhận nét đặc thù của mỗi thế hệ Việt Nam và nghe những tên tuổi nổi bật có thể đại diện cho cả thế hệ, hay một khuynh hướng nào đó của thế hệ. Nguyễn Thái Học và hầu hết các đồng chí của ông, lúc lên đoạn đầu đài đều chưa quá 30 tuổi. Lý Đông A lập thuyết Duy Dân khi ông mới hơn 20 tuổi. Nhất Linh lập Tự Lực Văn Đoàn lúc 26 tuổi. Hầu hết những nhà văn Việt Nam nêu trong *Nhà Văn Hiện Đại* của Vũ Ngọc Phan dưới 30 tuổi. Phạm Duy, Văn Cao và những nhạc sĩ mở đường cho nền tân nhạc Việt Nam, nổi tiếng khi họ chỉ mới trên 20. Khi chết, Đặng Thế Phong mới 27 tuổi. Nhiều bài tình ca nổi tiếng của Trịnh Công Sơn được viết ra khi ông mới hơn 20 tuổi. Huy Cận xuất bản tập *Lửa Thiêng* rồi nổi tiếng khi ông mới 21 tuổi. Võ Phiến viết những truyện ngắn nổi danh khi ông vào khoảng tuổi 30. Khi thành lập, hầu hết các cây viết trong nhóm *Sáng Tạo* của Mai Thảo dưới 30 tuổi, v.v.. Vào những thời kỳ vẫy vùng của họ, không ai gọi đây là những nhà văn trẻ, nhạc sĩ trẻ, hay những người của đợt sóng mới. Họ đi vào xã hội, chinh phục xã hội một cách ngang nhiên, với lòng tự tin về tài năng và lý tưởng của mình, và không phải dương đầu với những trở ngại phát sinh từ yếu tố trẻ tuổi của họ.

Nhìn ở một tầm rộng hơn, về lứa tuổi nhỏ hơn, và chỉ riêng ở miền Nam, chúng ta cũng đã thấy được những thế hệ trẻ làm thay đổi nếp sống của xã hội, như thế hệ Đông Du, thế hệ thanh niên học sinh xuống đường để tang cụ Phan Chu Trinh, chống xử án cụ Phan Bội Châu, thế hệ Thanh Niên Tiền Phong, thế hệ Trò Ơn, thế hệ thanh niên sinh viên xuống đường thời Phật giáo tranh đấu, thời chống quân phiệt v.v..

Năm 1975, cuộc chiến chấm dứt. Những thanh niên mới trưởng thành vào lúc đó giờ này đang bước vào tuổi bốn mươi. Có người đã thành nội, ngoại. *Thế hệ đó và thế hệ kế tiếp của họ đã giữ những vị thế nào trong đời sống Việt Nam, dưới chế độ Cộng Sản trong nước cũng như ở các cộng đồng Việt Nam hải ngoại?*

Thời gian gần đây,, trong sinh hoạt văn học nghệ thuật, người ta phát hiện tài năng của một số cây viết trẻ, đặc biệt là Phạm Thị Hoài, Trân Sa, Vũ Quỳnh N.H., Trần Vũ, Hồ Đình Nghiêm, v.v... Quá ít. Mặc dù vậy, người trẻ tuổi nhất trong số ít những người trẻ tuổi này là Trần Vũ, một tài năng của văn học Việt Nam hiện đại, cũng đã ba mươi tuổi rồi. Tức là ở vào cái tuổi mà nhà văn nổi tiếng của ba thế hệ trước đó là Thạch Lam đang thở những hơi cuối cùng của đời ông. Tức là lớn hơn Nhất Linh bốn tuổi vào lúc Nhất Linh bắt đầu mở một đường đi cho văn Học Việt Nam và thuyết phục mọi người tấn công mãnh liệt vào những tệ đoan của một xã hội Việt Nam đầy quan lại và phong kiến.

Thế nhưng, ảnh hưởng của giới trẻ trong lãnh vực văn chương hiện thời còn đỡ hơn ở rất nhiều lãnh vực khác. Không nói chi đến chính trị, ở đó, nhiều khi năm mươi tuổi vẫn còn được xem là con nít. Ngay trong lãnh vực âm nhạc, người ta thấy vắng bóng rõ rệt những tài năng trẻ về sáng tác.

Có cái gì trật ở đây! Ở chính nơi các thế hệ trẻ, hay ở cái cách mà những người đi trước, những thế hệ già, đã đối xử với con cháu hay đàn em của mình?

Có người cho rằng đây là một sự kiện chung của thời đại: lớp trẻ thời nay thích làm chuyên viên mà không thích dấn mình vào những lãnh vực chính trị hay những sinh hoạt công cộng. Điều suy nghĩ này không đúng. Sự thay đổi mới đây ở các nước Cộng Sản phát xuất từ giới trẻ hơn là từ giới già. Những khuôn mặt xuất hiện ở Thiên An Môn là những khuôn mặt chuyên viên trẻ hay chuyên viên tương lai, mà nhân vật nổi bật nhất chỉ ở vào tuổi 20. Điều tương tự như vậy xảy ra ở Đại Hàn, ở Miến Điện. Và ngay cả ở A Phú Hãn, tư lệnh của hai nhóm kháng chiến đang vờn nhau trên sân khấu chính trị hậu Cộng Sản của xứ này là hai kỹ sư trẻ. Kinh tế gia Yegor Gaidar, cánh tay mặt của Boris Yeltsin và là người cầm đầu chương trình cải cách kinh tế táo bạo của Nga, mới 36 tuổi.

Như vậy, các yếu tố "Xã Hội Chủ Nghĩa", "Á Đông" cũng chưa hẳn là những yếu tố chính đưa đến tình trạng hiện tại. Kể cả yếu tố "thời đại."

Sự khác biệt ở Việt Nam phải phát xuất từ một lý do khác.

Nhìn kỹ vào các sinh hoạt chính trị, văn hóa, xã hội của Việt Nam hiện đại, người ta thấy *quá nhiều nỗ lực nhằm bảo vệ hay biện minh cho những việc làm trong quá khứ mà lại có quá ít nỗ lực để giải quyết những vấn đề của hiện tại hay tương lai.* Gần như cả hai phe của cuộc chiến trước 75 chỉ nghĩ đến họ, quá khứ của họ, thêm rộng ra một chút là đồng chí cùng lứa của họ mà quên mất tương lai của đất nước. Để rồi, chính nơi giới trẻ, lớn lên trong một hoàn cảnh như vậy, tính phản kháng vốn đặc thù của họ hình như đã không được phát triển bình thường, để chỉ còn thu hẹp lại trong những nỗ lực đi tìm tương lai cho cá nhân.

Trong suốt hai thập niên qua, đã có biết bao nhiêu biến đổi trên quê hương. Tang thương cũng nhiều lắm. Mà cái tang thương của đất nước lại ảnh hưởng đến tương lai của lớp trẻ hơn bất cứ thành phần nào khác. Sự phẫn nộ nơi từng người trẻ chắc phải không ít. *Nhưng sao không thấy sự phẫn nộ của thế hệ, mà chỉ thấy đâu đó phản ứng chịu đựng và tránh né?*

Ở hải ngoại, giới trẻ có vẻ "kính nhi viễn chi" các bậc trưởng thượng, để chỉ liên hệ vào một số lãnh vực sinh hoạt khó làm phiền lòng ai, như giúp đỡ người tỵ nạn, biểu tình chống cưỡng bách hồi hương, v.v... Cùng lúc đó, bằng tài năng của họ, họ tan biến dần vào các xã hội Tây phương. Còn người lớn, họ lấy sự thành công đó của tuổi trẻ làm hãnh diện và chẳng khoắc khoải gì về sự tan biến này. Bởi vì, nó là của tương lai chứ không phải quá khứ. Với nhiều người lớn, hình như cái quá khứ mới quan trọng. Khi tỏ ý lưu tâm đến những người còn kẹt lại ở trong nước, người ta nói đến quá nhiều những chính trị gia, quân nhân, văn nghệ sĩ đã thành danh trước 1975 mà lại khá lạnh lùng trước thảm kịch có tính cách hàng loạt đối với lớp trẻ thơ bỏ lại trên quê hương mà thế hệ trước đó đã không làm tròn bổn phận bảo vệ

chúng. Trong thời gian cuộc chiến Kampuchia, thỉnh thoảng người ta thấy loan tin trên một số báo chí Việt ngữ ở hải ngoại, con số những "bộ đội Cộng Sản Việt Nam" vừa mới bị kháng chiến quân Kampuchia phục kích giết chết. Những tin tức như vậy được nêu lên nhằm nhắc nhở sự sa lầy của Cộng Sản Việt Nam tại Kampuchia mà hoàn toàn không mang một chút nhạy cảm nào về cái chết của những "bộ đội" đó. Họ là ai, nếu không phải là những thanh thiếu niên sinh ra từ các gia đình nghèo khổ? Vào năm 1975, có phải họ đang chơi cò cò, chơi đánh đáo, hay bò lê lết đâu đó trên quê hương? Và, họ đã gây hận thù, ân oán với phe phái nào trước đó?

Ở trong nước, người lớn có quyền lực nên có chính sách rõ ràng cho lớp trẻ. Lớp trẻ được huấn luyện để trở thành "cháu ngoan Bác Hồ". Phải ngoan. Không được phản đối dù bị xử tệ. Phải ngoan. Cho dù đến bốn, năm mươi tuổi cũng phải ngoan. Bởi vì những người lãnh đạo còn lớn tuổi hơn nhiều. Và vẫn còn sống. Và khi thấy rằng không thể nào giữ được lòng tin của tuổi trẻ, lãnh đạo cho phép tuổi trẻ tự do ăn chơi, tự do tha hóa miễn là đừng đụng đến quyền lực của họ. Nếu cần, áp dụng kỷ luật thẳng tay đối với cả thành phần được xem là thành trì của chế độ, như những Đoàn Thanh Niên Lao Động Hồ Chí Minh. Tờ *Tuổi Trẻ* của tổ chức này đăng một bài liên hệ đến đời tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chẳng có gì quá đáng, chỉ nói rằng thật ra ông ta đã có vợ. Thay vì viết một bài khác có tính thuyết phục hơn để bác bỏ luận cứ kia theo như cách xử sự thường tình của bất cứ một người trưởng thành nào, những lãnh đạo già nua trên đất nước cách chức Tổng Biên Tập của tờ báo. Người ta chỉ muốn tuổi trẻ biết phục tùng, biết ngoan ngoãn. *Không muốn nhìn thấy một thế hệ trẻ sống có phẩm cách, dám nói thật những điều mình biết, biểu lộ thật lòng thương, ghét của mình.* Ở Tây phương, rất nhiều người nuôi thú vật và thương yêu như con cái. Chỉ có khác, khi nuôi thú vật người ta đòi hỏi sự ngoan ngoãn, còn khi nuôi con, người ta mong phát triển cá tánh và lòng tự tin. Lối xử sự của thế hệ lãnh đạo đất nước hiện nay dành cho giới trẻ có vẻ như gần với cách nuôi thú hơn là nuôi người ở phương Tây.

Đâu phải chỉ có những lãnh đạo chính trị mới xử sự như vậy đối với giới trẻ. Irina Zisman có nêu một nhận xét độc đáo là *ở Nga cũng như ở Việt Nam, khi bắt đầu có Perestroika là lập tức trí thức ở mỗi nước phân loại làm hai: những người hướng về tương lai và những người quay về quá khứ. cả một loạt nhà văn cỡ lớn lập tức đứng về phía bảo thủ nhất của những người bảo thủ, mà chắc chắn không phải vì lợi ích riêng hay vì sợ đặc quyền bị mất(2)*. Tôi cũng đồng ý là họ không sợ sự đổi mới ảnh hưởng đến đặc quyền, đặc lợi, nhưng sợ nó chạm đến cái phần quá khứ mà họ ấp ủ như một bảo vật mà chính họ không hoàn toàn tin đó là bảo vật thật. Bên cạnh đó, cũng có những điều không hiểu nổi là có những người có tài năng, được giới trẻ thương yêu, nhưng lại không cần biết rằng nếu một xã hội không có những người trẻ có tài năng, được ưa chuộng và được kính trọng ngang tầm với mình hay với bạn

bè mình thì xã hội đó phải là một xã hội bệnh hoạn. Trong một số đặc biệt về họa sĩ trẻ của tạp chí *Mỹ Thuật*, tôi thấy những chân dung do họa sĩ Bùi Quang Ngọc vẽ. Theo lời ông, đây là 13 bức chân dung được lựa ra trong số rất nhiều bức ông từng vẽ về những người "là bạn, là thầy, và nhiều người trong giới văn nghệ mà tôi ưa chuộng"(3). Mặc dù đây là số đặc biệt dành cho họa sĩ trẻ, trong số 13 người được ưa chuộng này, không có ai dưới 65 tuổi.

*

Trong một bài viết mới đây, Trần Vũ biểu lộ sự phẫn nộ của một người trẻ, thay mặt cho bảy cây viết trẻ ở hải ngoại(4). Bài viết của Trần Vũ gây xúc động cho rất nhiều người. Và ngoài bài viết của Trần Vũ, cũng có một số bài viết khác nói lên sự bất mãn của mình, của giới trẻ. Hy vọng tóc lên. Cuối cùng rồi thì thế hệ trẻ cũng biểu lộ sự phẫn nộ của họ. Tuy nhiên, những biểu lộ này vẫn còn lẻ loi quá.

Tuổi trẻ Việt Nam! Sao không thấy họ vươngmình lên như Phù Đổng? Lứa tuổi từ hai mươi đến bốn mươi! Họ đông đảo là vậy, tài năng là vậy, mà sao trong đời sống Việt Nam, trông họ đìu hiu đến như vậy?

Hai thế hệ, nhiều lắm. Làm sao đất nước có thể vượt qua tình trạng chậm tiến, nghèo đói, phong kiến và lãnh đạo ù lì, mà không có sự tham dự tích cực của hai thế hệ, đã trưởng thành và trẻ nhất?

(Xem tiếp kỳ sau)
TRƯƠNG VŨ

Chú thích:

(1) Irina Zisman, *Bút Ký Irina* (tập I). Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản, 1992.

(2) Xem *Bút Ký Irina*, chương 6: Nguyễn Đình Thi.

(3)Tạp Chí *Mỹ Thuật*, số đặc biệt về Họa Sĩ Trẻ. Hội Mỹ Thuật T.P. Hồ Chí Minh, tháng 5, 1992.

(4) Trần Vũ, *Tùy Bút Xám*, tạp chí Văn Học (California) số 79, phát hành tháng 11, 1992.



TRẦN ĐẠO

nghệ thuật? để làm gì?

"...la conscience dans son appel à soi-même pose l'exigence du bien dans l'action, du vrai *dans la connaissance, et du beau dans l'achèvement des processus vécus. Par là, la conscience fait du monde naturel un* monde humain, *valable pour l'homme."* *

Trần Đức Thảo

Cách đây 50 năm, trong giới văn học, nghệ thuật Việt Nam nổ ra một cuộc tranh luận: nghệ thuật vì nghệ thuật hay nghệ thuật vì nhân sinh. Cuộc tranh luận không ngã ngũ: chiến tranh. Hầu hết văn nghệ sĩ tiếng tăm thời ấy xếp bút nghiên theo kháng chiến. Hầu hết cụt hứng, không sáng tác được tác phẩm bằng hoặc hơn trước. Trong chiến tranh, nghệ thuật quan trọng nhất là "nghệ thuật" giết người. Thời chiến có thể là thời thai nghén của nghệ thuật, chưa bao giờ là thời nghệ thuật thịnh vượng. Lôgíc chiến tranh mâu thuẫn với lôgíc nghệ thuật? Kỷ luật chiến tranh mâu thuẫn với tự do sáng tác? Con người của chiến tranh mâu thuẫn với con người của nghệ thuật? Nói thế hơi dễ. Chiến tranh là hiện tượng thuần nhân tính: súc vật không giàn quân tiêu diệt nhau! Bản thân chiến tranh là một hình thái quan hệ giữa người với người. Trong chiến tranh, nghệ thuật vẫn là kích thước cơ bản của con người. Nghệ thuật quân sự đâu phải chuyện đùa! Cuộc tranh

---

* *Khi lương tri kêu gọi, thì đặt ra yêu cầu cái* Thiện *trong hành xử, cái* Chân *trong kiến thức, và cái* Mỹ *trong sự kiện toàn quá trình sống. Từ đó, lương tri biến thế giới thiên nhiên thành một* thế giới con người, *sẵn sàng cho con người.* (Toà soạn tạm dịch)

luận kia chấm dứt vì nó bị vùi dập. Người ta vùi dập được nó vì cách đặt vấn đề sai: không mấy ai thấy nó đủ tầm cỡ để đáng mất thời giờ suy ngẫm, tranh luận, đặc biệt khi suy nghĩ, tranh luận có thể phải trả giá bằng sinh mạng!

Đặt sai một vấn đề, đương nhiên ta không thể giải đáp nó. Ngược lại, điều đó mở đường cho một cách giải quyết nó, cách giải quyết thường tình khi lý đuối, tình cạn: vũ lực, không giải đáp vấn đề, giải quyết người đặt vấn đề. Cách giải quyết ấy tiêu diệt được người, không thủ tiêu được vấn đề.

Thoạt nghe, "nghệ thuật vì nghệ thuật" và "nghệ thuật vì nhân sinh" là hai quan điểm phản nghịch. Phân tích kỹ, chúng là một, thể hiện cùng một nhân sinh quan, mập mờ ở cùng một điểm, nguy hiểm như nhau.

Nghệ thuật là gì? ở đâu? có tính đặc thù nào? mà có thể vì chính mình! Chưa bao giờ, chưa ở đâu, chưa ai, trả lời được. Không bao giờ, không ở đâu, không ai định nghĩa, chứng minh được cái **Đẹp**. Vì sao?! Câu nói kia, trong nghĩa đen, sặc mùi tôn giáo. Nó đặt nghệ thuật vào vị trí của Thượng đế. Chỉ có Thượng đế mới vĩnh hằng, vĩnh cửu, mãi mãi 'là chính mình' trong vô tận của thời gian: Thượng đế là giấc mơ tự tại của con người. Vì thế, Thượng Đế cũng là một giá trị nhân bản, tuy có lúc không nhân đạo lắm. Đó là ý nghĩa lời phê bình nổi tiếng của Sartre đối với nhà văn thiên chúa giáo Francois Mauriac: "Dieu n'est pas un artiste; M. Francois Mauriac non plus". **

Chuyện hiển nhiên như thế, sao nhiều người vẫn thiết tha với câu ấy, thậm chí sống chết vì nó? Vì nó tiết lộ thân phận người. Toát ra từ hồn người, câu đó tự nó có nghĩa: nghệ thuật là kích thước của con người, là một đặc tính của con người. Trong nghĩa đó, nghệ thuật chỉ có thể vì chính mình: ý nghĩa, giá trị, mục đích của con người, trong tư cách người, là con người. Trong nghĩa đó "Nghệ thuật vì nghệ thuật" đồng nghĩa với "Nghệ thuật vì con người", không có gì khó hiểu, lờ mờ. Nó thuộc loại định nghĩa dễ chấp nhận như "A chính là A". Đó cũng là ý sâu sắc của câu nói nổi tiếng: "La nature imite l'art". Người đời ghi nhớ nó không chỉ vì nó đẹp bất ngờ, vô lý. Nó tiết lộ ý trên. Thiên nhiên có nhiều cảnh, hiện tượng đẹp. Không ai coi chúng là nghệ thuật. **Đẹp** không là một thuộc tính của thiên nhiên. Nó hình thành trong sự tiếp súc giữa người với thiên nhiên. Trong quan hệ ấy, con người "gán" cho thiên nhiên những giá trị trong hồn mình. Thiên nhiên chỉ đẹp khi thiên nhiên phù hợp với thẩm mỹ của ta, khi thiên nhiên bắt chước nghệ thuật.

"Nghệ thuật vì nhân sinh". Câu này thoạt tiên dễ hiểu, dễ nghe. Nó bao hàm ngay ý "Nghệ thuật vì con người", nhờ sự hiện diện của từ "nhân". Tuy vậy, nó cũng nhập nhằng. Có người hiểu: nghệ thuật phải phục vụ cuộc sống của con người. Cuộc sống? Tác phẩm nghệ thuật chưa bao giờ làm ai no bụng, ấm thân. Ngay nghệ sĩ cũng khó dựa vào nó để sinh nhai! Cuộc sống

---

***Thượng Đế không phải là một nghệ sĩ; Ông Francois Mauriac cũng vậy.* (Tòa soạn tạm dịch)

tinh thần? Tinh thần là gì mà cần nghệ thuật? Mà thực sự nó có cuộc sống không? Hết gạo, chắc chắn nó biến theo thân xác. Nghệ thuật là gì, phải như thế nào mới thích hợp với nhu cầu tinh thần, mới biến thành "món ăn" tinh thần, mới ăn được, mới **ăn** khách? Milan Kundera có nhận xét: Khi tiền đầy túi, con người nẩy vô vàn sáng kiến, khi túi rỗng, bụng teo, nó chỉ có một ý duy nhất: ăn. Nguyễn Huy Thiệp cũng có nhận xét tương đương: "Lao động chân tay, em ạ, không thể lấy chính trị động viên được, chỉ có tiền và gái thôi, đấy mới là thuốc bổ chứ" (Những Người Thợ Xẻ). Cuộc sống tự nhiên đòi "tiền và gái", không đòi nghệ thuật.

Thực tế, những người theo quan điểm "Nghệ thuật vì nhân sinh" ở Việt Nam muốn vận dụng quan điểm thực dụng của Lênin: nghệ thuật phải là một con ốc trong guồng máy cách mạng. Họ muốn **sử dụng** nghệ thuật như một công cụ, một phương tiện để tác động vào thế giới thực, buộc nó phải chuyển mình. Họ muốn như vậy vì họ tin vào một loại chủ nghĩa duy vật máy móc. Tuy họ công nhận hiện tượng tâm linh, họ không xác định được tính đặc thù của nó, họ hiểu sai quan hệ của nó với con người xương thịt, sinh vật sống nhờ dạ dầy, tái sinh nhờ bộ phận sinh dục. Do đó, trong lý luận, họ trốn sau một mớ lập luận "biện chứng" lờ mờ, được kinh thánh hóa bằng nhồi sọ và quyền lực, và trong thực tế, họ dùng dạ dầy để uốn nắn văn chương, nghệ thuật. Khốn nỗi, như Marx nhận định: "La puissance matérielle ne peut être abattue que par la puissance matérielle" ***. Trong ý đồ này, đỉnh cao của nghệ thuật là nghệ thuật đánh trống điều khiển nhịp chèo của nô lệ trên những chiến thuyền cổ. Không phải tình cờ nhạc hành quân cơ bản dựa vào nhịp đôi: ếch, ơ. Thêm nhịp nữa, bất lực ngay. Không ai có thể dùng nhịp valse để hành quân. Chiến trường sẽ tức khắc biến thành sân khấu! Nhưng không có nhạc hành quân nào giữ nổi hàng ngũ chỉnh tề khi lòng người tan rã. Vì thế, người bảo vệ quan điểm "Nghệ thuật vì nhân sinh" thường khinh nghệ sĩ và sợ nghệ thuật. Đó là nỗi đau riêng của nó: nó tự tin không vì nó tin đồng loại, mà vì nó muốn làm tình nhân, đầy tớ trung thành của ... Lịch Sử, con đĩ khát máu, vô tình nhất trong quá trình hình thành nhân loại.

Nếu ta hiểu "Nghệ thuật vì nhân sinh" là "Nghệ thuật vì con người", câu này cùng nội dung với ý nghĩa sâu sắc của câu "Nghệ thuật vì nghệ thuật", không có gì để tranh luận.

Hai quan điểm trên giống nhau và nguy hiểm ở cùng một điểm: tống cổ nghệ thuật ra khỏi nhân giới, thần thánh hóa nghệ thuật. Một bên thần thánh hóa theo kiểu duy tâm kinh điển, biến nghệ thuật thành một **Sự Thật** tồn tại vĩnh cửu bên kia bờ nhân loại, biến **người**(?) nghệ sĩ thành con chiên, đầy tớ, tình nhân khốn nạn của "cái" **Đẹp**. Bên kia thần thánh hóa nghệ thuật theo kiểu duy vật, biến sáng tác thành một quá trình tự nhiên, biến tác phẩm

---

*** *Sức mạnh vật chất chỉ có thể bị đánh bại bởi chính sức mạnh vật chất.* (Tòa soạn tạm dịch)

thành phế phẩm của quá trình tiêu hóa của bộ óc, như cứt là sản phẩm của quá trình tiêu hóa của dạ dầy, biến **người** nghệ sĩ thành công cụ trong một guồng máy (1). Trong quan điểm đầu, nghệ thuật là vực thẳm giữa người với người, không ai thông cảm được người nghệ sĩ (thế thì đăng, triển lãm, trình diễn làm gì? đơn thuần làm tiền? thiếu gì cách khác đỡ khổ hơn!). Trong quan điểm sau, nghệ thuật là một cái xích trói người với người. Có lẽ vì thế, trong thế giới ấy, nghệ sĩ cụt hứng, tác phẩm có tính chất nghệ thuật hiếm, và cuối cùng, nghệ sĩ chân chính thường biến thành người bất mãn, phản kháng.

Khi ta tìm nghệ thuật, ta thấy ngay điều hiển nhiên: không **có** nghệ thuật. Chỉ có những tác phẩm ta thấy đẹp. Lối nói: "Nghệ thuật của người Hy Lạp cổ" đúng ở khía cạnh thông tin: những tác phẩm đó do người Hy Lạp cổ làm ra. Câu đó sai ở mặt nghệ thuật: vẻ đẹp ta cảm thấy, chắc gì, đối với người Hy Lạp thời ấy, có thật. Có thể họ coi các vật ta chiêm ngưỡng như đồ dùng tầm thường hàng ngày. Ngay đối với những bức tượng họ thờ (tất nhiên họ quý), cảm giác đẹp ta cảm nhận, chắc gì trùng hợp với khái niệm **Đẹp** của họ? Không lẽ nghệ thuật chỉ là một sự hiểu nhầm liên miên giữa người với người? Giống tình yêu quá! Và có lẽ thế thật? Nghệ sĩ thường là kẻ liên miên si tình, miên man thất tình mà! **Đẹp** không là một thuộc tính của hiện vật ta chiêm ngưỡng, nó không tác động vào ta như một phản ứng hóa học, vật lý. Thậm chí, nó cũng chẳng là một phản ứng thuần văn hóa. Ta có thể không hiểu biết nền văn hóa Inca, mà ngắm một mặt nạ Inca vẫn mê hồn. Mặc dù văn hóa khác biệt, mặc dù xa cách nhau hàng mấy nghìn năm, tác phẩm kia, hôm nay, vẫn đẹp vì cái đẹp ấy là ta, người của thời nay. Nhưng rõ ràng nó từ sản phẩm của người xưa đến với ta. Ta dựa vào sản phẩm của người xưa để sáng tạo trong hồn ta vẻ đẹp của hôm nay. **Đẹp** là một quan hệ giữa người với người xuyên qua sản phẩm của con người. Vì thế, không ai coi cảnh đẹp của tự nhiên là tác phẩm nghệ thuật: nó không có tác giả. Vì thế, vẻ đẹp có thể tồn tại vượt thời gian ngắn ngủi của đời người: con người là sinh vật duy nhất cất mồ, thờ mả, tưởng nhớ người quá cố. Vì thế, ta có thể nâng niu vẻ đẹp của một cái bát, cái đĩa vỡ vẩn của một nền văn minh khác: nó nói với ta một điều gì ta linh cảm được về con người.

Đẹp là một quan hệ giữa tác giả và độc giả, khán giả, xuyên qua tác phẩm. Nó là một khả năng của nhân giới. Khả năng ấy hiện thực khi mối quan hệ đó được cụ thể hóa qua một hiện vật do con người sáng tạo: tác phẩm. Khi tác phẩm là bản thân con người, **Đẹp** thổ lộ bản chất thuần nhân tính. Ta dễ mê nghệ sĩ trình diễn vì thế: chỉ có tiếng đàn, giọng hát, điệu múa... của họ mới có khả năng mang lại cho ta cả một nhân giới không tồn tại ở đâu cả! Nghệ thuật giống tình yêu ở điểm ấy. Nó là giấc mơ hão huyền khi nó lơ lửng trong tưởng tượng. Nó chỉ là sự "chạ chung giữa hai làn da" khi nó chỉ thể hiện bản năng sinh tồn của một loài sinh vật. Tình yêu có thực, đẹp thật, khi hai tâm hồn, xuyên qua thể xác, quyện lấy nhau.

Vì **Đẹp** là quan hệ giữa người với người nên không gian của nghệ thuật thường là không gian công cộng, không gian chung của con người, nơi con người tìm đến để gặp nhau, người đang sống, người đã chết: công trường, vườn hoa, viện bảo tàng, nhà hát, thư viện... Không gì nguy hại cho tác phẩm nghệ thuật hơn cũi, dù là cũi vàng của nhà trọc phú. Tác phẩm trở thành tác phẩm, tồn tại và tái sinh với tính cách tác phẩm khi có người xem, khi còn người tái tạo nó trong nhân giới. Câu "Truyện Kiều còn, nước Việt Nam còn" sâu sắc ở nghĩa đó.

Tới đây, có câu hỏi: quan hệ giữa người với người xuyên qua tác phẩm nghệ thuật như thế nào mà khiến ta, người Việt của thế kỷ 20, cảm xúc trước tác phẩm của người Ai cập mười mấy thế kỷ trước Công Nguyên? Marx đã từng tự đặt câu hỏi ấy: tại sao hôm nay nghệ thuật của người Hy Lạp cổ vẫn động lòng ta? Ông cho rằng: *Con người, lớn lên, vẫn nhớ thương tuổi thơ của mình, nhân loại cũng vậy*. Nghe hơi khờ khạo, nhưng có lý. Vấn đề ở đây là: làm sao ta, một cá nhân đơn thuần, nhớ nổi tuổi thơ của nhân loại? Và nhớ những gì khiến ta chung với người xưa ý niệm **Đẹp**?

Ta thừa biết, ngay trong một nền văn hóa, quan điểm **Đẹp** thay đổi qua những thời đại. Điều ta có thể có chung với người xưa không phải quan điểm ấy. Nếu người chỉ gặp người trong **Đẹp,** họ chung quan điểm về **Đẹp** thì, trên đất này, chẳng còn gì tồn tại, thế hệ sau sẽ san phẳng sản phẩm không thực dụng của thế hệ trước! Cứ coi guồng máy Đảng Cộng sản Việt Nam xử lý chùa chiền, lăng đình, cách đây không lâu, đủ khiếp. Cái ta có thể có chung với người xưa, người khác văn hóa, là **khả năng thấy đẹp**. Khả năng ấy từ đâu ra, hình thành thế nào trong ta, có thực là một thuộc tính của con người nói chung, độc lập với hoàn cảnh lịch sử, truyền thống văn hóa? Hỡi ơi, bệnh trí thức! Người đời đã trả lời từ lâu. Khi ta yêu một người khác chủng tộc, khác văn hóa, ta hồn nhiên khẳng định điều đó. Nhưng lỡ ngứa tay, làm người khác ngứa mắt, ngứa tai, ngứa miệng, phải gãi nhau tới cùng. Đó cũng là **Đẹp.**

Hình thái tồn tại duy nhất của nghệ thuật là ngôn ngữ, nghĩa rộng: ký hiệu. Đặc điểm thứ nhất của ký hiệu là nó có thực, dưới nhiều dạng khác nhau nhưng đều có thể quan sát: hình thù, âm thanh, mầu sắc... tóm lại, cũng như thân xác ta, nó thuộc thế giới vật chất. Đặc điểm thứ hai, nó "chuyên chở" một ý nghĩa đối với con người, người phát ra ký hiệu và người tiếp thu ký hiệu. Ý nghĩa đó, như tâm hồn ta, không **có** thực. Không có phương tiện, phương pháp nào cho phép ta phát hiện, xem xét, đo đếm nó. Ý nghĩa là hiện tượng tâm linh, thuần nhân tính. Nó chỉ hình thành trong quan hệ giữa người với người. Oái oăm thay, cũng như tình yêu, nó chỉ **hiện thực** xuyên qua vật chất. Nhưng vật chất, tự nó không có ý nghĩa gì cả! Đó là một đặc điểm của thân phận người: ngôn ngữ, nhờ cái xác vật chất của nó, một mặt, là nhịp cầu thực duy nhất giữa người với người, mặt khác, nó là nguồn gốc duy nhất của sự gian trá giữa người với người! Đừng mơ tưởng con người có thể có cách

khác để giao tiếp trung thực với nhau. Đôi mắt say đắm của em, hơi thở dồn dập của em, đều có thể thành thực, gian trá không thua giọng trìu mến, lời ngọt lịm toát ra từ môi em! Nói như thế có nghĩa: **Đẹp** là một hiện tượng tâm linh, một quan hệ giữa người với người chỉ hình thành xuyên qua một hiện vật, hoặc: **Đẹp** hình thành qua một hiện vật được dùng làm môi giới giữa người với người. Nó là một hiện tượng ngôn ngữ.

Ngôn ngữ là hình thái tồn tại duy nhất của tư duy. Quan trọng hơn, nó là một hình thái tồn tại vừa độc lập với người dùng nó, vừa sinh động. Nó cho phép tư duy của con người "sống" lâu hơn cuộc sống của mình, xuyên qua cuộc sống của người khác, trong nghĩa: còn người sử dụng ngôn ngữ ấy, những tâm tình, ý nghĩ đọng lại trong ngôn ngữ còn có cơ tồn tại; tất nhiên qua lăng kính của người đang sống, đó là thân phận của mọi ngôn ngữ, kể cả trong thời tác giả còn sống! Thí dụ, những dòng chữ rồng bay phượng múa của người Ai Cập cổ bắt đầu sống động, kể lại cho ta những tâm tình, suy nghĩ, lo âu của họ, bắt đầu tái sinh trong nhân giới khi Champollion bắt đầu đọc được chữ viết của họ. Trước đó chúng chỉ là những bức họa khó hiểu, vô nghĩa, tuy đẹp mắt, vì chúng là sáng tác của người xưa, như tranh thời thượng cổ trên vách đá. Thí dụ, Dương Thu Hương và Thụy Khuê hiểu nhầm nhau.

Như thế tìm hiểu nguồn gốc của nghệ thuật cũng là tìm hiểu nguồn gốc của ngôn ngữ, của tư duy.

Trong thế kỷ 20 khoa học phát triển mãnh liệt trong hai lãnh vực, bất lực nhục nhã trong một lãnh vực. Ngày nay con người hiểu quy luật vận động của vật chất tới mức có thể dùng vật lý tạo ra những nguồn năng lượng không có trên quả đất, có thể phóng phi thuyền vào vũ trụ. Con người cũng hiểu quy luật phát triển của sinh vật tới mức có thể tạo những con thú mới (chimères). Nhưng đối với quan hệ giữa người với người (chính trị, kinh tế, xã hội, tình yêu và... nghệ thuật...), khoa học thường được dùng làm lá nho che sự bất lực, và con người vẫn phải sống với chiến tranh, đàn áp, khủng hoảng, sợ hãi... Sự chênh lệch trong khả năng hiểu biết ba hình thái vận động cơ bản của tự nhiên: vật chất, sinh vật, tư duy, chỉ chấm dứt khi con người hiểu được quá trình biến vật chất phi sinh tính (matière inerte) thành sinh vật, và quá trình biến sinh vật thành người. Hai câu hỏi hóc búa ấy, khoa học chưa giải đáp được. Tuy vậy, ta vẫn có thể quan sát những tính đặc thù của ba hình thái vận động cơ bản của tự nhiên.

Tính đặc thù của vật chất, như Engels (2) đã nhận định, là: "Il n'y a pas de matière sans mouvement". Không có gì tự tại và trường tồn. Vật chất vô ngã, vô thường. Câu : mọi sự vật phát triển do mâu thuẫn nội tại của nó theo quy luật tự phủ định, có nghĩa: trong sự vận động không ngừng của vật chất, những quan hệ của vật chất với chính nó, đã sản sinh ra sự vật, cũng là những quan hệ dẫn tới sự tiêu vong của sự vật. Mọi sự vật đều phải tuân theo quy luật entropie của con Tạo. Sông sẽ cạn, núi sẽ mòn. Đó là hình thái thứ nhất của mâu thuẫn. Trong hình thái này, mọi sự vật (với tư cách là một phần và

một trạng thái tồn tại của vật chất) là toàn bộ những mối liên hệ có thời gian tính của nó với vũ trụ. Những mối liên hệ ấy sẽ phủ định hình thái tồn tại đương thời của nó, biến nó thành một sự vật khác. Khái niệm **tự** phủ định phải hiểu trong nghĩa: sự vật tự phủ định trong hình thái tồn tại của mình vì hình thái ấy là toàn bộ những mối liên hệ hình thành ra nó và những mối liên hệ ấy luôn luôn vận động (vì nó là liên hệ giữa vật chất!) khiến nó phải biến dạng. Sự vận động ấy không ngừng tiêu diệt mọi hình thái tồn tại của vật chất, đồng thời nó cũng không ngừng sản sinh những hình thái tồn tại mới. $E = Mc^2$! "Rien ne se perd, rien ne se crée" (Tòa soạn tạm dịch: *Không gì tự diệt mà cũng chẳng có gì tự sinh*) đồng nghĩa với "Tout périclite, tout meurt"! Trong câu đầu, ta nhìn 'đời' từ góc độ của vật chất'. Trong câu sau, ta nhìn tự nhiên từ quan điểm của con người. Khoa học khác văn học ở đó! Đặc điểm của quá trình tự phủ định này là nó không cần môi giới (médiation), hay nói cách trừu tượng, vật chất làm môi giới cho vật chất, mọi vật thể đều là sản phẩm của một quá trình phủ định, đều tự phủ định. "Nước có nguồn". Trong thế giới thuần vật chất, mọi sự đều có gốc có ngọn, có lý do tồn tại và tiêu vong. Trong thế giới ấy, không thể có nghệ thuật. Thượng Đế không có máu nghệ sĩ trong nghĩa đó. Nhưng người có máu nghệ sĩ, và do đó có khả năng tạo khái niệm Thượng Đế toàn hảo, toàn mỹ. Vì sao? Hạ hồi...

Theo Engels, tính đặc thù của sinh vật là: nó trao đổi vật liệu với thiên nhiên để tái tạo cơ cấu nội tại của nó, để tiếp tục tồn tại với tính chất sinh vật, tiếp tục sống. Đây là hình thái thứ hai của mâu thuẫn, khác hẳn hình thái đầu, tuy vẫn bảo tồn hình thái đầu. Trong mâu thuẫn này, vật chất tự phủ định: cuộc tồn sinh của sinh vật đồng thời là cuộc phá hủy môi trường sinh sống của nó! Hơn nữa, bản thân sinh vật, tuy tiếp tục sống, tiếp tục là chính nó, nhưng cũng đã thay đổi (gầy đi, béo ra, già thêm...). Đương nhiên, sinh vật cũng là vật chất. Không những nó ắt tiêu vong: "Poussière, tu retourneras à la poussière" (Tòa soạn tạm dịch: *Cát bụi, người hãy trở về với cát bụi*), nó còn không thể, không bao giờ **là** chính mình. Nhưng trong quan hệ này, nó đạt khả năng trở thành nó xuyên qua vật chất. Trong quan hệ này vật chất (thức ăn) trở thành môi giới (médiation) cho vật chất (sinh vật đang sống) với vật chất (sinh vật tiếp tục sống) để tái tạo một hình thái tồn tại của vật chất (sinh vật). Tóm lại, vật chất làm mối giới giữa sinh vật với sinh vật. Như thế, trong hình thái thứ hai của mâu thuẫn, sự phủ định một hình thái tồn tại đồng thời là sự khẳng định một hình thái tồn tại. Loại mâu thuẫn này khai triển đồng thời hai sự phủ định khác nhau: sinh vật phủ định môi trường sinh sống của mình để tái tạo mình (ăn để sống), đồng thời nó tự phủ định (sinh vật hiện tại + thức ăn) để trở thành nó (sinh vật tương lai). Sự phủ định đầu tiêu diệt một hình thái tồn tại (như trong mọi hiện tượng thuần vật chất), sự phủ định thứ hai tái tạo một hình thái tồn tại. Quan hệ giữa sinh vật với tự nhiên khác quan hệ giữa sự vật với sự vật ở điểm ấy. Sinh vật ăn để sống, và tính đặc thù của sống là ăn. Và... ỉa! Tính đặc thù này còn gọi là bản

năng sống (instinct de vie): bất cứ sinh vật nào cũng biết mình có thể ăn gì để sống, biết mình có thể biến thành đồ nhậu cho ai. Và đã ăn, phải ỉa. Quan điểm của Engels sâu sắc ở đó, nó kết thúc một cuộc tranh luận trang nghiêm, vớ vẩn nổi tiếng: "ăn để sống" hay "sống để ăn"?

Sinh vật còn một bản năng khác: bản năng tái tạo cuộc sống như mình ngoài mình, bản năng sinh đẻ (thú). Sinh vật giao tiếp với đồng loại để tái sinh trong tự nhiên những sinh vật cùng giống, sẽ tồn tại sau khi mình chết. Có lẽ đây là khác biệt lớn nhất giữa hai hình thái tồn tại của vật chất: chó đẻ ra chó, người đẻ ra người, nhưng chưa bao giờ có hai hòn núi ôm nhau mà đẻ ra bất cứ cái gì, kể cả chuột nhắt. Khả năng sinh sản (pouvoir de procréation) là đặc điểm của sinh vật. Vì vậy, người ta gán từ "création" cho tự nhiên hay cho Thượng Đế, nhưng dành riêng từ "procréation" cho sinh vật. Câu kinh thánh "Soyez féconds, multipliez, remplissez la terre, l'assujettissez..." (Tòa soạn tạm dịch: *Hãy trở nên phồn thực, hãy nhân nhiều lên, hãy làm đầy trái đất này, hãy sinh sôi nẩy nở hỡi con cái của ta)* xác nhận sự khác biệt cơ bản giữa sinh vật và sự vật. Bản năng sinh đẻ là nguồn gốc của bản năng tôn trọng cuộc sống của đồng loại. Lệnh của Chúa "Tu ne tueras point" nhắc nhở con người: ít nhất, phải biết cư xử với nhau như thú! "Cá đớp cá", nhưng, nói chung, loài cá đớp lẫn nhau hiếm. Có nhà văn đã từng than: so sánh người với thú là sỉ nhục thú. Ông không hiểu tính đặc thù của con người không ở bản năng sinh tồn. Nó có bản năng ấy với tư cách một con thú. Ngoài ra, nó có tính đặc thù của con người, khiến nó vừa biết giết người, không chỉ vì miếng ăn, vừa biết xây mồ, dựng mả, thờ người đã chết. Nói như thế, ông đánh giá người với "quan điểm" của một con thú! Trong thế giới thuần sinh vật, có ăn, có ỉa, có sinh, có tử, không có nghệ thuật.

Người khác thú ở khả năng tư duy. Khả năng ấy hình thành qua quá trình nào, hiện nay, ta chưa chứng minh được. Theo Trần Đức Thảo, khả năng ấy hình thành trong quan hệ giữa người với người, đồng thời và xuyên qua ngôn ngữ, hình thái tồn tại vật chất của nó. Quan hệ ấy, thời thượng cổ, là quan hệ hợp tác trong những cộng đồng nguyên thủy, do yêu cầu cùng tồn sinh (săn bắn, nhặt hái, sản xuất công cụ...). Vì ngôn ngữ nẩy sinh và phát triển trong quan hệ xã hội, ngôn ngữ và tư duy, ngay từ đầu, có tính chất xã hội, tính chất lịch sử (trong nghĩa nó là một quá trình vận động không ngừng): tác giả của nó là cộng đồng, người đã chết và người đang sống. Vì, thuở ấy, không ai tách rời cộng đồng mà sống được, mọi người phải dựa vào nhau để sống, mỗi người phải vì mọi người và mọi người phải vì mỗi người thì cộng đồng mới tồn tại được, nên khái niệm đầu tiên của con người về chính mình là: ta là ta vì ta là một bộ phận của cộng đồng, và, trong tư cách ấy, ta như mọi người; ta bằng ta vì ta bằng mọi người, tóm lại, ta là ta vì ta là người nói chung (bước đầu, trong giới hạn của cộng đồng, và sau này, qua sự trao đổi lễ vật, qua sự hợp tác giữa các cộng đồng, trong cả nhân loại). Do đó ta luôn luôn là người khác. "Je est un autre"! Đây là hình thái thứ ba của mâu thuẫn.

Trong loại mâu thuẫn này, con người, với tư cách người, trong khả năng tư duy, trở thành mình xuyên qua quan hệ của mình với đồng loại. Con người trở thành môi giới giữa người với người, giữa ta với ta. Ta phải phủ định đồng loại để trở thành ta, nhưng đồng thời ta phải phủ định chính ta để trở thành người. Nói cách khác, ta không phải một con vẹt, một máy ghi âm, ngôn ngữ ta dùng là của ta, là chính ta, nhưng nó chỉ **trở thành** ngôn ngữ nếu nó là của mọi người, là mọi người (đồng ngôn ngữ với ta). Ngược lại, ngôn ngữ chung của con người chỉ **trở thành** ngôn ngữ , chỉ hiện thực, xuyên qua cá nhân từng người. Đây là một luận điểm của Marx, Trần Đức Thảo đã làm rõ nghĩa và phát triển trong quá trình tìm tòi của ông mấy năm qua. Trong quá trình ấy, ông nêu một giả thuyết đáng chú ý vì ta có thể quan sát và kiểm nghiệm được: trong những năm tháng đầu của cuộc sống, qua quan hệ gia đình, con người lập lại quá trình hình thành tư duy của nhân loại.

Một đứa trẻ sơ sinh không khác một con thú. Miệng nó có thể tìm vú mẹ, nguồn sinh sống của nó, như mọi con thú. Tai nó có thể nhận ra nhịp tim của mẹ, nó đã quen từ thuở nó trong bụng mẹ. Điều chắc chắn, mắt nó mù, đầu nó không chứa một ngôn từ nào. Cứ nuôi nó như một con thú, không cho nó có quan hệ với người (trường hợp những trẻ bỏ hoang, được thú nuôi), quá 6 tuổi, nó trở thành thú, chỉ còn khả năng 'học' của một con khỉ hay hơn một tí. Khả năng ngôn ngữ, khả năng tư duy của con người hình thành trong tuổi thơ xuyên qua quan hệ với người khác gắn liền với sự phát triển của óc não.

Sau một hai tuần, đứa trẻ bắt đầu thấy. Mẹ nó chỉ cho nó một quả bóng. Nó học nhìn, học phân biệt một sự vật với thế giới chung quanh. Đồng thời nó học phân biệt nó với sự vật: nó **thấy** sự vật tức là nó bắt đầu linh cảm nó **không là** sự vật ấy. Có lẽ, nếu khả năng **thấy** của con người khác khả năng "thấy" của con vất, nó khác ở tính chất **cố tình** (tạm dịch từ intentionalité; định nghĩa chính xác, xin xem *Phénoménologie et Matérialisme Dialectique*) và sự cố ý ấy nẩy nở trong quan hệ giữa người với người: mẹ **chỉ** cho con một vật thể, con **nhìn theo** ngón tay của mẹ và **thấy**. Khả năng tư duy của con nở qua hành động **cố tình** của mẹ, qua cách nhìn **cố tình** của con. Rồi mẹ nói: "Quả bóng". Nhân giới bắt đầu từ đó: "Au commencement était le Verbe". Thoạt tiên có Ngôn ngữ. Và ngôn ngữ, thoạt tiên, là giả dối! Vì "quả bóng" không có thực. Hơn thế, giọng trìu mến, ấm áp của mẹ đã "lồng" vào một hình thù, một mầu sắc, một âm thanh! Hiện vật trước mắt ta **là chính nó, chỉ là nó**, một hiện vật duy nhất, có một không hai trong không gian-thời gian. Như mọi sự vật, có ngày nó sẽ tiêu vong. Còn "quả bóng", chính vì không có thực mà có cơ tồn tại 'mãi mãi', tồn tại cho tới ngày trong vũ trụ không còn ai chỉ một vật tròn tròn cho một đứa trẻ và dậy: "Quả bóng". Nghệ sĩ thường nghĩ mình sáng tác cho muôn đời. Có thể hơi chủ quan, nhưng không vô lý! Trong đời làm gì có "quả bóng"! Khoảng cách giữa hiện vật ấy và "quả bóng" là khoảng cách không gì lấp được giữa ngôn ngữ và sự vật (la distance des mots aux choses, một nội dung cơ bản của tác phẩm *Les Mots* của J.P.

Sartre). Đó là khoảng cách giữa thế giới tự nhiên (vật chất, sinh vật) và thế giới người. Khoảng cách ấy là điều kiện hình thành của tư duy, của ngôn ngữ. Nó biểu hiện tính chất **cố ý** của tư duy, tính chất **tự do** của con người. Con người, trong tính cách người, "là" khoảng cách ấy. Vì con người đồng thời là sự vật, là sinh vật, khoảng cách giữa người với người, giữa ta với ta là vô tận, không gì lấp được. Vì thế, bảo đảm một khoảng cách nào đó giữa người với người trong cuộc sống cũng là bảo vệ nhân tính của nó. Muốn xã hội thuận hoà, ít nhất, phải tôn trọng "không gian riêng" của từng người, tôn trọng tự do cá nhân. Muốn yêu nhau lâu dài, không nên quanh quẩn quanh nhau, hãy cho phép nhau được xa xa nhau một tí! Khoảng cách đó là môi trường sáng tạo của nghệ thuật: **người** nghệ sĩ không nhại thiên nhiên, nó tạo trong thiên nhiên một hình thái tồn tại vượt tự nhiên, chỉ có trong nhân giới, trong cái "không gian" rỗng tuếch, vô ngã nhưng khả thường, dĩ nhiên cho tới ngày nhân loại tiêu vong. "Không gian" kỳ ảo ấy, người đời còn gọi là **không gian của nghệ thuật**. Nó không lệ thuộc thời gian vì nó không **có** thực! Đúng hơn, người nghệ sĩ mượn tự nhiên để tái tạo và sáng tạo nhân giới, tạo điều kiện cho nhân tính của mình tồn tại vượt giới hạn sinh vật của mình, có thể dưới dạng vật chất (kiến trúc, tranh...), có thể dưới dạng "phi" vật chất (nhạc, lời nói...). Khoảng cách giữa ngôn ngữ và sự vật là điều kiện cần thiết cho sự hình thành của nghệ thuật, nhưng tự nó không đủ để nghệ thuật chào đời. Không phải bất cứ ngôn ngữ nào cũng có tính chất nghệ thuật! Nhất là ngôn ngữ ca tụng nghệ thuật!

Người mẹ chỉ một hiện vật cho con và dậy: "Quả bóng". Ký ức đứa trẻ ghi nhận một hình thù, một mầu sắc, gắn chúng với một âm thanh, tái táo một khái niệm. Nó tái tạo trong nó khả năng tư duy. Thế thôi.

Nhưng mẹ lại thủ thỉ: Đẹp quá! Thiên đường và địa ngục hình thành từ đó. Mẹ hạ ngục con từ đây. Ngưỡng của của **tội lỗi** không nằm trong quả táo của kiến thức, nó hé mở trong tình người. Đó là nguồn gốc của mọi hạnh phúc, mọi sự khốn nạn trong đời người. "Cái" đẹp kia không những không có thực, nó còn không dính dáng gì với "quả bóng", với hiện vật. Nó chỉ là giọng âu yếm của mẹ, là bàn tay ve vuốt của mẹ, là làn da ấm áp, mùi sữa của mẹ. Đúng hơn, nó là tâm hồn con hình thành **bằng** tâm hồn mẹ, chỉ bằng tâm hồn mẹ, "vật liệu" duy nhất khai sinh nó, nó là mẹ thành con, ở con. Nó là mẹ sáng tạo hồn con. (Nó cũng là một trong những nguồn sinh nhai lớn nhất của các vị psy đủ loại). Con người là một hiện thực tự tạo trong nghĩa đó, và chỉ trong nghĩa đó. "Cái" **Đẹp** ấy là Mẹ, là Ta, là Người, là Mẹ của Người. Nó là Cha, là Con, là Đức Thánh Thần. Nó là quan hệ yêu đương giữa người với người hình thành qua ngôn ngữ, qua quá trình con thú **học làm người, biến thành người**. Nó là bí ẩn, là huyền diệu của chính ta. Quá trình nghiệm sinh trong đó sự vật, cuộc sống, ý thức và tình thương đồng sanh trong ký ức của ta qua một ký hiệu là "thiên đường của tuổi thơ", ta không bao giờ quên được, và cũng chẳng bao giờ tìm lại được. Nó là giọng ru hời của thời thơ ấu,

là "câu hỏi bốn nghìn năm" của người Việt, là bình minh của nhân loại từ nghìn xưa vọng lại trong ta, đọng lại trong ta, nó là nhân tính, nhân tình, là giá trị, ý nghĩa cơ bản nhất của đời người. Nó khác tình yêu ở một điểm gốc, nó hình thành trong ta ngay trong quá trình ta trở thành ta, một con người: nó là ta, ta là nó. Lớn lên, tình yêu đôi lúc mở cho ta những nghiệm sinh tương tự. Vì thế nghệ thuật và tình yêu thích liếc nhau. Nhưng đã muộn. Ta đã nên người, đã nuôi trong mình cả một rừng già nhân cách, đã có khả năng khẳng định: sự vật là sự vật, thú là thú, người là người, khoa học là khoa học, văn là văn, em không phải là anh! Em ra đi, anh có thể "chết nửa thân người", nửa còn lại tạm đủ để sống tiếp kiếp người. "Cái" **Đẹp** kia là mẹ quyến rũ con, lôi kéo con vào một thế giới ảo, một thế giới thuần nhân tính, thế giới của tình người vô căn cứ. Yêu con, cho roi cho vọt là chuyện thuận lý! Phương pháp giáo dục ấy giúp con người bớt viễn vông, khiến nó thực tế hơn và, biết đâu, khoa học hơn? Nếu muốn con luôn luôn thực tế, khách quan, có thể vận dụng phương pháp: mỗi lần chỉ cho nó một sự vật, dậy cho nó một từ ngữ, bèn quát: đẹp quá! và táng nó một bạt tai nên thân. Chắc chắn, lớn lên, nó sẽ có óc thẩm mỹ khác người. Tình yêu vô căn cứ kia là nền tảng của **khả năng tạo giá trị** của con người, của **khả năng thấy đẹp**, của nghệ thuật. Vì nó "độc lập" với sự vật, với ngôn từ, với khái niệm, nên tính chất nghệ thuật, vẻ đẹp, giá trị của tác phẩm nghệ thuật không tùy thuộc kiến thức, các loại ngôn ngữ, vẻ hiện thực hay vẻ siêu thực của tác phẩm, không tùy thuộc truyền thống văn hóa, không lệ thuộc vật liệu, không lệ thuộc thời gian. Nó chỉ tùy thuộc khả năng lưu tình chuyển ý qua ký hiệu của nghệ sĩ.

"Đẹp quá!", qua lời thủ thỉ ấy, trong tâm hồn đang chớm nở của con, trong khoảng khắc bừng tỉnh của ý thức, có cả vũ trụ, cuộc sống, tư duy và tình người, có cả nhân loại đang tự tái tạo: có một người tặng cho người khác nhân cách của mình. Có Mẹ ở ta. Do đó con người có khả năng tạo khái niệm Thượng Đế: nó tự tạo và trường tồn tới ngày tận thế, tới ngày Thượng Đế hết là một vấn đề, tới ngày nhân loại vong thân. Do đó, ngày nay, người ta có thể không tin ở Thiên Đường, nhưng vẫn có nhu cầu tin ở Chúa.

Dĩ nhiên, ta có thể nhận xét: trong thiên nhiên, các loài thú, nhất là những loài sống đàn, cũng biết phát và tiếp thu ký hiệu. Ta có thể phân vân về mức độ khác biệt giữa những ký hiệu ấy và ký hiệu của con người. Tuy vậy, có điều chắc chắn: chỉ có người mới có khả năng tạo cho ký hiệu mình phát ra một hình thái tồn tại độc lập với thân xác mình để chuyển mình cho người khác, chỉ có nó mới có khả năng sáng tạo, tái tạo tác phẩm. Tiếng hót của con hoạ mi tiêu vong với thân xác con hoạ mi. Nó không là tác phẩm, không thể chuyển cho con hoạ mi khác. Nhạc Chopin không tiêu vong với thân xác Chopin. Nó có trạng thái tồn tại ngoài Chopin, mà người khác có thể tiếp nhận, hồi sinh: nó là ngôn ngữ, nó không bắt chước hoạ mi, hoạ mi phải bắt chước nó ta mới thấy đẹp.

Con người vừa là vật chất: nó sẽ có ngày cát bụi; vừa là sinh vật: nó sinh

ra để chết (être-pour-mourir kiểu Heidegger) và để sản sinh con người; vừa là người: qua ngôn ngữ, nó chuyền lại cho người sau bản thân nó và quá khứ thuần nhân tính của nhân loại. Nó đạt **sự thực** của nó (trong tư cách vật chất, sinh vật) khi nó sống đồng nhất với tạo hóa (identité de soi à la nature), khớp với **quy luật vận động** của vật chất, với **bản năng tồn sinh** của sinh vật (không bay từ mái nhà xuống đất, ăn những gì dạ dầy có khả năng tiêu hóa, tôn trọng sinh mạng của đồng loại...). Nó đạt **nhân tính** của nó khi nó **đồng nhất với nhân loại** (identité de soi à l'autre). Nó đạt **thẩm mỹ** khi, qua hành động, nó đạt cả hai. Do đó, tác phẩm nghệ thuật không phải thế giới duy nhất của **Đẹp**. Có thái độ, cử chỉ, lời nói, hành động... đẹp. Có cú sút của Platini đẹp không thua tranh của Van Gogh, ngắm đi ngắm lại vẫn mê hồn. Không phải tình cờ người đời hay liên hệ tình yêu với **Đẹp**. Trong đời sống hàng ngày, yêu đương thuộc loại quan hệ dễ lôi cổ ta tới ý niệm **Đẹp**. Tình yêu đẹp thật khi, xuyên qua thể xác, hai tâm hồn nhìn nhận nhau, quyện lại thành một: nó vừa có thực, vừa nồng nàn thú tính, vừa đậm nhân tính, nó là nhân tình. "Mình với ta tuy hai mà một"! Không có gì cấm cản chuyện ấy xẩy ra mỗi ngày. Nghệ thuật cũng vậy, nó là kích thước thuần nhân tính của con người, hình thành trong ta từ tuổi thơ, khi ông bà, cha mẹ, thầy cô, anh em, bè bạn, đồng loại... **dậy** ta **làm** người qua tình yêu vô căn cứ của họ.

Vì trong quá trình hình thành tư duy của ta, qua những lời bập bẹ học nói, ta tái tạo tuổi thơ của nhân loại, nên ta còn nhớ nó, còn nhớ sự liên kết giữa người với người đã tạo ra nhân giới. Tình mẫu tử thiêng liêng ở đó. Thượng Đế, hoặc không có mặt như trong đạo Hồi, hoặc, đã có mặt người, phải có Mẹ. Con người thù hận nhau thường lôi mẹ cha, tổ tiên nhau ra mạt sát: họ cảm nhận rõ nguồn gốc nhân cách của nhau. Vì thế ta có thể xiêu lòng ngắm một nét họa của người thượng cổ trên vách đá! Vì thế người **biết** giết người để bảo vệ nhân cách của mình, của đồng loại, bảo vệ nhân giới. Không phải tình cờ, xưa nay, thiên hạ vẫn nghĩ nhân tình là nội dung cơ bản của nghệ thuật.

Nghệ thuật, để làm gì ?

Chẳng để làm gì hết! Để **làm** người! Hai câu đồng nghĩa. Trong thời đại cái gì cũng có thể mua, có thể bán, có thể "xài", ai cũng khả nghi, nghệ thuật là một trong những không gian hiếm hoi của nhân cách.

TRẦN ĐẠO

---

(1) *Lênin có quan điểm nghệ thuật rõ ràng. Tuy vậy, ông không ưa giải quyết những vấn đề nghệ thuật bằng quyền lực. Xem một triển lãm tranh, ông đã từng than: phải chi có thời giờ tìm hiểu, sẽ khám phá biết bao điều làm phong phú học thuyết mác xít.*

(2) *Tuy bài này đề cập tới vài quan điểm của Marx, Engels, Trần Đức Thảo, khái niệm mâu thuẫn dùng trong bài này là khái niệm riêng, không trùng hợp với học thuyết mác xít. Ý kiến về quá trình hình thành khái niệm Đẹp cũng vậy,*

tuy nội dung chủ yếu là của Trần Đức Thảo.

Lý luận biện chứng dựa vào ba khái niệm khó hiểu của Hegel:

1. *Thể đồng nhất của tương phản* (identité des contraires).

2. *Phủ định của phủ định* (négation de la négation).

3. *Lượng biến thành chất* (transformation de la quantité en qualité).

Trần Đức Thảo có phân tích sâu sắc khái niệm 3 trong Recherches dialectiques.

Sau đây, lối hiểu riêng về hai khái niệm đầu, xin trình bầy để thảo luận.

Câu một nói lên, ở mức trừu tượng nhất, tính thống nhất, vô ngã, vô thường của vật chất: vật chất là vận động, mọi hình thái tồn tại của nó đều có ngày *biến dạng, chính vì chúng là hình thái vận động của vật chất. Một cách nói khác: chúng biến hóa do mâu thuẫn nội tại. Đương nhiên, không thể hiểu "mâu thuẫn nội tại" như một cái gì ẩn nấp trong vật thể. Bửa một cục đá, chẳng bao giờ thấy một cái gì có thể gọi là mâu thuẫn nội tại của nó. Phải hiểu: cục đá, với tư cách là một hình thái tồn tại của vật chất, sẽ có ngày thành cát. Nguồn gốc sự nhập nhằng ở đây là thói quen suy nghĩ "cụ thể", "khách quan" của ta: chữ nội tại không áp dụng cho cục đá, nó áp dụng cho toàn bộ vật chất trong sự vận động liên miên của nó, qua đó cục đá hình thành và tiêu vong. Vật chất tự nó vận động, không cần một cái búng của Đấng Thiêng Liêng; hơn thế, giả dụ có một Đấng Thiêng Liêng búng nó vận động thì, ngay sau đó, nó vận động theo quy luật của chính nó: Thượng Đế không là giả thuyết cần thiết để hiểu sự vận động của vũ trụ. Những thí dụ Engels dùng để bàn về phép biện chứng trong* Dialectique de la nature *làm ta khó chịu vì ông muốn cụ thể hóa ý tưởng của ông qua những hình ảnh thô thiển cho độc giả dễ tiếp thu. Điều này có thể hiểu được. Trong thời Engels, chưa có môn cấu trúc học (structuralisme) trong triết học. Nếu ta ý thức: cục đá là một cấu trúc vật chất lồng trong cấu trúc chung luôn luôn vận động của toàn bộ vật chất thì ta thấy đương nhiên nó phải thành cát bụi vì: a/ nó không tồn tại độc lập với tổng thể vật chất, b/ cấu trúc riêng của nó quy định tương lai nó: cát bụi. Đặc điểm của quan hệ tự phủ định của vật chất là: những vật thể phủ định lẫn nhau để cùng biến dạng. Trong quan hệ này, khái niệm môi giới không cần thiết, thậm chí vô lý. Trong quan hệ này, hoặc không có phủ định của phủ định, hoặc mọi phủ định đều là phủ định của phủ định, chẳng có gì khác nhau khiến ta phải tạo một khái niệm riêng. Có đặc biệt chăng là sự phủ định đầu tiên, khai sinh vũ trụ. Nhưng chuyện ấy còn là giả thuyết.*

Khi xem xét tự nhiên ở mức trừu tượng nhất, không phân biệt sự vật, sinh vật, người, hay nói cách khác, chỉ xem xét người và sinh vật trong tính vật chất của chúng, những khái niệm "tự phủ định", "môi giới", "phủ định của phủ định", "phủ định thứ nhất", "phủ định thứ hai", "phủ định thứ ba" và "phủ định thứ tư" của Hegel vô cùng khó hiểu và nan giải.

Khi ta chú ý tới sự khác biệt giữa thế giới sinh vật và thế giới thuần vật chất, ta phát hiện tính đặc thù của sự vận động trong thế giới sinh vật. Trong thế giới

này, quá trình tự phủ định bao hàm hai hình thái. Hình thái thứ nhất xác nhận tính vật chất của sinh vật: một vật thể phủ định một vật thể khác để cả hai đều biến dạng. Quá trình này còn được gọi là mâu thuẫn ngoại tại (tạm dịch từ contradiction externe*), thể hiện quan hệ giữa sinh vật với thế giới chung quanh, nhìn từ "góc độ" của sinh vật (đương nhiên, từ "góc độ" của vật chất, nó là mâu thuẫn nội tại). Quan hệ này, như mọi quan hệ trong thế giới vật chất, là quan hệ hủy diệt. Hình thái thứ hai thể hiện tính đặc thù của sinh vật: nó tự phủ định, xuyên qua quan hệ của nó với vật chất, để tái tạo chính nó. Nó trở thành nó xuyên qua vật chất. Trong hình thái này,* những khái niệm **môi giới** và **phủ định của phủ định** *gắn liền với khái niệm tự phủ định, không có gì khó hiểu: trong tư cách sinh vật, nồi cơm là môi giới giữa ta và ta, ta phủ định nồi cơm để trở thành ta, đồng thời ta phủ định thằng đói để trở thành thằng no! Rồi ta ỉa: ta phủ định thằng no để trở thành thằng đói. Hình thái thứ hai của quá trình tự phủ định còn gọi là mâu thuẫn nội tại (contradiction interne). Mao Trạch Đông đã biến những khái niệm này thành "mâu thuẫn đối kháng" (phải dẫn đến tiêu diệt nhau) và mâu thuẫn nội bộ (không đối kháng, có thể dàn xếp với nhau). Triết học của ông "phản ánh quy luật" sinh tồn của thế giới sinh vật. Đây cũng là nền tảng triết học của nhiều trường phái "khoa học" nhân văn hiện nay. Ngày nay, kinh tế là thần tượng của chính trị vì vậy. Cũng vì vậy, công dân bắt đầu có khuynh hướng khinh chính khách và trí thức, nhưng vẫn quý trọng nghệ sĩ. Xưa nghệ sĩ hay ăn bám quyền lực, nay chính khách thích ve vuốt nghệ sĩ. Dễ hiểu: tả và hữu, họ đều là học trò tồi của Marx.*

Khi ta chú ý tới sự khác biệt giữa thế giới sinh vật và thế giới người, ta phát hiện tính đặc thù của sự vận động trong nhân giới. Trong thế giới này (thế giới của tư duy, của ngôn ngữ), quá trình tự phủ định của tự nhiên bao hàm thêm một hình thái. Trong hình thái thứ ba này, chính con người làm môi giới cho con người, con người trở thành người xuyên qua quan hệ với người khác. Không những nó phải không ngừng trở thành nó, xuyên qua tự nhiên, như mọi sinh vật, nó còn phải không ngừng trở thành người, xuyên qua nhân loại. Nó **trở thành** *người vì nó* **là** *nhân loại, và nhân loại trở thành nhân loại xuyên qua cá nhân nó. Ngoài quan hệ ấy, chỉ có một bầy thú. Mâu thuẫn ấy là "không gian" vận động của kiến thức, khoa học, văn học, nghệ thuật, giá trị... Sông sẽ cạn, núi sẽ mòn. Nhưng "lời thề khắc sâu vào xương tủy", "nỗi đau nhân tính", "2 + 2 = 4", "E=Mc²", có thể "tồn tại" cho tới ngày loài người vong mạng. Khi ta rung cảm trước cánh chim lạc khắc trên trống đồng, khi ta buột miệng nói "Con dại, cái mang", ta khẳng định điều ấy. Mẹ ơi, sao nỡ dậy con chữ* **Đẹp!**



PHAN TẤN HẢI

dân tộc chúng tôi có đâu là thảo mộc

Dưới đây là vài suy nghĩ về bài "*Ánh Trăng*, Tập Truyện Ngắn Được Giải Cuộc Thi Báo *Văn Nghệ* 1991" của Mai Kim Ngọc, đăng trên *Văn Học* số 79, tháng 11-92. Hy vọng rằng những suy nghĩ này có thể góp thêm một cách nhìn về giải thi trên, và phần nào về văn học trong nước.

Giới hạn

Tất nhiên bài viết này cũng sẽ có những chủ quan không thể tránh khỏi do không thể theo dõi trọn vẹn các tiến trình văn học và xã hội trong nước, và do vị trí của người viết, điều mà người cầm bút hải ngoại nào cũng có thể gặp phải. Đồng thời chúng ta cũng có thể nhìn thấy ngay chính người trong nước khi nêu lên những vấn đề tương tự cũng gặp những hạn chế do hoàn cảnh riêng, điều kiện để phổ biến và áp lực xung quanh. Trong bài này sẽ cố gắng giảm trừ các giới hạn tới mức tối đa có thể được, để tìm cách phân biệt giữa những sự kiện, lượng định thông tin, giả thuyết, suy luận và đánh giá.

Những giới hạn này đều có thể gặp dễ dàng do thiên kiến, do lựa chọn một vị trí phải bênh vực hay chống đối, hoặc do nhầm lẫn giữa lòng tự hào về các lằn ranh chính thống với tự ái cá nhân... Điều này đã xảy ra cho nhiều bài viết từ trong hay ngoài nước, từ kẻ được chỉ thị "lãnh đạo" văn nghệ trong nước cho tới những người muốn truy nhận nhiệm vụ "lãnh đạo" văn nghệ ngoài nước. Bài này viết với một ước muốn là những giới hạn đó cần lui vào bóng tối. Ở đây chúng ta không cần thiên kiến hay lằn ranh nào, nhưng chỉ

cần tìm hiểu đúng và đánh giá đúng.

Thái độ phải là việc đến sau, là một lựa chọn giữa lợi và hại, dựa trên quyền lợi cá nhân (có những người thích điều này) hoặc dân tộc (như HL khi nhận nhiệm vụ làm diễn đàn cho những người cầm bút cấp tiến trong và ngoài nước); nhưng lương thiện là một yêu cầu trí thức, là một tìm hiểu và lượng định đúng và sai. Bài này là một nỗ lực nhận định lương thiện về một số ý kiến của ông MKN. Mặc dù có thể bị hiểu lầm thêm vì sự gán ghép lâu nay của vòng tròn văn học quanh MKN về *Hợp Lưu* là tạp chí *văn học hướng nội* (chữ để mỉa mai nhưng cũng thật khôi hài và tội nghiệp cho mức độ thiếu chữ của những người sử dụng), hoặc một vài chữ dùng nặng nề hơn, ở đây sẽ gạn lọc tìm những sự thật có thể gạn lọc được.

Để trung thực, chúng tôi sẽ trích dẫn nguyên văn những chỗ cần thiết của ông MKN hoặc vài người liên hệ tới vấn đề.

Nội dung bài viết của ông MKN

Bài ông MKN dài 12 trang báo VH, chia làm nhiều phần với tiểu đề. Nội dung chính phê bình truyện "Kẻ Sát Nhân Lương Thiện" của Lại Văn Long, giải nhất cuộc thi truyện ngắn năm 1991 của báo *Văn Nghệ*, nhân đây và dựa trên nhiều yếu tố khác để lượng định về văn học trong nước.

Trong phần "Tổng Quan", ông MKN viết,

"Nhưng chỉ vài năm gần đây, một vài ấn phẩm quốc nội đã lọt ra nước ngoài với phẩm chất nghệ thuật cao hơn trước, lại tương đối độc lập với chính quyền, làm ta liên tưởng đến phong trào *đổi mới* của Đông Âu...

"Phản ứng dù khen hay chê, đều rất mãnh liệt. Có người thấy đây là tiếng nói tự do đầu tiên thoát lên từ kìm kẹp, một nền văn học phản kháng, tuy sự phản kháng còn giới hạn trong việc phê phán cá nhân một vài mẫu cán bộ hay lên án một cách cục bộ một vài chính sách riêng rẽ. Thậm chí có người hăng say tuyên bố là chỉ có văn sĩ quốc nội mới biết viết, và phải sống tại quốc nội mới có thể sáng tác một cách nghiêm chỉnh.

"Ngược lại, nhiều người khác chỉ thấy dối trá trong việc các nhà văn quốc nội chống đối chính quyền, và có bàn tay Cộng sản trong phong trào văn nghệ phản kháng giả vờ này. Sự tranh luận đã, đang, và sẽ còn tốn nhiều giấy mực."

Xuống đoạn khác, ông MKN viết:

"Nhưng niềm vui mừng ấy vẫn vấn nét lo âu. Không lo sao được khi nỗi vui của ta dựa trên những căn bản bấp bênh. Nó đòi hỏi ta tin rằng như một ngoại lệ, văn học vẫn tốt đẹp mặc dầu xã hội xung quanh thoái hóa đến mức nguy hiểm trong mọi lãnh vực, từ giáo dục, y tế, kinh tế, hành chánh... cho đến đạo lý.

"... Và ta ghi nhận trong buổi ban đầu hăng say với diện chính trị của vấn đề, ta chỉ thắc mắc là các tác giả quốc nội có thật sự phản kháng chính quyền

Cộng sản hay không. Ta chưa nghiêm chỉnh phân tích giá trị nghệ thuật của họ.

"Vậy mà văn học quốc nội hay hay dở là một câu hỏi quan trọng, ngay trên bình diện chính trị. Quả thật, một tác phẩm dở, dù có hợp với chính kiến của ta, cũng không đóng góp cho lý tưởng tự do dân chủ nhiều hơn là một mớ khẩu hiệu thô bạo nhất thời. Còn nếu văn học quốc nội đã thật sự hay, thì đó là điều đáng mừng cho đất nước đã bắt đầu phục hồi sau nửa thế kỷ áp đặt của văn chương minh họa Cộng sản."

Tiếp theo, ông MKN trình bày sơ lược về giải thưởng và trích một số ý kiến của ông Hữu Thỉnh, Trưởng Ban Chung Khảo. Khi nói về giải nhất, ông MKN tóm tắt nội dung truyện ngắn "Kẻ Sát Nhân Lương Thiện" của Lại Văn Long. Theo ông, "Tôi ngỡ ngàng với trình độ kỹ thuật và nghệ thuật của tác giả. Và tôi vô cùng bận tâm với quan niệm công lý và đạo lý của ông."

Chi tiết hơn, ông MKN trong phần "Khuyết Điểm Kỹ Thuật" nhận thấy Lại Văn Long có "những thiếu sót khó bỏ qua... thiếu cẩn trọng trong ngữ vựng và văn phạm... hành văn bừa bãi... Chấm câu luộm thuộm... sai lầm trầm trọng về ngày tháng."

Tới phần "Khuyết Điểm Nghệ Thuật", ông MKN nhận thấy Lại Văn Long đã "dùng thể văn luận đề một cách cực đoan. Luận đề của 'Kẻ Sát Nhân Lương Thiện' là chuyện bất công truyền kiếp (con Vua, con Sãi chùa), và tự tay cầm súng giết người để chấm dứt sự bất công truyền kiếp ấy là hoàn toàn lương thiện (ác giả ác báo)." Cuối phần này, ông MKN cho là truyện đã thành "một quái thai kịch cỡm."

Trong phần "Đạo Lý và Công Lý", ông MKN viết, "Tác giả cho chỉ có người giầu mới có tội lỗi, và người giầu phải lãnh hết tội lỗi của thế gian. Hắn bỏ học đi ngoại quốc làm lao công lại không chịu dành giụm để trở về nước tay trắng, chuyện đó là tại lỗi tư bản họ Lâm. Không có nghề chuyên môn, phải đi cắt cỏ, chuyện đó cũng tại họ Lâm nốt." Ông MKN khám phá, "Tác giả sẵn sàng giẫm lên đạo lý làm người, tự tay chấp pháp, quên rằng giết người vô tội vạ là cái vô luân tối thượng."

Ông MKN lại trích dẫn một số lời phê của Ban Giám Khảo về truyện này với lời dẫn, "Nhưng điều quái dị đáng bận tâm là một tác phẩm như vậy lại được một tờ báo văn học lớn trao giải nhất." Ông thấy chính Ban Giám Khảo cũng có "những sơ suất quá nặng về văn phạm ngữ vựng." Từ đó, MKN phê, "Cách thưởng lãm của các vị phản ảnh một nền văn học cổ hủ và kỳ dị, cái nền văn học mà Cộng sản quốc gia hay quốc tế đặt cho cái tên mỹ miều là 'Nghệ Thuật Vị Nhân Sinh', với ba chữ 'Vị Nhân Sinh' có nghĩa là vị tất cả những gì tiện lợi cho Đảng. Và viết văn khẩu hiệu phụng sự cái 'Vị Nhân Sinh' kiểu cách mạng vô sản ấy được gọi là 'dấn thân', nửa thế kỷ trước."

Ông MKN tiếp tục phê phán văn học quốc nội hiện nay, "Xưa là đen thì nay là trắng... Xưa khổ hạnh thì nay trác táng dâm ô. Sự đổi mới trong văn học quốc nội đơn giản và thô thiển, đầy đủ 180 độ cực đoan, và hôm nay là

âm bản của hôm qua. Cứ thế, văn chương phản kháng của hiện tại sau cùng lại giống hệt văn chương minh họa của quá khứ, như âm bản giống dương bản của cùng một tấm ảnh."

Tiếp theo, ông MKN nhắc đến Nguyễn Huy Thiệp và thấy NHT đã làm người đọc thất vọng với truyện dự thi, "Sang Sông".

Ông MKN trở lại lần nữa phê bình Ban Giám Khảo và đưa giả thuyết, "Có thể tập quán phân chia ta và địch từ thời chiến tranh, đã làm cho quý vị không quen nhìn câu chuyện từ nhiều phía một lúc, nhất là từ phía những người tuy cùng máu mủ nhưng vẫn xa lạ với quý vị. Nếu *ta* cuồng sát thì *ta* là kẻ sát nhân lương thiện, *địch* có chết oan là điều không cần nghĩ tới. Mười bảy năm thống nhất rồi, các vị vẫn chỉ viết cho một nửa dân tộc, hay cho một vài triệu hội viên kiêu hãnh của cái hội chọn lọc gồm những người đã dự phần vào cuộc xẻ Trường Sơn vào Nam đánh phá... Quý vị hiếm hoi đề cập đến người miền Nam cũ trong tác phẩm của quý vị. Mà những trường hợp hiếm hoi ấy, quý vị không bỏ thì giờ để tìm hiểu họ, và quý vị mô tả họ như những người không ra người, xa lạ như từ Hỏa Tinh rơi xuống, thậm chí như những hình nộm minh họa cho cái xấu tập thể của địch. Tha hóa đối phương, chối bỏ nhân tính của địch để khỏi phải ray rứt lương tâm khi đối xử tệ bạc hay bắn giết họ là một phương thức tiện lợi đã có người dùng trong quá khứ. Đức Quốc Xã đã làm vậy với người Do Thái..." MKN lại ghi nhận vài ngoại lệ, trong đó ông nêu tên Nguyễn Minh Châu "với lòng cảm mến."

Trong phần "Vài Cảm Nghĩ", MKN nhìn thấy tình hình văn học trong nước suy sụp và ước mơ "chỉ là giai đoạn rất ngắn của văn học đất nước. Như những diện khác, văn chương nước tôi sẽ phục hồi."

Tóm tắt ý ông MKN

Có thể tóm tắt ý ông MKN như sau:

(1) Văn học trong nước là "Văn Học Vị Nhân Sinh," kiểu tiện lợi cho Đảng, văn khẩu hiệu, văn dấn thân.

(2) Văn học trong nước viết cho một nửa dân tộc, hay cho vài triệu hội viên kiêu hãnh... hiếm đề cập tới người miền Nam cũ, và khi đề cập thì coi họ như những người không ra người...

(3) Người hải ngoại khi nhìn văn học trong nước chỉ chú ý mặt phản kháng và chưa chú tâm đến tính nghệ thuật.

(4) Thậm chí có người hải ngoại tuyên bố chỉ văn sĩ quốc nội mới biết viết, và phải sống tại quốc nội mới sáng tác được nghiêm chỉnh.

(5) Văn chương phản kháng của hiện tại lại giống hệt văn chương minh họa của quá khứ, như âm bản giống dương bản của cùng tấm ảnh.

(6) Ban Giám Khảo và chính Lại Văn Long viết sai văn phạm, ngữ pháp (Riêng điều này thì tôi đồng ý với MKN).

(7) "Kẻ Sát Nhân Lương Thiện" là truyện luận đề cực đoan. Luận đề này

là, để chống bất công truyền kiếp nhân vật chính tự tay bắn giết người để chấm dứt bất công.

(8) Đạo lý của truyện này là, người giầu mới có tội. MKN viết, "Không có nghề chuyên môn, phải đi cắt cỏ, chuyện đó cũng tại họ Lâm nốt."

Chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu xem những kết luận trên của ông MKN có thật sự chính xác hay không.

Vấn đề văn học vị nhân sinh, hiện thực xã hội và dấn thân

Chúng ta có thể thấy ngay, cách ông MKN gọi mặt chỉ tên nền văn học Cộng sản chưa chính xác. Người Cộng sản tự gọi nền văn học của họ là Chủ Nghĩa Văn Học Hiện Thực Xã Hội. Hai khái niệm Văn Học Vị Nhân Sinh và Văn Học Hiện Thực Xã Hội không thể đồng hóa nhau một cách dễ dãi được. Sự mù mờ của ông MKN thực sự đáng ngạc nhiên vì bất kỳ người nghiên cứu văn học nào nghiêm chỉnh đều dễ dàng phân biệt được ba khái niệm khác nhau: văn học vị nhân sinh, văn học hiện thực xã hội và văn học dấn thân.

Cuộc tranh luận về vấn đề Văn Học Vị Nghệ Thuật và Văn Học Vị Nhân Sinh bắt đầu ở Việt Nam từ thập niên 40 trở đi. Nhưng một số người đồng hóa Văn Học Vị Nhân Sinh với văn học Cộng sản vì nhiều người bênh vực cho Văn Học Vị Nhân Sinh đã trở nên những người Cộng sản, như Đặng Thai Mai, Thiếu Sơn... Đối với quốc tế, điều này không đúng; và ngay tự thân vấn đề cũng đã là một sai lầm to lớn. Điều ngạc nhiên là ông MKN đã không thấy được có những người bênh vực văn học vị nhân sinh nhưng không hề là cộng sản.

Đối với thế giới, cuộc tranh luận trên thật sự không mang màu sắc gì của Cộng sản.

Riêng trường hợp nước Đức Quốc Xã, những người ủng hộ Văn Học Vị Nhân Sinh lại là những người dân tộc cực đoan và chống Cộng tích cực. Năm 1933, Kandinsky và nhiều họa sĩ trừu tượng khác phải rời Đức để qua Paris vì Đảng Đức Quốc Xã bắt đầu giương cao lá cờ Văn Học Vị Nhân Sinh. Gabo rời Đức từ 1932. Người ta không có quyền viết hoặc vẽ những điều gọi là thuần túy nghệ thuật nữa. Văn học và nghệ thuật phải là của đám đông. Chữ "Nhân Sinh" được hiểu theo những nghĩa cụ thể nhất, là Đảng Quốc Xã, là dân tộc Đức. Khi nước Đức tiến hành cuộc chiến tranh thế giới thì dễ hiểu, văn học vị nhân sinh của Đức phải chống với Văn Học Hiện Thực Xã Hội (cũng một loại văn học vị nhân sinh) của Liên Bang Sô Viết. Chắc chắn rằng những thanh niên quốc xã Đức, khi nhân danh nền văn học vị nhân sinh, ném đá vào nhà Kandinsky không phải là Cộng sản.

Chúng ta cũng không cần kể thêm về nước Ý phát xít khi chủ nghĩa Vị Lai (Futurism) trong văn học và hội họa bị biến hình để giải thích cho chế độ. Và cái "vị nhân sinh" này lại hoàn toàn chống với chủ nghĩa Cộng sản.

Đi ngược thêm dòng thời gian, sau khi Đảng Cộng Sản Sô Viết chuẩn bị thiết lập một dòng văn học ở Nga, mệnh danh là Hiện Thực Xã Hội, năm 1923 Gabo bỏ Nga sang Đức ở, và Pevsner bỏ Nga qua Pháp. Đây mới thật là văn học Cộng sản (chữ văn học cộng sản thực sự vẫn còn mơ hồ), với quyền lực trong tay những người Bôn Sê Vích (Bolsheviks). Những định nghĩa về văn học Hiện Thực Xã Hội được đề ra rất cụ thể từ 1932 qua nghị quyết của Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Sô Viết với các tính Đảng, tính chiến đấu, tính quần chúng và tính nghệ thuật (Điều này còn được thay đổi chút ít ở các nước Cộng sản khác, đặc biệt là đưa thêm khái niệm tính dân tộc vào để cho có vẻ linh động sáng tạo). Và dưới thời Stalin, văn học Liên Sô mới hoàn toàn mặc đồng phục được, một phần vì bản chất chuyên chính của chế độ, và phần vì muốn làm thành trì chuyên nhất của thế giới cộng sản. Năm 1934, Đại Hội Nhà Văn Sô Viết lần thứ nhất được triệu tập. Thói quen "nhất trí" của tập thể trí thức hình thành sau khi nhìn thấy hàng loạt cuộc thanh trừng dữ dội. Khái niệm "nhân sinh" trong văn học Cộng sản đã xa dần nghĩa ban đầu của các cuộc tranh luận, nhất là khi khái niệm Đảng và Chủ Nghĩa Xã Hội được đưa lên hàng đầu. Với Maxim Gorky, và nhất là với Vladimir Mayakovsky, văn học vẫn không hoàn toàn mang tính hiện thực (realism) mà là nhiều tính lãng mạn cách mạng (revolutionary romanticism) hơn. Và ngay chính giữa những người gần nhau trong khuynh hướng văn học vị nhân sinh cũng hiện ra những khoảng cách thật xa trong những phương thức đối trị các vấn đề xã hội, chiến tranh và cách mạng, cụ thể như cuộc tranh luận giữa Lev Tolstoy và Maxim Gorky (Theo Helen Muchnic, trong *From Gorky to Pasternak*, Random House, 1961, các trang 10-15). Tolstoy đề cao bất bạo động và tin vào sự trong sạch hóa bản thân từng cá nhân sẽ trong sạch hóa được xã hội, nhưng Gorky trong "Thư Ngỏ Gửi Ngài Tolstoy" đã phi bác các quan điểm trên và quy tội về giới cầm quyền đương thời, lúc bấy giờ là năm 1905, giai đoạn sắp xảy ra cách mạng tư sản.

Như vậy, văn học vị nhân sinh đã không có gì thuần nhất, huống gì ông MKN lại gộp chung một giỏ với các khuynh hướng khác.

Nếu ông MKN bỏ cách nói về "văn học vị nhân sinh" để dùng gọn là "văn học cộng sản" thì cũng may ra gần đúng hơn. Ở đây, ông lại móc thêm vào "văn học dấn thân," thật sự là đáng kinh ngạc về mớ kiến thức này, hoặc là cách bóp méo lịch sử văn học thế giới, coi thường trình độ độc giả tờ *Văn Học*.

Thực sự không có cái gì gọi là văn học dấn thân trong lịch sử văn học thế giới cả, cho dù người ta vẫn có thể sử dụng cách gọi này cho một số tác phẩm. Trong khi khái niệm "vị nhân sinh" mang nhiều tính xã hội, như một thái độ mỹ học về đời sống và nghệ thuật — câu hỏi đầu tiên của khái niệm này là, nhìn đời sống như nghệ thuật hay phải nhìn nghệ thuật như đời sống (seeing life as art or seeing art as life) — chưa phải hoặc không cần thiết phải là một chủ nghĩa văn học, thì "văn học hiện thực xã hội" là một chủ nghĩa văn học

được định nghĩa minh bạch trong các nghị quyết, chỉ thị của các đảng cộng sản.

Văn học dấn thân không có liên hệ gì với hai khái niệm vừa nói, bởi vì khái niệm dấn thân (engagé) được truy nhận từ triết lý hiện sinh vô thần của Sartre, thâm cảm tính *phi lý* của đời sống và chọn một tránh nhiệm đạo đức tích cực, tức *dấn thân*, để hình thành nhân cách mỗi người (đầu tiên được dùng trong *The Flies,* và khai triển sâu hơn trong *Being and Nothingness,* cùng xuất bản năm 1943). Đồng thời và trên một hình thái khác của triết lý hiện sinh vô thần, Camus đẩy mạnh tính bi kịch trong đời sống, cũng truy nhận một đạo đức tích cực vào đời và phản kháng, một cách triết lý, nhưng vẫn nhận thức được sự *vô ích* của nó, như thái độ của các thần Sisyphus và Prometheus, trong *The Myth of Sisyphus* và tiếp theo là *The Rebel.* Và cũng không phải là một chủ nghĩa văn học nào cả.

Văn học hiện thực xã hội phủ nhận những truy nhận triết lý cá nhân như vậy, kể cả tính phi lý, bi kịch, và phản kháng đầy hương vị hiện sinh đó. Truyện của Lại Văn Long cũng không hề "thần hóa" hoặc "triết hóa" con người tới mức như vậy.

Ông MKN viết, "Chuyện 'dấn thân' viết văn khẩu hiệu — tuy từ lâu đã bị phủ nhận bởi chính những triết gia hay văn nhân sinh thành ra nó (như Gide hay Sartre)..." Văn học dấn thân nào viết văn khẩu hiệu, đây là điều cần hỏi ông MKN. Và ông Gide nào sinh thành ra văn học dấn thân? Không có ông Gide nào ở đây cả, nếu ông MKN muốn nói là ông André Gide. Và ai, trong những người sinh thành ra nó, đã phủ nhận văn học dấn thân? Câu trả lời là không một ai viết văn khẩu hiệu (một thứ thực dụng chủ nghĩa thô thiển) có thể viết nổi văn dấn thân cả. Và không một người sinh thành nào phủ nhận văn học (đúng phải là một thái độ hiện sinh) dấn thân cả. Họ chỉ từ chối chủ nghĩa Cộng sản sau khi nhìn rõ chế độ Stalin, và qua đó phủ nhận phương pháp văn học hiện thực xã hội.

Nếu chi tiết hơn, chúng ta còn thấy nền văn học vô sản (proletarian literature) cũng vẫn còn khác với chủ nghĩa văn học hiện thực xã hội (socialist realism). Nhưng đây lại là vấn đề khác, không trong phạm vi bài này, và ông MKN cũng có thể tìm đọc ở bất cứ thư viện nào trên nước Hoa Kỳ.

Chúng ta có thể kết luận rằng văn học trong nước hiện nay không phải là văn học dấn thân, như ông MKN đã gán ghép khi gộp chung các trào lưu vào một giỏ.

Văn học trong nước có còn là văn học hiện thực xã hội không? Và có nên lấy một truyện ngắn, một tác phẩm, hoặc ngay cả sự nghiệp của một tác giả để quy chụp cho văn học cả nước không?

Điều chúng ta phiền nhất khi đọc ông MKN là việc lấy một truyện ngắn trong nước, dù là giải nhất của một giải truyện ngắn, để phóng lớn như một mẫu đồng nhất cho văn học cả nước (Ông chỉ loại trừ có mỗi ông Nguyễn Minh Châu). Hiển nhiên, không ai tin rằng có một tác giả nào làm được vai

trò đó. Cũng hiển nhiên như khi chúng ta lấy Giải Văn Học Toàn Quốc trước 1975 ở miền Nam, dù là tác phẩm của những người từng được trao giải như các ông Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác, Trang Châu, Viên Linh để làm một đánh giá cho văn học cả nước. Phiền nhất khi buộc chúng ta phải lý luận về những điều quá hiển nhiên như vậy. Làm thế nào chúng ta đọc Lâm Tường Dũ và buộc chung một giỏ với ông Mai Kim Ngọc được. Chắc chắn là cả hai ông sẽ cùng lên tiếng phản đối. Khả năng khái quát hóa đó chỉ có phần tương đối, nhưng phiền là ông MKN đã viết với những khẳng định tuyệt đối.

Một giải thưởng chỉ thể hiện quan điểm của một Ban giám khảo. Quan điểm này đúng hay sai, hợp lý hay không, có bị ảnh hưởng của Thành Ủy hay không, còn là điều để thảo luận. Ở đây chúng ta lại không có trong tay thang điểm đánh giá của Ban giám khảo, để có thể biết chính xác những tiêu chuẩn lượng định và qua đó có thể hiểu được rõ hơn yêu cầu của giải thưởng. Tuy nhiên trong một chừng mực, bất kể người đánh giá hay người viết thuộc khuynh hướng hoặc chủ nghĩa văn học nào, ta có thể ức đoán hai tiêu chuẩn lượng định chính phải là tính tư tưởng và tính nghệ thuật, mặc dù người ta có thể giải thích hai đặc tính này theo những cách khác hẳn nhau.

Để cụ thể thảo luận được rằng truyện "Kẻ Sát Nhân Lương Thiện" có phải là văn học hiện thực xã hội hay không, chúng ta có thể dựa trên những đặc tính đã được quy định cho nền văn học này. Trước hết và chủ yếu là, tính Đảng không có. Chúng ta không tìm thấy một cán bộ Đảng nào kiểu "minh họa" hoặc "sử thi" trong truyện. Và cũng không có một điển hình "anh hùng cách mạng" hay "anh hùng lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội" nào cả. Người đại tá già cắt cỏ cho nhà họ Lâm không phải là một điển hình tốt cho khẩu hiệu, "Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ." Đây chỉ là một người tham dự kháng chiến với ước mơ đổi đời và về già chịu chung một số phận hẩm hiu với nhiều người trước những chuyển mình của một đất nước đang tìm cách dứt bỏ quá khứ xã hội chủ nghĩa. Sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam đã xô ông già đại tá Việt Cộng vào chuồng ngựa ở. Người Chánh Án, kẻ đại diện cho nhà nước (hoặc Đảng), nói chuyện với can phạm ở cuối truyện cũng không điển hình cho một mẫu "đấu tranh giai cấp" tí nào khi hỏi những câu như:

"Lúc đó anh say rượu?"

hoặc:

"Anh có hối hận vì tội lỗi ghê gớm đó không?"

hoặc:

"Anh có thể trở thành một người lương thiện được không?"

Đảng Cộng Sản trong truyện đã trở thành một liên minh tốt với tư sản nước ngoài và những Việt kiều về nước đầu tư. Nếu muốn xếp loại truyện thì chỉ có thể gọi đây là một thứ chủ nghĩa hiện thực thuần túy, hoặc hiện thực phê phán (critical realism, một trường phái đầu thế kỷ 20). Khi lột bỏ tính

Đảng và tính giai cấp, mà chỉ giữ những phương pháp viết cũ — như Lại Văn Long — thì đây là bước lùi về thời gian nếu nhìn lịch sử văn học như đường thẳng, nhưng là một bước tiến về nhận thức chính trị nếu nhìn đây như một giai đoạn thoát xác khỏi cái vỏ văn học hiện thực xã hội. Tại sao MKN cố ý không nhìn thấy điều sơ đẳng này?

Viết cho một nửa dân tộc?

Theo ông MKN, qua đánh giá Lại Văn Long và Ban Giám Khảo thì các nhà văn trong nước là những người đang viết cho một nửa dân tộc, hiếm hoi đề cập đến người miền Nam cũ, và khi đề cập tới thì nhìn họ như người không ra người. Điều đó có đúng không, ở đây tôi muốn hỏi tất cả những người có theo dõi văn học quốc nội.

Tại sao ông MKN không chịu đọc những truyện ngắn quốc nội được đăng trên *Hợp Lưu* hoặc các báo trong nước như *Sông Hương, Văn Học và Dư Luận, Cửa Việt,* vân vân?

Còn những người viết miền Nam cũ đang có sách in ở trong nước hoặc đang tiếp tục cầm bút như Lệ Hằng (đã ra khỏi nước), Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Võ Hồng, Hoàng Ngọc Tuấn, Trần Phong Giao, Trần Thị Ngh., ... có thật là đang viết cho một nửa miền Bắc hay không? Sao ông MKN đánh giá người khác tệ như vậy? Xin ông ghi tên một tác phẩm điển hình ra đây.

Hỏi thêm, ngay chính những người thiên Cộng hoặc là Cộng sản như Vũ Hạnh, Sơn Nam, Cung Tích Biền hoặc Hoàng Phủ Ngọc Tường có thật là đang "viết cho nửa dân tộc, hay cho một vài triệu hội viên kiêu hãnh của cái hội chọn lọc gồm những người đã dự phần vào cuộc xẻ Trường Sơn vào Nam đánh phá... và nhìn người miền Nam cũ như nửa người nửa ngợm" hay không? Sao ông MKN có thể bịa đặt những điều như vậy? Ông đánh giá người đọc của tờ *Văn Học* thế nào mà viết như vậy? Những người này viết hoặc đã viết với ít hoặc nhiều cảm tình cho cuộc kháng chiến chống Hoa Kỳ và miền Nam, nhưng những dòng chữ của họ chưa tới mức hoặc không bóp méo hình ảnh người miền Nam cũ như vậy. Trong khi đó, riêng truyện của Cung Tích Biền liên tục xuất hiện trên tờ *Hợp Lưu* và người hải ngoại đã có cơ hội nhìn được phần nào văn học trong nước qua một người miền Nam cũ.

Thêm một câu hỏi, bộ trường thiên *Sông Côn Mùa Lũ* của ông Nguyễn Mộng Giác, người chủ bút tờ *Văn Học* mà ông MKN đang tích cực cộng tác, nếu không bị từ chối in mặc dù có nhận sự trợ giúp cho tác giả hoàn thành bản thảo, thì bộ này đã thuộc về văn học quốc nội rồi, và có phải đây là viết cho nửa dân tộc không? Nếu những người "lãnh đạo văn nghệ" trong nước vì những lý do đố kỵ, ghen tài, hoặc sợ hãi trước áp lực chính trị đương thời, chứ không phải vì bộ trường thiên này không trong dòng hiện thực xã hội, thì hành động từ chối in có phải vì cần mọi người viết cho nửa dân tộc không?

Và khi người hải ngoại may mắn được đọc bộ này trước đồng bào trong nước thì có thấy bộ sách này suýt nữa đã bị ông MKN kết án là văn học viết cho "các hội viên kiêu hãnh" kia không? Thật sự là đáng ngạc nhiên khi thấy ông MKN thoải mái chụp mũ nhà văn trong nước như vậy. Và có phải là ông MKN đang kết án ông NMG không?

Và nhìn lại, những người nêu tên trên như Lệ Hằng, Nguyễn Thị Hoàng, Võ Hồng, Cung Tích Biền, Trần Phong Giao, Trần Thị Ngh., vân vân có thật là đã hiếm hoi viết về người miền Nam, và khi viết về người miền Nam thì chỉ diễn tả như người không ra người không? Thiết tưởng câu trả lời nên dành cho những người chịu đọc.

Đó là những người viết miền Nam cũ, còn những người viết từ miền Bắc thì sao?

Thật sự thì trong thập niên 70, chúng ta có thể đọc được các tác phẩm như ông MKN đã kết án. Cũng hệt như thập niên 70 và đầu thập niên 80, rất nhiều tác phẩm hải ngoại cũng làm một hành động ngược lại, nghĩa là viết cho nửa dân tộc và khi đề cập tới người miền Bắc, nhất là bộ đội, thì diễn tả như người không ra người. Cuộc nội chiến đã để lại những vết thương quá lớn và lòng căm thù quá sâu. Nhưng với thời gian, sau những ngày thống nhất "hồ hởi", khi cùng nhìn những đổ nát của cuộc chiến ý thức hệ khó lành lặn, khi nhận ra sai lầm của việc truy nhận và áp đặt các chủ nghĩa lên cả nước, và khi con người gần nhau hơn, thì cùng nhìn thấy nạn nhân chính là cả dân tộc.

Người hải ngoại đã đọc thấy người viết miền Bắc, trong những tác phẩm được in ở hải ngoại, đề cập đến những vấn đề gì? Hãy thử đọc lại *Tướng Về Hưu, Những Ngọn Gió Hua Tát* của Nguyễn Huy Thiệp, *Mê Lộ, Thiên Sứ* của Phạm Thị Hoài, *Đi Về Nơi Hoang Dã* của Nhật Tuấn, và tuyển tập *Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương*. Đó là chưa nói tới những tác phẩm chưa được in lại, như kịch Lưu Quang Vũ, thơ Văn Cao, thơ Đặng Đình Hưng. Có thật họ đang viết cho nửa miền Bắc chiến thắng và vài triệu hội viên kiêu hãnh hay không?

Còn những tác phẩm về chiến tranh như *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh, *Tiểu Thuyết Vô Đề* và những tham luận chính trị của Dương Thu Hương thì sao? Họ đang kết án ai, có thật là người miền Nam không?

Những ngộ nhận về con người thì ở đâu cũng có thể có, nhất là khi mỗi người đều có quá khứ nhiều chục năm dị biệt, thiên kiến, nhưng những nỗ lực để gần nhau hơn, cảm thông nhau hơn và cùng nhìn về một Việt Nam tự do tương lai, tại sao ông MKN không chịu nhận ra? Kinh ngạc là bài viết của ông MKN cũng sử dụng những phương pháp chụp mũ dễ dãi kiểu đấu tố của Cộng sản. Cứ kiểu trí, phú, địa, hào thì chẳng khác gì nhau chăng? Kỹ thuật quy chụp trong ngôn ngữ của MKN thật là khác lạ kỳ dị với những người cũng là chịu đọc, chịu suy nghĩ, và cũng cầm bút lương thiện như các người trách nhiệm các tạp chí văn chương hải ngoại.

Cần phải nghiêm trang hỏi, có thật tất cả các nhà văn trong nước đều giống hệt nhau hay không? Có thật tất cả người viết trong nước là công an văn hóa chăng?

Chúng ta ngạc nhiên và đau xót vì thái độ "im lặng có vẻ quy thuận" của nhiều nhà văn trong nước giữa khi một số người khác đang bị truy bức như Dương Thu Hương, Đoàn Viết Hoạt. Sự im lặng này như dường mang nhiều vẻ tội lỗi của hành động đồng lõa với nhà nước. Nhưng hãy tự hỏi, trường hợp chúng ta đang ở trong nước, thật sự chúng ta có thể làm gì khi đối diện với cả guồng máy điên dại kia. Khi ông Ngô Đình Diệm giết Nguyễn Phan Châu, bức bách Nhất Linh tới phải tự tử, thì các ông Mai Thảo, Võ Phiến đã làm gì? Thái độ câm lặng của nhiều nhà văn miền Nam bấy giờ có phải là đồng lõa với nhà nước để đưa Nhất Linh vào cõi chết không? Hãy tha thứ cho họ, và cũng là tha thứ cho chính chúng ta, vì sự im lặng nào cũng đầy nước mắt và đau xót.

Thêm nữa, mười tám năm rồi, chúng ta đang nhìn thấy những thế hệ cầm bút trẻ với không mặc cảm quá khứ từ cuộc nội chiến. Họ là Đỗ Phước Tiến, con của một vị đại tá miền Nam cũ; là Nguyễn Thị Ấm, vừa bán xôi vừa viết văn; và là em, là cháu chúng ta. Họ đã viết gì, khi với cả dân tộc là nạn nhân của cuộc chiến vừa qua, và chính họ cũng từng chịu hậu quả trực tiếp thời kỳ hậu chiến, và chịu những nỗi đau, nỗi nhục của một nước nhược tiểu hôm nay? Tại sao MKN bưng tai che mắt trước những tiếng nói từ đồng bào đau khổ như vậy, và chụp mũ mọi người viết trong nước là đang nhìn người miền Nam như "những hình nộm minh họa cho cái xấu tập thể của địch."

Chúng ta đều biết nhà thơ Quách Tấn chịu những đau khổ ghê gớm trong và sau cuộc chiến vừa qua, nhiều phen đi tù, gia đình tan nát, và không được phép ấn hành nhiều tác phẩm. Nhưng năm 1990, Hội Văn Hóa Bình Định (trong nước) đã xuất bản cuốn *Nhà Tây Sơn* do nhà thơ Quách Tấn (và con là Quách Giao) biên khảo. Với lối lý luận của MKN thì ta phải hiểu là Quách Tấn đang tấn công vào người miền Nam cũ hay sao? Ông Quách Tấn khó thể quên những đau khổ do chế độ Cộng sản trực tiếp gây cho gia đình ông, nhưng khi đánh giá hành động in sách trong nước **MKN không được quyền đồng hóa người viết với chế độ.** Lý luận như vậy mà không thấy khôi hài sao?

Hải ngoại chỉ chú ý mặt phản kháng mà chưa chú ý mặt nghệ thuật của văn học trong nước?

Điều này thật sự đã xảy ra với nhiều người phê bình, nghiên cứu về văn học trong nước, nhưng không phải là tất cả. Ấn tượng này có được là do khởi nguyên từ tạp chí *Văn Học* và sau đó là tuyển tập *Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương* (Lê Trần, California, 1989).

Sau một thời gian dài nhìn thấy sự vắng lặng (thật sự thì chỉ tương đối vì người ta không thể nghe hết được những tiếng nói bị dập tắt nửa chừng) từ

sau vụ án *Nhân Văn Giai Phẩm*, đồng bào trong và ngoài nước bắt được những tín hiệu phản kháng từ kịch Lưu Quang Vũ, truyện Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, vân vân, và điều này đáp ứng đúng sự chờ đợi nhiều năm nên *vì nhu cầu đấu tranh dân chủ, tính phản kháng trong văn chương quốc nội được chú ý trước nhất.* Đặc tính này được đưa lên hàng đầu quan tâm với tiểu đề cho tuyển tập THVNTQH là *Cao Trào Văn Nghệ Phản Kháng tại Việt Nam 1986-1989.*

Một trong những lý do chính, hải ngoại chú ý nhiều tới tính phản kháng cũng chính vì giai đoạn 1986-1987 văn học trong nước đã gần như đồng loạt đòi hỏi dân chủ, như ông Nguyễn Hưng Quốc viết:

"Cụ thể là từ năm 1986, trước luồng gió dân chủ đang thổi rạt rào trên thế giới, những người cầm bút Việt Nam mới thực sự đứng dậy, đồng loạt và dữ dội gào thét đòi hỏi dân chủ. Chưa bao giờ tại Việt Nam, dưới chế độ Cộng sản, sinh hoạt văn học lại xôn xao, sôi nổi đến như vậy. Ngỡ như các nhà văn, các nhà thơ đang xuống đường bằng giấy, bằng bút, sôi sục lên án cái chế độ suốt bao nhiêu năm đã vùi dập mình" (*THVNTQH,* trang 50).

Nhưng có thật là hải ngoại chưa chú ý mặt nghệ thuật của văn học trong nước, như ông MKN đã kết luận chăng?

Để lý luận một cách chính xác, ông MKN nên viết là, "Tôi, MKN, chưa chú ý..." thay vì viết, "Hải ngoại chưa chú ý mặt nghệ thuật..." Lấy tư cách gì ông thay mặt được cho cả hải ngoại, hoặc làm sao ông chứng minh được là cả hải ngoại chưa chú ý mặt nghệ thuật của văn học trong nước? Cách nào ông MKN tin là độc giả hải ngoại "chưa chú ý mặt nghệ thuật của văn học trong nước"?

Cụ thể hơn, chúng ta thấy — ít nhất là theo ý riêng tôi — với hơn bốn mươi vở kịch, anh Lưu Quang Vũ đã trở thành một kịch tác gia xuất sắc nhất trong lịch sử văn học Việt Nam. Bên cạnh đó, độc giả hải ngoại có thể phê phán tính nghệ thuật của văn học trong nước qua các tác phẩm đã được in ở hải ngoại như *Mê Lộ, Thiên Sứ* của Phạm Thị Hoài, *Tướng Về Hưu, Những Ngọn Gió Hua Tát* của Nguyễn Huy Thiệp, *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh, hoặc một số truyện ngắn và thơ quốc nội đã đăng tải ở *Hợp Lưu.*

Và ông MKN đã tự mâu thuẫn khi ngay ở một đoạn văn mở đầu, ông đã viết, "một vài ấn phẩm quốc nội đã lọt ra nước ngoài với phẩm chất nghệ thuật cao hơn trước." Tôi muốn hỏi, trong câu văn này, ai (chủ từ nào) đã chú ý tới "phẩm chất nghệ thuật cao hơn trước" của "một vài ấn phẩm quốc nội"? Và bên cạnh đó thì ai chưa chú ý?

Thêm nữa, làm sao tin được cứ ở trong nước thì viết dở, hoặc được in ở trong nước thì là văn dở? Thật kinh ngạc khi thấy lý luận này được đăng tải trên một tạp chí văn chương uy tín ở hải ngoại.

Lý luận chính xác hơn, ông MKN chỉ nên nói truyện "Kẻ Sát Nhân Lương Thiện" của Lại Văn Long dở, hoặc rất dở, hoặc cực kỳ dở, may ra còn có chỗ lương thiện.

Còn nếu vì dựa trên tiêu chuẩn thẩm định nào, ông MKN khẳng định là văn học trong nước hoàn toàn không có giá trị nghệ thuật, thì chúng tôi rất mong được đọc bài phân tích chi tiết của ông.

Có người hải ngoại tuyên bố chỉ văn nghệ sĩ trong nước mới biết viết...?

Tới đây chúng ta thấy ngay chỗ ông MKN bóp méo lý luận, muốn xoay ngang xoay dọc sao cũng được. Ở trên, ông nói là hải ngoại "chưa chú ý mặt nghệ thuật của văn học trong nước," tới đây ông diễn tả về "sự thần phục" của một người hải ngoại nào đó khi tuyên bố, "Chỉ văn nghệ sĩ trong nước mới biết viết, và phải sống tại quốc nội mới viết được nghiêm chỉnh." Ít nhất, qua đây ta cũng biết được có "một người hải ngoại" nào đó đã tin vào tính nghệ thuật (biết viết và viết hay) của người cầm bút trong nước. Nhưng than ôi, đây cũng chỉ là một cực đoan hàm hồ khác.

Tới đây chúng ta thấy là lý luận ông MKN hoàn toàn dựa trên những lằn ranh địa lý, trong và ngoài nước. Và "người hải ngoại" nào đó, nếu có, cũng đã tuyên bố thuần cảm tính, dựa trên một phép quy nạp không đặt giới hạn.

Thử đưa một phản luận đơn giản chỗ này. Nếu các ông Nguyễn Mộng Giác và Nguyễn Xuân Hoàng không vượt thoát được ra nước ngoài, và trong một cơ hội nào đó, sách họ được in như Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, thì đồng bào hải ngoại "chưa chú ý tới mặt nghệ thuật" của hai ông này hay sao?

Ai đã tuyên bố câu hàm hồ trên, "Chỉ văn nghệ sĩ trong nước mới biết viết, và phải sống tại quốc nội mới viết được nghiêm chỉnh," và trong mạch văn nào? Sao ông MKN không chỉ danh minh bạch người hải ngoại đó khi họ phê bình nặng nề người viết hải ngoại như vậy.

Thử mở rộng vấn đề hơn. Có thật biên giới trong và ngoài nước có phần nào ảnh hưởng tới tính nghệ thuật hay không? Và nếu có thì ở mức độ và phương diện nào?

Chúng ta có thể lấy một thí dụ cụ thể, như ở Liên Sô, về chuyện các nhà văn trong và ngoài nước. Thời kỳ Stalin là những ngày sắt máu và đau khổ nhất của các dân tộc trong Liên Bang Sô Viết. Cả hai nhà văn, gần như đồng thời, Vladimir Nabokov (sinh năm 1899) và Boris Pasternak (sinh năm 1890) đều cầm bút trong thời kỳ này, một ngoài nước, một trong nước. Và cả hai đều cùng hiên ngang bước vào lịch sử văn học thế giới với những kích thước khó so sánh. Những dị biệt của hai ông thì hiển nhiên là có nhiều, nhất là đôi khi Nabokov chọn những chủ đề tính dục, *nhưng yếu tố trong và ngoài nước đã ảnh hưởng tới họ trên những chiều khác hơn là chuyện ở trong thì viết dở, hay ngược lại, ở ngoài thì viết dở.*

Nếu Nabokov còn ở trong nước thì dễ hiểu, ông không thể chọn những chủ đề tính dục. Hoặc ngược lại, nếu Pasternak rời được Liên Sô ở giai đoạn

sung mãn của ông, thì có lẽ ông sẽ đi sâu thêm vào các chủ đề tính dục. Có lẽ thiệt thòi của Pasternak là không có cơ hội tiếp xúc nhiều hơn với văn hóa nước ngoài như Nabokov, nhưng những trầm tư của ông về vận mệnh dân tộc và con người Nga trong các giai đoạn gay gắt nhất đã đưa tới kiệt tác *Doctor Zhivago.* Làm sao nói được ở trong hay ở ngoài nước thì tính nghệ thuật cao hơn?

Văn chương phản kháng có là chiều trái ngược của văn chương minh họa?

Ông MKN đã phê phán nặng nề văn học trong nước, "Xưa là đen thì nay là trắng... cùng một tấm ảnh." (Xin đọc phần trích dẫn ở đầu bài này). Có thật như vậy không? Tiếp theo ông viết, "Cốt truyện vẫn thô bạo, nhân vật vẫn kịch cỡm, người không ra người ma không ra ma, không thuộc vào đâu trong cõi âm dương của thế giới này."

Tôi muốn hỏi, cái văn chương phản kháng ông MKN đang nói là văn chương gì, với những tác phẩm nào? Đồng thời tôi cũng muốn hỏi tất cả các tác giả hải ngoại tham dự trong tuyển tập *Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương,* những ông Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Đức Lập, Hoàng Chính Nghĩa, Phạm Việt Cường, Nguyễn Văn Sâm, Trương Vũ, Nhật Tiến, bà Thụy Khuê, vv., có thật cái mà quý vị gọi là văn chương phản kháng là chiều 180 độ của văn chương minh họa, có thật là xưa trắng nay đen, có thật là xưa khổ hạnh thì nay trác táng dâm ô, có thật là nhìn người miền Nam như người không ra người, có thật là sự đổi mới trong văn học quốc nội đơn giản và thô thiển, vân vân, như ông MKN khẳng định hay không?

Phải chăng ông MKN đang viết về một nền văn chương của 68 triệu đồng bào trong nước? Ông MKN đang phê bình những truyện ngắn trên báo *Công An* hay của *Sông Hương, Cửa Việt*? Điều này cũng khôi hài như nếu có người phê bình nào trong nước đọc những truyện ngắn trên *Ong Bướm* và phóng chiếu để quy chụp cho cả văn học hải ngoại.

Nhưng thật sự có nền văn chương phản kháng không, và nó có là chiều 180 độ của văn chương minh họa không?

Nếu cuối thời kỳ *băng tan* (Thaw) của Liên Sô, năm 1966, những người viết như Yuly Daniel, Andrey Sinyavsky bị lãnh án tù, thì ở Việt Nam nhà nước đã đối trị thế nào với người viết trong nước? Năm 1989, nhà nước cách chức 12 người Tổng Biên Tập của 12 tạp chí trong nước. Nguyên Ngọc, sau khi bị cách chức Tổng Biên Tập báo *Văn Nghệ* của Hội Nhà Văn đã tuyên bố tại Huế ngày 15-4-1989, "Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng như ở Liên Sô đã không chứng minh được tính ưu việt đối với chế độ nó thay thế." (*Sông Hương* số 37, tháng 4 & 5 năm 1989) Tôi muốn hỏi, người hải ngoại đòi hỏi các vị Tổng Biên Tập phải bị treo cổ hay sao? Còn những người bị truy nã

như Phùng Gia Lộc và sau này bị gài bắt như Dương Thu Hương thì sao? Và tại sao không đọc xem họ viết những gì? Và tại sao chúng ta không chịu đọc những cuộc tranh luận gay gắt giữa những người trong nước về các quan điểm của họ? Và đó có là chiều trái ngược của văn chương minh họa không?

Trong cuộc tranh luận gay gắt giữa Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Minh Châu với cả truyền thống "sử thi" bảo thủ (xin đọc bài ông Nguyễn Mộng Giác trong THVNTQH) thì ai có thể nói là người cầm bút trong nước đều quy thuận chủ trương "minh họa, sử thi và phải đạo" như ông MKN? Tại sao không ủng hộ những tiếng nói cấp tiến trong nước, mà lại cố tình xô tất cả vào trở lại lằn ranh của Đảng?

Những tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Nhật Tuấn, Bảo Ninh có phải là "sự đổi mới đơn giản và thô thiển", là "chiều 180 độ của văn chương minh họa", là "nhìn người miền Nam cũ như người không ra người" không?

Hành động đọc Lại Văn Long và vài người khác để quy chụp cho văn học cả nước có phải là cách *phê bình minh họa* không? Cũng tương tự như có người nào trong nước đọc Lâm Tường Dũ, và cũng quy chụp cho văn Mai Kim Ngọc nếu không là âm bản thì cũng dương bản của vị trên. Điều này dễ hiểu, đương nhiên sẽ làm phiền cho cả hai ông LTD cũng như MKN vậy. Than ôi, sao cách phê bình của ông MKN cũng lộ vẻ "đổi mới đơn giản và thô thiển" đến vậy.

Luận đề cực đoan?

Truyện "Kẻ Sát Nhân Lương Thiện" có là luận đề cực đoan: nhân vật chính tự tay bắn giết người để chấm dứt bất công truyền kiếp, như ông MKN đã phê phán?

Cách đọc của ông MKN ở đây có điểm nhầm lẫn về thời gian truyện, nhầm ngày 21-10-1978 ra 21-10-1987, để kết án LVL là sai kỹ thuật, đã dồn các chi tiết phải xảy ra trong 9 năm vào chưa tới 4 năm. Tuy nhiên, theo tôi suy đoán, có lẽ vì ông MKN đã đọc một ấn bản in nhầm. Nhưng đó là vấn đề kỹ thuật tổ chức truyện mà tôi không có ý định nói trong bài này. Điều muốn bàn ở đây là vấn đề luận đề của truyện KSNLT.

Chúng ta nên hiểu thế nào về truyện luận đề? Yếu tố quan trọng nhất để gọi có luận đề là *ý định thuyết phục người đọc tin vào một điều gì là đúng hoặc sai, hoặc đề nghị một giải pháp cho một vấn đề xã hội, chính trị, tâm linh...* (Mệnh đề thứ nhì "đề nghị một giải pháp...suggest a solution..." lấy từ định nghĩa chữ "Thesis novels" trong *A Handbook to Literature*, ấn bản lần thứ ba của nhà The Odyssey Press, trang 529). Nếu chấp nhận định nghĩa này thì, khi truyện không có dự tính thuyết phục hoặc không đề nghị một giải pháp, thì không gọi được là truyện luận đề.

Truyện KSNLT có ý định thuyết phục hay đề nghị một giải pháp không?

Hay chỉ thuần túy mô tả một số hiện tượng xã hội (hiện thực)? Hay vừa mô tả vừa phê phán một số hiện tượng (hiện thực phê phán)? Có thể mỗi độc giả sẽ thấy một vài khía cạnh khác nhau khi đọc, và đánh giá này tất nhiên phần nào có tính chủ quan.

Theo ý tôi, truyện KSNLT không phải là truyện luận đề, và cũng không có ý định thuyết phục hoặc đề nghị một giải pháp nào. Ở đây chỉ ghi nhận một số đổ vỡ trong một xã hội cộng sản đang chuyển mình vào hệ thống kinh tế thị trường. Truyện này có thể xếp loại là *hiện thực* hoặc *hiện thực phê phán*; sự khác biệt giữa hai phạm trù này chỉ nằm ở *mức độ*. Chữ "mức độ" ở đây có thể hiểu như: bởi vì bất cứ một ghi nhận thực tại nào cũng đều mang theo những phán đoán giá trị từ người viết; cho nên tự thân chủ nghĩa hiện thực cũng đã phần nào là chủ nghĩa hiện thực phê phán.

Truyện cũng không có ý định thuyết phục người đọc tin vào một điều gì là đúng hay sai, bởi vì *kết truyện là một cuộc đối thoại chưa chấm dứt*. Truyện hoàn toàn không có ý định thuyết phục người đọc tin vào sự "lãnh đạo sáng suốt" của Đảng Cộng Sản, hay phải tin vào hành động giết người của hắn (nhân vật chính) là phải lẽ. Chúng ta thử tóm lược truyện như sau.

Gia đình hắn là dân nghèo thành thị từ trước 1975. Mẹ hắn bán xôi để nuôi con ăn học. Tháng 7-1977, mẹ con hắn phải đi kinh tế mới. Riêng hắn phải vào Thanh niên Xung kích. Ngày 21-10-1978, bố hắn, bấy giờ là sĩ quan cấp Tá miền Bắc, trở về và đem mẹ con hắn rời cảnh khổ vùng kinh tế mới. Gia đình hắn ở ngay căn dinh thự xưa kia của người Thiếu Tá Quận Trưởng, mà ba mươi năm trước ông nội hắn và bố hắn làm đầy tớ cho dòng họ đó. Hắn được ôm sách đi học lại. Nhưng "một 'ân huệ' đã buộc hắn phải bỏ học ngay năm thứ hai Đại học" để đi lao động ở Sô Viết. Cuối năm 1988, bố hắn nhận được thư đòi nhà do ông Lâm Quang Sang, người chủ cũ, bấy giờ là một Việt kiều ở Pháp, gọi đúng nên là người Pháp gốc Việt, ký tên. Sáu tháng sau (tức năm 1989), dòng họ Lâm lấy lại được căn nhà với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương. Bố hắn không chu cấp nổi gia đình với trợ cấp hưu trí, nên cả bố mẹ hắn phải cắt cỏ nuôi ngựa cho nhà họ Lâm để tăng thu nhập. Khi hắn từ Liên Sô trở về, vừa trắng tay vì không thể dành giụm được gì với cái nghề lao động ở nước đàn anh kia vừa không thể tìm được việc làm như ý, đành đi cắt cỏ nuôi ngựa theo bố mẹ. Một buổi chiều, ba người đang cắt ở đồng cỏ mệt nhọc thì hắn bực dọc về trước. Khi hắn tới cổng, chiếc xe hơi của nhà họ Lâm cũng trờ tới đòi tránh đường. Hắn và cậu Lâm Quang Vinh gây gổ. Vinh đạp vào ngực hắn trước đoàn xe hơi của những người dự tiệc. Bọn khách vui cười trước hành động này. Một giới chức còn đòi "gọi điện cho anh Hùng bên công an" để bắt hắn. Hắn về phòng lấy khẩu súng lục và bước vào phòng khách, nhắm bắn "bọn trưởng giả cũ và mới" đang ăn nhậu, đùa cợt với đàn bà. Người cuối cùng bị bắn là Lâm Quang Vinh. Và viên đạn cuối cùng hắn nhắm vào chân dung trên tường của ông nội Vinh, viên quan già với mề đay Pháp trên ngực. Khi trả lời với Chánh Án (trong truyện không

chỉ định rõ nhân vật này là ai, có thể chỉ là chấp pháp hỏi cung), hắn đáp cung rằng hắn không say, không hối hận, và giải thích: "Chỉ có người lương thiện thật sự mới dám nổ súng vào sự đê hèn truyền kiếp... Con tôi (nếu có) sẽ không bao giờ phải đi cắt cỏ ngựa thuê cho các thế hệ dòng họ Lâm như ba đời trước nó..." Truyện chấm dứt ở đây.

Truyện mang nhiều tính phê phán xã hội. Khoan đánh giá những hành vi đạo đức, chúng ta ở đoạn này chỉ ghi nhận một số chi tiết. Gia đình hắn bị vùi dập qua nhiều chế độ, và luôn luôn ở vị trí cắt cỏ cho nhà họ Lâm. Chế độ cuối cùng trong truyện là khi chủ nghĩa xã hội chuyển mình sang chủ nghĩa tư bản, bố hắn, một Đại Tá bộ đội về hưu, và vợ con phải xuống chuồng ngựa ở và cắt cỏ kiếm sống. Hắn từ đi kinh tế mới, được bố kéo về đi học, tới năm thứ nhì Đại Học thì sang Liên Sô lao động, về nước lại đi cắt cỏ cho nhà họ Lâm. Chế độ cộng sản trong nước đã trở thành liên minh với Việt kiều tư sản, và như trong truyện thì đang chống lại chính những người nghèo khổ trong nước (Khi người khách bảo gọi anh Hùng Công An bắt hắn, và khi hỏi cung hắn với sự kinh ngạc về phản ứng của hắn là có say không, có hối hận không, và có thể trở thành người lương thiện không). Ở đây chính quyền đã về phe với nhà họ Lâm, và không đồng ý với cách giải quyết bằng bắn giết của hắn.

Nếu muốn gọi đây là truyện luận đề cũng được, khi người đọc tin rằng tác giả có "ý định thuyết phục" rằng các chế độ luôn luôn về phe với kẻ giàu và quyền lực. Nhưng ở đây lại không có một phán đoán nào về *đúng* với *sai* cho các hành động trong truyện, nên gọi là *tả thực* thì vẫn đúng hơn, vì cuộc đối thoại cuối truyện có thể hiểu như chưa chấm dứt. Thứ nhì, tác giả không có *ý đề nghị một giải pháp* nào cho vấn đề xã hội này. Hành động bướng bỉnh của hắn đi ngược với phép trị an của nhà nước (nên cần gọi Hùng Công An để bắt) và việc bắn giết của hắn đi ngược với nếp nghĩ của người Chánh Án (kẻ cầm cân nẩy mực đưa những câu hỏi rằng hắn có say, có hối hận, có thể trở thành người lương thiện không...). Truyện chỉ *trình bày một phản ứng* của *một* người cùng khổ khi đương sự cảm thấy tủi nhục và bế tắc, nhưng *không thể hiểu là đề nghị giải pháp cho một* **vấn đề xã hội** (Trong định nghĩa thì chữ này có một nghĩa lớn hơn nhiều). Đây không phải truyện luận đề. Ông MKN cần đọc kỹ hơn trước khi phê phán LVL, và phải dè dặt hơn khi muốn từ truyện ngắn này quy chụp cho văn học cả nước.

Truyện đưa tới một vấn đề lớn hơn, đó là khả năng một cuộc nội chiến giữa những người cùng khổ với liên minh của "bọn trưởng giả cũ và mới" (chữ trong ngoặc kép của LVL dùng trong truyện). Tuy nhiên điều này ra ngoài phạm vi thảo luận của bài này và cũng ở ngoài tầm nhìn của MKN.

Đạo lý truyện: người giàu mới có tội?

Theo MKN, đạo lý truyện KSNLT là người giàu mới có tội, và người giàu

phải lãnh hết tội lỗi của thế gian. Điều đó thật sự không đúng. Sự nổi giận của một người có ba đời đi cắt cỏ, với trình độ năm thứ nhì Đại học, chắc chắn không phải là nhân vật để LVL muốn gởi gấm đạo lý riêng của tác giả. Chỉ nên nói, đó là phản ứng của nhân vật chính (được gọi là "hắn") thì đúng hơn. Và phản ứng này cũng không có một suy diễn triết lý cao siêu nào để tới mức gọi là *đạo lý*.

Ông MKN đã viết với những ngôn ngữ bóp méo hẳn cốt truyện như, "Đối với họ Lâm, một cái đá đít phải trả bằng tính mạng ba đời..." và một dọc dài những lời kết án.

Ông cố ý lờ đi những năm mẹ con hắn đi kinh tế mới (Chế độ nào buộc mẹ con hắn đi?), hắn phải lao động trong Đoàn Xung Kích (Đảng nào cưỡng bách lao động hắn?), rồi phải bỏ học đi Liên Sô lao động (Thiên đường trần gian nào hắn đã phục vụ và được gì?), và về ở chuồng ngựa nhà họ Lâm cắt cỏ là những thời gian dài chịu đựng, suy tưởng (trong trình độ giới hạn của hắn). Cái đá đít chỉ là một nút đưa tới cao điểm truyện. Và cái đá đít (trong cách tổ chức truyện KSNLT) không thể cân bằng với tính mạng ba đời được. Sao ông MKN khinh thị trình độ đọc của độc giả tờ *Văn Học* đến vậy.

Ông MKN đã viết những dòng như, "... về nước tay trắng, chuyện đó là tại lỗi tư bản họ Lâm. Không có nghề chuyên môn, phải đi cắt cỏ, chuyện đó cũng tại họ Lâm nốt."

Than ôi, sao ông MKN nỡ bóp méo truyện đến như vậy. Ở trên tự nhiên ông móc thêm Nguyễn Huy Thiệp vào bài phê bình Lại Văn Long để gây sự, tới đây lại gài cho LVL cái tội tuyên truyền loại đạo lý căm thù bọn nhà giàu (ở đây là họ Lâm).

Truyện thật sự chỉ muốn mô tả một hoàn cảnh rất mới ở trong nước, khi bọn trưởng giả cũ (ở đây là Việt kiều họ Lâm) và mới (ở đây là chính quyền) cùng cấu kết làm giàu, hưởng thụ, và không để tâm tới việc giải quyết các nan đề xã hội khi chuyển từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản. Thế thôi.

Để kết

Thật lòng, tôi không thích truyện KSNLT của LVL cũng như không thích phải lý luận với những người phê bình kiểu bóp méo và hậm hực như MKN. Nhưng những dòng chữ các bạn đang đọc đây chỉ để bênh vực cho dân tộc tôi, những người đã chịu dập vùi qua bao trận chiến tranh và còn đang trên đường tìm tới Tự Do - Dân Chủ - Bình Đẳng thật sự, và cũng để bênh vực cho những người cầm bút lương thiện trong nước.

Không được quyền lấy một truyện ngắn trong nước để quy chụp cho cả nước như ông MKN đã làm, đó là điều tôi muốn thưa với những người phê bình ngoài nước. Và ngược lại, tôi cũng sẽ lên tiếng nếu có người trong nước nào làm một hành động tương tự với người ngoài nước.

Truyện KSNLT có hay hay dở là chuyện khác, nhưng nội dung nó đã nói

lên một nan đề của dân tộc. Không phải nửa dân tộc như ông MKN viết, nhưng là của cả dân tộc (Mẹ con hắn người miền Nam, bố hắn sĩ quan miền Bắc). Và cả nước đang bước vào cuộc chuyển mình gay gắt vào hệ kinh tế thị trường với những khổ đau chưa giải quyết (bằng chính sách nhà nước chẳng hạn) hoặc xoa dịu được (bằng các hoạt động của các xã hội dân sự nhằm bảo vệ người dân chẳng hạn), dưới áp lực của liên minh mới gồm tư sản cũ và mới. Cách giải quyết của nhân vật chính là bắn giết những gì hắn thấy gai mắt (lực áp bức hiện trước mắt hắn). Nhưng đây không phải là cách giải quyết đúng cho nan đề này. LVL cho hắn chọn cách bắn giết là để cụ thể hóa và cường điệu hóa một giải pháp phải là *trừu tượng* và *tổng thể* hơn, mà chính người trong và ngoài nước cũng đang đi tìm.

Còn về chuyện văn chương phản kháng Việt Nam, giữa khi những người cầm bút khắp thế giới Cộng sản, từ Liên Sô, Đông Âu tới Trung Hoa, Mông Cổ đều hầu như đứng dậy... Tôi xin mượn lời của Ana Blandiana, nhà thơ Rumani ba lần bị cấm viết, để nói rằng, *dân tộc chúng tôi có đâu là thảo mộc.*

PHAN TẤN HẢI



TẦN HOÀI DẠ VŨ

gởi cái đẹp

Những giấc mơ
không làm tổ
trong lòng anh bình thản
mà sao
mùa xuân vẫn cau mặt?

Dòng sông đã cuốn trôi
bao tiếng hát
khi đời người
tích lũy
những sự thật
đắng cay?

Anh đã tìm em bao năm tháng
em có chăng giữa đời?
những thao thức ngày mai dày vò thân phận
em vẫn cứ là niềm đam mê bất tận
nắng mùa xuân ấm một phía chân trời

TẦN HOÀI DẠ VŨ



NGUYỄN TIẾN VĂN

nghĩ về nhu cầu giao lưu văn hóa nhân đọc một bài phê bình

Tôi viết bài này nhân đọc tạp chí *Văn Học* số 79 (tháng 11-1992), California, Hoa Kì, là số báo *"Đặc Biệt Về Truyện Ngắn"*, ra sau cuộc Hội thảo về truyện ngắn ngày 12-XI-1991 ở Văn Miếu, Hà Nội.

Năm 1991 là năm được mùa truyện ngắn ở Việt Nam. Ngoài cuộc thi truyện ngắn do báo Văn Nghệ tại Hà Nội tổ chức với 1626 tác phẩm dự thi của 1334 tác giả, chúng ta còn thấy có cuộc thi *Truyện Ngắn Hay* năm 1991 do Hội Nhà Văn thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với tạp chí *Văn* và bán nguyệt san *Kiến Thức Ngày Nay* tổ chức tại Sài Gòn(1).

Đọc hai tờ tạp chí nói trên, tôi thấy xót xa cho cái thân phận Việt Nam, nhất là cho thân phận những người cầm bút Việt Nam - cả trong và ngoài nước.

Ở trong nước thì cuộc *"Hội Thảo Về Truyện Ngắn"* cũng như số báo *"Đặc Biệt Về Truyện Ngắn"* im lìm không có một lời, một chữ nói về sáng tác của người Việt ngoài nước.

Ở ngoài nước thì "phê bình" (như tác giả Mai Kim Ngọc: *"Ánh Trăng, Tập Truyện Được Giải Cuộc Thi Báo Văn Nghệ 1991"*, tạp chí *Văn Học* dẫn thượng, tr 20-23) đầy những thiên kiến, ngộ nhận, và do đó lập luận sai lầm.

Tôi viết bài này để phản kháng sự im lìm ở trong nước và sự ngộ nhận ở ngoài nước. Người Việt chúng ta bao giờ cũng quan niệm nước Việt Nam là một, gồm trăm con do cùng một mẹ sinh ra trong bọc trứng (huyền thoại Âu

Cơ, dân tộc Kinh, duy nhân) hay từ một trái bầu như hình ảnh của bầu vũ trụ tự nhiên (huyền thoại Bàn Hộ, dân tộc Miêu-Mán(2), duy nhân). Nước Văn Lang khởi thủy được hình thành với sự kết hợp của 15 bộ lạc dưới sự lãnh đạo của vua Hùng, và mọi con dân nước Việt đều tự hào về truyền thống đó.

NHU CẦU GIAO LƯU VĂN HÓA

Kể từ năm 1917 tới nay, những chế độ do Cộng Sản nắm quyền chỉ phát triển được bằng chiến tranh khuynh loát; và chỉ bị sụp đổ bằng sự thức tỉnh và phản kháng của toàn dân. Không có ngoại lệ. Thế nên đường lối tranh đấu bất bạo động bằng văn hóa để thức tỉnh người dân và hỗ trợ cho các cuộc vận động phản kháng vì tự do dân chủ là phương thức tối ưu để thắng độc tài.

Vì nhu cầu tồn tại, CSVN phải chấp nhận kinh tế thị trường, mở cửa với Tây phương; và về mặt chính trị bảo đảm nhân quyền và dân quyền, ít ra trên nguyên tắc trong hiến pháp, và về mặt hình thức trong xã hội.

Khi nhân dân thức tỉnh đến đâu thì sẽ phản kháng độc tài áp bức tới đó, ngay trong khuôn khổ hiến pháp, tôn trọng pháp luật và qua thực tiễn xã hội. Tất cả những sinh hoạt này sẽ phản ánh qua văn hóa. Sự giao lưu văn hóa sẽ giúp chúng ta nắm bắt được cái thực trong sự thay đổi xã hội và tâm thức người dân trong nước. Không có gì mạnh hơn sự thực. Chúng ta chỉ có thể tranh đấu khi hai chân đứng vững trên thực tế và tim óc đập cùng nhịp với toàn dân trong nước.

Những người ở lại đang làm việc đó. Ở hải ngoại chúng ta không thể chống độc tài áp bức nếu không có thông tin từ trong nước. Giao lưu văn hóa cung cấp cho chúng ta thông tin đó một cách trọn vẹn nhất. Nó là cuống rún nối liền chúng ta với quê hương.

Không có thông tin từ trong nước chúng ta sẽ như người làm cuộc hành trình với một bản đồ lỗi thời. Chúng ta sẽ tranh đấu với những con ma của quá khứ, luống công và vô ích. Ngay cả lòng yêu nước của chúng ta nếu không được cập nhật thì chúng ta cũng chỉ yêu một hình bóng cũ của đất nước, chứ không phải quê hương thực ngày nay. Dĩ nhiên, ai cũng có quyền chắt chiu những kỷ niệm xưa - nhưng hành động chỉ dựa vào kỷ niệm thì lố bịch đến thảm hại.

Sự ngăn chặn và bưng bít thông tin chỉ tố giác sự sợ hãi của những tập đoàn chuyên chế, lạc hậu với trình độ khoa học kỹ thuật ngày nay - vì đó là một cố gắng tuyệt vọng. Nó vi phạm đến những quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, nền tảng và bất khả nhượng của con người. Trong nước, đó là nhà nước Cộng Sản cực quyền. Ngoài nước, đó là những tàn dư phong kiến, quân phiệt của chế độ cũ, vi phạm ngay luật pháp của những nước họ ngụ cư, và ngày càng bị đào thải.

Tuy nhiên, thực tế có quyền uy hơn tất cả những ảo vọng nói trên. Thư tín, điện thoại, viễn sao, truyền thông, sách báo, thăm viếng, du lịch... ngày càng tăng gấp bội giữa người Việt trong và ngoài nước, giữa Việt Nam và thế giới. Đó là một tình thế bất khả đảo nghịch.

Định luật Gresham trong kinh tế là: *"Đồng tiền tốt đuổi đồng tiền xấu"*. Định luật Shannon trong tin học là: "Sự thừa dư *(redundancy)* sẽ loại trừ nhiễu âm *(noise)* và tăng độ chính xác của bản tin".

Khi có hàng trăm ngàn người về thăm nước hàng năm cũng như khi hàng ngàn du học sinh được gởi ra nước ngoài, khi các đài viễn thông phát tin từ thế giới về trong nước nhiều lần mỗi ngày, thì sự xuyên tạc rốt cuộc chỉ bất lợi cho kẻ đưa ra tín hiệu dối trá. Làm sao người ta có thể tin cậy một cá nhân hay đoàn thể vừa hô hào tranh đấu cho tự do dân chủ của đất nước đồng thời lại cấm đoán thông tin, tức vi phạm đến tri quyền (quyền được biết), là một trong những quyền tự do cơ bản nhất của con người? Huống nữa, kẻ đó lại tự dành riêng cho mình đặc quyền tiếp nhận những thông tin đó.

Một số những lập luận được đưa ra để biện hộ cho thái độ ngăn chặn giao lưu văn hóa này, chúng ta sẽ cứu xét từng điểm một:

(1) Giao lưu văn hóa phải hai chiều:

Lập luận đưa ra là vì CSVN cấm đọc sách vở bên ngoài nên chúng ta cũng phải ngăn chặn sách vở từ trong nước.

Lập luận này sai ở điểm: chúng ta tranh đấu cho tự do dân chủ và giao lưu văn hóa hai chiều; nhưng chúng ta không đáp lại sự độc tài chuyên chế của CS bằng một sự độc tài chuyên chế khác. Bởi vì chúng ta tin ở sự tất thắng của ánh sáng với bóng tối, của chân lý vớ i vô minh. Và bởi đó là cách duy nhất để cuộc tranh đấu của chúng ta có chính nghĩa và thành công.

(2) Văn hóa trong nước chỉ là công cụ tuyên truyền của cộng sản:

Đảng CSVN là một cơ cấu độc tài chuyên chế mà nền tảng quyền bính hiện nay dựa trên bạo lực và tuyên truyền. Tuy nhiên, ta không thể đồng hóa toàn bộ những người cầm bút trong nước với công cụ của Đảng. Rất nhiều văn nghệ sĩ, trí thức, khoa học gia khi tham gia kháng chiến, hoặc sinh trưởng ở miền Bắc trước 75 cũng như trên cả nước sau 75, là những người có công duy trì và phát huy văn hóa dân tộc và tri thức hiện đại. Đó là vốn quí mà chúng ta phải tôn trọng, tiếp thu và vận động vào công cuộc đối kháng với độc tài áp bức của ĐCSVN. Họ sẽ là bộ phận chủ lực trong sự chuyển đổi ở quê hương, nếu thiếu vắng họ thì nỗ lực tranh đấu cho tự do dân chủ của chúng ta trở thành vô vọng.

(3)Văn hóa trong nước không giá trị:

Với dân số cả nước hiện nay lên đến trên 70 triệu và với sự phổ thông giáo dục ngày nay thì số trí thức và chuyên viên theo xác suất là nhiều hơn toàn

bộ trí thức chuyên viên từng sống trên đất nước ta cả ngàn năm qua. Phủ nhận giá trị của một tập thể lớn lao như thế là bất công và vô lí. Hơn nữa, sự lượng giá của quốc tế về Việt Nam qua những trao đổi văn hóa, chuyên gia, sinh viên... và những giải thưởng cũng như những bản dịch của nước ngoài cho thấy chúng ta phải khách quan cụ thể từng tác phẩm, tác giả thì mới tránh được sự thiên lệch của chủ nghĩa "phàm là" ("phàm là" CS thì tác phẩm phải dở).

MỘT TRƯỜNG HỢP NHẬN ĐỊNH VỀ VĂN HỌC ĐỐI KHÁNG

Chúng ta có thể thử áp dụng những lập luận trên vào một trường hợp cụ thể có tính cách tiêu biểu.

Bài phê bình của Mai Kim Ngọc (MKN) nhan đề *"Ánh Trăng, Tập Truyện Ngắn Được Giải Cuộc Thi báo Văn Nghệ, 1991" (Văn Học*, dấn thượng) là một bài viết đáng lưu tâm.

Thứ nhất, vì nó cập nhật. Cuốn sách *"Ánh Trăng"* mới xuất bản trong nước MKN đã có ngay bài đánh giá.

Thứ nhì, vì nó không đứng trên lập trường cực hữu, lấy tiêu chuẩn chống Cộng để nhận định một tác phẩm văn học, mà đứng trên lập trường "kỹ thuật, nghệ thuật, đạo lí và công lí".

Thứ ba, vì nó đưa ra một tổng quan để thẩm định về giá trị của nền văn học phản kháng trong nước và hệ luận của nó - dù tác giả không minh bạch rút ra - là sự giá trị hay vô giá trị của sự giao lưu văn hóa.

Thứ tư, sau hết, vì nó chiếm số lượng nhiều nhất (13 trang) trong phần chủ đề "Đặc Biệt Về Truyện Ngắn" của tờ Văn Học, là một trong những tạp chí có uy tín tại hải ngoại.

Chính vì những điểm nêu trên, nhất là điểm thứ nhì, tôi thấy cần đóng góp một cách nhìn về vấn đề quan trọng hàng đầu này, cả về mặt văn học lẫn mặt chính trị, tại hải ngoại.

Bài phê bình của MKN có những tiểu mục: Tổng quan. Bài tựa của trưởng ban giám khảo. Giải nhất cuộc thi. Khuyết điểm kỹ thuật. Khuyết điểm nghệ thuật. Đạo lý và công lý. Ban giám khảo. Lời phê của ban giám khảo. Trường hợp Nguyễn Huy Thiệp. Vài cảm nghĩ.

Có nhiều mục chỉ trích dẫn hoặc kể lại, tôi xin lược qua để đi vào mấy mục chính:

Tổng Quan

Trước phần này có ba hàng chữ in nghiêng gồm hai câu: "*Nhà xuất bản Hội Nhà Văn, tuần báo Văn Nghệ, và Tổng công ty Phát hành Sách liên kết xuất bản. Một tài liệu nhân văn quan trọng về văn học và đời sống quốc nội*". Cách trình bầy ở đây có một sự mập mờ không biết vô tình hay cố ý và trách

nhiệm ở tác giả hay tòa soạn. Trong hai câu trên thì câu đầu là trích lại từ lời tựa, nhưng câu sau là của MKN chứ không phải của sách gốc.

MKN viết: *"Trước đây, văn học quốc nội hoàn toàn xa lạ với người Việt hải ngoại"*. *"Trước đây"* là bao giờ? Không được tác giả xác định thời điểm. Người Việt hải ngoại gồm cả hơn triệu người, đi ra nước ngoài ròng rã mấy chục năm, và bây giờ cũng còn nhiều chương trình đang tiếp diễn. Làm sao có thể nói là *"văn học quốc nội hoàn toàn xa lạ với người Việt hải ngoại"*? Thêm nữa, trong số hơn triệu người ở nước ngoài có đến vài trăm ngàn người ra đi từ miền Bắc. Không lẽ, từ trong tiềm thức MKN không chịu nhận rằng họ cũng là những người Việt hải ngoại sao? Chỉ mạn phép lấy riêng kinh nghiệm bản thân; tôi vượt biên cuối năm 1985 và được đoàn tụ với gia đình bốn năm sau, thì lũ con tôi ở lứa tuổi trung học cũng đã từng đọc qua hàng trăm truyện ở trong nước. Cách đặt vấn đề như thế là có hàm ý loại trừ người khác rồi.

MKN viết tiếp: *"Nói chung, những tác phẩm ấy đều nặng tính tuyên truyền mà lại nhẹ về phẩm chất nghệ thuật. Chúng là sản phẩm của hai thế hệ người viết, mặc dù tiềm năng có thể tốt, nhưng không được tự do sáng tác và không có phương tiện trau dồi kiến thức sau gần nửa thế kỉ cô lập với cộng đồng thế giới"*. Tôi thiết nghĩ *"phương tiện trau dồi kiến thức"* thì không xã hội nào không có. Ngay trong hoàn cảnh giới hạn của một nhà tù, người ta cũng có thể học, qua những bạn tù hay qua một cuốn tự điển. *"Cô lập với cộng đồng thế giới"*: có lẽ phải hiểu là thế giới Tây phương hay tư bản mới có nghĩa, tuy rằng không chính xác. Vậy Trung Quốc, Nga, Trung Âu... không phải là thế giới loài người hay sao? Chỉ trong một đoạn văn, tác giả đã cho chúng ta thấy ông có nhiều, nhiều lắm những vành đai giới hạn, khoanh vùng.

Về nền văn học phản kháng, MKN viết: *"Phản ứng, dù khen hay chê, đều rất mãnh liệt. Có người thấy đây là tiếng nói tự do đầu tiên thoát lên từ kìm kẹp, một nền văn học phản kháng, tuy sự phản kháng còn giới hạn trong việc phê phán cá nhân một vài mẫu cán bộ hay lên án một cách cục bộ một vài chính sách riêng rẽ. Thậm chí có người hăng say tuyên bố là chỉ có văn sĩ quốc nội mới biết viết, và phải sống tại quốc nội mới có thể sáng tác một cách nghiêm chỉnh. Ngược lại, nhiều người khác chỉ thấy dối trá trong việc các nhà văn quốc nội chống chính quyền, và có bàn tay Cộng sản trong phong trào văn nghệ phản kháng giả vờ này. Sự tranh luận đã, đang và sẽ còn tốn nhiều giấy mực"*.

Cách dùng *"có người"* (số ít) và: *"ngược lại, nhiều người khác"* (số nhiều) đến là hay. Xem vội, chúng ta có thể ngỡ là tác giả rất khách quan trình bày cách phán đoán của cả hai phía. Tuy nhiên, đọc kĩ lần nữa, chúng ta thấy đây là kĩ thuật thông thường của tuyên truyền và quảng cáo thương mại. Từ chuyên môn gọi là ám thị tiềm thức *(subliminal suggestion)*: gợi ý cho thân chủ mà chính đương sự cũng không ngờ là lời chào hàng của kẻ bán, lại cứ ngỡ đó là tình ý của chính mình. Tính từ *"giả vờ"* trong đoạn trên cũng đóng

vai trò tương tự.

Câu *"Thậm chí có người hăng say tuyên bố là chỉ có văn sĩ quốcc nội mới biết viết, và phải sống tại quốc nội mới có thể sáng tác một cách nghiêm chỉnh"* là một câu rất ác, ác một cách tinh vi.

Bạn đọc không theo dõi sát tình hình văn học ngoài nước có thể không biết người đó là ai; nhưng trong văn giới thì biết ngay kẻ bị ám chỉ. Ác một điều là MKN không minh danh, nên không thể cải chính tranh luận. Tinh vi ở chỗ câu nói bị bẻ quẹo đi cũng như chân dung bị bóp méo qua thấu kính: nhận được là ai nhưng cả hình thức, tỉ lệ, và tinh thần cũng đổi khác vì biếm họa. Ác một cách tinh vi là chỉ cần một câu: *"chỉ có văn sĩ quốc nội mới biết viết"* rất xằng bậy kia là đủ khích thích hàng trăm người cầm bút bị chạm tự ái, có ác cảm với kẻ bị ám chỉ, và có thể ghét lây luôn cả phong trào văn học phản kháng trong nước. Viết là phải có trách nhiệm. Trích dẫn một câu nói xằng bậy của người khác thì phải nghiêm chỉnh nêu xuất xứ. Nếu câu nói xằng bậy kia chúng ta không tán thành, thì phải bỏ nó đi để khỏi làm ô nhiễm văn đàn và làm hỏng tinh thần cuộc đối thoại đứng đắn khách quan. Đó là đạo đức của người cầm bút có liêm sỉ trí thức.

Nhưng thôi, dài dòng về phong cách của tác giả như thế cũng tạm đủ. Chúng ta phải tiết kiệm giấy mực để bảo vệ cây rừng và thời giờ của độc giả. Xin đi vào những nét chính.

MKN viết về tương quan xã hội và văn học: *"... Sự bắt đầu xuất hiện của tính chất văn học nghiêm chỉnh trong tác phẩm văn học quốc nội đem lại cho ta ít nhiều vui mừng. Nhưng niềm vui mừng ấy vẫn vẩn nét lo âu. Không lo sao được khi niềm vui của ta dựa trên những căn bản bấp bênh, nó đòi hỏi ta tin rằng như một ngoại lệ, văn học vẫn tốt đẹp mặc dầu xã hội chung quanh thoái hóa đến mức nguy hiểm trong mọi lãnh vực, từ giáo dục, y tế, hành chánh... cho đến đạo lí."*

Phẩm chất đời sống của một xã hội đáng giá về mặt vật chất thì khoa học xã hội còn đề ra được những số đo, tuy rằng cũng còn nhiều dị nghị về bảng giá trị của những định lượng này. Chẳng hạn, không thể lấy số y sĩ tính theo đầu người trong dân số hoặc phí tổn về y dược cao hay thấp trong một xã hội để định mức sức khỏe cộng đồng của xã hội đó. Điều này còn tùy thuộc nhiều yếu tố khác như văn hóa, sinh hoạt, khí hậu... Đến hạnh phúc thì tiêu chuẩn đã khá chủ quan rồi. Còn sáng tạo nghệ thuật thì không ai dám căn cứ vào những thứ kia để kết luận cả. Tại sao đỉnh cao triết học Trung Quốc lại ở thời Tiên Tần, văn học Nga lại sáng chói vào thế kỷ thứ XIX; và ở Việt Nam, Nguyễn Du xuất hiện trong một thời tao loạn nhiễu nhương vào bật nhất lịch sử. Đó là chưa nói đến chuyện xã hội VN bây giờ có phải *"thoái hóa đến mức nguy hiểm trong mọi lĩnh vực"* như MKN xác định hay ngoài mặt suy đồi, rối loạn và băng hoại truyền thống, còn có những đổi thay tích cực như những báo cáo của Liên Hiệp Quốc cho biết: Lần đầu tiên kể từ năm 1975, Việt Nam sản xuất thặng dư thực phẩm năm 1989 và xuất khẩu gạo hàng thứ ba

trên thế giới; rằng lạm phát phi mã đã qua và đồng bạc có hối xuất tạm ổn định; rằng năm 1992 VN lần đầu tiên đạt được thặng dư trong cán cân mậu dịch; rằng tỉ lệ phát triển GOP quốc gia trên 5%; rằng sau khi lệnh cấm vận của Hoa Kỳ bãi bỏ VN có triển vọng là con rồng thứ 5 của Châu Á.

Kế tiếp, MKN có một nhận định xác đáng: *"Văn học quốc nội hay hay dở là một câu hỏi quan trọng, ngay trên bình diện chính trị."* Từ nhận định này chúng ta tiếp cận ngay với truyện ngắn của Lại Văn Long (LVL).

Cuộc thi của báo Văn Nghệ 1991 tổng kết có 1926 truyện dư thi của 1334 tác giả và truyện của LVL nhan đề *"Kẻ Sát Nhân Lương Thiện"* (KSNLT) trúng giải nhất.

MKN phê bình truyện này như *"một tài liệu nhân văn quan trọng về văn học và đời sống"*

.

Khuyết điểm kĩ thuật:

Bỏ qua những bắt bẻ vụn vặt đại loại như câu: *"Cảm ơn số phận đã cho ông bố muộn màng nhưng đầy ý nghĩa"* (trang 11), *ta thật không không hiểu tác giả muốn nói gì với "một ông bố đầy ý nghĩa"*. Nếu bảo đây là một câu văn hỏng thì tôi đồng ý, nhưng nếu bảo *"ta thật không hiểu tác giả muốn nói gì"* thì tôi sợ rằng MKN khắt khe quá chăng? Lẽ ra câu văn phải viết: *Cảm ơn số phận đã cho* **hắn** *một ông bố* **tuy** *muộn màng nhưng đầy ý nghĩa*. Tất nhiên những lỗi lầm vụn vặt này làm giảm đi giá trị và tính thuyết phục của truyện, nhưng nào đến nỗi "gian nan", "chóng mặt" như tác giả MKN đã ta thán!

Khuyết điểm nặng nhất, theo MKN là: *"Tác giả còn cẩu thả về thời gian, mắc phải những sai lầm trầm trọng về ngày tháng. Nhân vật chính, "Hắn", đói khổ phải đi lao động nuôi thân cho đến chiều ngày 21-10-87 mới gặp được cha và được đi học lại. Chưa đầy năm tháng sau, ngày 3-11-88 cha đã bị đòi nhà, và chưa đầy năm sau, đã phải dọn xuống chuồng ngựa ở. Vậy mà tác giả vẫn đủ thời giờ cho hắn đi học lại, hoàn tất được hai năm đại học... Khi tác giả cho hắn đi Nga lao động, lầm lẫn về năm tháng trở thành khôi hài. Thời gian kể từ ngày đoàn tụ với bố, 21-10-87, cho đến khi đi Nga trở về ít nhất là 9 năm (2 năm đại học và 7 năm làm thợ bên Nga), như vậy phải đợi đến năm 1996 cái đoạn kết bắn giết đầy kịch tính mới xảy ra được."*

Tôi đọc kĩ lại số Văn Học 79, có đăng truyện của LVL thì thấy *"sự cẩu thả và sai lầm trầm trọng"* là của MKN. Văn Học 79, trang 35 in rành rành đó là buổi chiều ngày 21-10-1978 chứ không phải 21-10-87. Vậy thì thời gian rất là khít khao vì cách ngày 3-11-1988 vừa đúng 11 năm. (*Ghi chú của toà soạn:* trong *Văn Học* số 80-81 Xuân Quý Dậu, có đăng thư của tác giả MKN *"Yêu cầu quý báo giải thích và sửa sai một cách thỏa đáng"* vì ông đã *"ngạc nhiên là quý báo đã sửa những lỗi lầm của tác giả về ngữ pháp, cách hành văn, cũng như về cấu trúc truyện (thời gian các sự việc)"*. Ngay dưới lời "yêu cầu" này, tạp chí Văn Học cho biết: Bản văn được tác giả MKN dùng để phê bình rút ra từ tập *Ánh Trăng*, và bản văn tạp chí VH dùng để đánh máy rút ra từ

tập *Những Truyện Ngắn Chọn Lọc 1975-1991,* trong đó tác giả (hoặc nhà xuất bản) ở Việt Nam đã sửa chữa khá nhiều các khiếm khuyết về kỹ thuật, kể cả chi tiết sai lạc về ngày tháng. Theo thiển ý của chúng tôi: bỏ qua lời "đính chính" khá minh bạch của tạp chí *Văn Học*, riêng lỗi lầm về ngày tháng chúng ta có thể hiểu là do người đánh máy gây ra. Tác giả MKN hẳn thừa biết - vì ông vốn sử dụng computer để viết - số 7 và số 8 nằm kề nhau trên keyboard, chỉ sơ xuất một tí là đánh nhầm ngay. Biết, mà ông vẫn cố tình coi đây là *"một lỗi lầm trầm trọng"* hầu có cớ để "phê bình" nặng tay với tác giả! Chúng tôi coi đây là thái độ kém nghiêm chỉnh và thiếu lương thiện!)

Khuyết điểm nghệ thuật:

MKN viết: *"Bộ xương luận đề quá đồ sộ, đâm chỉa ngổn ngang ra cả ngoài da thịt. kết quả là thay vì người đẹp, ta có một quái thai kịch cỡm".*

Điều phê bình này của tác giả rất đúng. Chỉ có một điều nó tác hại cho lập luận của những ai muốn trả lời câu hỏi: "Có hay không một nền văn học phản kháng ở trong nước" bằng sự phủ định.

Văn học phản kháng ngay trong danh xưng của nó đã chỉ rõ tính chất đối kháng chính trị quan trọng hơn tính văn học. Không thể lấy thái độ duy mỹ hay khung cảnh ổn cố của một xã hội bảo thủ để thưởng ngoạn văn học phản kháng. Phải nhập mình vào khung cảnh xã hội đầy mâu thuẫn, đầy bạo động, và đầy tiềm năng bùng nổ, chuyển hóa, để đánh giá tính tích cực của văn học phản kháng.

Là một thanh niên mới 27 tuổi, LVL có tới 3 truyện dự thi được vào chung khảo. Ngoài truyện KSNLT, hai truyện kia là: *"Chuyện Kể Từ Thung Lũng"* mang số 8, và truyện: *"Thế Gian Biến Cải"* mang số 27. Như vậy là không những về phẩm mà cả về lượng anh cũng đạt được thành tích cao nhất, trong kì thi có cả những tay sừng sỏ như Nguyễn Huy Thiệp, Quí Thể, Nguyễn Quang Thân, Nguyễn Quang Huy...

Tính chất phản kháng tích cực cao độ của KSNLT có thể tóm lược trong một số điểm:

- Phủ nhận giá trị đổi đời của cuộc cách mạng CSVN ngay từ câu ca dao trích dẫn phủ đầu:

Con vua thì lại làm vua
Con sãi ở chùa lại quét lá đa...

- Phủ nhận vai trò pháp lí xã hội chủ nghĩa ở VN: Sự cấu kết giữa giai cấp thống trị cũ (thực dân) và giai cấp thống trị mới (CS) khiến những người bị dày đọa lại phải tiến hành một sự nổi loạn khác, ngoài vòng pháp luật.
- Sự giống nhau của cán bộ CS và lớp người xấu cũ đến độ khó phân biệt.
- Đi lao động ở Liên Xô chỉ là đi "ở đợ" nước ngoài: sinh viên học hết năm thứ hai đại học sang Nga làm "chuyên viên đập búa 5 kilôgam" lột trần tình trạng bán vợ đợ con của nhà nước CSVN để trả nợ chiến tranh.

Ở đây chúng ta phải thêm một phụ chú: chính vì quen với nếp sống ở các

xã hội Tây Phương tư bản nên MKN không hiểu được cách diễn tả của LVL: *"Trước mặt bố mẹ, hắn "kiểm điểm" những hành vi thiếu khôn ngoan (mà hắn cho là "sĩ diện") dẫn đến sự trắng tay sau bảy năm... ông già tính nhẩm cũng ra ngay giá của "danh dự" con trai ông vừa bảo tồn được... Dù sao cũng chỉ là sự hào nhoáng của kẻ nghèo...!"*

Độc giả nào đã ở Việt Nam sau 1975 cũng biết ngay rằng hắn đã giữ tư cách bằng cách chịu đói mà không đi buôn lậu phe phẩy làm nhục cá nhân và có thể cả quốc thể. Thế nhưng MKN lại hiểu là: *"Vì thói phong lưu dởm hay sĩ diện hão với bạn bè, lương tiền lãnh đến đâu hắn tiêu đến đấy, và hắn hồi hương trắng tay sau bảy năm lao động tại nước ngoài".*

Phụ chú này rất quan trọng cho việc xác định tư chất làm người của hắn. Đó là sự nổi loạn có tính cách chính trị của một người có phẩm cách. Phẩm cách cách mạng đó LVL gọi là lương thiện như trong câu kết của nhân vật chánh trả lời cho đại diện của công lý: *"Chỉ có người lương thiện thật sự mới dám nổ súng vào sự đê hèn truyền kiếp! Tôi không muốn "con vua tiếp tục làm vua"... Cha tôi đã tìm cách thanh toán việc này bằng ba mươi năm chiến đấu có tổ chức. Tôi đã làm theo cách của tôi. Tự giải phóng mình khỏi số phận đê hèn là một việc thiện, ít nhất cho chính mình... Con tôi (nếu có) sẽ không bao giờ phải đi cắt cỏ ngựa thuê cho các thế hệ của dòng họ Lâm như ba đời trước nó..."*

Nhưng đến đây đã lấn sang phần đạo đức của truyện rồi.

Đạo lí và công lí:

MKN đưa ra nhận xét: *"Chuyện hay dở ở đây chỉ là vấn đề nhỏ. KSNLT làm ta khó chịu hơn một truyện dở thông thường nhiều lắm. Đúng ra nó làm ta hoảng sợ với quan niệm đạo lí và công lí tác giả gửi gấm ở đây. Tác giả cho chỉ có người giàu mới có tội lỗi, và người giàu phải lãnh hết tội lỗi của thế gian. Hắn bỏ học đi ngoại quốc làm lao công lại không chịu dành dụm để trở về tay trắng, chuyện đó là tại lỗi tư bản của họ Lâm. Không có nghề chyên môn, phải đi cắt cỏ, chuyện đó cũng tại lỗi họ Lâm nốt.*

Đối với họ Lâm, một cái đá đít phải trả bằng tính mạng ba đời...

Theo tác giả, cả công lý của cách mạng vô sản, với những phương tiện tàn bạo của chính quyền Cộng sản gần suốt nửa thế kỉ, từ đấu tố cho tới phong trào đổi mới gần đây, vẫn chưa đủ đem lại công lí cho hắn.

Cái công lí mà tác giả đòi hỏi còn quyết liệt hơn nữa. Nó bao gồm chuyện bắn giết thẳng tay đám nhà giàu ăn tiệc trên nhà trên, để trán chúng nó nở bông hoa máu của viên đạn bể sọ, để chúng lăn lộn trên sàn nhà chồng chất lên nhau thành một đống xác rũ rượi, để máu và nước tiểu chúng lẫn lộn với những đồ uống chúng chưa nuốt kịp... Chúng đáng chết, cộng hay ngụy, cũng mặc, chủ hay khách cũng pha, và đàn bà con gái cũng không từ.

Cái công lý bệnh hoạn ấy chấp nhận một đạo lí bệnh hoạn. Tác giả sẵn sàng giẫm lên đạo lí làm người, tự tay chấp pháp, quên rằng giết người vô tội

vạ là cái vô luân tối thượng."

Chúng tôi xin phép trích dẫn toàn văn đoạn này gồm nửa trang vì nó là xương sống của cả bài phê bình. Nó đứng vững hay đổ sụp, sẽ chống đỡ hay kéo theo cả bài.

Chúng tôi cũng đồng ý với MKN là tính cách hay dở của KSNLT là vấn đề nhỏ. Cái quan trọng là đạo lí và công lí tức là nền tảng đức lí trong triết học và nền tảng tư pháp trong xã hội. Bởi đã coi đây là *"một tài liệu nhân văn quan trọng về văn học và đời sống quốc nội"* MKN hẳn phải dầy công nghiên cứu tài liệu nhân văn quan trọng đó. Sự thực, trái lại hẳn. MKN không chịu bỏ ít thì giờ đọc kĩ một truyện ngắn chỉ có 8 trang giấy như thế.

Điều thứ nhất, như bạn đọc đã thấy, trong toàn văn trích dẫn trên, MKN không đưa ra một dẫn chứng nào để làm bằng chứng cho những kết luận to tát kia.

Toàn thể chỉ là sáng tác của MKN. Vấn đề không phải là: "LVL cho chỉ có người giàu mới có tội lỗi, và người giàu phải lãnh hết tội lỗi của thế gian" như MKN viết. nếu chỉ lên án người giàu thì cách đây hơn hai ngàn năm một người thợ mộc ở Nazareth, mà mấy trăm triệu con người hiện tin rằng đó là con của Thượng Đế, có nói: *"Thật thế, một con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn là một người giàu vào nước Thiên đàng"*. (Sách Luca, đoạn 18, câu 25). Còn câu văn của LVL là: *"Cái khổ không nhà gia truyền từ đời cha đến đời mình, đến cả đời con... không đi làm cách mạng thì kéo dài đến chừng nào?"*

Cây này cũng chỉ khởi hứng từ một câu khác của hai thanh niên viết năm 1848: *"Người vô sản không có gì để mất ngoại trừ xiềng xích. Họ có cả một thế giới để chiến thắng. Vô sản thế giới, đoàn kết lại!"*. Khi viết câu kết thúc bản Tuyên Ngôn Cộng Sản đó, Karl Marx vừa đúng 30 tuổi và Friedrich Engels cũng vừa bằng tuổi LVL. Marx là một người nghiên cứu để phê bình tôn giáo, còn Engels thì vốn đã được gia đình cho theo học để thành mục sư chắc không thể không biết câu nói của Jésus trong sách Luca kia. Chỉ vài năm trước đây Marx và Engels còn là tiên tri cho gần một nửa thế giới. Bây giờ thì ở nhiều nơi các thần tượng đó cũng sụp đổ rồi.

Sự sụp đổ đó ở VN đi song song với sự xuất hiện của những *"Văn phòng của Công Ty Kinh Doanh Việt Kiều"* và sự *"phục hồi quyền lực tư sản, sức hấp dẫn của "mác Việt kiều" và sự liên tưởng về những con số đầu tư bằng đô la (qua những lời hứa hẹn) đã giúp cho một số người công kênh tàn tích đổi màu của chế độ vừa được đánh đổ bằng máu của chính họ: Làm gì còn cái cảnh ngây thơ đến tội nghiệp năm 1977 của đám thanh niên Xung Kích: "hàng ngàn người ngồi bên đống lửa nghe một người nói về "Paven của Cách Mạng Tháng Mười"."*

LVL có thể đã sử dụng nhiều kinh nghiệm bản thân và tấm lòng hoài niệm với giấc mơ đẹp của tuổi trẻ mới mười lăm mà đã trở thành một thời vang bóng khi mô tả lại những cảnh này. Giấc mơ cách mạng tâm linh của Jésus, cách mạng xã hội của Marx, Engels, hay giấc mơ đổi đời của nhân vật

chính LVL gọi là "hắn" trong KSNLT có lẽ làm cho nhiều người hoảng sợ.

Đặc biệt là những người kính trọng Thượng đế và vâng phục luật pháp chỉ dám có giấc mơ và nỗ lực "dành dụm" để thoát khỏi cảnh về trở về nước "tay trắng" hay ra khỏi kiếp "không có nghề chuyên môn".

MKN viết: *"Đối với họ Lâm, một cái đá đít phải trả bằng tính mạng ba đời"*, sau khi đã viết trong tiểu mục Giải Nhất Cuộc Thi: *"Rồi một hôm quá uất ức sau cái đá đít của Lâm Quang Vinh..."*

Sự thực LVL viết: *"Thằng Vinh nhanh nhất nên một giây trước khi mọi người hiểu chuyện gì thì "tên xấc xược" đã lãnh trọn mũi giày vào ngực..."* Đá đít hay đá vào ngực đúng ra là chuyện tẹp nhẹp. Nêu ra chỉ để thấy cung cách làm việc cẩu thả của người phê bình.

Ở đoạn chót sự lầm lẫn hoặc xuyên tạc còn trắng trợn và không tẹp nhẹp nữa. MKN phê bình: *"Cái công lý bệnh hoạn ấy chấp nhận một đạo lý bệnh hoạn. Tác giả sẵn sàng giẫm chân lên đạo lý làm người, tự tay chấp pháp, quên rằng giết người vô tội vạ là cái vô luân tối thượng"*.

Nhân vật trong truyện giết người vì ba đời nô lệ cũng như vì lý tưởng cách mạng bị phản bội. Ta không thể qui hành vi sát nhân đó cho LVL như MKN đã làm. Cũng như trong văn học thế giới, Albert Camus có viết truyện *"L'-Etranger"* (Kẻ Xa Lạ) về một kẻ sát nhân vô cớ, để trình bày về một quan niệm phi lí về nhân sinh. Không ai ngây ngô đến độ đổ tiệt cho Camus tự tay giết người hay chủ trương một thứ đạo lí giết người cả. Trong môn luận lí, sai lầm này là một trong những ngụy biện sơ đẳng và có tên là *adhominem* (qui về người mà không qui về việc). Trong khoa tu từ của các trường trung học ngày nay học sinh cũng được dạy phải tránh sai lầm đó mới có thể làm luận văn được.

Trong cái không khí bạo tàn của một xã hội tan rã sau chiến tranh, và đang vùng vẫy để thoát ra cái hoang tưởng của ý thức hệ giản lược, và cái gông cùm của một đảng CS chuyên chính như ở VN, một người viết văn có thể ca tụng má đỏ, mi cong, cùng bông hồng vàng; hay cực tả sự khốc liệt của việc tranh sống và vùng vẫy khỏi cái đê hèn truyền kiếp. LVL đã chọn cách thế thứ hai. Chúng ta phải cám ơn anh đã gởi tới chúng ta một mảng đời sống rớm máu tại quê nhà.

Có lẽ chính vì sự khắc họa tươi rói về một chủ đề làm nhức nhối nhiều người của LVL đã khiến ban giám khảo tặng cho anh giải nhất. Sự chọn lựa của ban giám khảo có thể một phần vì bị chi phối vì cảm tình với những người can đảm dám hư cấu trên ngay những mâu thuẫn giữa lí tưởng mà ĐCSVN đề ra với đời sống thật hàng ngày.

Cơ sở lý luận này dựa trên chính tác phẩm và việc làm của những người có tên trong ban sơ khảo như Trần Huy Quang và cả trong ban chung khảo như Nguyên Ngọc. Trần Huy Quang là một người đã dám viết truyện ngắn *"Linh Nghiệm"* (3) để hạ bệ thần tượng Hồ Chí Minh. Còn Nguyên Ngọc? Nhật Tiến viết về Nguyên Ngọc như sau: *"Tuy không đưa ra những tác phẩm*

trực tiếp đóng góp vào trong phong trào văn nghệ đổi mới, nhưng ở cương vị Tổng biên tập của tờ báo Văn Nghệ, nhà văn Nguyên Ngọc quả đã có công rất lớn trong nhiệm vụ làm đòn bẩy cho những tác phẩm đổi mới có cơ hội bùng lên. Chính vì sự đóng góp lớn lao này mà Nguyên Ngọc bị cất chức một cách mờ ám ngày 2-XII-1988"

Còn MKN thì viết: *"Sang đến ý niệm công lý và đạo lý của ban giám khảo ta lại còn thấy bất an hơn. Thật ra, ta kinh hãi. Rõ ràng là các vị còn đáng sợ hơn là hung thủ trong truyện. Y chẳng qua là một kẻ cuồng sát đã mất lương tri đến độ không còn biết ăn năn. Những kẻ cuồng sát như vậy, dù đáng ghê tởm đến đâu, thực ra ở xã hội nào cũng có, không những trong hư cấu tiểu thuyết mà còn trong đời sống thực hàng ngày. Nhưng thái độ (từ dung dưỡng đến khen lao) của những nhà văn lớn quốc nội với một quái vật như vậy quả là điều quái dị có tầm mức quốc gia. Tôi còn biết nói sao nữa, khi đọc lại những lời phê bình của các vị".*

Cái gì mà rùng rợn thế này? Người CSVN trước nay vẫn được đánh giá là rất cẩn thận trong công tác tuyên truyền, chắc đã phát điên phát rồ sao mà lại công khai in trên giấy trắng mực đen những điều xúc phạm đến độ một linh hồn nhạy cảm và nhân bản như MKN phải hoảng sợ, ghê tởm trước *"những quái vật có tầm mức quốc gia"* như vậy!

Ta hãy xem. Chu Văn viết: *"... Tội nhân là nạn nhân, còn những kẻ gây ra đổ vỡ là ngu dốt, quyền lực mê muội, là sự bất cập của quản lý xã hội".*

Ma Văn Kháng viết: *"Tự giải phóng cho mình bằng cách của mình. Một sự vượt lên thân phận..."*

Anh Đức viết: *"Truyện này rất quyết liệt, nhưng tốt. Nó thể hiện một sự đổi thay trái khoáy, do giới chức ta coi trọng đồng tiền, đẩy sự việc tới những phát súng, thay vì chờ đợi luật pháp. Đúng hơn là lòng căm thù có khi đứng trên luật pháp, thừa hành luật pháp. Cho giải".*

Cái thủ đoạn tước lột nhân tính của kẻ khác dễ dàng nhất là gọi họ là quái vật, là con thú. *"Tôi còn biết nói sao nữa". "Tha hóa đối phương, chối bỏ nhân tính của địch", "Đức Quốc Xã đã làm vậy với người Do Thái"*. Chỉ có một ngoại lệ là Nguyễn Minh Châu, bởi ông "đã quá cố". Thật là tiện.

Văn Học thế giới không thiếu gì những chuyện cực tả kiếp người. Từ những việc loạn luân trong Kinh Thánh Do Thái, những huyền thoại dâm ô của thần linh Hy Lạp, bi kịch của Sophocles với nhân vật Oedipus giết cha lấy mẹ, qua Shakespeare với Hamlet giết cha ghẻ, đến Hầu tước De Sade, Dostoievski, André Gide, Jean Genêt... kể sao cho xiết. Ngay trong văn học Việt Nam, những chuyện dân gian như *Tấm Cám*, tác phẩm văn học như *Truyện Kiều* cũng có những cảnh trả thù hoặc báo oán mà nhiều người phải nhăn mặt. Ý niệm thưởng phạt đơn sơ (lệ) đâu ra đó, ăn miếng trả miếng cũng là một nhu cầu sâu xa về công lí của người dân thường vốn không quen với những dè dặt, chi li, và tế nhị của nền công lý thành thị trưởng giả (luật). Hơn nữa, quan niệm về thẩm mỹ của Aristote, trong cuốn *"Thi Học"*, là

chính bi kịch trong tác phẩm nghệ thuật sẽ giúp quần chúng thanh hóa *(katharsis)* tình cảm, và vì vậy cũng có giá trị đức lí.

MKN có nêu hai giả thuyết để thử lí giải sự mâu thuẫn giữa những ý niệm công lí và đạo lí của ban giám khảo với lời tựa của trưởng ban chung khảo Hữu Thỉnh: *"Tình yêu không mệt mỏi với con người"*, và *"mối quan tâm khắc khoải về sự toàn thiện nhân cách."* Đó là: 1. *"Tập quán phân chia ta địch từ thời chiến tranh"*; và 2. Sự *"hiếm hoi đề cập đến người miền Nam cũ [...], không bỏ thì giờ để tìm hiểu họ"*.

Ở đây chúng ta khám phá thấy một điều rất dị kì của người VN: Những điều MKN phát biểu, nếu đứng ở vị trí một nhà văn trong nước với những thành kiến cực tả nhìn về dòng văn học cực hữu trong số người Việt ở nước ngoài, thì cũng thích hợp về mặt tổng quát (5). Trong bài viết này, tôi thử đưa ra một cách nhìn khác về truyện KSNLT của LVL và bài phê bình của MKN để chúng ta có thể thông cảm với tâm tư của những người còn ở trong nước. Chỉ có viết cho toàn thể người Việt không phân biệt trong nước và ngoài nước mới là cách thế phục vụ dân tộc và giao lưu văn hóa tốt nhất.

Chính hậu quả của cuộc chiến tranh Quốc-Cộng đã tạo nên một tâm thức bè phái, khu vực khiến những thế hệ trưởng thành trong chiến tranh dễ bị quá khứ ảnh hưởng, và khó mà đánh giá một sự việc không bị thiên lệch. Những người ở ngoài nước ngày càng xa cách với những thay đổi xã hội trong nước. Những thay đổi này đang tác động lên nhà nước CSVN và khiến họ phải thích nghi, dù muốn dù không, để tồn tại - nhất là tại những cơ cấu có tính cách chuyên môn hoặc đòi hỏi thực tài như các ngành khoa học kỹ thuật và văn học nghệ thuật. Vì vậy những cơ cấu này có triển vọng được hưởng nhiều tự do nhất và có khả năng hình thành những đối kháng có tầm vóc nhất. Nhu cầu thông tin khoa học và giao lưu văn hóa với họ cũng sẽ lớn lao nhất để khỏi uổng phí trí tuệ và sinh lực của đất nước.

Điều lí thú là nếu so với tất cả tập-hợp-người khác trên thế giới, thì người Việt trong nước và ngoài nước, người Việt Quốc Gia với Cộng sản, giống nhau hơn cả trên toàn bộ các mặt. Điều này dễ hiểu, vì chúng ta cùng thuộc về một lịch sử, một ngôn ngữ, một văn hóa - là con một mẹ, anh chị em một nhà.

Bất hạnh chăng? May mắn chăng? Tôi không biết. Tôi chỉ nghĩ rằng chúng ta cùng chung một vận mệnh; và nếu không làm được chuyện đội đá vá trời, thì ít ra chúng ta cũng có thể tránh cho nhau những đau khổ không cần thiết gây ra do ngộ nhận, vì quá tha thiết với bạn bè mà thiếu thông cảm với làng xóm.

Những chuyển đổi ở xã hội Việt Nam mới vào giai đoạn khởi đầu sau 40 năm dằng dặc xa cách, cần rất nhiều thận trọng và tương kính để phê bình nhau trong thành ý, góp phần hòa giải và xây dựng dân tộc.

Cuối bài phê bình MKN có nguyện cầu là mọi chuyện ở VN sẽ ổn định hơn, cởi mở hơn, cho một mùa xuân văn học đến với đất nước. Như vậy, trong

tâm tư, MKN hẳn cũng chấp nhận giao lưu văn hóa giữa người trong nước và ngoài nước. Về phần người viết bài này, ít nhất cũng nhờ tập "Ánh Trăng" và bài phê bình của MKN mà tôi có dịp đối thoại để nhận ra nhau. Xin cám ơn cả Mai Kim Ngọc và Lại Văn Long.

NGUYỄN TIẾN VĂN
Toronto, 23 tháng Chạp năm Nhâm Thân

CHÚ THÍCH:

(1) Giải nhất: không có. Giải nhì: truyện *"Boong Xay"* của Cao Chiến. Giải ba: truyện *"Quán Trọ"* của Nguyễn Thị Minh Ngọc và truyện *"Cái Chết Của Bầy Mối"* của Nguyễn Quang Thiều. Giải khuyến khích gồm 9 truyện: *"Cổ Ngai"* của Nam Tuấn; *"Đành Rằng Vẫn Một Nhẽ Tha Hương"* của Nguyễn Bản; *"Thằng Con Nối Nghiệp"* của Trần Tú; *"Thuỷ Tinh"* của Phạm Công Thành; *"Một Người Tốt Số Qui Tiên"* của Khương Hồng Minh; *"Người Điên Kể Chuyện Người Điên"* của Hoàng Văn Bổn; *"Mẹ"* của Võ Nguyên; *"Đất Khách"* của Lý Lan; và *"Mĩ Nhân Làng Trọng Nghĩa"* của Trần Quốc Tiến.

(2) Norman J. Giradot: *Myth and Meaning in Early Taoism: The Theme of Chaos (Huyền Thoại và Ý Nghĩa trong Đạo Giáo Nguyên Thủy: chủ đề về Hỗn Độn Sơ Khai),* University of California, 1988, 422 trang, là tác phẩm biên khảo giá trị về nguồn gốc của Đạo Giáo qua huyền thoại, ảo tưởng của truyền thống tín ngưỡng, triết lí bản địa Á Đông, đặc biệt là văn hóa Đông Sơn với hình tượng trứng, bầu, hồng thủy, trống đồng.

(3) Truyện ngắn này đã được đăng trên tạp chí *Văn Nghệ* tại Hà Nội số ra ngày 4-VII-1992 gây xôn xao trong nước và tạp chí *Trăm Con* số 3, tháng VIII-1992 xuất bản tại Toronto, Canada, tr. 48-49.

(4) Nhật Tiến: *Nhà Văn Nguyên Ngọc, Những Suy Nghĩ Và Hành Động Trong Cao Trào Văn Nghệ Phản Kháng* (Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương, nhà xuất bản Lê Trần, California 1990, tr. 122)

(5) Ngay cả tác giả Lỗ Tấn mà MKN tâm đắc (và dịch truyện đăng trên cùng số tạp chí *Văn Học* 79) cũng là người được toàn thể thế giới văn học miền Bắc từ Phan Khôi hâm mộ đến Đặng Thai Mai giới thiệu, và Trương Chính phiên dịch. Trương Chính còn sang tận Trung Quốc thâm nhập xã hội và ngôn ngữ Trung Quốc để có được phong cách dịch ra Việt ngữ. Kẻ thù của Lỗ Tấn và những người yêu quí ông chính là cái di sản tàn ác và mông muội của quá khứ phong kiến còn đè nặng lên hiện tại.



LÊ BI

giao thừa

Dạo này có những cơn say ở đâu anh cũng lê tới đó
tự giả hình trong những tiếng động
một năm qua cũng không có gì để lại
ngoài sự lạc lõng
bám víu vào một đám đông lạc lõng
bám víu vào sự ồn ào
bám víu vào đêm cuối cùng
những đêm không định hướng.
Đâu phải anh không biết nói
lúc nâng ly lên cao là lúc cô độc xuống đến tận cùng
cả những người quen người lạ cũng không có gì mới
ngoài sự im lặng của Hương
anh chìm nghỉm giữa ly tách ngổn ngang của một cuộc rượu tàn
những màu hồng sót lại
chụp xuống một thế giới không tưởng
nơi chỉ còn những giọng cười thiêu thân
lao vào một đêm đang mất.

Thì cứ say ở một nơi ai nấy đều có thể là bạn
trong cái ly này chưa hết tương lai
dốc hết tiếng động ô nhiễm
những câu nói đuổi nhau
những buổi sáng buổi tối đuổi nhau

những hư cấu đuổi nhau
cứ vòng vòng như chúng ta vòng lại
không biết ở đâu về đâu
anh lan tràn giữa mặt phẳng
những màu da đổi sắc
của những kẻ vẫn loay hoay với chính mình

Hương
vẫn tỉnh táo như cục nước đá
đắp vào mặt vào cổ
vẫn ung dung như chiếc thuyền
kéo thời gian mềm xuống
Hương
vẫn ùn ùn tự phát như một lò sưởi
là một ánh lửa lâu hơn những ánh lửa
mùa đông vẫn không có gì mới mẻ
ngoài nụ hôn say.

Đêm nay chỉ như dấu chấm than rất nhỏ
bâng khuâng bám vào một thế giới bế tắc
thảy vào lò sưởi tiếng thở dài
thảy vào biến động đã qua còn lại
thảy vào những điểm nóng cục bộ
thảy vào một trò chơi ú tim
anh sẽ chỉ tóm tắt thế giới giản dị như màn ảnh truyền hình
tắt bật
đầy những nạn nhân hôn ám
nơi lịch sử vẫn vô hình
để lại những màu sắc nghiền nát

những đứa trẻ ở Somalia những người đàn bà Hồi giáo ở Bosnia
hay những người già ở Kampuchea
đang trở thành một chủng loại siêu thực
Hương
chắc đêm nay không thể nhớ gì hơn nữa
như sự im lặng không thể ngừng.

Thì chúng ta đang thức
thức cho đến hết
khi em vừa dẫn anh thoát ra khỏi sự ồn ào
thoát khỏi một năm hư cấu
thoát khỏi những cuộc đời hư cấu
thoát khỏi những lương tâm hư cấu
nơi chúng ta vẫn tiếp tục làm nhân chứng ù lì
của một thời đại xôi đậu
thoát khỏi, tối thiểu cũng là một đêm giao thừa bức xúc
thân thể thành sữa của nhau
trang kinh sách rạo rực
tự cháy theo miếng củi cuối cùng
Hương
năm cũ hay năm mới chắc không có gì khác lạ
ngoại trừ việc khám phá lại sự im lặng
vỡ trong nhau
để phục sinh như đứa trẻ mới sinh
như con chim sinh ra phải phá vỏ trứng của mình
anh nhớ đến trời sao vẫn nở
để sự im lặng trở thành một đoạn kết hoang đường.
LÊ BI
1/1/1993
(Hương và đêm những người bạn)



LÊ THỨ

bề rộng của con người

Tôi sẽ trình bày vài suy nghĩ nhỏ về việc khảo sát và đánh giá một đối tượng lớn: sinh hoạt văn học, nghệ thuật trong nước trong giai đoạn hiện nay.

1.

Trong *Nhật Ký Nguyễn Ngọc Lan* (Tin, Paris 1991) tác giả có viết một đoạn liên quan đến vấn đề "cởi trói văn nghệ" như sau:

"Trần Mạnh Hảo kể chuyện mấy năm trước, sau một bài nói chuyện nào đó của Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh với giới văn nghệ, báo chí, anh về quê thăm ông bố vẫn là người giữ đạo nghiêm túc. Ông bố làm tiệc rượu đãi con và bạn bè. Ngà ngà say, ông đứng lên ôm con vừa cười vừa khóc: "Mày là nhà văn phải không con ? Tao mừng cho mày được cởi trói". Mấy tháng trước đây, Trần Mạnh Hảo lại về quê thăm ông bố. Lại một bữa rượu tưng bừng. Ông bố lại ngà ngà say rồi cũng lại đứng lên ôm con vừa khóc vừa cười: "Mày là nhà văn phải không con ? Tao buồn cho mày bây giờ bị cột lại. Mà mừng hay buồn mà làm chi ? Tao phải hỏi mày trước đã: nhà văn chúng mày là con người hay con mèo, con chó mà khi được cởi trói, khi bị cột lại như vậy, hở con!".

Câu nói của ông cụ thân sinh tác giả Trần Mạnh Hảo nói được cái xúc cảm đầy chua chát, uất ức trước thân phận *tủi cực, thấp kém* của nhà văn, do cách nhìn của một chế độ vẫn chưa chịu từ bỏ chủ định khống chế lên tự do của từng con người, ở đây là người làm văn học nghệ thuật. Đồng thời, dựa trên một chân lý thật đơn giản, và do đó lại thật danh thép, nó khẳng định một nghịch lý trong tư duy của những người ảo tưởng rằng thông qua cái quyền lực, mang tính bạo lực, của chế độ họ sẽ thành công trong ý đồ thường xuyên bóp nặn một nền văn học trong lòng bàn tay họ.

Một câu hỏi được đặt ra. Một định nghĩa, nhà văn là gì, được nhắc lại. Và từ đó, hàm chứa ngay trong câu hỏi của ông cụ, một tiếng trả lời: KHÔNG,

thật dõng dạc cho những ai còn mong hoặc tin vào việc trói cột người làm văn học nghệ thuật trong nước. Và đó mới là điều quan trọng cần nói.

Cuộc dằng co giữa trấn áp và đề kháng, giữa những người chủ trương khống chế sinh hoạt văn học nghệ thuật trong nước (tất nhiên là có những người là văn nghệ sĩ ở trong phe này) và những người bị khống chế, lèo lái (tất nhiên là có những người không chấp nhận thân phận bị chèn ép dễ dàng trong phe này) sẽ không xuôi chèo mát mái, cho cả hai bên. Những tiến lùi có tính giai đoạn vẫn xảy ra, và do đó có thể sẽ được đánh giá một cách tùy tiện, cho vừa mục đích riêng của từng người bình phẩm.

Ta cứ thử tưởng tượng ra một căn phòng tối bưng ẩm thấp, trong đó mầm sống bị thui chột đến độ chỉ những sinh thể hạ đẳng còn có thể phát triển. Rồi một bận, cánh cửa lớn được mở ra, ánh dương chói lọi ùa vào, soi rọi thẳng vào một góc nào đó. Xong, cánh cửa bị đóng im ỉm trở lại. Ngay trong cảnh huống mà tôi cố tình đơn giản hoá đến cực đoan ấy, nếu ta nhìn gần, thật gần, với đôi con ngươi rộng mở, xuyên thấu được cái tối đen mông muội của tình huống, chúng ta sẽ thấy rằng cái "sinh hoạt" bình thường của các sinh thể hạ đẳng kia vẫn bị xáo trộn vì luồng nhật quang và sự thiêu đốt rực rỡ của nó, do một lần cánh cửa được mở ra. Ký ức tập thể của chúng đã ghi nhớ cái ánh sáng đã bắt gặp, dù chỉ gặp một lần ngắn ngủi. Và, dù thật âm thầm, những nhà máy sinh hoá vi ti kia sẽ làm việc theo một trình tự nào đó tác động bởi ánh sáng mặt trời.

Với những sinh thể hạ đẳng còn như thế. Nói gì tới những người làm văn học nghệ thuật trong nước, những con người, những đồng bào của chúng ta, mà khả năng và ý chí sống của họ tất nhiên phải ngàn lần mạnh mẽ và tinh vi hơn. Vì tối thiểu, cũng như bất kỳ con người biết suy nghĩ và có lương tri nào trong chúng ta, họ mang theo trong huyết quản của mình những truyền thống, những ký ức nhất định, tài sản chung của loài người, cộng thêm phần đóng góp riêng của dân tộc, và cộng đồng. Đó là loại ánh dương sẽ luôn luôn soi rọi cho họ, lưu giữ những điều mà loài người và dân tộc đã nghiệm sinh và dự phóng, những ước mơ và lo toan, trăn trở và từ đó những khả năng tinh tế và quyền biến để sống cho ra sống. "Cột" hay "cởi", "mở" hay "đóng" là ý đồ, hành vi của một phía, phía có quyền lực, ở đây là quyền lực khống chế và bách hại. Nhưng quy luật của cuộc sống không vì đó mà hoàn toàn bị uốn cong theo ý chí của nhóm người này. Thêm nữa, với hoàn cảnh và các phương tiện của thời đại, những kẻ muốn đóng cửa đã không còn hoàn toàn che được ánh mặt trời.

Vì suy nghĩ như thế, tôi tin rằng, trừ khi vì ác tâm, cố tình phủ nhận thực tế, người có lý trí và công tâm tối thiểu phải thấy sự liên tục phát triển của dòng văn học đối kháng lại với mưu đồ áp đặt để chỉ còn lại một nền văn học "đồng phục" và "bình quân", với mục đích ngăn ngừa, từ trong trứng nước, những mũi nhọn đột phá.

Điều khó khăn mà có lẽ hầu hết chúng ta — tôi dự đoán kể cả những

người nghiên cứu chuyên nghiệp và hết sức nghiêm cẩn — ở ngoài nước đều gặp phải là làm sao để có thật nhiều (làm sao dám nói là thật đầy đủ) các chứng liệu về sáng tác và sinh hoạt văn học trong nước khả dĩ ta có được những hiểu biết cần thiết. Vì lẽ đó, tôi luôn tâm niệm rằng cái nhìn và biết của chúng ta về sinh hoạt văn học nghệ thuật trong nước, dù chỉ trong giai đoạn, là rất hạn hẹp, nếu tránh nói là phiến diện, đôi lúc đến thiên lệch, méo mó.

Vốn là một điều rất bình thường để một người viết phát biểu dựa trên phần thông tin giới hạn mà người ấy có được. Làm gì có được *cái nhìn trọn vẹn* về một đối tượng hết sức dàn trải, phân tán, và phải nói là phần nào vô định hình, như *nền văn học đương đại* của một dân tộc, một xã hội còn quá nhiều xung đột và biến động, nhất là khi nó còn đang sống và thay đổi không ngừng. Song, ngay cả khi không ai dám nói mình có cái nhìn toàn vẹn, thì đồng thời, nếu vấn đề được đặt đúng trong bối cảnh và giới hạn của nó, với vốn chất liệu thật dè xẻn, người chịu khảo sát vẫn có thể tìm ra cho mình một số thông tin, luận điểm, hoặc ngay cả đúc kết có tính khái quát khoa học mà không sợ là mình đang trong cảnh "thầy bói mù xem voi".

2

Để theo dõi giai đoạn được mệnh danh là "cao trào văn nghệ phản kháng" tại Việt Nam, tôi đã đọc khá kỹ tuyển tập *Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương* (Lê Trần, 1990). Theo cách phân định khung thời gian cho "cao trào" này, các tác giả chủ trương Tuyển tập đã chọn hai năm 1986 và 1989 làm thời điểm bộc phát và bắt đầu lắng đọng của cao trào. Theo thiển ý, đây cũng là một cách phân chia có lý do, dựa trên số thông tin và tư liệu giới hạn (dù khá phong phú trong điều kiện vô cùng khó khăn của thời điểm). Về cái điểm ngắt là năm 1989, tác giả Thân Trọng Mẫn đã dè dặt mô tả rằng cao trào văn nghệ phản kháng đã *"trở lại thời kỳ lắng đọng sau đại hội nhà văn lần thứ IV vào tháng 9 năm 1989"* (THVNTQH, tr. 47).

Chính cách phân định thời gian này đã gợi ra sự hiện hữu của thời kỳ *hậu 1989* cho sinh hoạt văn nghệ trong nước. Và từ đó, nó mời gọi việc quan tâm và khảo sát kỹ hơn ở người đọc.

3

Vừa mới đây, trong bài viết: *"Ánh Trăng", Tập Truyện Ngắn Được Giải Cuộc Thi Báo Văn Nghệ 1991* (Văn Học, 11-1992), tác giả Mai Kim Ngọc cũng đã ít nhiều nói đến giai đoạn sinh hoạt văn học tương ứng với thời 1986-1989 và sau đó; mặc dù rằng tác giả không đề cập rõ rệt đến các con số năm tháng, hoặc là các ý niệm *cao trào* hoặc *thoái trào, lắng đọng* như các tác giả *Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương.*

Ông nhắc lại, "trong một thời gian ngắn", những tác giả quốc nội như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Lê Lựu, Phạm Thị Hoài, Nguyễn

Minh Châu..., thông qua một vài tác phẩm của mình, *"đã trở thành đề tài tranh luận sôi nổi"*, với những *"Phản ứng, dù khen hay chê, đều rất mãnh liệt"*. Đánh giá giai đoạn đó,tác giả Mai Kim Ngọc viết:

"Bỏ riêng vấn đề chính kiến, ta phải nói ngay là đợt đầu của những tác phẩm quốc nội nói chung **đều có phẩm chất nghệ thuật** *cao hơn dự đoán. So với mấy năm trước, các tác giả đã bỏ dần được cái nếp văn học khẩu hiệu thường lệ"* (tr. 22 — tôi nhấn mạnh, LT).

Tiếc rằng Mai Kim Ngọc đã không nói rõ đó là dự doán gì, tầm mức và cơ sở của chúng, cũng như ai dự đoán.

Đó là *đợt đầu*, sang *đợt sau*, tác giả Mai Kim Ngọc dựa vào thí dụ cụ thể là mấy đoạn yếu kém trong hai tác phẩm, *Ly Thân* của Trần Mạnh Hảo và *Tiểu Thuyết Vô Đề* của Dương Thu Hương, để bày tỏ mối *"lo âu"* gia tăng của ông vì *"sách truyện quốc nội bắt đầu sút kém về phẩm chất"*. Từ nỗi lo như thế, ông đã phóng chiếu vấn đề lên một tầm cỡ lớn hơn: Ông cho rằng nỗi vui (!) trước đây đã *"dựa trên những căn bản bấp bênh"*, đó là niềm tin vào một ngoại lệ rằng *"văn học vẫn tốt đẹp mặc dù xã hội chung quanh thoái hoá đến mức nguy hiểm trong mọi lãnh vực, từ giáo dục, y tế, kinh tế, hành chánh... cho đến đạo lý."* (tr. 22)

Tác giả Mai Kim Ngọc là một người viết văn, và ông dã gói ghém trong câu viết trên đây một luận điểm khá đặc biệt về mối tương quan giữa cái *tốt đẹp* của văn học và xã hội. Dựa theo luận điểm này, nhất là khi ý niệm *tốt đẹp* của văn học không được tác giả định nghĩa, một người đọc có thể thắc mắc không biết tác phẩm*Chí Phèo* của Nam Cao, mà Mai Kim Ngọc cho là *hay*– (tr. 31) có phải là một tác phẩm văn học *tốt đẹp* hay không ? Hoặc hay mà không tốt đẹp ? Hoặc Nam Cao chỉ là một ngoại lệ ? Một ngoại lệ như Pasternak khi viết *Bác sĩ Zhivago* trong cảnh huống đời ông lúc bấy giờ chăng ? Hoặc Solzhenitsyn khi viết tác phẩm *Một Ngày Trong Đời Của Ivan Denisovitch, Khu Ung Thư ?* Thật khó mà kể hết những ngoại lệ ra đây.

4

Đối tượng khảo sát cụ thể cuả tác giả Mai Kim Ngọc, thể hiện qua tựa bài viết, là tập sách mang tên *Ánh Trăng*, tuyển tập gồm những truyện ngắn được giải trong cuộc thi năm 1991 của báo *Văn Nghệ*.

Ông Mai Kim Ngọc viết: "Với một tư liệu như vậy, ta có thể tìm hiểu tài nghệ văn học của thí sinh , cũng như kiến thức và mỹ quan của ban giám khảo. Hơn nữa, văn là người, và tư liệu nếu được nghiên cứu nghiêm chỉnh sẽ rọi thêm ánh sáng vào **những lãnh vực quan trọng cuả đời sống văn giới quốc nội** mà ta **đang khao khát tìm hiểu.** *Từ đấy ta sẽ có dịp suy diễn ít nhiều về quan điểm của họ đối với những vấn đề xã hội, đạo lý, chính trị, tự do công lý... Tóm lại những vấn đề hiện đại của đất nước"* (tr. 23 — tôi nhấn mạnh, LT).

Chủ đề được đặt ra phải nói là lớn lao. Chỉ tiếc, qua suốt bài viết, tác giả

Mai Kim Ngọc đưa ra cho người đọc một số thật ít dữ kiện và thật nhiều suy diễn. Ta không thể nghĩ là do tác giả không có nhiều tài liệu trong tay. Vì ngay cả với quyển *Ánh Trăng*, tuy được nhắc đến toàn tuyển tập như một tư liệu giá trị, tác giả Mai Kim Ngọc dựa phần lớn, nếu không nói là toàn bộ bài viết của ông vào: (1) Bài *Thay Lời Tựa* do Hữu Thỉnh, Trưởng ban chung khảo, viết; (2) trích dẫn các lời phê của các giám khảo Chu Văn, Anh Đức, và Ma Văn Kháng (Hai giám khảo còn lại là Nguyễn Khải và Nguyên Ngọc không thấy trích dẫn), và (3) truyện ngắn được giải nhất *Kẻ Sát Nhân Lương Thiện* của Lại Văn Long.

(Sự kiện truyện ngắn này được đăng lại nguyên vẹn, như phần phụ lục cho bài viết của tác giả Mai Kim Ngọc, là một việc làm nghiêm cẩn đáng ghi nhận của tạp chí *Văn Học* và tác giả Mai Kim Ngọc).

Không như ngụ ý qua nhan đề bài viết, các tác phẩm được giải khác, đăng trong cùng tuyển tập, kể cả truyện *Ánh Trăng*, chỉ được nhắc phớt qua: "*...ngay trong tập truyện được giải cũng có vài tác phẩm xuất sắc (truyện* Chị Thìn, *truyện* Ánh Trăng; *và rộng rãi hơn chút nữa, truyện* Mùi Cọp, *nếu tạm bỏ qua cái kết có kịch tính hơi đơn giản ngây ngô).*

Đáng để ý là ba truyện được nhất trong tập truyện này đều bị xếp hạng ba, mặc dầu phẩm chất cao hơn các truyện hạng nhì (Vũ Điệu Của Cái Bô *và* Nhân Sư*)...*" *(tr. 32).*

Về lý do truyện ngắn đoạt giải nhất cần được phân tích kỹ lưỡng, tác giả Mai Kim Ngọc giải thích: "*Truyện đáng phân tích kỹ lưỡng, vì văn phong* **đã điển hình cho toàn tập** [tôi nhấn mạnh — LT], *mà nhân sinh quan gửi gắm trong ấy lại có nhiều nét cần bàn*". Qua giải thích này, theo tôi hiểu, tác giả khẳng định sự giống nhau về văn phong của toàn bộ các truyện được giải.

Tôi vừa khái quát điều mà tôi cho là cơ bản nhất về phương pháp luận của ông qua bài viết về tập *Ánh Trăng.*

Vừa bó hẹp dữ kiện, quanh chuyện *Kẻ Sát Nhân Lương Thiện* và các ý kiến của ba giám khảo, bị ông đánh giá là "*phản ảnh một nền văn học cổ hủ và kỳ dị*", tác giả Mai Kim Ngọc vừa mở rộng tầm suy diễn sang những phạm trù hết sức bao quát; phải chăng ông mặc nhiên phán quyết rằng chính truyện ngắn *Kẻ Sát Nhân...* của Lại Văn Long, chứ chưa phải là toàn bộ cuộc thi truyện ngắn của báo Văn Nghệ, có luôn cả tính điển hình vượt quá khuôn khổ của văn phong để biểu trưng luôn cho toàn bộ, sinh hoạt văn học trong nước trong thời gian qua ? Đó là điểm cơ bản, về phương pháp, tôi không thể đồng ý với tác giả Mai Kim Ngọc. Và phải nói thẳng ra rằng, qua cách thế đặt vấn đề và cách lập luận trong bài viết của ông, tác giả Mai Kim Ngọc chỉ dùng một truyện ngắn dở, nhưng được "*cho giải*" (chữ dùng trịch thượng, qua cách nói cụt ngủn của giám khảo Anh Đức), mặc dù có nhiều tác phẩm dự thi hay hơn, để minh hoạ cho một luận điểm có sẵn của mình ! Luận điểm cho rằng cả cái nền văn học trong nước đã bị thuần hoá, rặt một màu, chỉ cần đọc một truyện ngắn *Kẻ sát nhân...* là ta thấy hết cả một nền văn học.

5

Ông Mai Kim Ngọc đã viết một đoạn có tính chất tổng kết khái quát:

"Sự đổi mới trong văn học quốc nội đơn giản và thô thiển, đầy đủ 180 độ cực đoan, và hôm nay là âm bản của hôm qua. Cứ thế, văn chương phản kháng của hiện tại sau cùng lại giống hệt văn chương minh hoạ của quá khứ, như âm bản giống dương bản của một tấm ảnh". (tr. 29-30)

Đây là câu phán quyết chung thẩm của tác giả Mai Kim Ngọc về toàn bộ nỗ lực đổi mới trong văn học quốc nội. Một câu viết thật ví von, đầy hình tượng, chan chứa cái vẻ bề thế, cao trọng của người chọn đứng ở bệ cao mà phán xét. Lời nói như có gang có thép. Tiếc thay, về nội dung, đó là một tổng kết thiếu cơ sở. Xem lại toàn bài viết của ông, tôi thấy tác giả Mai Kim Ngọc đã không hề đưa ra những bằng chứng có kích thước tương xứng, đủ sức nâng đỡ cho câu nhận định to lớn, nặng nề của ông.

Trớ trêu thay, chính câu nhận định vừa nói của ông Mai Kim Ngọc đã khiến tôi liên tưởng tới cái truyện ngắn đoạt giải nhất mà ông đã phê phán, kể cả mặt đạo lý, không tiếc lời. Quay lại để có dịp suy tưởng thêm về thứ lô-gích tự đánh giá của nhân vật chính trong truyện; kẻ, sau khi bắn giết bừa bãi, đã cho rằng mình lương thiện. Với sự thù hận, váng vất mối thù *"giai cấp"*, che phủ lương tri, hắn đã bắn không thương tiếc vào cả người vô tội vạ; hắn đã *"tự tay chấp pháp, quên rằng giết người vô tội vạ là cái vô luân tối thượng"*. Cũng may, kẻ sát nhân kia chưa mang súng máy ra giữa chợ đời mà bắn !

6

Không phải là người làm công tác nghiên cứu hoặc phê bình văn học, dù chỉ là "nghiệp dư", vốn hiểu biết của tôi về các sinh hoạt văn nghệ trong nước do đó rất giới hạn. Hết sức giới hạn. Tài liệu tôi có được trong tay lại càng ít ỏi hơn. Dù vậy, tôi cũng xin được trình bày ra đây một số sự kiện, dù rời rạc, riêng lẽ, để ít ra góp thêm vài mẩu mảnh của một bức hoạ lớn, mà tác giả Mai Kim Ngọc muốn *"rọi thêm áng sáng vào"*. Tôi không nhằm rút ra một kết luận nào, mà chỉ muốn chia sẻ thông tin. Với nhiều thông tin hơn, may ra có người sẽ đi tới được một kết luận khiêm tốn nào đó, một cách có cơ sở hơn:

Trước hết là giải thưởng *Hội Nhà Văn* năm 1991. Đây là một giải thưởng để lại nhiều tiếng vang. Kết luận này dựa trên các bài phê bình sách, các cuộc tranh luận, việc tái bản sách được giải ở trong và ngoài nước. Ba tác phẩm tiểu thuyết *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bão Ninh, *Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma* của Nguyễn Khắc Trường, *Bến Không Chồng* của Dương Hướng và quyển *Lý Luận Và Văn Học* của Lê Ngọc Trà là những tác phẩm đoạt giải thưởng. Nói chung, không ít người viết ở hải ngoại đã nói đến các tác phẩm này.

Các tác phẩm tiểu thuyết, đặc biệt là *Nỗi Buồn Chiến Tranh* và *Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma* được người đọc đón nhận một cách nhiệt tình và rộng rãi do loại hình của chúng thích hợp với quần chúng người đọc đông đảo, tác phẩm của Lê Ngọc Trà tương đối "kén" người đọc hơn. Dư luận tạo ra quanh tác phẩm này cũng không thua kém gì, nếu chưa nói được là hơn cả những tác phẩm được nói đến nhiều trong giai đoạn quen được gọi là "cao trào" của văn nghệ phản kháng.

Xin giới thiệu chi tiết hơn về một sự kiện nhỏ, có liên hệ đến tiểu thuyết *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, để làm rõ điều này. Ngày 24-8-91, báo *Văn Nghệ* đã tổ chức một buổi thảo luận về cuốn tiểu thuyết *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, lúc ấy còn mang tên *Thân Phận Của Tình Yêu*, qua ấn bản năm 1990. Đến dự có các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình Nguyễn Văn Bổng, Vũ Tú Nam, Nguyên Ngọc, Nguyễn Kiên, Hồ Phương, Trần Đình Sử, Ngô Văn Phú, Vũ Quần Phương, Cao Tiến Lê, Nguyễn Phan Hách, Lê Quang Trang, Trịnh Đình Khôi, Nguyễn Trọng Tân, Tôn Phương Lan, Ngô Ngọc Bội, Chu Lai, Phạm Tiến Duật, Thiếu Mai, và Hữu Thỉnh. Các nhà văn Chu Phác, Lê Lựu, Nguyễn Khắc Trường, Phạm Hoa, Đinh Xuân Dũng, dù không đến dự được, đã gửi ý kiến và nhận xét về tác phẩm.

Tạp chí *Văn Nghệ* số 37 (1653) ngày 14-9-1991 đã đăng gần đầy ba trang báo kho *tabloid* chữ nhỏ các phát biểu của 18 người tham dự, gồm cả khen chê, đồng tình và không đồng tình. Tôi sẽ trích ra đây một số phát biểu chú trọng vào quan niệm và cung cách suy nghĩ liên quan đến sáng tác và văn học, tức là trong một chừng mực nào đó, vượt quá các chi tiết chỉ liên quan riêng đến cuốn tiểu thuyết *Nỗi Buồn Chiến Tranh.* Xin coi đây chỉ là thêm một cánh cửa nhỏ, mở ra một khung trời thật rộng lớn. (Phần chủ quan của người trích dẫn, dù có cố gắng giảm thiểu, tất nhiên cũng sẽ không tránh khỏi qua việc trích dẫn này):

Trong bạt ngàn các đầu sách thật giả lẫn lộn trên thị trường sách hiện nay, tìm đọc được một cuốn có giá trị văn học đích thực như cuốn tiểu thuyết của Bảo Ninh là điều không phải dễ dàng đối với người đọc. Nhiều nhà văn và bạn đọc đã và đang khẳng định giá trị của tiểu thuyết này. Đó là một sự khẳng định mang tính trí tuệ và cần thiết.

(Từ Sơn)

Biên tập cuốn sách này tôi vừa mừng vừa băn khoăn. Mừng vì thấy một tác phẩm văn chương đích thực.

(..)

Lùi ra xa, đứng cao hơn một chút thì thấy có thể thông cảm được với tác phẩm này. Tôi chưa hẳn tán thành hoàn toàn về nội dung, nhưng cái đẹp, cái "tuyệt kỹ" văn chương, "văn chương là văn chương" của cuốn sách đã át đi được những e ngại khác.

(Nguyễn Phan Hách)

Thân Phận Của Tình Yêu *của Bảo Ninh mang lại góc nhìn mới về chiến tranh, bổ sung cho cách nhìn đã quen.*

(..)

Văn học ta đã nói nhiều tới tính chính nghĩa, tính anh hùng, tính cách mạng của cuộc chiến tranh, nhưng chưa nói được gì đáng kể, về tính tàn bạo, tính hủy diệt, bi thảm của nó, những tính chất không chỉ thể hiện ở cái chết nơi chiến trận, mà còn mở rộng ra thành cái chết trong tâm hồn, tình yêu, thành mọi sự dở dang. Có thể nói tác giả đã lộn trái cuộc chiến tranh ra để ta nhìn vào cái phía trong bị che khuất, lấp một chỗ trống chưa được lấp.

Một cách hiểu như vậy tất kéo theo một sự đổi mới trong thi pháp nhân vật.

(Trần Đình Sử)

Người lính đã kết thúc chiến tranh một cách vinh quang có đủ tư cách nói tiếng nói không bằng lòng với những biểu hiện tiêu cực ngày hôm nay.

(Cao Tiến Lê)

Tác giả tỏ ra không né tránh sự thật đau đớn, phũ phàng và những vấn đề gai góc (như những mất mát trong chiến tranh và đánh giá nó; về tình người và tính người; tình yêu và nhân cách; những khát vọng và thể nghiệm nghệ thuật...) Tác phẩm nằm trong mạch chuyển động của văn học ta những năm gần đây, cụ thể là trong xu hướng nhận thức, bình giá lại lịch sử, quá khứ. Qua đây người đọc thấy tác động ghê gớm của chiến tranh vào tâm hồn con người.

(Lê Quang Trang)

Có cảm tưởng như anh viết bằng máu thịt, bằng sự đau đớn của cả tâm hồn lẫn thể xác. Nói rằng tác giả viết với thái độ lạnh lùng, hoặc "ác" như một vài anh vừa rồi, theo ý tôi là không thoả đáng, hoàn toàn không hiểu ý tác giả.

(..)

Tác phẩm này có văn, tôi muốn hiểu văn ở đây chính là sự thể hiện chuẩn xác nhất, nhuần nhuyễn nhất cảm xúc của suy nghĩ của người viết.

(Thiếu Mai)

Thực ra tập tiểu thuyết này trước đây vài năm thì cũng khó in. Nay lại là nhà xuất bản Hội Nhà Văn in.

(...)

*Tôi thấy Thân phận của tình yêu phải được xếp giải nhất : Vì qua sự chiêm nghiệm của tầm thẩm mỹ của tôi, hai tập kia [*Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma *và* Bến Không Chồng, *chú thích của LT] đọc xong tôi không cần giữ sách. Còn Thân phận của tình yêu tôi trân trọng xếp vào tủ riêng khoá lại. Để hy vọng còn có thể đọc nhiều lần. Nó được xếp vào* tủ sách nghiệp vụ *của tôi.*

(Ngô Ngọc Bội)

Đoạn trích sau đây, mà chủ quan tôi rất thích thú, nói thêm về một số vấn đề khá khái quát:

Có người bảo cuốn sách này viết về đau thương, hy sinh, mất mát, cái chết "ác" quá. Tôi rất kinh ngạc về kiểu cảm nhận này. Cuốn sách nói thống thiết một điều hoàn toàn ngược lại : chính sự quên lãng, sự hớn hở một cách thản nhiên và dễ dãi với chiến thắng, với cái giá hàng triệu đồng đội của anh đã phải trả cho chiến thắng và hoà bình hôm nay, mới là ác. Là sự hớn hở vô ơn không thể tha thứ.

(...)

Có người lên giọng dạy các nhà văn chúng tôi chớ có "sa đà" mà hư hỏng đi ! Thật kỳ quặc. Văn học mà không "sa đà", không say đắm, không đến cùng... thì làm gì có văn học.

(...)

Trong cuốn sách của Bảo Ninh sức kháng cự chống lại cái ác chính là tình yêu. Trong cuộc vật lộn ác liệt ấy không phải lúc nào tình yêu cũng thắng. Nhưng toàn bộ cuốn sách là sự thể hiện cuộc vật lộn quyết liệt, đau đớn, dữ dội, sâu sắc ấy. Tôi nghĩ đây là một mặt ý nghĩa nhân văn của cuốn sách này.

Trong cuốn sách còn có một chủ đề đan chen quan trọng nữa. Đó là vấn đề sứ mệnh của nhà văn. Sứ mệnh ấy ở đây quyện chặt, nằm sâu trong chính cuộc đấu tranh tìm lẽ sống, cách sống xứng đáng của một người lính vừa đi ra khỏi một cuộc chiến vinh quang và đau buốt.

Chính cả ba tuyến ấy: chiến tranh - tình yêu - sứ mạng văn học, đan chen quyện chặt làm nên cấu trúc độc đáo và vẻ đẹp của cuốn tiểu thuyết này.

(Nguyên Ngọc)

Sau hết là một vài ý về thái độ phê bình:

Cuốn tiểu thuyết này nếu được giải thưởng là một thắng lợi của văn chương.

(...)

Chúng ta nên ủng hộ những tác phẩm văn học đích thực. (...) Nếu ai thấy chưa ưng ý thì được chỗ nào, khen chỗ ấy, chê đâu nên bàn luận kỹ lưỡng, có lý lẽ và nhất là cần có cái tình, chỉ ra cho người viết, chứ không nên trích dẫn một số câu rồi phê phán, như vậy người ta thấy nhà phê bình thiên kiến... không có sức thuyết phục.

(Ngô Văn Phú)

Không nên chỉ trích dẫn vài dòng trong sách rồi phê phán, vì làm như vậy là thiếu khoa học và không công bằng.

(Vũ Tú Nam)

Giá như, bao giờ chả có giá như, Bảo Ninh bớt đi được những dòng suy nghĩ rườm rà, bỏ hẳn đi cái ngôi tôi làm nghề viết văn lắm lan man, rắc rối mà cứ cho dòng đời tự thân cuộn chảy, cứ mặc sự kiện , các số phận tự nói về mình một cách khách quan thì có lẽ cuốn sách sẽ có giá trị hơn.

(Chu Lai)

Còn một sự-kiện nữa rất đáng nói đến, nhưng rất tiếc, do số lượng dữ kiện khá lớn, cũng như độ phức tạp của vấn đề, tôi không thể bàn nhiều ở đây: Đó là những cuộc tranh luận, bàn cãi kéo dài, mãi cho đến ngày hôm nay, chung quanh tập tiểu luận *Lý Luận Và Văn Học* của Lê Ngọc Trà. Một trong những vấn đề nổi bật được bàn cãi là: *Vấn Đề Văn Học Phản Ánh Hiện Thực* (nhan đề của một bài viết trong tập sách).

Trong một chừng mực nào đó, tuy ở một mức độ rốt ráo và trình độ tư duy, lý luận có khác, vấn đề này cũng được tác giả Mai Kim Ngọc bàn đến.

Chưa nói đến nội dung các ý kiến được đưa ra trong cuộc tranh luận quanh quyển sách của Lê Ngọc Trà, chỉ riêng việc đào xới, khai quật trên mảnh đất lý luận văn học này, những cỗi rễ của một số vấn đề cốt lõi, lắm khi là chỗ đất thiêng úy kỵ, của cái thường được mệnh danh là *văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa* cũng đã được khảo sát và đánh giá lại. Và vì lẽ đó, nếu ta có thể nói được rằng các cuộc tranh luận kia cũng là một hình thức của một cuộc đấu tranh nhằm tìm ra một đường hướng văn học phù hợp với xã hội hiện nay hơn, thì cuộc đấu tranh đang cố đi vào bề sâu. Thí dụ, chỉ nội vấn đề *phản ánh hiện thực* hay *nghiền ngẫm hiện thực* không thôi, đã có khối viên đá móng của một nền văn học "chính thống" được lật lên.

7

Tôi sẽ mắc nợ một vài người đọc rộng lượng, đã nhẫn nại đọc bài này đến đây, nếu qua suốt bài viết tôi lại tránh bày tỏ vài ý riêng về truyện ngắn *Kẻ Sát Nhân*... của Lại Văn Long. Vậy xin được nói lên vài suy nghĩ chủ quan về truyện ngắn ấy.

Tôi có được đọc truyện *Kẻ Sát Nhân*... khi nó còn là một truyện dự thi đăng trên báo *Văn Nghệ*. Tôi không mấy quan tâm khi đọc truyện này, nên đã quên bẵng đi một dạo. Và đến hôm nay đọc lại vẫn không thấy có gì đáng nói lắm về nó.

Dù tác giả Lại Văn Long có cố gắng nhiều để khơi dậy những cảm xúc ở người đọc, thú thật, truyện của ông đã không tác động được trên cảm xúc của tôi. Bức tranh cắt dán, lắp ghép với một số mẩu mảng nhỏ, gần với hiện thực, rút ra từ cuộc sống ngày càng phức tạp, tệ hại trên nhiều mặt, được ông dàn dựng lên một cách gắng gượng, ép uổng, đầy toa rập; do đó nó đã hiện ra với cái méo mó, cường điệu không tránh khỏi. Nếu phần ghi nhận hiện thực của ông có những điểm đáng lưu tâm, thì tiếc thay, phần hư cấu

tác giả thêm vào để "thành ra chuyện" và "nói" điều ông muốn nói đã làm bức tranh trở nên ghê rợn, máu me đến vô lối. Đó là do nghệ nhân non tay nghề, hay do một người làm công tác "tư tưởng" quá nặng tay ?

Nếu chủ tâm của ông là biểu hiện cái mặt băng hoại, tố giác các "liên minh ma quỷ" mới, vạch trần những điều xấu xa, hoặc lạc hậu, dốt nát, thô thiển đến thô bạo trong xã hội Việt Nam ngày hôm nay, một việc làm tự nó là hết sức cần thiết, thì tiếc thay cách chọn lựa phương tiện và thể cách biểu hiện của tác giả hình như chỉ kêu mời, hoặc đánh động tâm trạng sợ hãi, hằn học của một thành phần nào đó trong xã hội: Những người sẵn sàng vin vào các quái tượng, có thật, để phê phán nghiệt ngã cuộc sống, rồi nhân đó khước từ hoặc kích bác luôn, những đổi thay cần thiết của xã hội. Nếu tôi không thích chuyện *Kẻ Sát Nhân...*, đó là vì tôi không thấy cách thể hiện hiện thực của tác giả trong truyện là hay.

Xin thí dụ về hình tượng của thành phần Việt kiều trong truyện. Lại Văn Long không nói sai; một số tệ nạn liên quan đến, hoặc sinh ra bởi "Việt Kiều" là có thật. Ông chỉ vừa nói không đủ, vừa quá giản đơn, đồng thời lại đặt sự thể ở mức độ biểu tượng đầy tính đối kháng quá sức gay gắt, thông qua sự xung đột và giải quyết xung đột đến khủng khiếp của các nhân vật. Từ đó, việc vận dụng biểu tượng của ông trong tác phẩm gần như hàm chứa ác ý. Nó làm ta nhớ tới câu ca dao mới, trong đó có nhắc tới "Việt kiều", một thứ người mà xã hội hiện thời không thể nào "yêu" nổi. Tôi không dám đoan chắc là tác giả Lại Văn Long có ý này, vì tôi không có bằng chứng, nhưng sự oán hờn toát ra hừng hực trong câu chữ của ông.

Còn nếu muốn là "chim báo bão", Lại Văn Long đã gõ cửa đời bằng búa tạ. Xong, chỉ để nói lên được một lượng thông tin nhỏ nhoi, dựa vào một sự việc thật nhiều kịch tính giật gân mà lại quá ít tính thuyết phục. Lại càng quá ít hơn nữa tính điển hình cần thiết so với chủ đề ông chọn. Khi nhân vật của ông nói ở câu cuối truyện: *"Con tôi (nếu có) sẽ không bao giờ phải đi cắt cỏ ngựa thuê cho các thế hệ của dòng họ Lâm như ba đời trước nó..."*, có thể tác giả hàm ý một biểu tượng, nhưng đồng thời tôi lại thấy ông gián tiếp thừa nhận cái kích thước hạn hẹp của điển hình được chọn. Nó hạn hẹp vì nó không cách gì dung chứa cùng lúc các xung đột mang màu sắc "giai cấp" của quá khứ, xung đột "địch ta" thông qua một cuộc chiến tranh dài mấy thập kỷ, và giờ đây cái xung đột về quyền lợi và tư hữu, giữa kẻ có (quyền và tiền) và kẻ không có gì cả.

Trộm nghĩ, nếu thật lòng muốn gỡ rối cho một cảnh huống rối ren như thế, cho xã hội và dân tộc, con người không thể dùng lòng thù hận như một sức đẩy. Điều thắc mắc còn lại của tôi — như một đốm lửa nhỏ, đủ sức thiêu rụi tất cả những gì tôi viết ở trên về truyện *Kẻ Sát Nhân* — liệu tác giả Lại Văn Long muốn cảnh giác chúng ta điều đó ? Và vì thế, ông đã dùng búa tạ để gõ cửa. Âu cũng chỉ là một cách ức đoán.

Về sự chọn lựa trao giải của ban giám khảo cuộc thi, dĩ nhiên là quyết

định của họ không trùng hợp với suy nghĩ của tôi. Nhưng, đây không phải là lần đầu tôi phán đoán khác ý người khác. Còn việc ức đoán về chủ tâm chính trị, hay gì gì khác, của các vị giám khảo, tôi xin dành lại cho những ai thấy có thẩm quyền và khả năng.

8

Bài viết này rút lại chỉ là việc bàn bạc đôi điều về một cách nhìn, một thái độ nhìn, đối với tình hình sinh hoạt văn học nghệ thuật trong nước vài năm gần đây. Trong đó, tôi mong mỏi được nhìn thấy những thái độ nghiêm chỉnh, thận trọng, và công tâm hơn. Sự đánh giá của nhà phê bình, hay một người đọc bình thường cũng thế, có lẽ không phải chỉ thông qua "chính sách" văn học Nhà nước, mà còn thông qua những nỗ lực ở nhiều bề nhiều mặt của một sinh hoạt tương đối phức tạp. Thành quả cuả nền văn học ấy không chỉ biểu hiện qua một vài nỗ lực, sự kiện riêng lẽ; nó không gói trọn trong cái phần bày bán nơi chợ chữ nghĩa, hoặc bảng vàng bia đá; mà lắm khi nó còn phải được chuyền tay nhau lén lút giữa bạn hữu dám tin nhau.

Tập truyện thơ dài mấy ngàn câu, do cụ Tiên Điền viết bằng loại chữ "nôm na, mách qué" của thời cụ sống, đã được lưu giữ và nước ngọc ngày càng sáng ngời, cũng là nhờ từng câu thơ của được cất giữ trong lồng ngực của người yêu thơ. Phải đâu là vì bảng vàng bia đá nào đã chạm được một câu *Kiều* !

Và như đã nói, những giới hạn ngoại lai và nội tại, làm thu hẹp tầm nhìn của mỗi người chúng ta thì đầy rẫy. Sẽ không có gì bất thường khi mỗi người chúng ta thấy và hiểu chỉ một góc của sự việc. Chỉ thông qua sự phối kiểm và kết hợp thận trọng từng mảng thông tin nhỏ lại với nhau, hi vọng chúng ta nhìn ra được rõ hơn cái bóng dáng của phần sinh hoạt trí tuệ quan trọng của đất nước Việt Nam trong giai đoạn này.

Sau hết, nói về việc nhìn lại, từ xa, các vấn đề của tổ quốc chúng ta, trong đó vấn đề văn học chỉ là một, tôi xin phép bắt chước chị Irina Zisman, một người bạn nước ngoài, khi chị nghĩ và viết về xã hội và con người Việt Nam, để nói rằng: *Có lẽ chung quy lại cái bề rộng của con người chúng ta trong hành động ngắm nhìn kia rồi cũng chịu ảnh hưởng của con tim mà thôi. Xin hãy gìn giữ và nâng niu những con tim chân thật và nhân hậu trong mỗi chúng ta, để cho tầm nhìn của chúng ta được mở lớn hơn trước thực tại quê hương.*

LÊ THỨ

(Tháng 1-93)



NGUYỄN TRÁC

thơ cho bạn

Một đĩa ốc nhồi
cút rượu Thạch Sanh
những nàng tiên múa quanh Đức Phật
gương mặt em như hoa dại lúc sương mờ

Chúng ta ngồi trên phố Nguyễn Du
Nơi những điều Nguyễn chưa từng viết

Ốc có từ ngày xưa
rượu có từ ngày xưa
những chức sắc không bao giờ với tới
những đắng cay hạnh phúc đã dư thừa

Những chùm hoa bí ẩn trong thơ
mái ngói mũi hài những ngôi chùa cổ
những điều thiêng liêng và những điều gàn dở
chiếc xe đạp quèn và mùa thu

Gương mặt ai như hoa dại lúc sương mờ

Bóc hết mình ra như trẻ con bóc chuối
đập vỡ nhân tìm một vị bùi
chúng ta trẻ như những người trẻ nhất
chúng ta già hơn các bậc tiền nhân

1990
NGUYỄN TRÁC
(Trong nước)



TÔ HOÀI

hoa bìm biển

Ông Thái sắp vào Sài Gòn. Những năm mới nghỉ hưu, ông Thái cũng hay đi. Khi Hải Phòng, khi Nam Định. Hồi ấy, các quốc doanh, các hợp tác xã mở tới tấp, người ta cần đến nghề kế toán, tài vụ của ông. Tay nghề đã ngồi xó của ông Thái đâm ra còn dùng được. Lắm nơi sổ sách chồng chất, vài ba tháng lại tìm nhờ ông. Nào quyết toán, nào dự chi, những con số ma.

Ông Thái cũng chưa được vào Nam lần nào từ khi thống nhất. Ông Thái chưa trông tận mắt cái máy bay bao giờ. Nhưng làm như đã quen, rất thường. Ông Thái nói: "Trong Nam người ta thoáng lắm. Máy bay hay tàu hỏa thì ăm nhằm vào đâu!"

Ông Thái nói hách thế, nhưng cũng không gợi ai tò mò. Ông Thái nói, ông Thái đi đâu cũng chẳng khác ông ngồi ở cái cửa sổ tầng bốn, cả ngày đăm đăm ngóng ra.

Ông Thái đi Sài Gòn. Viết thế này, còn có thể đọc được. Nhưng ngồi nghe ông kể chắc chẳng ai tin. Một hôm, ông Thái nhận một cái thư bên Mỹ. Thoạt nhìn chữ bì thư, Ông Thái nhận ra ngay thư của người con gái bốn mươi lăm năm trước, tên là Vân.

"Kính gởi ông *Thới*... Tôi có một người bạn thân kể là ngày xưa quen ông. Bạn tôi có ý tìm ông từ khi mới giải phóng có nhiều người kháng chiến về Sài Gòn. Nhưng không biết hỏi ai. Rồi cũng lại ngại, bởi vì đã bao nhiêu nước chảy qua cầu, cây đa bến cũ chẳng còn như xưa. Đã quên đi, nhưng rồi lại móng. Vậy cận trạng ông ra sao, gia đình an khang thế nào..."

Chữ ký loằng ngoằng cuối thư. Đàn bà chúa hay vô ý. Ngày ấy, chỉ Vân gọi mình là *Thới*. "Muốn lấy vợ Nam Kỳ phải kêu là *Thới*. Thái, Thái nghe kỳ muốn chết". Thì còn "người bạn thân" nào nữa. hay là sợ quên nhau, nhắc khéo. Ôi chao!

Ông Thái trả lời, đề thẳng kính gởi bà Huỳnh Thị Vân. Rồi nhận được một thư dài, giấy xanh, khổ giấy như trước kia. Trong thư Vân nói mừng lắm, mừng anh vẫn nhớ em. Ông Thái buồn cười vì cô ấy vờ như đánh tam cúc lại để hở bài cho người ta xem.

Rồi thư từ qua lại, hai người kể hoàn cảnh của nhau. Bà Vân lấy chồng người Ấn Độ, có cửa hàng tơ lụa. Sau khi Tây thua ở Điện Biên Phủ, vợ

chồng rời Sài Gòn, nhưng không về Bombay, mà sang Mỹ. Bốn đứa con đều có chồng, có vợ, ở riêng cả. Chồng bà đã mất lâu.

Bà Vân gởi ảnh cho ông Thái và bảo ông cho bà một cái mới chụp. Ông Thái đã không thể nhận ra bà nếu không có dòng chữ đề tặng. Trong hình, một bà già tóc cụp ngắn chấm tai - mốt của những bà đứng tuổi ở châu Âu bây giờ. Ơ, mình bảy mươi ba thì Vân bảy mươi rồi. "Em phải uống thuốc tiêu mỡ. Tụt cân nhiều đấy. Nay còn 92". Cái cô Vân học trò trường bà sơ Bồ Câu Trắng ở Sài Gòn, ngày xưa mảnh mai như liễu, tớ nhấc bổng lên được cơ mà.

Cụ Thái lặng lẽ đốt cái ảnh. Cụ cũng không gởi ảnh. Không phải vì cụ bà hay con cháu tọc mạch. Mà cái ảnh lạnh ngắt, chẳng một nét nào bận đến cụ.

Một ngày kia, ông Thái nhận được một lá thư rất hay của bà Vân. Thế nào mà cái ông lão hàng ngày ngồi rù rù, người trong nhà đã quen mắt, như nhìn chỗ để xe đạp, cái ghế, cái tủ thuốc. Nhưng ông lão tự thấy khác. Ông thấy ông vẫn sống, mà sống có lửa, ngọn lửa tình đương bốc trong ông. Thư bà Vân hẹn ông tháng ấy ngày ấy ông vào Sài Gòn gặp bà. Cái hẹn còn xa nhưng đích xác ngày tháng thế.

Và tấm ngân phiếu bà Vân gởi cũng khiến ông suy nghĩ. Số tiền đủ mua một tấm vé máy bay khứ hồi. Bà ấy gởi vừa khẩm. Thế này là thế nào. Thế nào nữa, bà ấy tặng mình tiền tàu xe. Ta là cán bộ theo kháng chiến cả đời đến tóc rụng răng rụng rồi, chứ đâu phải người nhà người ta ngồi hóng của. Đánh giá nhau hay lắm, phải lắm. Nhưng ông Thái cũng không nghĩ thế được lâu. Giá bà ấy cứ gởi nhiều nhiều một chút cũng hay... Không được, thế là coi nhau chẳng ra gì. Bà ấy phải trọng mình, phải trọng mình chứ.

Chuyện ông đi kháng chiến kể ra cũng vừa bình thường, lại cũng khúc khuỷu như mối tình này. Nếu ngày ấy quân Nhật không chiếm Đông Dương, tàu hỏa vẫn thông thương Bắc Nam, có khi ông đã lấy bà ấy rồi cũng nên. Nói "có khi", bởi hai người chỉ là trai gái lứa tuổi không dưng gặp nhau. Vân ở Sa Đéc, nhà gởi lên Sài Gòn học. Thái làm công nhật cho một hiệu thuốc hoa liễu với các thứ cao đơn hoàn tán ở Hà Nội chuyên đi quảng cáo và tính sổ cho đại lý các tỉnh.

Khi bắt đầu kháng chiến, ông Thái đương làm kế toán cho một hãng bảo hiểm nhân thọ ở Hải Phòng. Ông có việc lên Hà Nội. Đêm ấy, nổ súng. Thế là nghẽn lại. Vợ ông và đứa con trai bị kẹt dưới Phòng. Ông theo người tản cư ra vùng tự do, rồi vào làm cơ quan, vẫn nghề kế toán. Đến tuổi, ông về hưu. Thằng con đỗ kỹ sư đã đi làm. Nó hay nói đùa láo lếu như nhiều người bây giờ: "Giá ngày ấy bố bị Tây bắt đi tù ít lâu, có phải đã làm quan to, lương hưu khá hơn không". Ông không thèm nói lại. Bây giờ và trước kia khác nhau lắm. Khác nhau cả cách nhìn cái ghế. Mà ông thì già rồi. Cháu ông mua về bốn chiếc ghế đẩu. Ông nhận ngay ra là gỗ nhội, đồ dởm. Dạo cơ quan tránh máy bay Mỹ sơ tán ở Bùng, ông thấy người làng đi vác về những cây

nhội mới hạ ở đường Sơn Tây mở rộng, đem ném xuống ao ngâm. Vài hôm sau vớt lên cưa thành khoanh rồi đẽo thành thớt, đánh bóng đỏ xẫm. Mấy ngày ấy giáp tết, quảy ra bán ngoài phố - tết nhất, nhiều nhà sắm cái thớt mới. Vô ý vớ phải cái thớt gỗ tươi ấy chỉ thái mạnh vài nhát dao, đã toác. Trông cái gỗ bủng nước biết ngay. Nhưng thằng cháu ông cười như reo lên: "Không cần gỗ lim, gỗ lát. Chỉ cần kiểu mô đéc, giường Đức, ghế Nhật, hỏng thì mua cái khác, mốt khác. Thời buổi gấp gáp, ông ạ".

Có lẽ chúng nói phải: Người cao tuổi như mình, bàn chân cũng khô đét, giày dép thôi cả long đinh, há mõm. Áo sơ mi, bao nhiêu năm nay chẳng phải may sắm. Không biết ngoài cửa sổ, các ve cổ áo sơ mi đã to huyếch hoác, lại cụp lại, lại hủn hoẳn, nhỏ tí...

Ông Thái đi Sài Gòn, quần áo và đôi dép râu cũng vậy như mọi khi. Ông không định khác. Không thiếu thốn, mà quen xuềnh xoàng rồi. Nhưng có lẽ nên đi lắp mấy cái răng giả. Răng hàm chẳng còn cái nào. Nhưng cười huếch mép vẫn không hở. Chỉ rầy rà mấy lỗ hổng răng cửa hàm trên. Soi gương, thấy phiền thật. Nhưng rồi ông lại ngại. Những cái răng đã gãy từ đời nảo, đời nào. Bà ấy cho là ông phát rồ hay sao, tự dưng đi làm răng giả.

Ông Thái không lo bà ấy sinh nghi. Nhưng ông tưởng tượng ra một sự kỳ quặc, có thể xảy ra lắm. Thế nào thì ông Thái cũng phải hôn bà Vân. Chao ôi, những cái hôn triền miên đằm đìa đêm xưa bên sông Sài Gòn. Bây giờ mà thế a, nhỡ những cái răng giả rời ra, rơi vào họng ai. Chẳng lẽ lại bảo hãy khoan để tháo răng ra đã, rồi hãy...

Thôi thôi, đã mộc mạc thì thế nào cứ thế. Cái hẹn tháng bảy dần dà tới... Ông Thái cứ lúc bồng bột, lúc lại thây kệ. Nghĩ toàn chuyện cản trở. Ngót hai tháng thư mới tới nơi, thì tin thế nào được ngày hẹn quá xa. Nhưng sự thật như cái đinh tai ác cứ nhô lên dần. Sắp tới rồi. Ông lại nghĩ ầm ừ: hôm ấy mình cứ bay vào à? Không có bà ấy ra đón thì sao. Ông cũng có người quen, nhưng thình lình dò đến nhà người ta, không tiện...

Rồi ông Thái nhận được một bức điện.

Một cháu gái đón ông ở sân bay Tân Sơn Nhất. Bây giờ cháu dương đưa ông về nhà. Không đến khách sạn, nhà trọ. Cũng đỡ rắc rối.

Căn nhà nhỏ trong một hẻm sâu hun hút. Những hình ảnh lảng vảng, ông Thái như lững lơ trôi trong đám mây.

Năm xưa, ông Thái gặp bà Vân ở Sa Đéc. Thầy ký công nhật đi tính sổ đại lý. Thị xã nhỏ bé, Thái dạo qua một cửa hiệu vàng bạc. Thấy trong hàng có một cô gái ngồi bên máy khâu. Ở Nam kỳ hồi ấy, mỗi nhà sắm cái máy khâu Sande cũng là một lối chơi. Cô gái xinh quá, đúng dáng những người đẹp mẫu Thái. Tuổi trẻ đâu cũng xông, thế là Thái bước vào. Cô gái vào nhà trong một thoáng rồi ra ngay. Người con trai đã kịp nhận thấy cô mới thay tấm áo lụa trắng muốt. Anh gà trống tơ nghĩ vơ vào rằng thế là ăn tiền rồi.

Ông Thái nhìn qua cửa sổ mở. Bà Vân hệt tấm ảnh bán thân nhận được năm trước. Có điều khác, đây là người thật, một bà lão khỏe mạnh, to đùng.

Hình như bà Vân đang dở tay làm gì, nhấc cái phích hay bày ấm chén. Bà chưa vội ra mở cửa. Nhận xét đầu tiên ấy khiến ông Thái buồn buồn. Chỉ đến lúc thoáng thấy cái bóng mình lù rù chiếc mũ cối như cáo mu rùa trên đầu, hôm ông đi mượn của thằng cháu, ông mới nguôi ngoai và hơi ngượng.

Bà Vân nhìn ông, chào ông một câu đột ngột:

- Anh ốm quá!

Ông Thái đã sắp sẵn một câu đùa tình tứ: "Em trẻ, em trẻ lắm". Nhưng bị một câu phủ đầu mất vui, lại nhớ cái răng cửa hổng, ông Thái chỉ mỉm cười.

Chẳng mấy lúc, cũng may ông Thái đã cảm thấy như ở nhà - nhà mình thương yêu êm ấm, không phải căn hộ tẻ nhạt ở ngoài kia bây giờ. Bà Vân và cháu gái lên xuống dọn mâm bát. Nhớ lần về chơi nhà Vân dưới Sa Đéc. Cả nhà vồn vã, phong tục Nam kỳ sao mà đáng yêu. Ông Thái đương trở lại cái gia đình êm ấm tưởng tượng, hai người yên vui về già.

Bức tranh vẽ rồi lại xóa, lại vẽ, lúc hồng rực, lúc đen nhẻm. Ông Năm lấy trong tủ chai rượu ngâm thuốc. Ông Thái cười. Đã quen, không còn ngại hàm răng trống.

- Rượu thuốc à?

- Sâm em mua ở Băng Cốc về biếu anh Năm ngâm.

- Có bia hơi...

Bà Vân nhăm mũi:

- Bia hại thận, nghe. Rượu thuốc...

Ông Thái im, chợt lại thiu thỉu như mọi khi ở nhà.

Nhưng ông Thái và bà Vân cũng có phút giây mơ màng.

Bà Vân bảo:

- Chúng ta đi vườn Bờ-Rô.

Nhớ lúc nãy ngoài đường, xe máy liên hồi tạt qua mặt, ông ngại:

- Làm gì?

- Ôi anh quên trọi rồi sao. Cái năm hội chợ Sài Gòn, đêm hôm đó chơi vườn Bờ-Rô.

Ông Thái lúng túng vì câu trách yêu. Ông Năm ở buồng trong góp chuyện ra:

- Bộ cô Ba tưởng vẫn cái vườn Bờ-Rô năm cô Ba ở Sài Gòn à? Không đâu. Bây giờ vườn Bờ-Rô, vườn Chuối loạn dữ, nhất là ban đêm. Không đi dạo ban đêm được đâu...

Ông Năm gỡ cho ông Thái một cuộc chơi không hào hứng. Nhưng câu chuyện bên bàn nước vẫn lai rai. Tiếng mưa vẫn xầm xập xuống mái tôn nhà nào chung quanh, chẳng biết là đứng ở đâu. Trời cũng giúp làm nhạt cái kỷ niệm vườn Bờ- Rô rồi.

- Ngày mai đi Vũng Tàu.

- Vũng Tàu à?

- Trước em định nghỉ Long Hải. Nghe nói bên ấy yên tĩnh. Nhưng anh Năm nói bên Long Hải vắng lắm. Ở Vũng Tàu hơn. Anh Năm với các cháu cũng đi.

- Cả nhà cùng đi cho vui.

Bà Vân cười:

- Không, anh Năm không đi chơi. Ảnh biểu anh Thới là cán bộ cách mạng, phải bảo vệ ảnh, không được lơ là cảnh giác. Ảnh nói như đọc báo vậy.

- Bảo vệ tôi à?

- Anh Năm biểu thế.

Ông Thái vừa buồn cười, vừa ngớ ra. Nhưng lại thú vị. Ông đã trông thấy ở Hà Nội những cán bộ có người bảo vệ. Ông cán bộ đi bách bộ cũng có người đeo súng ngắn sau lưng áo, đi cạnh. Ông cán bộ may ô quần đùi mặt đỏ lựng chạy tập thể dục buổi sáng bên bờ hồ, có hai thanh niên áo đại cán trịnh trọng, vẫn súng giắt lưng, lõng thõng chạy hai bên. Ông Thái như con kiến, ông muốn bò đi đâu thì đi. Bây giờ nghe có người nói đi bảo vệ ông. Cũng sướng.

Bà Vân nhìn ông Thái nheo mắt, tinh nghịch:

- Nhưng mà anh Năm không đi nữa.

Ông Thái cũng rỡn:

- Không phải bảo vệ à?

- Em bảo anh Năm là ra Vũng Tàu ở khách sạn, ở boogalô mới lo bảo vệ, chứ ở chùa thì thôi, cửa Phật mà. Anh Năm thấy thế ưng được.

Rồi bà Vân lại cười:

- Có vậy mới được đi đôi!

Không biết bà Vân mừng thật hay chỉ nói đùa. Đột nhiên, bà Vân hỏi:

- Anh có còn nhớ chị Hậu không?

- Chị Hậu...

- Có lần anh vô Sài Gòn, em ra ga xe lửa Mỹ đón, có chị Hậu...

Thật ông Thái đã nhớ ra, không những thế, ông Thái còn đương bấn trong đầu khi nghe đến tên người đàn bà ấy. Những liều lĩnh của tuổi trẻ thì vô vàn, nhưng đã nguội lạnh, xếp xó trong ký ức từ nửa thế kỷ rồi.

Vân trọ học nhà Hậu. Hậu hơn tuổi Vân, ở nhà giúp tiệm may của mẹ. Hậu nghe Vân ra ga để "ngó mặt thằng Hai". Hậu chưa biết Thái. Nhưng Thái thoạt trông thấy Hậu đã cảm giác gờn gợn kỳ lạ. Đôi mắt bồ câu lóng lánh đằm như làn nước muốn hút người ta trầm mình vào. Cô Hậu nhìn Thái. Thái đoán được đôi mắt ấy nói gì.

Đêm ấy, Thái nghỉ lại nhà Hậu. Mai, Vân và Thái về Sa Đéc sớm. Thái nằm ngoài phòng khách. Vân và Hậu ngủ buồng cạnh đấy, cái giường to kềnh bên cửa sổ. Nửa đêm, chợt tỉnh, trời vẫn xâm xập mưa như đêm nay thế này.

Thái tha thiết nhớ hai con mắt Hậu. Thái lần ra, thò tay vào màn, mà Thái đã để ý, biết Hậu nằm cạnh cửa màn. Tay Thái đụng vào cánh tay Hậu,

thì một bàn tay ai nắm lấy, vuốt từ từ lên mặt Thái. Cái hôn dài vùi vào nhau, tưởng như hai làm môi không bao giờ rời ra được.

Sáng hôm sau, đôi mắt Hậu khác hẳn, lay láy long lanh quang đãng như trời mưa tạnh. Rồi Thái và Vân về Sa Đéc. Đến hôm lên đường ra Hà nội không tạt được vào nhà Hậu; Người trai đào hoa không quên, nhưng cũng chẳng nhớ hơn nữa. Từ đấy, không khi nào gặp lại.

Ông Thái nói:

- Thế chị Hậu rồi sau ra sao? Giờ ở đâu?

- Cũng chẳng lấy ai.

Người đàn ông đam mê ngày trước chợt bồi hồi vu vơ. Bây giờ lòng yêu thành nỗi bùi ngùi cho ai có lẽ vẫn chờ mình từ sau đêm ấy, mà mình thì đương nhấm nhía cái đau của người ta.

- Rồi thế nào...

- Chị ấy đi tu. Cái năm em sang Mỹ, em có xuống chùa chào chị. Em vẫn được thư từ. Chị ở Vũng Tàu.

Ông Thái nhắc lại như trẻ con học nói:

- Ở Vũng Tàu.

Bà Vân nói:

- Em được thư thấy nói thầy đau, có khi về nước Phật mất. Em xuống thăm Thầy nhân thể.

Ông Thái lễ phép rụt rè:

- Vâng.

- Bây giờ gặp thầy, anh cũng không nhận ra được đâu. Mà thầy qui y đổi tên nhà Phật rồi.

Bãi Dứa ở Vũng Tàu, một bên gồ ghề sườn núi, một bên bờ đá. Chỉ có một bãi tắm nhỏ ở chân dốc sang bãi Sau bên kia. Nhưng lọt giữa những tảng đá lởm chởm, đôi chỗ hũm xuống một bãi cát choen hoẻn phẳng lì như manh chiếu cói trắng.

Dọc triền núi, ẩn hiện những ngôi chùa nhỏ, công đức của các nhà giàu trên Sài Gòn. Đã thành phong tục đem ảnh và bài vị người khuất lên chùa, tương tự ngày trước nhà có của cúng ruộng hậu.

Ông Thái và bà Vân xuống ô-tô ngoài bến rồi đi xích lô về bãi Dứa. Từ lúc gần đến Vũng Tàu, ông Thái đã lẩn thẩn sợ thế nào ấy. Sợ cái dáng bà Vân đi phăm phăm, tiêu tiền như vứt đi, tiền xe, tiền ăn sáng, tiền cho ăn mày. Được cái trông bà Vân không khác hẳn mấy bà luống tuổi. Khăn vuông lụa trắng, áo xuyến đen, quần lĩnh đen giản dị. Chẳng ai có thể đoán được bà ấy đã xa đất nước mấy chục năm qua. Ông Thái ngồi sau bà, lưng tựa đệm xe. Như con cá mắm trong cái kẹp thế lực.

Hai người lên bậc gạch một ngôi chùa, đi dưới đường chỉ thấy thấp thoáng mấy cành đại khẳng khiu nhô ra. Bà Vân vào thẳng nhà hậu. Ông Thái còn quáng mắt trong căn nhà tối ẩm, bà Vân đã tới trước bộ ván, ngồi sụp xuống đất, chấp hai tay:

- Bạch thầy, con là Vân, con mới ở Mỹ về.

Trên phản, một người nằm, hai chân nề nặng trắng bệch. Có tiếng khe khẽ:

- À... Vân...

Một cô tiểu ngoài hiên bước vào. Cô tiểu đỡ người ốn ngồi lên. Bà thở khó nhọc, như con mèo gù, bà tựa lưng vào tường và vai cô tiểu đỡ... Ông Thái đã nhìn rõ. Không thể là cô Hậu năm nào. Cái đầu bà bủng vàng như nghệ, phù to ra.

Một cô tiểu bưng nước mời khách, đặt trên án thư bên cạnh. Bà Vân nói:

- Bạch thầy, thầy có nhớ ai đây không?

Nhà sư ngước cặp mắt trắng lờ đờ.

- Ông Thới ngày xưa đó.

Bóng mờ khuôn mặt xị không động đậy.

Các chùa ven bãi dứa đều có nhà khách. Vào mùa nắng, cho cả người chơi biển trọ. Ăn chay theo bếp nhà chùa. Hình như cũng vắng vẻ.

Bà Vân và ông Thái nghỉ ở ngoài nhà tổ. Gian giữa, một tượng Quan Âm. Mùi hương phảng phất, nằm trông lên thấy cái bệ tòa sen thếp vàng ánh. Bên một kệ đặt những khung ảnh người đã mất được đem gởi hậu. Ông Thái mắc cái màn nâu dưới chân kệ ảnh. Bà Vân nằm trên phản đầu gian bên. Như vợ chồng già vãng cảnh chùa, đường xa nghỉ lại.

Ngày ngày, bà Vân ra bãi tắm. Bà Vân nói: “Em khỏe được là nhờ biển. Nhà em bên kia ngay cạnh nước. Hàng ngày cả thành phố tắm biển”. Bà Vân rủ ông Thái tắm. Nhưng ông Thái lắc đầu. Bà Vân cũng không ép thêm. Bà Vân lội xuống nước. Ông Thái đội mũ cối, quần áo bộ đội xanh nhợt, ngồi cái quán cóc cạnh gốc dừa trên bờ. Ông ngồi trông quần áo cho bà Vân. Đôi lúc cao hứng, ông lội cả đôi dép râu đi dọc mép nước. Khi về, bà Vân vào chỗ dội nước ngọt thay quần áo, ông Thái cầm cái túi đứng ngoài.

Bà Vân đã ra bãi. Ông Thái ở vườn chùa vào nhà hậu. Ôi, năm mươi năm trước xa vời vợi, ở phía nửa trái đất bên kia. Ông Thái vẫn không thể nào tưởng cái cô Hậu ấy là bà sư liệt giường này. Không, không, ngày xưa đã qua rồi. Nghĩ thương thương, ông Thái bước vào.

Cô tiểu đến nâng sư thầy. Nhưng bà không giơ tay. Bà vẫn nằm nguyên đấy. Ông Thái lặng lẽ ngồi xuống ven giường. Ông Thái nghe tiếng thều thào như vẳng đâu tới:

- Ông già quá rồi.

Ông Thái đã muốn nói mấy câu gì đó. Nhưng ông không nói được nữa, ông ngồi yên.

Nhà sư từ từ quay mặt vào tường.

Ông Thái lững thững ra bãi. Ông Thái ngồi cái quán bà Vân gửi quần áo. Sóng biển lăn tăn, bà Vân đứng ở chỗ nước ngập ngang vai. Trông thấy ông Thái, bà Vân giơ tay vẫy vẫy.

Ông Thái vẫn chưa dứt cái đau, cái ngán ngẩm vừa rồi: “Ông già quá rồi”, ông cũng sắp tịch rồi, câu nói thổi bay mất hào hứng và lòng thương người của ông. Ông Thái nhìn bà Vân vùng vẫy thảnh thơi dưới nước. Ông thở dài, bỗng cáu kỉnh: “Hay là cái đêm ấy nó biết. Nó thù đến tận bây giờ nên mới dày ải mình ra đây”. Ông Thái nhấp một ngụm rượu rồi lại nhẹ nhàng nghĩ có thể không phải thế.

Bà Vân đã lên. Bộ quần áo tắm vằn xanh. Cánh tay và bộ đùi hộ pháp phục phịch đã hơi bắt nắng. Ông Thái thờ ơ nhìn. Bà Vân giơ ngón tay. Nách bà trắng bạch. Mọi hôm vẫn thấy mà không để ý. Ông lẩn thẩn đoán không biết bà ấy nhổ hay tự nhiên thế.

Bà Vân giơ tay nẹt đùa:

- Cấm uống bia, nghe.

Ông Thái mủm mỉm giơ ly rượu:

- Rượu thuốc. Rượu thuốc vẫn uống nhắm với ô mai ở bùng binh chợ Bến Thành, từ ngày xưa đấy.

Vào dội nước ngọt, thay quần áo ra, hai người lững thững về. Bà Vân tự nhiên nói:

- Chúng mình có duyên, nhưng không có nợ.

Có lẽ câu ông Thái vừa nói đã khiến bà Vân nghĩ ngợi - ông Thái bâng khuâng, mủi lòng.

*

Hôm rời Vũng Tàu, ông Thái nhổ ngoài bãi cát một cái dây cây dại không có tên. Lá dày tựa lá thài lai, hoa màu xanh nhạt, man dại như hoa bìm bìm. Ông cắm vào cái vỏ bia 33, đem về.

Mấy hôm sau, ông Thái lại đã ở nhà. Ông lại ngồi ở cái góc buồng, tầng bốn trông ra cái cửa sổ mới được trang trí thêm hộp bia trồng dây hoa bìm biển. Những nhánh ba lá vào mùa thu đã ngả màu vàng gắt. Không ai biết được cuộc phiêu lưu kỳ lạ ông Thái vừa trải. Ông im lặng như chiếc phất trần dựng xó tường. Cái phất trần thỉnh thoảng bà ấy còn lấy ra phảy bụi, ông thì chẳng ai đụng đến. Ông lặng lẽ. Ngồi xuống, không có rượu gặm nhấm lại kỷ niệm. Thói quen nghề nghiệp, ông Thái tính một tuần lễ vừa qua mỗi người chỉ nói được ba câu đùa vui. Cứ vậy mà dự phòng, dự chi, thế mà còn hơn, nếu nợ nhau thì có lẽ chỉ còn cáu gắt và im lặng như bây giờ.

Hai cái răng cửa đã rụng nốt. Hàm trên nhẵn thín, môi cúp sát vào lợi. Móm hẳn. Đã lâu lắm không nhận được thư của Vân. Ngộ như năm nao Vân lại về có gọi *Thới*, Thới cũng không đi nữa. Ông Thái quả quyết thế. Nhưng rồi cả năm cũng không được tin tức. Có lẽ ở bên ấy bà Vân cũng đương nghĩ như ông Thái. Một hôm, con mèo nhà ai nhảy cửa sổ, làm rơi ụp cái vỏ bia trồng dây hoa bìm biển. Ông Thái cũng chẳng buồn xuống nhặt lên.

TÔ HOÀI.-



CAO ĐÔNG KHÁNH

người có trái tim mặt trời

Mặt trời hoàng bắc trên thủ đô thế giới
ở đó hình cây nghiêng ngả lá kim anh
con đường xuống giốc đưa vô sơn thủy
thời tiết mỹ nhân có kẻ lén vào

Trên miền hoàng bắc có bóng chim tiểu thuyết
mùa thu vàng mười chấp cánh nhẹ như mê
em phất phới trong chập chùng dĩ vãng
như lá cờ bay trên cánh tay người

Đêm hợp thức mỗi nơi một cổ tích
người ấy có hình ánh sáng lặng yên
tôi chiêng trống điểm trang bóng tối
diễn lại tấn tuồng mãi võ sơn đông

Đứng thế đất vuông, múa hình trời tròn lẳng
như ta đây, quê quán chỗ không chừng
đêm mất trí, rượu nồng nàn âm nhạc
có mặt trời khuya mọc ấm giác quan

Mặt trời hoàng bắc trên tầng tầng sông núi
những mặt trời ái tình chơi với lá kim anh
cây nhiệt đới, tôi, một đời phủ phục
diệp lục thời nay xin phó thác cho em

Ngày đầy tiếng nói, đêm đầy ngôn ngữ
thời gian cũ mèm lạnh gốc rễ sơn lâm
còn sót lại, em, mắt môi mỹ vị
nhẹ như là tiếng nứt nhụy hoa

Mặt trời hoàng bắc trên trùng trùng lá đổ
giốc nào cao ngó xuống tận linh hồn
trong tâm khảm, tôi, vàng son rơi rụng
nửa mặt em cười phong cảnh mỏng như gương

Cây cách trí đứng chung tình xương cốt
đời sống, có chi, trơ trụi trước sau
tháng mười tháng một vàng, tháng chạp tháng giêng trắng
ôm mặt trời làm trái tim tôi

Người có trái tim mặt trời đi tìm nguyên quán
từng chiếc lá rơi từng triều đại suy tàn
bóng mây vô giác bay qua miền thiên hạ
chở vô cùng che cửa phòng không

Mặt trời chiếc bóng trên sinh phần cây cối
mùa đông cao lạnh suốt nóc không trung
tuyết giát bạc trên miếng vườn gia bảo
đợi khi nào xuân thấp trổ bông hoa

Mặt trời màu mỡ trong tình lân quốc
gió nào khua lóng lánh tiếng vàng rơi
thành phố cấm cổng, tôi, thành kẻ lạ
có trái tim màu xanh lá cây

Mặt trời diệp lục em cho hôm trước
nở muôn vàng trong lãnh thổ riêng tôi
mỗi góc tư phần một khóm rau ngào ngạt
cảm phiền em tôi kẻ đứng bên đường

Khuya nức nở tiếng côn trùng quá khứ
có một người quen không được nhắc tên
thời tiết tứ quý không dung thân nhiệt đới
tôi với người riêng mỗi quốc gia

Đêm hôm trước những người gần hôm trước
mỗi ngai vàng một cung cách triều nghi
sáng ra thiên hạ truy lùng từng tiếng nói
ôm mặt trời quá ải kinh tâm

Hồn xuân sắc, tôi, tìm trong dĩ vãng
trẻ con dị hình con mắt xẹt hào quang
trong tình nhân loại con người bỗng nhẹ
bay là là trên lãnh thổ riêng em

Mặt trời hoàng bắc trên hình cây bóng lá
bóng đá hình hoa ở đâu cũng nhớ nhà
hôm nào, thỉnh thoảng, có còn thong thả
có một người... quen biết thuở tư tâm

CAO ĐÔNG KHÁNH



MIÊNG

hiếu thảo

Chị Thảo chà xát phiến đá trên mộ mẹ với tất cả sức lực của chị. Chị chà với vẻ khẩn trương, miệng lẩm bẩm người ta bảo chà khô mới bóng, người ta bảo chà khô mới bóng. Chị có hình ảnh của một người đang lên đồng. Mặt chị võ vàng, buồn rười rượi, mắt ráo hoảnh gần như khô cứng trước cái nhìn lúc nào cũng ngơ ngác vô định, nhưng miệng thì luôn luôn mấp máy như đang nói chuyện với ai. Trông chị như miếng giẻ khô nhúng nước. Anh muốn đến ôm lấy vai chị, làm một cử chỉ gì đó, nói một câu gì để vỗ về an ủi chị, nhưng anh cứ có cảm tưởng rằng từ hôm mẹ mất đến giờ, chị có cái gì như hờn trách anh mà không nói ra. Hay chỉ là mặc cảm ?

Nhớ lại hôm đám tang mẹ, khi những người đưa tiễn cuối cùng ra về, anh đã có cảm tưởng rằng đối với chị anh, mọi việc cứ như chỉ vừa mới bắt đầu. Chị vẫn ngồi đó, tay vân vê sửa lại vài cành hoa, kéo qua phía bên này bên kia một chút các vòng hoa đặt trên mộ mẹ vừa mới lấp phiến đá nặng nề lên trên. Rõ ràng là các ông nhà đòn và mấy người bà con hãy còn ở lại chờ về cùng chuyến xe tang tỏ vẻ hết sức bực mình, nhưng không ai nói gì. Họ nhìn chị, sốt ruột. Còn chị thì mải bận bịu với ngôi mộ mới, tần mần âu yếm như một người mẹ hết lòng săn sóc chiếc nôi bé bỏng của con. Mỗi cử động của chị chậm chạp, não nề phiền muộn. Chị không khóc. Lạ là chị không khóc từ khi mẹ vĩnh viễn tắt thở tới giờ. Lúc nào chị cũng bình tĩnh thu vén mọi việc, ngăn nắp, đầy đủ và dứt khoát, với vẻ thông thạo hoàn hảo như thể nhà có người chết mỗi ngày. Anh vẫn kín đáo theo dõi chị từ hôm mà chị điện thoại cho anh lúc quá nửa đêm khi anh vừa về đến nhà, để nói “mẹ đi rồi”, với chỉ một tiếng nấc thật ngắn trong cổ họng.

Đámtang mẹ vào hồi tàn xuân. Bây giờ đã sáu tháng trôi qua kể từ hôm ấy. Trời đã vào đông, lạnh nhiều và lộng gió. Song ngôi mộ như có gì thu hút quyến rũ làm chị quên về. Bó nhang trên mộ đã tắt. Chị đứng nhìn ngôi mộ bóng nhẫn có vẻ hài lòng. Hình như chị không cảm thấy lạnh, trong khi vợ chồng anh thì bắt đầu xuýt xoa. Vợ anh nói nhỏ bên anh :

- Lạ. Em cứ tưởng mẹ mất thì chị Thảo sẽ đỡ hơn nhiều chớ !

Trời i bắt đầu lấm tấm mưa. Ậm ừ không trả lời vợ, anh tới nắm tay chị Thảo kéo vào xe. Ừ, anh cũng đã thấy điều đó từ sáu tháng nay. Anh những tưởng mẹ ra đi là tốt cho chị. Là đã đến lúc cụ phải đi. Đáng lẽ cụ phải ra đi từ lâu, sáu tháng hay một hai năm trước kìa chớ không phải mãi đến bây giờ.

Cái sống mà cụ kéo dài từ mấy năm nay không còn là cuộc sống nữa, và làm cho bà chị của anh có một cuộc đời không phải cuộc dời. Hai người đàn bà một già một trẻ, hai mẹ con, sống một cách đáng sợ, đáng buồn, như trong một thế giới riêng chỉ khép kín giữa hai người. Ông bố thì vì bất lực trước sức tàn của vợ, xót xa bởi con gái quá sức nhọc nhằn vì bố mẹ, đâm ra muốn trốn tránh sự đời bằng cách suốt ngày chỉ ôm cái máy truyền hình. Mỗi lần mở miệng ra là luôn luôn gắt gỏng hay để phê bình chê trách một cái gì. Cứ mỗi lần nhìn thấy thân hình nặng nề của mẹ tì hẳn vào tấm thân mảnh khảnh yếu đuối của chị để ngồi lên hay đi vài bước là anh đủ thấy đau lòng. Có lần ghé thăm mẹ hơi trễ vào buổi chiều, hình ảnh chị vừa lo đút cháo cho mẹ, xong mới và vào mồm mình một miếng cơm mà chắc là đã lạnh ngắt và chị không còn thấy hương vị gì, làm anh sợ không còn dám đến thăm khi trời sụp tối nữa. Nhưng đến buổi sáng, anh cũng không thấy dễ chịu hơn. Hình ảnh một thân hình già nua nằm chờ chết mà vẫn không chết, bên cạnh một người trẻ héo hon trong bao nỗi nhọc nhằn, làm anh xuống tinh thần. Anh thấy mình bất lực trước sự tàn tạ của cơ thể mẹ, bất lực trước cuộc sống không sinh khí của gia đình.

Kể chuyện về chị cho bạn đồng nghiệp nghe, có cô chưng hửng : "Thế sao chị toa không trốn đi ?". Câu hỏi đó làm anh ớn lạnh ở xương sống, mặc dù anh biết rằng ý nghĩ ấy hoàn toàn xa lạ với chị. Cuộc đời của bố mẹ là cuộc đời của chị. Một sự gắn bó chặt chẽ và quên mình. Lâu lắm rồi, hồi ở vào cái tuổi biết yêu đương, chị đã yêu một người, nhưng bố mẹ từ chối lời cầu hôn vì chê là không môn đăng hộ đối. Chị đã nghe lời bố mẹ xa lánh người con trai ấy. Mãi đến năm hơn bốn mươi, chị mới có người mai mối cho một đám khác. Vừa nhận lễ dạm ngõ xong thì chiến tranh giữa hai miền chấm dứt. Nhưng đối với chị lại thêm một lần tranh chấp khác với chính bản thân vì người này đề nghị bố mẹ và chị cùng đi Mỹ ngay vào những ngày Sàigòn lộn xộn, chị hỏi ý bố mẹ, mẹ nín thinh, bố nhìn mẹ nói lẫy : "Mày muốn thì cứ đi, chớ đi sống nhờ vào rể là tao không đi". Chị hiểu ngay. Thế là một lần nữa chị hy sinh. Nếu bỏ đi, chị sợ rằng người em trai kế với vợ và năm con sẽ không săn sóc bố mẹ đã gần tám mươi chu toàn bằng chị. Nhưng chắc gì là chị không âm thầm đau khổ, hận đời.

Hồi bố mẹ hãy còn ở Việt Nam, trước khi được đi Pháp, người bạn trai thời son trẻ của chị lúc trước, bây giờ đã một vợ ba con, ghé thăm từ biệt. Khi anh ra về, mẹ bật nói với một ước ao mong manh tuyệt vọng :

- Bây giờ nếu có thằng nào muốn dẫn con Thảo đi ngoại quốc, tao cũng cho đi. Người Miên cũng được.

Nhưng mãi cũng chẳng có thằng nào dẫn chị đi - dù chỉ là cái thằng Miên hết sức xấu xa theo định kiến của mẹ, cho đến ngày anh bảo lãnh được bố mẹ và chị cùng đến Paris. Như có một sức hút của từ trường trong cảnh lạc loài chung của người tị nạn, cuộc đời chị còn gắn chặt vào bố mẹ hơn bao giờ. Bầu không khí kỳ lạ giữa ba người như một cái bình thông nhau cho tất cả

niềm vui, nỗi buồn hay thương yêu hờn giận. Một lần anh ghé thăm, đang xem truyền hình, bố đứng lên hỏi một cách chán nản cùng cực nhưng rất khẩn trương :

- Hiếu đấy à, vào mà xem kìa !

Anh vào phòng. Thấy anh, mẹ chống tay mệt nhọc cố ngồi lên. Chị Thảo có vẻ bứt rứt, dao động, mắt đảo điên như vô vọng tìm kiếm một cái gì. Anh tới ngồi bên mẹ, dịu dàng :

- Con đây mẹ, có chuyện gì vậy ?

Hai tay mẹ quờ quạng về phía anh, mắt nhìn thất thần, hoảng sợ vô cùng:

- Sắp chết rồi con ơi. Sợ lắm... sợ lắm...

Anh có cảm tưởng như có tử thần đang đứng bên cạnh níu kéo mẹ. Anh vẫn biết trong giấc ngủ bận bịu của người già, mẹ thường kêu lên nỗi sợ chết, nhưng không lần nào trông lại kinh hoàng thảm thiết như hôm nay. Mẹ kêu lên, sôi nổi, hốt hoảng :

- Có cách gì cứu mẹ không con. Có cách gì không ? Giời ơi !

Anh nghe tim mình đau nhói. Trong phút chốc, một nỗi bất lực hoàn toàn xâm chiếm làm anh rụng rời. Anh thấy mình vô ích cho mẹ. Trong ánh mắt tha thiết của mẹ như có cái gì bức thiết, van nài làm anh muốn khóc. Anh chưa biết phải nói gì, mẹ lại giục :

- Con là bác sĩ, con tìm cách gì cứu mẹ.

Anh vẫn còn sững sờ. Lời mẹ làm anh liên tưởng tới lời thề trước tượng Hippocrate giữa các bạn bè đồng liêu, với áo mão thênh thang của ngày thành danh. Dĩ nhiên lo cứu người là một bổn phận thiêng liêng và bắt buộc của các lương y. Nhưng mẹ quên rằng anh là một bác sĩ phụ khoa. Hàng ngày anh giúp sự vuông tròn cho các bà sản phụ, và chăm sóc cho những mầm non của xã hội. Còn cứu làm sao cho một thân hình già nua có được sự hoạt động bình thường như một thân hình còn son trẻ thì anh chịu. Mà cũng không một ông thầy nào trong các vị danh y đã từng dạy anh làm nổi việc ấy.

Anh hôn lên trán mẹ, vuốt những sợi tóc lòa xòa với tất cả dịu dàng mà anh có thể. Anh nghe mắt mình cay xót xa. Anh ghì chặt mẹ vào lòng, như cố gây cho mẹ cái cảm giác rằng không một tử thần nào có thể rứt mẹ ra khỏi vòng tay rắn chắc của anh được. Có lẽ thái độ đó làm mẹ an lòng. Các cơ mặt bắt đầu dãn ra, và một lát sau, cụ rơi vào giấc ngủ hoang mang mộng mị như thường lệ. Trong giấc mơ, cụ kêu lên những tiếng ú ớ đôi khi thất thanh nhưng không làm tỉnh giấc.

Để mẹ ngủ, anh ra nhà hỏi chị Thảo vì cớ gì hôm nay mẹ lo sợ đến thế. Chị Thảo kể rằng có gia đình bạn chị ở Việt Nam mới qua, gọi điện thoại thăm chị sáng nay, lúc ấy mẹ đang tỉnh táo. Biết vậy, mẹ đã thở dài thườn thượt, cứ hỏi bố quấn quít lên thế thì chừng nào thằng Hòa mới qua, chừng nào thằng Hòa mới qua. Không trả lời được, bố gắt om lên và bỏ ra nhà ngoài ôm cái máy truyền hình. Anh chợt hiểu. Mẹ muốn kéo dài cuộc sống để chờ ngày đoàn tụ với vợ chồng anh Hòa và các cháu đích tôn của cụ. Cụ vẫn

thường sốt ruột chờ từng ngày cái tin anh ấy sắp qua. Nhưng chừng nào gia đình anh ấy mới được đi hả Trời ?

Lần đó về kể cho vợ nghe, chị cằn nhằn :

- Chỉ lỗi tại anh. Mỗi lần có bạn bè nào qua được là cứ đem ra kể cho bố mẹ nghe, bảo bố mẹ không sốt ruột sao được. Stop. Đèn đỏ. Trời ơi !

Anh đạp thắng một cách máy móc. Permis à points mà. Vượt đèn đỏ là mất hai điểm như chơi. Tự nhiên anh gắt lên :

- Ừ, thì không nói gì nữa cả là xong chuyện.

Cái liên tưởng của anh về hiện tại và quá khứ khiến anh trả lời một câu gần như tối nghĩa đối với vợ. Chị nhìn ái ngại :

- Xà va không anh ? Có cần em lái cho không ?

Anh lắc đầu :

- Xà va.

Vợ anh vẫn nhìn, hơi nhíu mày. Chị đập nhè nhẹ lên tay anh, cử chỉ chị vẫn làm mỗi lần muốn khuyên anh nên bớt suy nghĩ.

Anh vẫn u ám. Cái quạt nước sao vẫn chạy mệt mỏi uể oải thế này. Nước mưa rơi xuống mặt kiếng xe như những giòng nước mắt. Nước mắt mẹ, nước mắt chị Thảo trong một lần anh đến thăm. Vừa bước vào nhà, anh đã nghe tiếng khóc tức tưởi. Anh chợt chùn chân, tưởng là mẹ đã mất rồi. Nhưng thấy bố vẫn ngồi trước máy truyền hình dù với vẻ hết sức cau có, anh cũng bình tâm lại. Anh vào phòng mẹ, té ra mẹ đang khóc. Chị Thảo đang lau mình cho mẹ, cũng đang sụt sùi. Trời ơi, sao mà anh sợ nước mắt đàn bà đến thế. Mà giữa các bà thì nước mắt cứ như một vết dầu loang. Anh tần ngần đứng ở cửa, hỏi chị Thảo có việc gì. Chị không trả lời, chỉ lẳng lặng bưng thau nước đi ra. Anh đến ngồi gần, lau nước mắt cho mẹ :

- Nói con nghe đi mẹ. Có chuyện gì vậy ?

Mẹ chợt khóc to hơn, ấm ức, nghẹn ngào. Mãi một lát cụ vừa đập thùm thụp vào ngực, vừa lắp bắp như muốn đứt hơi :

- Ôi giời ơi, sống làm chi mà khổ chồng khổ con đến thế !

Anh lẳng lặng vuốt ve tay mẹ như vỗ về. Anh biết là mẹ đang lúc tỉnh táo. Hễ lúc cụ tỉnh thì có hai nỗi kinh hãi : sợ chết và sợ sống. Anh mong thà mẹ cứ lảng lảng mãi đi, suốt ngày cứ nói nhảm nhí những điều không đầu không đuôi, không dâu vào đâu cả. Thà là vậy mà còn đỡ xót ruột. Một hôm người cháu mà bình thường cụ rất yêu mến, đến thăm. Chị Thảo hỏi :

- Mẹ, mẹ biết ai đây không ?

- Biết chớ. Thằng khốn nạn đấy. Thằng mặt địt đấy.

Rồi cụ nổi lên cười sặc sụa. Hết cơn cười thì hát nghêu ngao những bài đồng dao vào thời cụ hãy còn con gái. Xong lại ngâm Chinh Phụ. Lạ là không sai một chữ.

Về nhà, anh bảo vợ :

- Mẹ nói đúng thôi. Mẹ sống như vậy chỉ khổ cho chị Thảo mà mẹ cũng chẳng sung sướng gì. Nhưng sao mà sống dai dữ vậy ?

Vợ anh nói như gắt lên :

- Anh nói lạ. Bộ anh mong cho mẹ mau chết lắm sao ?

Anh giật mình, chợt nhận ra rằng cái ý nghĩ ấy nó thâm nhập vào tiềm thức của anh từ lúc nào. Đã có lúc anh nghĩ là thời xưa bên Nhật, khi có người sắp chết thì thân nhân khiêng họ bỏ lên núi. Liệu cái tục lệ ấy là của dân mình, anh có khiêng mẹ lên núi từ lâu rồi không ?

- Gớm, trời mưa mà vẫn lạnh quá. Dám mùa đông năm nay cũng sẽ có tuyết. Em không nhớ hồi sáng có mở sưởi đủ không. Lên nhà uống miếng trà cho ấm cái đã chị Thảo.

Anh cho xe vào ga ra. Ừ, mùa đông năm rồi đầy tuyết. Ba giờ sáng điện thoại reo vang, chị Thảo bảo với anh lại vừa đưa mẹ vào nhà thương cấp cứu. Trong đêm khuya, anh tất tưởi vào bệnh viện, tuyết ngập trên mắt cá. Trong căn phòng cấp cứu lạnh toát ánh đèn, mẹ nằm trên băng ca, mình trần, lật bật dưới lớp chăn bịnh viện. Chị Thảo đứng bên cạnh cầm tay mẹ, phờ phạc cả người. Mấy cô y tá như không vội vã lắm, giờ nào việc nấy. Anh lên phòng bác sĩ trực để bàn về bịnh tình của mẹ, với hy vọng là sự hiện diện của anh sẽ làm mọi việc tiến hành nhanh chóng hơn.

Sáng hôm sau khi anh ghé thăm, người mẹ chằng chịt những giây là giây, trong mũi, trong miệng, trên tay... Mẹ nằm thiêm thiếp, bất động, tay chân mọng nước. Bịch nước tiểu dưới chân giường chỉ toàn là máu và chất nhờn. Thận không làm việc được nữa nên lượng đường lên cao. Nước tiểu có máu, nên ngờ là bị ung thư bàng quang. Áp huyết tăng vọt. Khó thở. Nhưng cụ già quá rồi, người ta không thể làm những gì cần thiết để định bệnh một cách chắc chắn được. Chị Thảo ngồi bên cạnh, nhẫn nại chờ mẹ mở mắt ra. Bố vẫn dán mắt vào cái máy truyền hình ở bịnh viện treo tít trên cao, phàn nàn là cao quá, tao trông chẳng rõ đếch gì.

Ba hôm sau, mẹ bắt đầu tỉnh lại. Khi anh tới bên cạnh, mẹ tươi cười thều thào trong hơi thở nhọc nhằn :

- Hòa đấy hả con. Thế con qua bao giờ ?

Anh mỉm cười với mẹ, đọc thấu nỗi trông chờ mỏi mòn của mẹ. Bố ngồi bên cạnh, kể cho mẹ nghe những kỷ niệm từ thuở xa xưa, như một loại mật mã giữa hai người, cố kéo lại trí nhớ mơ hồ đảo lộn của bà. Chị Thảo hăm hở tất bật đút từng thìa Renutryl cho mẹ, như thể càng nhanh được giây phút nào thì mẹ mau bình phục giây phút ấy. Lát sau mẹ gọi anh :

- Này em, em đến thăm chị đấy hả ? Nhà ở có xa đây không ?

Dạo ấy, một buổi phát hình trên màn ảnh nhỏ cứ ám ảnh anh mãi mãi. Hình ảnh cô y tá bị ra toà vì đã giải thoát những ông già bà cả trong một nhà hưu trí bên Đức một cách nhẹ nhàng, làm anh nghĩ tới mẹ và anh. Anh thường tự hỏi giữa quan toà và người y tá, ai là người hiểu rõ sự sống chết hơn ai ? Anh đã bất lực trước sự cứu sống mẹ, anh có thể giải thoát cho mẹ trong một chiều hướng ngược lại. Được không ?

Mùa đông năm đó lạnh buốt da và kéo dài dai dẳng như kiếp sống thừa

của mẹ. Chỉ tại chị Thảo đổ sâm cho mẹ mỗi ngày, làm mẹ dù không đỡ ra nhưng cũng kéo lây lất được thêm ít tháng nữa, cho đến khi phải đưa mẹ vào nhà thương lần thứ hai, vào khoảng Tết ta. Lần này thì thận hoàn toàn ngưng hoạt động, nước tiểu lẩn vào máu. Người bạn bác sĩ lại bảo anh thôi đừng làm dialyse cho cụ, toa cũng là bác sĩ nên moa nói thật với toa : cứ để cụ ra đi trong êm thắm, làm cái gì khác bây giờ chỉ thêm đau đớn mà cũng chẳng cứu được gì. Khi anh nói lại điều đó cho chị Thảo nghe, chị trách anh sao cũng là bác sĩ như ai mà lại không chịu làm gì tích cực hơn lại đi nghe người ngoài, sao lại chấp nhận không làm dialyse cho mẹ, còn nước thì còn tát chớ. Anh cúi gằm, không biết phải giải thích làm sao. Đến khi bác sĩ phụ trách tuyên bố là họ không thể làm gì khác hơn cho mẹ, chị đành hậm hực đưa mẹ về.

Từ đó, cái ý nghĩ vừa cứu mẹ khỏi những ràng buộc phàm trần mà cả tinh thần lẫn thể xác mẹ không còn chịu đựng được nữa, vừa có thể đem lại cho chị Thảo một cuộc đời đỡ vất vả hơn, cứ bám riết anh ngày đêm.

Anh thường giật mình giữa khuya bởi những cơn ác mộng. Hoang tưởng chập chờn trong đầu anh cái ý muốn phải làm một cái gì thiết thực hơn là chờ đợi. Anh thường thấy mình đến thăm mẹ, trong tay có sẵn một liều chlorure de potassium. Mẹ sẽ ra đi nhẹ nhàng như trong cơn ngủ mê. Mẹ sẽ lên trời, hồn mẹ sẽ phiêu diêu miền cực lạc. Mẹ sẽ vào nước Phật bình an như những bài kinh bằng tiếng Phạn mà lúc tỉnh táo mẹ đọc làu làu nhưng chắc chẳng hiểu gì. Nhưng Phật hiểu, và Phật sẽ đón rước mẹ... Anh thấy xác mẹ cứng đờ, lạnh ngắt, nhưng mắt vẫn mở trừng nhìn anh. Anh hét lên bỏ chạy, vấp phải một cái gì làm anh ngã quỵ. Cái gì đó là vợ anh đang hốt hoảng hỏi anh có làm sao không. Mồ hôi vả ra như tắm, anh kể cho vợ nghe, giọng dao động bối rối. Chị an ủi anh :

- Có gì đâu anh. Chỉ là giấc mơ thôi mà. Ráng nghĩ tới cái gì vui hơn và ngủ lại đi.

Ráng nghĩ tới cái gì vui ! Nói nghe sao mà dễ dàng thế !

Anh trở nên gắt gỏng với mọi người từ bao giờ anh cũng không biết. Đầu óc anh đâm ra luẩn quẩn, rối beng không lối thoát. Những cơn mộng mị trong đêm làm anh rạc người. Chỉ cần vừa nghĩ tới chlorure de potassium là anh đâm sợ. Chỉ cần vừa nhìn thấy nó là đủ làm anh quay mặt đi tránh né. Nhưng lạ, liều thuốc ấy như ma quái chọc phá anh, trêu ngươi anh. Nó như một người đẹp liêu trai, vừa ác độc vừa xinh đẹp quyến rũ, vừa sắc sảo trang nghiêm nhưng cũng hết sức lẳng lơ mời mọc. Để quên đi, anh vội vàng bắt tay vào việc khác...

Anh đến thăm lúc nhà sắp dùng cơm chiều. Chị Thảo dọn cơm ra, vẫn thêm một bát để mời mẹ. Anh không ăn với bố và chị, anh chỉ ngồi nhìn chị như người ta ngồi chiêm ngưỡng để phân tích đường nét của một bức tranh. Chị ngồi đối diện với bức tường trắng lạnh đã loang lổ vài nơi, mắt nhìn thẳng như không nhìn, không thấy gì cả. Chị nhai một cách uể oải chậm chạp, như

một người nhàn cư có thừa thời giờ trước mặt. Anh tự nghĩ nếu nhìn con bò trong tư thế ấy thì anh hiểu là nó đang nhai lại thức ăn, còn nhìn chị đang nhai cơm mà anh không hiểu chị đang làm gì. Có lẽ chị đang nhai lại kỷ niệm của mình. Kỷ niệm của một thời son trẻ xa xưa cũng đã biết thế nào là tình yêu trai gái. Cuộc tình nào dù ngắn ngủi tới đâu cũng là một cuộc tình, cũng có cái vui cái buồn để nhớ. Bây giờ thì giữa hai người, không biết vẫn là một thứ tình yêu platonique như xưa hay chỉ còn là tình bạn ? Cũng có thể là chị đang nghĩ về mẹ. Mà về mẹ thì nhiều thứ để nghĩ đến quá, chị có gần nửa cuộc đời còn lại để tha hồ tưởng nhớ tới.

Trong cái khắc khoải vừa muốn sống vừa muốn chết của mẹ, bầu không khí gia đình vô tình mang một vẻ nặng nề, ngột ngạt, bất an. Cái vòng luẩn quẩn ấy kéo dài trong mấy năm sau này làm anh thấy ngộp thở. Nhưng bây giờ, trước cái chết của mẹ, hai người còn sống cũng chẳng khá hơn. Vào những ngày mẹ khỏe có thể ngồi xem truyền hình với bố được, bố thường giải thích cho mẹ nghe những gì đang chiếu trên màn ảnh nhỏ. Nhưng dù đang hè mà trong phim có cảnh tuyết rơi thì mẹ nhất định đòi mặc áo len vào. Thấy cảnh chiến tranh thì thế nào mẹ cũng dặn chị Thảo đi mua ngay vài bao gạo về trữ sẵn. Để trấn an mẹ, chị Thảo vẫn phải khăn gói ra khỏi nhà, nhưng năm phút sau dù chị trở về với hai tay không thì mẹ cũng đã quên hết rồi ! Nhiều khi bố gắt gỏng với mẹ. Nhưng có người bên cạnh để gắt gỏng vẫn hơn là bây giờ bố như ngậm câm, không có gì để nói cả. Suốt ngày, bố và chị di chuyển trong nhà, lặng lẽ câm nín như hai cái bóng. Mọi việc trở nên giản dị tối đa, không hốt hoảng, không vội vàng, không tha thiết. Cuộc đời hai người như một quyển sách bằng cổ ngữ đóng lại, các nhân vật chỉ sống ẩn dật bên trong. Thế giới của sự chết.

Bây giờ thì hình ảnh tiều tụy của chị từ ngày mẹ mất lại ám ảnh anh cách khác. Ai cũng đinh ninh là mẹ mất thì chị Thảo sẽ được giải thoát. Nhưng không ngờ cái chết của mẹ đã làm mất hết ý nghĩa của cuộc sống chị rồi. Trước mắt chị bây giờ là một khoảng không mênh mông vô cùng. Nhiều đêm chị cố thức thật khuya để chờ mẹ về. Nhưng từ nghĩa trang về nhà thì con đường rất xa, mẹ lại già quá rồi không còn nhận ra đường sá về nhà mình nữa. Chị cứ chờ trong võ vàng tuyệt vọng. Một hôm chị ngây ngô nói với anh mà như nói một mình :

- Mẹ chết mà ngoài đường không có gì thay đổi cả.

Anh nhìn chị xót xa. Mẹ chết chỉ thay đổi đời chị chớ không thay đổi một sợi tóc nào của ai. Phố xá vẫn tấp nập, các cửa hàng vẫn mở, chợ búa vẫn nhóm họp, thiên hạ vẫn đi làm, đi mua sắm. Tại bệnh viện anh, các bà vẫn sinh nở mỗi ngày, và cũng có nhiều người tắt thở mỗi ngày. Cuộc đời vẫn tiếp tục theo nhịp điệu bình thường. Chỉ có chị là trở nên không bình thường mà thôi.

Bây giờ thì anh thường nằm mơ anh đi lang thang giữa đất trời lồng lộng, gió ào ào từ bốn phương đẩy anh bay bổng lên không, đem anh tới cổng trời.

Ở đây, giữa bao nhiêu khuôn mặt nghiêm khắc xa lạ mà anh chưa bao giờ gặp, anh thấy mẹ mình ngồi riêng biệt một nơi, nhìn anh buồn rười rượi. Không ai nói lời nào, nhưng văng vẳng ở đâu đó có ai bảo anh quỳ xuống. Anh sợ hãi ù té chạy. Giữa mù sương lạnh buốt thịt da, anh chạy hoài không ngừng nghỉ. Và ở một nơi hoang vắng kia, anh thấy chị Thảo đang ngồi hái hoa, mặt vẫn rầu rĩ muôn đời. Anh mừng quýnh gọi chị. Hai chị em biến thành hai đứa trẻ thơ. Chị Thảo nắm tay anh, hai chị em tung tăng chạy đi, chạy đi. Anh chợt nhận ra rằng hai chị em đang đứng bên bờ Vực Hồng. Phản ứng của anh là lùi lại. Chị Thảo vẫn từng cấm anh, không cho anh đến gần bờ vực. Nhưng kìa lạ chưa, sao bỗng dưng chị Thảo lại nhìn anh như người xa lạ ? Bỗng dưng chị Thảo không còn là một đứa trẻ nữa, chị đã thành một bà già với nét mặt đanh đá dữ dằn, cứ kéo tuột anh tới gần bờ vực. Anh gọi chị thất thanh, hốt hoảng. Nhưng chị nhìn anh với đôi mắt lạnh lùng nghiêm khắc. Trong một cử chỉ dứt khoát nhẹ nhàng, chị xô anh xuống... Tiếng anh tắt nghẽn trong cổ họng.

Anh rơi trong khoảng không, rơi, rơi, rơi... Trong cái đen ngòm mênh mông của vực, bỗng có tiếng chị Thảo gọi anh...

- Anh, anh, lại mơ gì nữa rồi !

Anh choàng dậy trong hãi hùng. Anh thấy lạnh ở gáy, ở lưng. Một cảm giác vừa sợ hãi vừa đau xót xâm chiếm lấy anh. Anh ngồi dậy, bật ngọn đèn nhỏ ở đầu giường. Vợ anh choàng tay qua vai anh, bảo là chị muốn biết anh mộng mị những gì. Anh kể hết, không thiếu một chi tiết nào. Chưa bao giờ những giấc mơ rõ ràng trong đầu anh như vậy. Nghe xong, chị xoa nhè nhẹ vào lưng anh :

- Có gì đâu anh, chỉ là mơ thôi mà. Anh vẫn thường gặp những giấc mơ kỳ quái như vậy hoài, đâu có gì phải sợ.

Giữa hai lòng bàn tay, anh thấy rõ ràng mẹ nằm bất động trên giường, hơi thở ngắt quãng một cách nặng nề. Chị Thảo mệt quá nằm ngủ trên canapé bên cạnh, anh đi vào, rón rén nhẹ nhàng. Một tay nắm cổ chai sérum treo bên giường mẹ, một tay đưa mũi kim có liều chlorure de potassium vào. Xong lại lẳng lặng đi ra. Chị Thảo vẫn thiêm thiếp. Và anh về nhà. Rồi điện thoại reo vang trong đêm yên tĩnh...

Anh thẫn thờ nhìn vợ. Làm sao em biết ? Anh mà còn không biết nữa là ! Có gì nói với anh đó không phải là cơn mơ. Lần đó anh có thảng thốt bật dậy trong đêm đâu ? Có gì bảo anh nó không phải là sự thực. Sao anh lại không nhớ một mảy may tình cảm, một mảy may xúc động dù rất mơ hồ ? Lẽ nào, lẽ nào anh lại có thể máy móc làm một việc tày trời như vậy ?

Ngoài đêm trời vẫn sụt sùi. Có giọt mưa nào rơi trên nỗi cô đơn không cùng của chị Thảo, và có giọt mưa nào rơi vào nỗi hoang mang nửa hư nửa thực của anh ?

MIÊNG

Paris, Aout 1992



PHẠM CHI LAN

tôi không chọn chiến tranh

Cho những người chiến đấu phương Bắc
Cho những người chiến đấu phương Nam
Cho những người chiến đấu đồng minh rộng lòng hào hiệp
Cảm ơn tất cả đã chiến đấu cho sự tồn tại của tôi
Có một phút nào đó tôi đã nghĩ
có phải tất cả đã chiến đấu vì chính nghĩa?
Phải chăng những lý tưởng chỉ là ảo tưởng
khi nó đã không hề phục vụ thật sự cho con người
Chúng tôi, những con người sợ hãi sự thống trị
sợ hãi nô lệ và bạo tàn, lịch sử đã chứng minh điều đó
Nhưng, làm thế nào chúng tôi lại nô lệ
và thống trị chính mình
bằng tư tưởng bạo tàn và thù hận
Có một cuộc chiến tranh kinh khiếp và kéo dài lâu nhất
cuộc chiến trong lòng chúng tôi
với sự dai dẳng của trí nhớ
không biết xót thương nỗi đau tâm hồn và thể xác
Cuộc chiến đó vẫn còn tiếp tục
Chúng tôi vẫn chiến đấu với nó từng ngày không quên
Kẻ thù chúng tôi không có hình thể rõ rệt
nó không là xương máu những người đã nằm xuống
hay chủ nghĩa đã trở thành vô nghĩa với thời gian
Kẻ thù chúng tôi mơ hồ mông lung
như cánh quạt gió mà Don Quixote
đã xả thân chiến đấu
Không có vết thương nào nặng bằng vết thương bản ngã

Không có nỗi đau nào bằng nỗi đau nhân phẩm
Chúng tôi đã xúc phạm nhân phẩm của nhau
đã chà đạp quyền hạn sống của nhau
mà cái giá khốc liệt của sự xúc phạm
đã tiêu diệt chúng tôi cùng ngã quị
Điều nhân bản nhất trong con người -
khao khát sự sống và được sống với phẩm cách và ý nguyện
Ai cũng muốn hướng về những điều cao đẹp
(theo cái nhìn và cảm nhận riêng tư)
Ai cũng muốn thoát ra khỏi cái tầm thường
và hữu hạn của đời sống
Tôi đã nhìn thấy trong một phút bất chợt
mà anh không để ý che đậy
trái tim nhân tính và khát khao yêu thương
Anh hẳn đã có lúc chùng lòng vì một vài hình ảnh
đôi mắt buồn lặng lẽ của mẹ già,
nụ cười thơ ngây của em bé đánh mất tương lai
Tôi quả quyết rằng
trong mỗi hình nhân là một anh hùng
chưa xuất hiện
Tôi không nhìn thấy cái đẹp trong tâm hồn anh
vì tôi còn bận đi tìm cái đẹp trong tâm hồn tôi
tôi còn quá bận rộn với chính mình
nên quên mất tha nhân.

Tôi sợ hãi chiến tranh
nhưng tôi đã làm nên chiến tranh
tôi sợ hãi cô độc
nhưng tôi đã rút lòng mình trong cô độc
trong vô cùng có cái tận cùng
trong vô hạn có điều hữu hạn
trong sự sinh diệt của đời sống

tôi đã góp phần vào hủy diệt
bằng hủy diệt chính mình
trong cô đơn và lạnh lẽo chiến tranh
Làm thế nào tìm thấy bình an
khi tôi vẫn còn khuấy động an bình của người
Làm thế nào trốn tránh chiến tranh
khi tôi vẫn còn nghĩ đến cuộc chiến trong lòng?

Tôi không chọn chiến tranh
chiến tranh đã chọn tôi
Tôi không chọn cô độc
cô độc đã tìm đến tôi
Tôi không chọn số mệnh
số mệnh đã chọn lựa tôi
Tôi không chọn đời sống
bởi đời sống không phải là điều có thể lựa chọn
Tôi chỉ đang bị bức bách giam hãm trong thân xác này
với những cái hạn hẹp và giằng xé khốc liệt
không thể vùng thoát

Điểm danh những khuôn mặt
này ghen ghét, này thù hận
này độc ác, này bạo tàn thống trị
Hãy tháo gỡ những chiếc mặt nạ vàng ố
Hãy phủi sạch những hạt bụi phiền lụy
Hãy từ bỏ những mỹ từ của ngôn ngữ
để chỉ còn giữ lại chữ yêu thương
Hãy đánh thức giấc ngủ mỏi mệt nghìn năm
với cơn mơ đã quá dài
và thức dậy với mặt trời vừa mọc ở phương Đông.

PHẠM CHI LAN



ĐOÀN LÊ

thành hoàng làng xổ số

Đầu tiên hãy nghe tôi thề. Tôi mà cố ý gièm việc mua xổ số để góp phần kiến thiết đất nước , tôi chết. Bản thân tôi, mỗi lần lĩnh lương, thế nào tôi cũng khai gian một vài khoản chi tiêu với vợ, mua riêng cho mình hai vé xổ số. Mỗi tháng có hai tí ti hy vọng trong túi áo, giá một trăm đồng, rẻ chán. Nếu ví thử tôi trúng giải triệu rưỡi, chắc bu cháu lác mắt! Cứ để hắn lác mắt cho hắn biết thân, tôi vẫn định bụng như vậy.

Tóm lại tôi nhiệt liệt hoan nghênh các giải xổ số. Chuyện về ông Thành Hoàng của làng chơi tôi sắp kể đây vô thưởng vô phạt, có Ngài chứng giám cho tôi.

Ngài vốn là một công nhân viên chức nhà nước cần mẫn, đúng mực. Cần mẫn, đúng mực nên tất phải nghèo. Nghèo khổ, nghèo sở, đến nỗi suốt đời Ngài không xây nổi mộ phần cho tứ thân phụ mẫu, sau nữa không xây nổi một gian nhà gạch thay cho túp lều tranh xiêu vẹo ở xóm ngoại ô. Như người ta, hùng hục lao động liền mấy chục năm trời, bóp mồm bóp miệng cũng lo được đại sự. Nhưng năm bốn mươi tuổi, Ngài lấy được vợ về túp lều tranh, vợ Ngài nhịn đẻ hẳn năm năm, sau bổng tòi ra bốn đứa liền một chặp, khi son rỗi, có đồng nào phải đổ tất vào thuốc chữa đẻ. Những năm còn lại thì không thể bóp mồm bốn con mèo hen. Chúng gào ăn suốt ngày, giá cho cỏ vào những cái mồm ấy dễ chúng cũng nuốt ừng ực.

Vậy nên Ngài nghèo. Chị y sĩ cơ quan mang gia cảnh nhà Ngài để dọa những cô chưa chịu đặt vòng tránh thai: nào, có định rớt mùng tơi như nhà lão Khiển thì bảo!

Thuở ấy, có người nói Ngài không sợ nghèo. Cụ nội Ngài lúc chết phải đóng khố trần, mà vẫn thọ đủ chín mươi bảy tuổi, có sao đâu. Đến đời song thân Ngài, hai cụ gặp nhau tại gầm cầu, lang thang khắp các lều chợ, chứ có túp lều tranh như Ngài đã khá. Túp lều này Ngài thừa tự của bà dì ruột, không có con. Xét như vậy, Ngài hơn hẳn ông bà, cha mẹ. Ngài lại có lương bổng hàng tháng, no đói cũng nuôi nổi bốn miệng con, ngoài ra dám nghiện

cả thuốc lào, chứ thường!

"Người ta sống về mồ về mả; không ai sống về cả bát cơm". Đó mới đích thực nổi đau đớn thường xuyên hành hạ Ngài. Bố mẹ đẻ cùng bố mẹ vợ Ngài đáng lẽ đều được nằm yên tại một nghĩa địa ven sông, không lo cút-lít đuổi khỏi thềm Nhà hát lớn ngay giữa đêm đông như hồi họ đang sống, hồi còn mồ mả thực dân. Khổ nỗi bên bờ cứ lở dần. Gần đây, mấy ngôi mả chỉ còn cách lợi nước vài gang tay. Không lo cải táng sớm, tất sẽ có ngày các cụ trôi sông.

Những dữ kiện trên người ta không ghi lại trong thánh tích của vị Thành Hoàng. Đã vậy, chung quanh Ngài được thêu dệt bao nhiêu chuyện huyền thoại. Có người quả quyết người vốn con dòng, cháu giống, cụ nội ngài làm quan thượng thư cuối triều Nguyễn. Cha Ngài là một ông phán tòa Đốc Lý, mẹ gốc thương gia giàu nhất nhì tỉnh Bắc. Nhưng Ngài vừa đủ tuổi mặc quần kín đít, gia cảnh đã khốn khó vì ông thân cờ bạc, hút xái, bà mẹ làm tiêu ma cơ nghiệp vào buôn lậu với kiện tụng.

Nhưng ta không nên mất thì giờ tìm hiểu những nguồn tin, những huyền thoại chung quanh một bậc đã hiển thánh. Ôi chà, người yêu kể một phách, kẻ ghét nói một phách. Tôi chỉ mong các bạn nhớ vài chi tiết liên quan hữu cơ đến việc Ngài trở thành Thành Hoàng làng xổ số thôi.

Thứ nhất, Ngài nghèo. Thứ hai, ngài có nguyện vọng cải táng những ngôi mả phụ mẫu sắp có nguy cơ trôi sông. Thứ ba, do hai nguyên nhân trên cộng lại, dẫn đến việc Ngài mua vài vé xổ số mỗi tháng cầu may. Thứ tư, Ngài có tên húy là Khiển. Hồi Ngài chưa hóa ở cơ quan dưới trần người ta quen gọi xách mé "lão khiển văn thư". Lạy ngài, hãy xá u xá mê cho bọn người trần mắt thịt!

Người ta kể: lão Khiển văn thư bỏ mỗi kỳ lương hai mươi đồng mua một vé xổ số. Chỉ một vé thôi. Lão thường bảo:

- Cái số đến lúc phát, mua một vé cũng trúng. Mà không trúng, mình đỡ xót ruột, coi như đóng góp hạt cát xây dựng đất nước cho con cháu mình.

Lão nghĩ chí phải. Hơn nữa không mụ vợ nào nỡ ca cẩm vì khoản hai mươi đồng thiếu hụt mỗi kỳ lương. Đôi khi họ còn khen nịnh mình biết mua rẻ một niềm vui xinh xinh cho cả nhà... Như lão Khiển đấy khi lão giơ vé xổ số ra, cả gia đình lão đều sáng con mắt, đồng thanh reo lên:

- A ha, độc đắc rồi!

Bao giờ cũng vậy, lão Khiển dí mẩu giấy vào tận mũi vợ lão cùng bốn đứa trẻ, âu yếm cười tủm, tuyên bố:

- "Ông" sẽ cho ăn phở một tháng!

Tức thì mùi phở thơm ngây ngất tỏa ra khắp nhà. Nó vương vít trên mỗi ngọn tóc dựng đứng của bốn đứa trẻ còi xương. Thằng cu thứ hai liền liến láu kể về bát phở năm nó lên sởi nặng tưởng chết, không ăn được cơm, mẹ nó phải chạy lên tận phố mua về bát phở mậu dịch đầy tú hụ, ăn mãi không hết.

- Em thừa sức ăn hết bay! Cu út nuốt nước miếng, cam đoan với anh, tuy

nó chưa biết tường tận về bát phở.

Bát phở vốn có mặt từ lâu trong gia đình lão Khiển. Một thứ thành viên vô hình. Dù nó chỉ xuất hiện một lần vào dịp thằng bé lên sởi, nhưng cứ nhắc đến nó, mọi chuyện nan giải đều được trôi chảy. Nó trở thành lời phù chú vô cùng hiệu nghiệm. Cu ơi, mày cố học giỏi, không đúp lại lớp hai, bố sẽ cho ăn phở. Bố con tôi cho bu mày nợ hai xuất phở thuê công cuốc vườn đấy nhé. Sau này cúng giỗ tôi, không cần bày vẽ, chỉ mua một bát phở là xong. Vân vân...

Năm 1985 đánh dấu một bước ngoặc lớn. Lão Khiển trúng có giải sáu, được bảy trăm đồng. Xin đừng coi làm thường, có hàng vạn người mua xổ số, suốt đời vẫn không trúng lấy cái giải bét! Cả nhà lão Khiển rộn rực kéo nhau đi lĩnh tiền. Đám trẻ hí hửng tin chắc sắp được ăn món phở thần thánh, không đủ ba mươi ngày thì chí ít cũng một bát. Kể cả lão Khiển, trên đường đi lão đã thầm cân nhắc dăm ba hiệu phở, xem bề ngoài liệu hiệu nào ngon nhất. Nhưng mụ vợ sắt đá của lão sau khi về nhà, đếm đủ bảy trăm, cất giấu một chỗ, nghe nhắc đến phở, thị liền tuyên chiến với bố con lão quyết liệt: có giết ngay thị cũng đừng hòng moi một đồng ăn phở.

- Rõ dửng mỡ. Ăn sống hay ăn chết. Bố con ông cứ để yên tôi nấu món này ăn khao, vừa tốn ít tiền thôi, vừa ngon gấp mười lần phở.

Món ngon gấp mười lần phở gồm dăm lá bún, ba cọng sườn lợn rồi lá hành thái nhỏ rắc vào trước khi chan nước dùng... Tuy vậy, ăn xong ba bát tiêu chuẩn, những đứa trẻ còn ước ao sao chưa ngồi vào mâm.

Mụ vợ lão hỉ hả cười hỏi:

- Đúng ngon hơn phở không nào?

Năm bố con lão đồng ý ngay. Món bún sườn đánh bại đối thủ quá dễ. Trong năm con người ấy, tới bốn chưa biết mùi phở. Và dạ dày cả năm nhà trọng tài thường chứa rau lang nên không khó tính.

Vợ chồng lão Khiển loay hoay tính toán với sáu trăm ba còn lại. Số tiền vừa đủ tằn tiện lo việc cải táng cho một cụ thôi. Vậy cải cho ai. Không lẽ để các cụ phải gắp thăm xem ai được cải trước.

Mụ Khiển xem ra vẫn giữ được tam tòng tứ đức, thường nhất nhất vâng theo chồng. Một đêm kia thị nỉ non giải bày cùng chồng rằng:

- Cứ kể ngôi bà ngoại (tức mẹ thị) gần chỗ bờ lở nhất, đáng phải chạy ngay. Dưng làm thế người ta chửi mục mả. Ông nội (tức bố đẻ lão) tuy nằm xa nhất, vẫn phải lo trước tiên. Lạy vong linh các cụ, các cụ thế nào cũng phù hộ mình có tiền lo đủ cho cả hai bên nội ngoại, cụ trước, cụ sau. Khoản sáu trăm ba này ta sang cát ngay đầu tháng tới cho ông nội mát mẻ. Kẻo đồng tiền mỗi ngày mỗi tóp, bố nó ạ.

Nhưng chưa kịp mua tiêu, giời đã giáng vạ xuống nhà lão. Thằng cu út nấu cơm bằng cỏ khô để lửa bén bùng lên mái bếp. Cũng may hàng xóm tới cứu kịp căn nhà khỏi cháy theo. Đang mùa mưa bão, không có bếp, cầm chắc nhai gạo sống qua bữa. Thế là cái mồ cho người chết không bằng cái bếp cho

người sống. Vợ chồng lão Khiển thở vắn than dài, tiếc một vận may đã qua đánh vèo.

Nước Tàu xưa có chuyện "Tái ông thất mã" ai cũng biết. Mất con ngựa cái, cụ Tái không cho là rủi. Con ngựa bỗng trở về, dắt theo một chú ngựa dực, cụ tái không cho làm may. Anh con trai của cụ vì cỡi con ngựa ấy mà ngã què chân, cụ cũng lại không cho làm rủi. Quả nhiên mọi trai tráng trong làng bị Vua bắt lính đi không trở về, riêng một mình con trai cụ Tái thoát nạn.

Xem như thế, trúng giải được bảy trăm chưa chắc là may. Thử hỏi cải táng một cụ, lỡ xảy chuyện gì với ba cụ còn lại, vợ chồng lão có ân hận suốt dời không! Cháy cái bếp, lại chưa cháy nốt cái nhà, khoản sáu trăn ba làm bếp vừa xoắn, chưa phải vay mượn ai, không đáng mừng sao?

*

Sau sự kiện 1985, lão Khiển lấy uy lực của một người đã từng trúng giải, người được thần tài nhòm ngó tới, lão hạ lệnh cho mụ vợ phải mua tăng gấp đôi số vé. Bốn vé này lại được mua với sự hỗ trợ của các môn tính toán khoa học lẫn duy tâm. Trước hôm lĩnh lương cả nhà lão Khiển đều đóng góp với vị thủ lĩnh về dự cảm của mình trước khi lão đi tới quyết định cuối cùng.

- Nào, các con, chúng bay mơ thấy gì đêm qua?

Nghe bố dõng dạc hỏi, ba đứa bé tỏ vẻ ân hận đã không hay nằm mơ. Riêng cu út có những giấc mơ lạ lắm.

- Một con bò lang ngậm cái bánh mì, bố ạ. Con cướp không được.

- Một con bò? Thế là số chín bảy... Còn bu nó?

- Tôi hả? Tôi nằm mơ thấy hai mụ to béo mua tranh mớ tép với tôi. Mới đầu tôi chửi, sau tôi túm tóc một mụ, cứ guốc tôi phang.

- Gớm, bu mày nằm mơ cũng như con nặc nô. Đánh nhau không ăn thua. Thứ nhất phải thấy cháy nhà, thứ nhì thấy nước, thứ ba thấy vàng... Thôi được, để tôi tính toán.

- Bố nó ạ, người ta đồn kỳ vừa rồi anh thương binh trúng giải đặc biệt là mua theo số năm sinh anh ấy.

- Người ta đồn hàng trăm kiểu, biết đâu theo cho kịp!

Biết kiểu nào, lão đã theo kiểu ấy. Nào theo năm sinh của bốn đứa con, nào theo ngày tháng mất của bốn cụ nội, ngoại, theo giấc mơ, theo người gặp đầu tiên ngoài ngõ...

Ngày lĩnh lương, lão mang xổ số về, mụ vợ dịu dàng, nhỏ nhẹ hẳn ra. Buổi tối, đợi các con đi ngủ xong, lão thắp nén hương, vợ lão thay chén nước cúng trên bàn thờ, rồi lão đặt hai tấm vé vào chiếc đĩa xin âm dương, vái mấy vái. Sau đó lão rút lui, nhường mụ vợ xuýt xoa, nài nỉ tổ tiên. Nghĩ cũng tài, từ khi trúng giải bảy trăm, mụ Khiển tìm học luôn được bài khấn của dân xổ số chuyên nghiệp, nghe cứ như hát.

- ... Lạy Ngài linh thiêng, giáng lâm hạ giới. Ngài cỡi thuyền rồng, Ngài

tới hội đồng, Ngài vít bánh xe, Ngài đè con số, Ngài độ cho con...

Bài khấn dài lắm, lão Khiển chịu, không nhớ hết. Để bù lại, lão có những quyển sách chép tay, sưu tầm công phu. Những quyển sách dạy rằng mơ gặp bò cạp thì mua số sáu, thấy đỉa, số tám hai, thấy ma trơi, số mười bảy... Theo một chặp, lão Khiến vỡ lẽ những cuốn cẩm nang quý hóa ấy dùng cho dân số đề cơ.

Thế ra theo số đề cũng chắc ăn. Chỉ phải đấu hai số. Lão đưa những cuốn cẩm nang về thuyết phục vợ. Mụ đồng ý ngay. Bây giờ liền có sự phân công rõ ràng. Lão mua mỗi kỳ lương hai vé xổ số, vợ lão một số đề. Bốn đứa con tùy thích, chia làm hai phe cổ động.

Nhưng suốt trong mấy tháng, vợ chồng lão không thu về được nửa xu. Các khoản chi tiêu bị cắt giảm ngày một tồi tệ. Vợ chồng lão sinh cãi cọ thường xuyên. Lão nhiếc mụ vợ hãm tài; mụ giễu lão bị ma ám. Đã có lần cả hai suýt nện nhau.

Càng ngày xổ số càng mở nhiều. Có thể do tinh thần nhân dân đòi hỏi được đóng góp kiến thiết đất nước nước quá mạnh, nên từ Bắc chí Nam, đâu đâu cũng phải mở xổ số. Tỉnh nào cũng mở. Mỗi ngày một lần. Chưa thỏa mãn, các tỉnh lại kết hợp với nhau một giải liên tỉnh nữa chứ. Người ta chứng kiến không khí sôi sục xổ số, số đề, khắp hang cùng, ngõ hẻm. Chủ đề mọc lên tựa nấm.

Mới đầu chuyện ấy không khích thích nổi tính chừng mực và khả năng túi tiền của lão Khiển. Cứ đúng hai kỳ lương, lão mua bốn vé, không sai một ly.

Một hôm bất ngờ xảy ra sự cố. Lão trúng giải nhất của liên tỉnh nhưng vé lão mua thuộc địa phương phát hành. Trượt ăn hẳn mười triệu! Nhà lão Khiển bỗng như có người chết. Ban đêm, sau bài khấn thường lệ, lão nghe mụ vợ nghiền ngẫm vong linh các cụ nội, ngoại:

- Bố mẹ bảo chúng con nghèo hèn như vầy, lấy đâu tiền lo cho tròn chữ hiếu? Hai bên bố mẹ khôn thiêng phải về phù hộ, độ trì cho chúng con chứ. Ai đời trúng không sai một con số nào, mà hỏng... Chúng con đến đứt từng khúc ruột mất thôi... Hay các cụ trách cứ chúng con điều gì, ngoảnh mặt làm ngơ, thì xin nước mắt chảy xuôi, trăm tội tha thứ cho chúng con... Giời ơi...

Lão nghe sau tiếng thở dài rít lên, vợ lão sụt sịt. Tự nhiên sống mũi lão cũng cay cay. Lão không dám oán trách ông bà, bố mẹ, nhưng lão tủi thân. Khối kẻ ăn ở thất đức, sao tổ tiên nhà họ không bỏ rơi con cháu? Còn lão hiền lành, chỉ những ngậm nguội chịu đựng...

Không, bằng bất cứ giá nào cũng phải gỡ lại mười triệu hụt ăn ấy, mẹ bố nó! Lão nghiến răng lại mà thề.

Từ hôm sau, lão Khiến mua xổ số như điên. Cứ có đồng nào trong túi, lão mua tuốt. Một khi người ta đã khát nước!

*

Tất cả trẻ con xóm ngoại ô đều hát:

Mình ơi, theo em mua đề,
Sáng đi một chỉ, chiều về bảy cây,
Tội gì mà phải đi Tây,
Đôi ta cứ ở lại đây với đề...

Đối với dân nghiện cờ bạc, xổ số như rượu quốc doanh, đề là cuốc lủi, hai thứ gây men ngang nhau. Cứ nhìn lão Khiển sẽ biết. Bốn giờ chiều chưa xoay nổi tiền mua hai vé xổ số, lòng lão tựa có lửa đốt, ấm ức, thất thần. Trong óc lão dày đặc một màu u ám xui lão nói dối ai để vay tiền bằng được.

Có vay phải có trả. Kỳ lương tới, trả xong nợ nần, bao giờ lão Khiển cũng giật mình. Nguy to rồi. Một lần vợ lão đã lên tận cơ quan, đầu tóc rũ rượi, miệng gào khóc:

- Nhà sáu miệng ăn, lãnh được đồng nào tiêu nghiến đồng ấy, thử hỏi vợ con sống bằng gì? Có giỏi về giết chết ngay bốn đứa trẻ rồi để tiền lương tiêu một mình cho sướng!

Lão Khiển giận run người. Xưa tới giờ, trước con mắt bàn dân thiên hạ, lão vẫn cố giữ tư cách. Vậy mà con mụ rồ này vì vài đồng bạc ranh dám lăng loàn, sĩ nhục lão. Lão giữ tiền làm gì, mụ đã thừa biết. Ơ, giả lão lại trúng bảy trăm cho mụ rồ mừng tớn lên. Rồi lão sẽ vả cho cái mặt ấy vài tát.

Khổ quá sinh ác. Lão nghĩ thế thôi, chứ rút cục bao giờ lão cũng phải đưa hết số tiền còn lại cho mụ vợ. Để rồi đêm đêm lão tí tót, ve vãn, nâng niu cái thân thể khô ráp của vợ, bòn rút đủ tiền mua hai vé xổ số ngày hôm sau. Con mụ rồ chỉ thua nước cờ ấy.

Bây giờ giải đặc biệt đã lên tới hai mươi triệu đồng. Hai mươi triệu! Đủ để cải táng bốn nghìn cụ phụ mẫu, hoặc xây liền bốn cái nhà gạch hai tầng. Lão Khiển hơn ai hết biết rõ sức mạnh của hai mươi triệu. Về một phương diện nào đó, lão rất tỉnh táo. Thậm chí lão buồn vô hạn thấy mình đang tan dần, đang biến đi dưới sức mạnh của hai mươi triệu.

Cầm hai trăm đồng (giá vé thời điểm này cũng tăng lên một trăm) lão Khiển đi tới quầy bán xổ số quen thuộc. Lão không mua ngay. Lão có cái thú đứng lặng hàng giờ quan sát bộ mặt những kẻ đồng bệnh. Đủ mọi tầng lớp trong xã hội, những người đáng kính, những người lương thiện, những người tội nghiệp như lão Khiển nữa, tất thảy đều đăm chiêu, tất thảy đều cân nhắc tính toán từng vé số với vẻ sống mái. Lão băn khoăn tự hỏi: họ cũng có những ngôi mộ sắp bị trôi sông chăng? Họ cũng phải xây lấy một chỗ ẩn trốn gió thốc, mưa dột, và có hứa với những đứa trẻ sẽ cho chúng ăn phở cả tháng chăng? Mà sao họ giống lão thế? Mà sao... thật buồn thế!

Chỉ tới lúc cầm hai tấm vé, lòng lão mới dịu đi. Nhẹ như hồi sinh, vui vẻ, thư thái, lão tự nhủ: "Lần này không thể trượt được, mẹ bố nó..." Mọi buồn bã rầu héo tâm can, mới giây phút trước, bỗng thoảng không, bỗng như thuộc về lão Khiển khác, không liên can đến lão Khiển này nữa. Trong nháy

mắt, hai tấm vé làm một cuộc đổi hồn quái đản cho lão Khiển, nhưng lão không hề nhận thấy.

"Lần này không thể trượt được, mẹ bố nó...", lại một hôm lão đoán chắc với mình. Số là đêm qua lão mơ gặp một ông cụ đầu râu tóc bạc, cầm hộp gỗ nhỏ đựng những thoi vàng ròng, dúi vào tay lão "Anh cứ cầm lấy, đừng hé răng nói qua với ai. Rồi tôi bảo cho anh biết sẽ phải làm gì".

Lão tỉnh giấc, băn khoăn tới sáng bạch. Lúc dắt chiếc xe đạp ra cổng đi làm, lão Khiển bỗng lại nhặt được tờ năm mươi đồng, gấp làm tư, nằm sát đống rác trước ngõ hàng xóm. Lão mừng đến đau thắt lồng ngực. Có phải hôm nay thần linh đang tỏ những dấu hiệu bí ẩn cho lão không?

Vừa lên xe đi một quãng ngắn đường, có chiếc xe đám ma đi vượt lên trước lão. Những thoi vàng mã từ cổ xe ô tô lả tả bay xuống. Vài hộp giấy xinh xắn màu trắng màu đỏ, nhỏ bằng chiếc kẹo chanh, rơi dưới lốp xe lão Khiển. Con đường này xuống nghĩa trang thành phố nên không mấy lúc không có xe tang đi qua, không mấy lúc vàng bạc ngớt vãi ra cho lũ ma quỉ vô hình. Người ta nói rằng không hối lộ chúng như thế, chúng bám theo xe tang, gây đủ phiền nhiễu cho người chết, gây điêu đứng trăm đường, không cho nằm yên dưới mộ.

Mọi ngày lão Khiển vẫn chẹt vô số vàng bạc, chẳng hề bận tâm. Hoặc có để ý, cũng chỉ đưa lại cho lão những nghĩ ngợi lẩn thẩn. Ví dụ lão nghĩ tới lũ ma quỉ. Chúng phải có thần thế lắm mới chen chân nổi ở quãng đường vàng bạc rơi như mưa này. Và nếu vàng bạc mang hối lộ phải bằng của thật, khối người không dám chết, như lão chẳng hạn...

Nhưng hôm nay, sau giấc mơ gặp ông cụ già, chiếc xe tang cùng những thoi vàng bạc đã gây một luồng điện chạy rần rật dọc theo sống lưng lão. Cụ già đưa cho vàng, có ý chỉ vàng bạc đây chứ đâu. Lão Khiển suy luận ra ngôn ngữ của thần linh mách bảo. Lão vội đạp cuồng theo chiếc xe tang, nhẩm thuộc lòng mấy chữ số trên biển số.

Tất cả diễn ra đúng nửa phút. Cái xe tang với những vòng hoa sặc sỡ đã mất hút ở cuối đường. Lão Khiển thở hắt ra một hơi dài, ngơ ngác không hiểu hành động của mình do tâm linh hay ma lực nào thúc đẩy.

Trước tiên cần tỉnh trí. Lão sợ niềm rạo rực xốn xang sẽ làm lão phát điên. Lão quyết định không đến cơ quan mà phóng thẳng tới quầy bán xổ số trước đã.

Quầy bán vé lão Khiển quen mua đặt ở gần một ngã tư. Nhờ địa điểm tốt, mới sáng bảnh mắt nó đã thu hút khá đông người. Bao giờ trông thấy vòng người vây quanh quầy vé, lão Khiển cũng thấy một sự phấp phỏng mơ hồ xâm chiếm con người lão. Hôm nay ngoài cái phấp phỏng thường lệ, lão Khiển còn giận dữ nữa. Chà, bọn này gớm thật. Chúng có thể đã tóm được cái vé xổ số định mệnh của lão cũng nên.

Nhưng chỉ nháy mắt, lão Khiển đã tìm ra cái vé mang những số lão chọn. Nó chưa bị kẻ nào đánh hơi thấy, phúc đức quá. Lão tủm tỉm cười thầm. Cái

quyết định đến thẳng quầy vé của mình khôn ngoan thật! Lão thong dong cất chiếc vé vào túi áo. Hãy nằm yên đây, hỡi hai mươi triệu! Giờ lão sẽ phải giả tảng như chẳng có chuyện gì xảy ra. Chiều nay, khi hội đồng công bố giải cũng vậy, đừng hòng lão hé răng reo một tiếng nào. Người ta chỉ biết tin lão trúng giải đặc biệt khi lão đã cùng vợ cất dấu xong hai mươi triệu vào chỗ thiên la địa võng!

Lách qua đám người, lão Khiển quay ra. Bỗng lão đứng khựng lại, miệng há hốc. Cái xe đạp mà lão ghếch ngay cạnh quầy bán xổ số đã...

Thú thật, tôi không đủ lời để diễn tả việc lão Khiển mất xe, giống như không dám chòng chọc nhìn vào mặt một người đang gào khóc. Về giá trị thị trường, cái xe cũng chẳng đáng cho lão phải choáng váng đến thế, nhưng vì nó đã gắn bó cùng lão gần ba chục năm, tuy thân tàn ma dại ngang với chủ nó, nó lại là tài sản duy nhất đáng tiền của gia đình lão, vậy nên lão chết đứng một lúc lâu rồi gào rống, làm loạn quãng phố xá. Hai giờ sau, lão trở về nhà.

Vợ lão, "con mụ rồ" này phát rồ thực sự. Mụ nhảy chồm chồm, xỉ vả chì chiết, rứt từng miếng thịt. Mụ báng bổ chế nhạo lão với giấc mơ, với ông già thần tài. Mụ cầu sao những kẻ quáng mắt vì xổ số cứ chết kẹp xe, chứ mất xe còn nhẹ quá... Đến lúc ấy lão Khiển không nhịn được nữa, lão điên tiết đánh mụ rồ một trận, một trận tổng kết gồm tất cả những trận lão cho mụ nợ từ khi lấy nhau.

Lão Khiển không nhớ chuyện "Tái ông mất mã". Dù nhớ cũng không thể tin trong trường hợp này cái xe của lão bỗng nhiên bò về, lại dắt theo một cái xe đực nữa. Nhưng trong đáy lòng lão phập phồng một hy vọng... Biết đâu trước khi ban ân sũng, ông thần tài đòi lão hiến tế ngài cái xe thì sao?

Ai dè khốn nạn thân lão, bất chấp mộng mị, linh cảm, cái giải xổ số hôm đó hoàn toàn không giống biển số xe tang. Nghe công bố xong, lão Khiển nằm chết thẳng cẳng hai ngày liền, không ăn, không uống.

Cái xe đạp mất đi làm vỡ toang hoác mọi quan hệ trong gia đình lão Khiển. Không mấy ngày mụ vợ không vác bộ mặt khóc lóc sưng húp đi tố khổ với Ban đại diện khu phố, với tổ chức công đoàn cơ quan lão. Phải nói rằng mụ cũng quá lắm. Động có mặt lão mụ cạnh khóe, nhiếc móc. Mụ không biết chồng mình đang bị một đòn chí tử, mụ còn phang cho lão chết hẳn (vả mụ làm như mình đoan chính lắm, không biết số đề là gì). Hay mụ thích cãi nhau, thích chọc cho lão phải bật lên mới thôi? Để khi lão hầm hầm giơ cánh tay lên, mụ vội nhảy tót ra xa, gào lũ con xông vào tham chiến. Những đứa trẻ ngu ngốc, bị động, một vài lần đã vác gạch đuổi bố, cứu nguy cho mẹ. Chúng làm thế nào khác được?

Về phần lão Khiển, lão bị dồn tới chân tường. Hai mươi triệu hay là chết! Đúng vậy. Nhà xa cơ quan, không thể cuốc bộ gần chục cây số mỗi lượt đi về lử lả, lão đã bắt đầu chểnh mảng công việc, bữa đực, bữa cái. Gia đình thì tan nát... Phi trúng xổ số, không gì gỡ nổi mớ bòng bong đang mỗi ngày mỗi thít vào cổ lão. Nhưng làm cách nào để trúng số?

Một buổi sáng kia, mụ Khiển phát hiện thấy chiếc lư đồng trên bàn thờ biến mất. Mụ liền gầm một tiếng vượt xa mọi cung bậc âm thanh, lao tới cơ quan để túm cổ áo chồng. Ôi thôi, mụ được biết chồng mụ đã bỏ việc cơ quan hai ngày nay.

Từ hôm ấy, thỉnh thoảng lão Khiển mới đảo về nhà. Về để nhòm ngó, cân nhắc xem còn kiếm được tấm vé xổ số nào từ đống chổi cùn giẻ rách không. Nhưng mụ Khiển đã lường trước, mụ thi hành chính sách "nhà không vườn trống, tiêu thổ kháng chiến". Cả nồi niêu gạo nước, cũng được sơ tán tới an toàn khu bí mật. Túp lều tranh một thời ấm cúng xa xưa, nay không khác cái quán giữa đồng.

Rồi có những tiếng đồn loang đi rằng mụ Khiển làm đơn xin ly dị. Rằng lão giở chứng, thêm một tội tòm tem với bà góa bán nước nào đó.

Lão già đốn đời đến thế ư? Không ai tin được. Bản chất lão không có máu giăng hoa. Hay lão muốn trả thù vợ! Cũng không phải. Lão không hề giận vợ, kể cả khi nghe mụ đòi ly dị. Đây này, một hôm thằng cu thứ hai tan học về, thấy bố đón ngoài cổng trường, lão Khiển dúi vào tay nó năm trăm, nói gọn lỏn:

- Đưa mẹ mày đong gạo.

Xem như thế đủ hiểu lão chưa cạn tình với vợ.

Khi biết đích xác lão Khiển ở đâu, với ai, quan hệ giữa cặp nhân ngãi sâu sắc đến độ nào, mụ Khiển tức tốc hò hét các con trở về căn lều tranh, củng cố làm nơi phòng thủ sinh tử. Mụ lên tòa xin rút lại đơn, với lý do: "Em đã nghĩ lại. Lão ấy muốn ở với loài giăng há nào cũng được, miễn để mẹ con em yên thân, đừng vác mặt về. Ly dị lão em cũng chả được gì hơn".

Người đàn bà khô quắt, đen đủi ấy, theo bản năng giống cái rất nhạy cảm với tình cảnh nguy hiểm rình rập đàn con của mình. Ly dị thì nửa túp lều tranh phần lão, lão sẽ bán phăng để chơi xổ số, hoặc đưa về cho nhân ngãi ngay. Rồi bốn đứa trẻ lớn lên trông vào đâu? Thà bấm bụng cho qua cuộc đời mình, chứ một tấc không đi, một ly không rời khỏi căn nhà này. Mụ quyết giữ toàn vẹn cho đàn con. Từ nay lão vác mặt về, mụ sẽ trấn áp, tống khứ khỏi cửa. Mặc xác lão với đồ giăng há. Lão có giở lối vũ phu, mụ chịu vài trận cũng không thể chết được.

Đồ giăng há nói đây là một bà góa dại dột, hơn lão Khiển bảy tuổi, có hai đứa con gái lấy chồng cả, một mình sinh sống với quán nước nhỏ bên một bến xe khách. Với địa điểm ấy, người tháo vát làm giàu dễ như bỡn. Nhưng bà góa của lão Khiển quá tốt bụng, lại chăm lễ bái, nên chỉ đủ ăn. Cuộc tình bắt đầu từ bữa bà góa phát hiện ra lão Khiển ngồi núp ở cửa quán suốt đêm mưa tầm tã. Gần sáng, bà góa thương thương mở cửa gọi lão vào nhà, bố thí hai tấm bánh chưng ế, vứt cho cái chăn rách vào tấm phản kê dưới bếp.

- Gia cảnh nhà ông ra sao mà đến nông nỗi thế?

- Tôi giờ chẳng có gia cảnh nào. Giá chết được lại may. Bà nhân đức thì cho tôi ngụ tạm ngoài hiên kia vài ba hôm, rồi tôi liệu sau.

Bà góa nhận biết sự buồn thảm khôn cùng của người đàn ông. Tính bản thiện trong mỗi con nhang đệ tử Thánh Mẫu xui bảo bà góa phải ra tay tế độ. Bà lại vốn mát tay (sự mát thường có của các bà góa chồng lâu năm, sự mát khiến các anh cung văn phải nhờ lộc các bà ở những cửa đền cửa phủ), bà đã tế độ ai, thế nào người đó cũng thoát.

Vài hôm sau người ta thấy lão Khiển loanh quanh dưới bếp đun nước. Ngày hai buổi, lão xách làn đi chợ mua thức ăn. Dịp đó lão tự cho phép mình bớt xén tiền rau, cá, mua nghiến hai tấm vé số giấu đi. Bây giờ mới hơn sáu giờ chiều quán nước đã đóng cửa. Người ta dù ở tuổi nào cũng thiếu thời gian dành cho ái tình trong tuần trăng mật.

Không ai để ý đến việc có thêm lão Khiển trong quán nước bà góa. Cũng hạn hữu lắm lão mới chường mặt. Dù vợ lão không tới đánh ghen, dù bà góa chẳng để ý những vé xổ số lão mua bằng tiền bớt xén, nhưng thâm tâm lão vẫn đầy mặc cảm tội lỗi. Lão định bụng chờ khi trúng được cái giải độc đắc, lão sẽ trả ơn bà góa gấp trăm lần những phí tổn bà chu cấp cho lão. Rồi lão mua cái xe đạp, trở về với vợ con. Chắc bà góa lúc đó khóc lóc, vật vã. Lão sẽ phải thú thật với bà rằng lão không sinh ra để yêu đương. Những ngày qua lão đã mặt dạn mày dày, cố gắng chiều bà. Rằng lão vẫn thương vợ con đứt ruột... Cứ kể con mụ rồ tội nghiệp thật. Làm gì kiếm đủ gạo cho lũ con ăn uống hung như thần trùng ấy? Trước đây dù nhiều dù ít còn có đồng lương của lão, giờ trông vào đâu?

Nghĩ thương vợ con nhưng lão không hề lấy một xu của bà góa gởi về nhà. Làm thế hóa đĩ đực! Lần duy nhất lão trúng giải sáu, được năm trăm, lão đã tìm ngay thằng bé tại trường học, đưa cho nó. Lão cố hết sức trong một chừng mực để lương thiện, sòng phẳng, với niềm tin ngày trúng số độc đắc không xa.

Thế nhưng cuộc tình thật ngắn ngủi. Hai cô con gái bà góa không định san sẻ tài sản của bà mẹ với bất cứ người nào khác. Các cô sợ mẹ quá mù ra mưa, lấy lão già cầu bơ cầu bất làm chồng. Chẳng ai biết lai lịch lão. Lão cũng không hé răng với ai một chút tông tích bí mật. Các cô tính đủ ba mươi sáu chước, thấy rằng tống lão đi thật sớm mới khỏi rách việc. Nhưng các cô chưa có cớ gì để ép mẹ.

Cô cả dạy học tại một trường phổ thông cơ sở. Tình cờ buổi kia cô thoáng thấy lão Khiển gặp gỡ thằng bé học sinh trường cô, dúi cho nó cái gì như thể tiền. vốn cảnh giác lão Khiển bòn rút mẹ mình, cô cả liền chờ lão ta đi khuất, gọi đứa bé lại, hỏi han:

- Em học lớp cô giáo nào?
- Thưa cô, lớp cô Hồng ạ.
- Tên em là gì?
- Em tên là Khoát.
- Người đàn ông vừa gặp em là ai vậy Khoát?

Cu Khoát nhìn cô ngờ vực, nhưng nó vẫn trả lời rành rọt:

- Bố em đấy ạ.
- Chắc bố đến cho quà phải không?
- Bố đưa em năm trăm cho mẹ em đong gạo.
- Sao bố em không đưa cho mẹ em, lại đưa cho em?

Cu Khoát ngập ngừng. Cô gặng hỏi mãi, nó đành phải kể:

- Thưa cô... Thưa cô, bố em bỏ mẹ em đi ở với bà"giăng há" rồi ạ.

Thằng bé chỉ biết gọi bà hàng nước theo tên mẹ nó gọi.

Tất nhiên cô giáo biết hết những gì liên quan đến cuộc đời lão Khiển. Ngay tức tốc, cô cùng cô em, cộng thêm hai đức ông chồng, đùng đùng sấm sét kéo tới nhà mẹ đẻ. Sau khi vạch mặt lão đủ tội: bài bạc, ruồng rẫy vợ con, lang thang lưu manh, giờ lại âm mưu lừa lọc người góa bụa, moi tiền về cho vợ, con... Các cô hạ lệnh ép lão Khiển phải rời ngay quán nước. nếu không nghe, các cô buộc lòng dùng biện pháp cưỡng bức, có công an hiệp đồng.

Lão Khiển biết điều lắm. Lão thu xếp mấy cái quần áo, rút lui ngay. Lão chỉ đau khổ vì họ không chịu tin số tiền năm trăm lão gởi cho vợ là tiền lão trúng xổ số.

Thế đấy, một lần nữa lão lại bị hoàn cảnh hất ra giữa màn trời chiếu đất, ê chề. Thì trong lịch sử hàng ngàn vị Thánh, vị nào cũng trải qua đau khổ ê chề. Chả ai cứ sướng mãi rồi bỗng thành Thánh cả.

Bà góa thương lão Khiển lắm nhưng không làm thế nào được. Đã có lệnh của hai cô con gái phong tỏa quán nước. Các cô đưa những đứa con về ngầm kiểm soát khu vực. Lão Khiển không dám bén mảng tới đó.

Nhưng tình yêu bao giờ cũng lắm sáng kiến. Bà góa vẫn tìm được cách gặp gỡ lần cuối cùng để chia tay vĩnh biệt người tình. Một buổi họ gặp nhau tại góc vườn hoa kín đáo. Không có nước mắt nhưng thật buồn nẫu ruột. Ngoài ít tiền bà đánh lừa con cháu đem cho lão Khiển, bà góa còn mang theo được cả cái bơm xe đạp, món quà bà sắm cho tình nhân làm phương tiện sinh sống! Lão Khiển chẳng nói chẳng rằng, tiếp nhận tất, nét mặt thì ủ ê rầu rĩ.

Chính cái bơm của bà góa đã định đoạt bước ngoặt cuộc đời lão. Ba ngày sau, lão vác bơm xe tới cổng một câu lạc bộ, nơi hội đồng xổ số thành phố lấy làm trụ sở, nơi đặt những bánh xe quay tít của Thần May Rủi.

Chọn chỗ đó lão Khiển nghĩ kỹ lắm. Thứ nhất, những nơi hội tụ bao giờ chả dễ kiếm ăn. Thứ hai, đời lão không còn gì ngoài mục đích theo dõi xổ số mỗi ngày, chờ đến lần mình "làm bàn". Ở đây, sát nách với những bánh xe quay số, lão sẽ là những người đầu tiên biết kết quả, không phải đi đâu, không phải nóng lòng nghe ngóng, tin tức lại chính xác trăm phần trăm. Ở đây, lão cảm thấy mình gần với hai mươi triệu hơn.

- Phải đấy, ông phán ạ. Cứ đóng đô dưới gốc sấu này, kiếm đồng rơi đồng vãi, rồi ra giàu lúc nào không biết đấy.

Người bạn đất mới của lão khuyên lão rất chân tình. Ả bán mẹt thuốc lá cạnh gốc sấu cổ thụ, trạc ba mươi lăm, mắt ve, răng sún, nhưng được cái trắng và béo chút chít. Ả lẳng lơ với tất cả mọi người. Vừa gặp, ả đã suồng

sã gọi lão Khiển là "ông phán" chẳng rõ vì sao.

- Chị bảo kiếm đồng rơi đồng vãi ở đâu ra?

- Xì, học khôn ngoan đi. Đây chỉ cho mà nhận mặt những tay chủ đề. Chiều nào họ chả tới đây từ năm giờ chờ nghe công bố kết quả. Trông thấy bánh xe nào bơm non, phải để ý nhớ lấy. Nửa tiếng trước khi mở, lần lượt đi gạ bơm kỳ hết. Chờ đợi sốt ruột, họ muốn có công việc cho quên thời gian, lốp xe không non hơi lắm, họ cũng cho mình bơm. Họ trả tiền ngay hay không, đừng đòi. Sau khi công bố giải, thế nào cũng khoảng chín mươi phần trăm các ông chủ đề ăn to, ăn đậm, họ sẵn sàng quẳng cho mình tiền trăm. Hôm nào họ lỡ quên, hôm sau nhã nhặn nhắc họ, trước lạ sau thành quen cả... Này, đây nói cho ông phán biết nhé, cái thằng cha bị thịt đứng bơm xe ở đây, hồi hắn chưa ốm, có lần nhặt được năm sáu trăm.

Lão Khiển nhập tâm luôn bài học vỡ lòng nghề bơm xe.

Từ bốn năm giờ, số người tụ tập đông dần, rồi chen chúc nhau quanh khu vực câu lạc bộ. Lúc ấy, ả bán thuốc lá vác mẹt chạy rong, mời chào khắp mặt các chủ đề anh hùng hảo hớn, chuyên hút thuốc lá đắt tiền nhất. Lão Khiển cứ việc theo dõi hành trạng của ả mà lân la bắt quen với đám khách sộp.

Số tiền thu được khiến lão sững sốt. Sáu rưỡi, khi đám người đã tản dần, lão Khiển phởn lên, vác bơm đàng hoàng vào một hiệu phở. Hai cái bánh mì bẻ nhỏ vào bát phở, thế là lão no kềnh. Cũng phải ăn cho lại sức. Đừng tưởng bơm xe nhàn đâu. Mệt phì hơi đằng lỗ tai đấy.

Ăn bữa sáng hôm sau, còn bao nhiêu tiền lão mua xổ số tất. Được hẳn năm vé. Mừng quá, lão Khiển vạch ra một kế hoạch. Hẵn khoan cấp đỡ mẹ con nó ở nhà. Dốc toàn bộ mua xổ số cho chóng dứt điểm trận đánh. Mấy tháng qua chúng nó vẫn sống, giờ có đói hơn một tị, cứ chờ đấy, không chết đâu.

Trong một tuần liền, không ngày nào lão không kiếm mua được từ bốn đến bảy vé, trừ đã ăn uống. Giá không phải ăn hiệu, mỗi bữa lại nặng bụng hơn chút nữa, cuộc đời tạm tươi sáng.

- Rõ thật đồ chập mạch. Để dành tiền tẩm bổ, cúng hết vào xổ số ư? Đến lúc đau ốm, nhăn răng ra à? Ở, ví thử đây có điều kiện hơn, đây cho ở nhờ, góp gạo ăn chung thì tươm quá ông phán nhỉ? Lúc ốm đau, đây cũng cho ăn chịu, khỏe ra bơm xe trả sau... nhể...

Sau tiếng "nhể" kéo dài cợt nhã, ả bán thuốc lá cười tít, đuôi mắt ve dài ra, lúng liếng. Quái chửa, bộ ngực ả này đến khiếp. Chúng vồng lên thành hai cái gò, căng chật tấm áo hoa cũ, trông như... trông như...

- Đấy kìa, mới nói thế ông anh tôi đã ngẩn ngơ, thộn ra. Tơ tưởng đến chuyện gì nữa hử? Này, các vàng đây cũng chẳng dám nhận chức mợ phán đâu ạ. Sức lực ông anh mà định chơi trống bỏi, bảo đảm chỉ hai pha là ông anh ngoẻo thôi.

Ả cười khanh khách. Lão Khiển nóng bừng mặt.

- Thối thây nhà chị, không biết dơ!

Lão Khiển còn lạ gì những lời hẹn hò thường xuyên của ả với cánh xích lô! Ở đây có mười bảy tay xe xích lô thường trực và non nửa nữa cơ động, thất thường. Đội quân này chuyên đưa đón những con thiêu thân dánh ván cuối cùng cháy túi, đứng không vững khi nghe công bố, phải ngồi xích lô trở về... Lão Khiển đã nghe đám xích lô thường trực kháo nhau về ả. Mười bảy tay xe thì chín anh mắc cái bẫy của ả, trừ bốn ông lão tầm tuổi lão Khiển. Nghe nói ả có ba đứa con không biết của ai, với một gian nhà ổ chuột ở tận cùng ngõ hẻm gần đây.

Ả độc mồm thực. Tới ngày thứ mười hai, lão Khiển lăn ra ốm. Nằm bệt dưới xó cầu thang nhà một người quen, túi không còn đồng nào, lão hoảng quá, tưởng nguy đến nơi. Cũng may, người quen lão thương tình, cho ăn, cho thuốc, chỉ ba ngày sau lão đã nhúc nhắc trở dậy được. Nước này đến phải trở về với mẹ con nhà nó. Vừa đỡ tốn kém vào cơm hàng cháo chợ, dành dụm cho mẹ con nó nhờ, vừa hàn gắn lại cái tổ ấm êm đềm khi xưa... Khi xưa, ôi chao, món bún sườn, con mẹ thì cười thằng út liếm mép, vét bát... Chúng mày chẳng hiểu bố đâu. Hai mươi triệu là để làm gì? Bố thề sẽ chẳng tiêu một xu cho mình. Con mẹ rồ chúng mày khổ quá sinh láo với bố, chứ nó thừa biết bố sẵn lòng róc xương thịt mình nuôi năm mẹ con. Được rồi, bố sẽ về, chịu nhịn con mẹ rồ vài bữa cho qua chuyện. Mỗi ngày bơm xe, bố sẽ chỉ mua hai vé như xưa, còn bao nhiêu đưa tất cho nó. Gấp bảy lần lương bố trước đây nhé. Còn hai mươi triệu bố tính sau.

Quyết định như vậy rồi, lão Khiển lẳng lặng cầm bơm đi làm. Tuy hơi yếu nhưng lão không muốn nằm thêm nữa. Lão dự tính ngay tối nay, lão sẽ về nhà trên chiếc xích lô của một anh xe ở phía dưới nhà lão.

Nhưng ai học được chữ ngờ. Gã-bị-thịt trước đây bơm xe ở gốc sấu, sau trận ốm để hao vài cân, đã trở lại chiếm vị trí cũ (gã bị thịt là tên ả bán thuốc lá đặt cho gã). Thấy lão Khiển vác bơm ra, gã-bị-thịt gườm gườm nhìn. Hẳn rằng một bát cơm không bị chia vẫn thích hơn.

- Đứng xê ra kia một tí chứ!

Gã-bị-thịt nói trống không. Lão Khiển im thít, lùi sang gốc cây thứ hai, xa cổng câu lạc bộ một chút.

Khi lão Khiển cố hết sức lực bơm xe cho người khách đầu tiên, gã-bị-thịt đứng quan sát rồi cười nhạt một tiếng đầy khinh thị. Tiếng cười ấy làm lão Khiển mất hẳn nhuệ khí. Tiếng cười bảo cho lão biết sẽ không ai dại gì chìa xe cho một ông lão ốm o lẩy bẩy. Người ta sẽ chọn gã-bị-thịt, to khỏe, chân bước thoăn thoắt, nhún nhẩy vui vẻ trên cái bơm, không hề mệt nhọc... Với một đối thủ như thế, tốt nhất chịu lép ngay, nhận phần người ta thông cảm chia bớt tí chút.

Như thế có vẻ ổn. Gã-bị-thịt chấp nhận sự qui phục ngấm ngầm của lão Khiển. Và gã tỏ ra rộng lượng với người đồng nghiệp hẩm hiu. Thấy lão Khiển đứng ế mãi, gã đuổi khéo một vài người khách sang cho. Chỉ riêng đám khách sộp chủ đề, gã kiên quyết không chịu chia sẻ.

Cuối ngày hôm đó, lão Khiển kiếm vừa vặn đủ bữa cơm chiều. Không một cái vé, cũng không có chuyến xích lô về nhà.

Hai bữa liền, lão Khiển sống khá chật vật. Cái ăn uống, thôi thì ít nhiều vẫn đánh lừa được cái dạ dày (trừ lúc về đêm, bụng lão kêu ong óc, vang khắp gầm cầu thang), nhưng khoảng hai cái vé bị cắt đột ngột đã làm cho lão bước hẫng xuống một cái hố mịt mùng, không đáy. Lão rơi lâng lâng, kinh hoàng, không quờ được cái gì để bấu víu. Nghĩ mãi, lão chỉ thấy cái chết kề cận. Lão sợ quá.

Dần dần, sau một vài bữa, lão bình tĩnh hơn. Nỗi sợ nhường cho sự nhịn nhục, thờ thẫn. Lão vẫn kiếm đủ hai bữa ăn tạm. Hôm nào ả bán thuốc lá thừa cơm canh, lại gọi lão cho một bát. Lão lầm lì ngồi ăn luôn, không khách khí, không nói năng nhiều lời. Mới sau dăm ba tháng vạ vật lang thang, con người lão từ quần áo đến tư thế đều đã rách nát.

Ả bán thuốc lá không thèm trêu ghẹo lão Khiển nữa. Gã-bị-thịt thậm chí còn tỏ lòng ái ngại cho ông già. Nhưng vợ gã mới đẻ sinh đôi nên lòng thương cũng hạn chế ở mức nhường khách cho ông già kiếm đủ hai bữa cơm thôi.

Con đường trở về nhà xa quá. Lão Khiển không dám mơ tưởng tới cái hạnh phúc ấy. Không đời nào lão mang tấm thân tàn về báo hại vợ con. Thà chịu cảnh chết đường, chết chợ! Hy vọng duy nhất của lão giờ đây là gã-bị-thịt lại ốm lần nữa. Lão lại có cơ hội thử vận mệnh bằng những tấm vé số. Lão tin thần tài chưa rời bỏ lão. Nhất định sẽ có ngày lão gỡ được canh bạc cuộc đời. Cái chính, cần phải kiên nhẫn chờ gã đó ốm. Cứ ốm đi vài ngày, lão sẽ bù cho gã bằng phần bà góa, thề có quỉ thần hai vai.

Nhưng không biết bao giờ gã-bị-thịt mới chịu ốm cho. Từ dạo vợ đẻ sinh đôi, sức lực lẫn sự cố gắng của gã cũng lập tức phải sinh đôi. Lão Khiển ốm chứ đừng hòng gã ốm. Tuy gã càng ngày càng gầy tọp, da tái xám, mắt quầng thâm, nhưng hễ có khách bơm xe, gã lại chạy thoăn thoắt nhanh hơn, nhún nhảy trên cái bơm cũng như đang vui lắm, thích lắm!

*

Cho tới ngày Tân tị, tháng hai, giờ dậu (tức sáu giờ chiều, giờ mở xổ số) trong lúc tiếng loa công bố đang oang oang, bỗng dưng lão Khiển quẳng cái bơm ra giữa đường, kêu thét:

- Độc đắc! Trúng rồi! Mẹ bố nó...

Khi ấy vừa công bố xong giải đặc biệt. Đáng lẽ người ta theo dõi kỳ hết số giải, nhưng tiếng kêu của lão Khiển đã khiến họ xoáy chặt lại thành một mớ ồn ào hỗn độn chung quanh lão. Còn lão, lão ngã bệt xuống đường, mặt tái ngắt, quai hàm trễ xuống, run bần bật, không nói được lời nào nữa.

Hàng trăm cái miệng la hét, reo hò. Những người tử tế, thương hại ông già, phải ra tay can thiệp.

- Lùi hết ra, lão chết bây giờ.

- Trúng hai mươi triệu sướng quá đấy. Quả này không bình tĩnh là toi ngay.

- Vực ông ấy lên hè đi.

Lúc đó có hai người lực lưỡng gạt đám đông lùi rộng một khoảng. Rồi có chiếc xích lô xáp lại bên lão Khiển. Một cánh tay cuồn cuộn bắp thịt nhấc bổng lão đặt vào lòng chiếc xích lô ấy. Một người nữa nhảy vội lên theo, ngồi ôm lão cho khỏi ngã gục.

- Làm ơn lui ra đồng bào ơi.

- Cho bác cháu tôi đi nào. Chờ từ năm giờ, chưa có gì vào bụng đây.

Người đông quá, xích lô không thể quay được mũi xe ra lòng đường. Hai người đàn ông lực lưỡng đã phát khùng lên.

Bỗng dưng một giọng đàn bà la lối om xòm. Rồi thấy ả bán thuốc lá sấn sổ gạt băng mọi người, xông vào. Cái núi thịt đi đến đâu làm chủ ngay khoảng chiếm đóng, bất khả xê dịch.

- Giời đất ơi, ốm đau điên loạn lẩm nhẩm, có phen vạ miệng thì chết... Ơ hay, anh này xuống đi. Anh định đưa ông thần kinh nhà tôi đi đâu? Chúng tôi quen biết gì anh mà bác bác cháu cháu?

Vừa nói ả vừa quắc mắt lôi phắt anh chàng ngồi trên xe xuống, chiếm luôn chỗ anh ta, ép lão Khiển đang nửa sống, nửa chết vào sát thành xe.

- Tống cổ con mẹ ve mắt xuống chứ.

- Mụ ở đâu dám chõ vào chuyện người khác?

Kẻ lôi, người kéo, cố dứt ả khỏi lão Khiển, nhưng ả vòng hai tay ôm chặt lão, miệng gào ầm lên:

- Tiên nhân cha chúng mày, tưởng bở ăn đấy hử? Bà lại cho cả lũ rũ tù bây giờ. Lão làm gì ra độc đắc mà bâu lấy? Ôi các anh công an ơi, giúp chúng tôi với. Ông Khiển sắp chết đây này.

Quả thật lão Khiển từ lúc buông rơi cái bơm xe, lão hoàn toàn mê mẩn. Lão thấy mình trôi giữa một đám mây mù đặc, va lắc bồng bềnh. Những khuôn mặt. những con mắt, miệng người nhào nháo quay cuồng, khi gần khi biến mất, tựa một bức tường thành ma quái. Lão thấy nhọc quá, cần phải nhắm mắt ngủ một giấc. Và lão thiếp đi...

- Này, này anh Khiển ơi, dậy đã. Cố uống ít sữa nào.

Căn phòng yên lặng. Tiếng người đàn bà êm ái quá. Có phải người ta nói với lão đấy không? Anh Khiển ơi, anh Khiển... Rõ hay chưa: *anh* là nghĩa làm sao?

Người ta không để cho lão lơ mơ tí chút. Cái người đàn bà ấy bế hẳn lão vào lòng, cho lão tựa đầu lên cánh tay, lưng đặt trên hai phiến đùi mềm ấm. Giá lão được bé xíu lại, thành đứa trẻ lên hai, rồi được nằm trong lòng mẹ những buổi tối mùa xuân trời còn rét lộc... Từ khi dứt khỏi lòng mẹ đến giờ, nào lão được ai ôm ấp che chở trong một cái lòng người mềm ấm đến muốn khóc nức lên đâu. Xin đừng gọi lão, đừng bắt lão đứng dậy, tội nghiệp!

- Nào, cố uống ít sữa nóng cho tỉnh đi. Cứ có chút ấm bụng khắc ổn hết.

Dòng nước ấm ngọt trôi tới đâu, lão Khiển biết tới đó. Lão liền uống ừng ực một hơi hết cốc sữa. Người đàn bà phì cười:

- Đấy, biết mà! Ốm đói chứ chả sao đâu... Gớm, liều mạng cứu được về, lại sợ cứ bất tỉnh ra đấy...

Lão dăm dăm nhìn khuôn mặt trắng bóng đang cúi gần mặt lão, cái miệng cười mủm mỉm, ngấn cằm tròn căng. Lão không cần biết điều gì đã xảy ra. Lão chỉ muốn tất cả hiện tại đừng đổi khác, cái đùi ấm nóng dưới lưng, vòng tay đỡ quanh đầu và hơi hướm đàn bà ngầy ngậy tỏa đặc.

Người đàn bà dịu dàng đặt lão xuống giường, đứng lên. Cái mông ả núng nính điệu đàng hơn một chút. Ả biết chắc mình đã thắng lớn. Trong mỗi người đàn ông đều có một đứa trẻ đòi bế ẵm, nâng niu. Chỉ cần biết dang tay ra, đứa trẻ sẽ sà ngay vào. Rồi nó sẽ trở thành đứa trẻ ngoan ngoãn vâng lời.

Uống xong cốc sữa, lão Khiển ngủ mê mệt một giấc dài. Khoảng mười giờ, trước khi đóng cửa đi ngủ, người đàn bà mới gọi lão dậy.

- Anh muốn ăn gì em đi mua.

Lão Khiển lắc đầu mệt nhọc. Lão muốn cất tiếng nói nhưng không thành lời. Người đàn bà ân cần bảo:

- Không ăn thì thôi, cứ nằm yên. Sáng mai ở ngõ này có cháo gà bán từ bốn giờ. Em dậy sớm mua cho. Có thấy trong người tỉnh táo không?

Lão gật. Trở mình ngồi dậy, lão thấy người ê ẩm đau nhừ. Lão tựa lưng vào thành giường, đưa mắt nhìn quanh gian phòng nhỏ hẹp bừa bộn, vừa cố nhớ lại mọi chuyện xảy ra hồi chiều, nguyên nhân đưa lão tới nơi lạ hoắc này.

Trong lúc đó người đàn bà đi lại, thay áo quần ngay bên đầu giường. Vừa làm mọi việc, ả vừa thì thào kể cho lão Khiển nghe ả đã dẹp bọn lưu manh định bắt cóc lão - người trúng giải hai mươi triệu - rồi đã đưa được lão về nhà an toàn ra sao. Ả khôn ngoan không hề nhắc tới cái vé độc đắc, chỉ một lần bông đùa ý nhị rằng, "Hôm nay tốt ngày cho cả hai".

Lão Khiển lơ đãng nghe, chẳng hiểu có phải chuyện mình hay không. Mọi việc đều như mơ. Kể cả người đàn bà đang suồng sã phơi bày da thịt trước mắt lão kia cũng chỉ khiến lão ngạc nhiên mà thôi.

- Anh nằm xuống đi, em tắt đèn nhé?

Không đợi lão Khiển trả lời, ánh đèn vụt tắt. Tuy vậy căn phòng không tối thêm là bao. Ô vuông hình chữ nhật ở tường nhà phía trước để lọt ánh đèn sáng từ ngoài đường vào. Ánh sáng đủ để cái mờ thành tỏ và ngược lại. Người đàn bà vừa ghé xuống bên lão Khiển giống một khối màu ngà đồ sộ.

Lão Khiển ngồi im, không dám nhúc nhích từ lúc đèn tắt. Ả này tự nhiên đến khiếp. Ả cởi quần áo, nằm dài bên chân lão, đơn giản như khi vẫy lão lại cho bát cơm thừa vậy.

- Thôi đừng màu mè riêu cua nữa. Nằm xuống đây em nói chuyện cho mà nghe.

Ả khẻ cười, kéo lão nằm xuống. Một chút cưỡng lại, lão rên hừ hừ, quay mặt vào tường.

Người đàn bà biết rằng không thể cưỡng ép lão gần gụi ngay mà không làm lão hoảng sợ. Bởi vậy ả chỉ vòng tay ôm lão, áp nhẹ chiều dài thân thể

mình vào cái lưng xương xẩu. Rồi ả thở than về nỗi cô đơn, về ba đứa con phải gởi tất cho ông bà ngoại trong quê nhà nuôi, về nỗi thiếu bóng người đàn ông tử tế ra vào trong nhà cho ấm cúng...

Lão Khiển nghe một lúc bỗng thở dài đánh sượt. Lão thấy cần phải nói cho ả hiểu rằng lão có vợ với bốn con, rằng lão đang làm khổ họ rất nhiều, hiện lão chờ dịp để đền bù cho họ, rằng ả đừng trông mong vào lão.

- Là em cũng nói thế. Anh thương được phần nào em nhờ phần nấy. Em cũng chẳng dám nghĩ anh bỏ vợ con về sống cùng em.

Ả sụt sịt khe khẽ. Lão Khiển quay đầu lại. Nhân đó ả đặt được đầu lão già lên bộ ngực nây nây, rồi ghì chặt. Ả biết lão sẽ bị đánh gục hoàn toàn trên "mảnh đất dụng võ" trắng mênh mông và mềm mại của ả... Bất đồ ả cảm giác có những giọt nước nhòe nhoẹt ở làn da ngực.

- Ô hay, anh nghĩ ngợi gì mà khóc? Bây giờ anh trúng độc đắc rồi...

Ả còn đang tìm lời cho văn hoa thì lão Khiển đã khóc rống thành tiếng. Vừa khóc lão vừa dụi dụi đầu trên ngực ả như hệt một đứa trẻ. Qua những lời nức nở đứt quãng, ả nghe ra một điều khiến ả kinh hoàng. Cái vé số độc đắc của lão, cái vé mà lão đã để cả cuộc đời ký cược, quả nhiên nó về hôm nay, nhưng... hỡi ơi chỉ là trong tưởng tượng! Chớ nhắc đến làm gì cho lão đau lòng.

- Đừng đùa! Rõ ràng anh kêu trúng độc đắc.

- Vâng, tôi trúng thật. Hôm nay tôi biết trước. Chính là nó đấy. Tôi nhầm sao được. Khốn nạn thân tôi...

- Cái vé ấy đâu?

- Thì tôi đã nói... Giá có một vài trăm... Giá thằng-bị-thịt hôm nay ốm hộ tôi một ngày... Trời ơi...

Gã-bị-thịt không ốm, hay nói đúng hơn, gã không được phép ốm. Bởi vậy đã hàng tháng nay lão Khiển chỉ đủ bữa đói bữa no, lấy đâu ra hai trăm mua xổ số? Nhưng lão sẽ chết mất, nếu lão không có chúng để nâng niu hy vọng. Rốt cuộc lão tìm được cách xoay ra hai vé, đúng những số lão chọn, mà không mất tiền mua. Có nghĩa lão chơi tưởng tượng thôi. Chơi cho đỡ cơn nghiện... Vả đã đứng ở nơi này, sức quyến rũ hừng hực chung quanh mình, con ma xổ số tự nhiên ám vào từng thớ thịt, tự nhiên cứ phải chơi, cưỡng lại không xong. Mạt hạng chơi tưởng tượng cũng được.

Mới đầu trò chơi có vẻ nhạt nhẽo. Nhưng một lần thế nào lão Khiển trúng giải ba, trúng cái vé số tưởng tượng ấy, lão vui lắm. Vui suốt một tuần lễ liền. Từ đó trò chơi nhảm càng ngày càng hấp dẫn lôi cuốn. Cũng cay cú, cũng ngơ ngẩn tiếc hụt. Đến nỗi giá ai bảo lão rằng lão cóc có vé mà đòi suýt trúng, lão Khiển sẽ ngớ ra một lúc. Đúng thế, phải một lúc sau lão mới tỉnh, mới xấu hổ thừa nhận sự thật. May sao lão khôn, không nói lộ chuyện với ai, chỉ lẩm bẩm những con số, những tính toán thầm kín một mình. Chính ả bán thuốc lá đã có lần dỏng tai nghe trộm. "Sao lại bốn hai không sáu? Bốn hai bảy sáu mới đúng. Cứ chẳng thà tám ba một tám..." Ả bán thuốc lá phá lên

cười chế giễu:

- Giời ơi, thổ tả nhà ông, cứ ngỡ ông khấn khứa gì. Hóa ra ông bị ngộ số. Này, có núi của cao bao nhiêu mà dám ngộ món con số hở ông?

Từ khi bị bắt quả tang, lão Khiển im bặt. Lão tưởng như mình làm một việc ám muội, đê hèn.

Giờ đây, khi phải giải thích cho người đàn bà nghe, lão cũng chỉ nói đủ mức để ả hiểu lão không có cái vé số độc đắc.

Nhưng ả bán thuốc lá đã hiểu hết. Ả nằm im, lạnh toát người. Đầu óc minh mẫn của ả nhanh chóng tổng kết đủ mọi khoản thất thiệt. Tiền trả xích lô, tiền mua chịu cốc sữa, tiền mua một bao thuốc lá ngoại bị mất trong lúc lộn xộn cứu lão Khiển. Rồi khoản ôm ấp, vuốt ve...

Một cơn giận điên khùng bỗng đầy ứ tận cổ. Ả bán thuốc lá có cảm giác mình bị đánh lừa. Chẳng nói chẳng rằng, ả đẩy phăng lão Khiển ra đường, ném theo một tiếng rít khẽ "Cút!", rồi đóng sập cửa lại. Ả sợ hàng xóm mất giấc ngủ sẽ la ó, chứ bình thường chưa ai thoát khỏi cơn giận của ả dễ dàng thế.

Ngày Tân tị, tháng hai, tôi đang kể đây, đã được Nha khí tượng báo trước: nửa đêm có gió mùa Đông Bắc tràn trề. Lúc lão Khiển bị đẩy ra ngoài tuy chưa nửa đêm nhưng gió đã nổi. Cái áo rách cộc tay khiến lão run lên và cái bụng rỗng của lão co thắt. Lão lần mò trong đêm khuya, vừa lảo đảo đi, vừa thở dốc từng chập.

Theo thánh tích, vị Thành Hoàng đã hóa vào giữa giờ Tý, tức nửa đêm. Nhưng tôi không tin. Làm sao Ngài có có thể lần về nhà Ngài, cách nơi ở của ả bán thuốc lá những tám chín cây số, trong khoảng từ mười một tới mười hai giờ? Lại còn thời gian cho Ngài đứng tần ngần trước gian nhà tranh, cửa cài kín, lắng nghe tiếng thở của vợ con, ngửi mùi oai oai thân thiết (ít nhất cũng đủ thời gian cho Ngài kịp thổn thức), sau đó Ngài mới lần ra bờ sông, thăm bốn ngôi mả phụ mẫu, xem thử những tháng dài Ngài đi lang thang họ có còn đợi Ngài ở chỗ cũ không...

Rõ ràng không thể tin được.

Nhưng theo thánh tích, đúng *nửa đêm Ngài hóa ở bờ sông, trong khu nghĩa địa*. Thánh thể được một ổ mối đùn lấp kín ngay tức thì, chỉ chừa lại một chiếc Thánh dép cao su đứt quai. Ổ mối đã làm nhiệm vụ báo hiệu cho người trần mắt thịt biết Ngài hiển thánh.

Làng xổ số đến khi ấy chưa có Thành Hoàng. Ngài liền được nhậm chức Thành Hoàng làng xổ số.

ĐOÀN LÊ *(Trong nước)*
Làng Lũ, tháng 4/1988



NGU YÊN

bài song ca buổi sớm

Sáng sớm
Lên em
Đón bình minh
Theo con chim gù điệu trữ tình
Trên da em ửng trời hồng phớt
Tay anh đàn muôn sợi thần kinh

Xuống em
Sức đôi chân xôn xao thời mới lớn
Môi mơn man màu nắng dễ thương
Trên tóc em bình minh chầm chậm
Xuống em dần
Bấn loạn yêu đương

Anh lên
Nhìn xuống
Tóc em rối dài
Tình là gì?
Cắn nhẹ vành tai
Là sáng tác theo từng rung cảm
Yêu em lâu rồi như mới hôm nay

Anh xuống
Nhìn thật gần
Người yêu dấu
Đời nhìn nhau như thế, mười sáu năm
Anh vẫn thấy mỗi lần em mỗi mới
Vẫn lưỡi hôn mỗi nụ xuất thần

Lên anh
Đuổi theo mây
Gió nâng cao. Gió hạ thấp. Nhấp nhô bay
Em yểu điệu lượn theo lòng kỳ nữ
bay anh nhanh qua buồn bã tháng ngày

Sáng sớm
Quỳ trước anh dẫn đường
Đường càng xa thích thú càng ngấm lâu
Chợt chới với rụng tan vào đắm đuối
Bật tiếng đầu ngày ta hát yêu nhau

NGU YÊN



LÊ QUANG TRANG

tro tàn quá khứ

Lả tả bay trên phố đông người
Tro quá khứ tình yêu em đã đốt
Cái quá khứ không đem mà ăn được
Nhưng con người lại không thể nguôi quên

Dẫu bây giờ không nắm được tay em
Mắt trong mắt như cái thời lửa cháy
Nhưng hãy lọc trong tro tàn đen ấy
Có những điều đốt mãi chẳng thành tro.

LÊ QUANG TRANG
(Trong nước)



LỆ HẰNG

chớp lửa chiêm bao

Buổi chiều gặp lại Cơ, cô bạn thân ngày nhỏ, tôi đã nao núng mất mấy ngày. Tôi cố cầm lòng không kêu lời sững sốt, không nhắc nhở ngày xưa Trịnh My Cơ xinh đẹp nhất trường. Tôi giả lả cười nói thản nhiên, cố lơ đi vẻ tàn tạ nghèo nàn của Cơ hôm nay như một điều rất thường. Hoan hỉ cũng giấu biến — Sợ Cơ nghĩ tôi khoe khoang đắc thắng — Tôi lặng lẽ giả ngộ quên đường đưa thẳng Cơ về nhà tôi, giả ngộ than đang đi tìm một cô giáo dạy kèm Anh văn cho một người bà con. Khoảng thời gian sau này, khi những thùng quà Mỹ, Pháp, Úc, Tây Tàu, Thụy Điển bò về hàng tấn. Khi những chàng tóc vàng lại lênh khênh dạo phố Sài Gòn, học Anh văn đã trở thành nhu cầu thời thượng. Nhà nhà người người chăm chỉ đóng vàng, méo mồm méo miệng học tiếng Anh. Tôi không quên tài phát âm tiếng Anh rất sang của My Cơ ngày trước. Điều thú vị, không phải tài giả ngộ của tôi, mà chính My Cơ còn giả ngộ tài tình hơn tôi nữa. My Cơ nói cười thản nhiên và chững chạc, không than van nghèo cực, không kể lể ngày xưa huy hoàng chói lọi. My Cơ thế đó, chịu không chịu mặc bây, mặc đời. Khi tôi chở My Cơ về nhà, mẹ tôi tròn mắt nhìn, rồi thầm thì cười nhẹ. Bà chẳng một lời than. Bà đã từng mắng yêu tôi nhiều phen lắm:

- Con Vân nó lạ đời, người ta phù thịnh nó phù suy. Hễ thấy bạn cũ sa cơ lỡ vận là xun xoe chào mời đưa đón, thấy ai giàu sang, bạn lâu đời cũng tránh như tà hủi. Ngu chi ngu lạ ngu lùng.

Tôi thường cười lấp lửng:

- Tại mẹ không biết đó, con hèn nhất nên chơi nghịch đời. Con ham làm trọc phú không được, nên đâm sợ hạng đó. Người giàu, Chúa Jesus còn sang sảng quở phạt từ đầu tới cuối trang Thánh Kinh, "Này, này, hạng chúng bay chớ mà đến cùng ta. Ta bảo thật cho các ngươi, con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn kẻ giàu vào nước Thiên đàng."

Mẹ tôi thua, bởi hễ khi mẹ hơi phiền lòng, tôi bèn đem Thánh Kinh trích dẫn là mẹ hít hà phục con gái mình thông minh đáo để. Tại mẹ thương tôi nên mê lú, thật ra so với lũ bạn bè cùng trang lứa, tôi là đứa ngờ nghệch ngu dốt nhất.

Quả thật, My Cơ dạng hình thiểu não, nhưng nó không thấy và không thèm biết đến. Tôi phục nó sát ván thùng. Bài học tự tin, một lần nữa tôi học được ở bạn. Khi My Cơ thơ thới ra về, tôi nhắc cho bố mẹ tôi. Đó chính là con bạn nổi tiếng lộng lẫy và kiêu hãnh của trường tôi ngày xưa. Bố mẹ già rồi, mắt chẳng còn tinh tường, vậy mà cũng than trời như bộng:

- Trời đất ơi, sao trông như...

Tôi gạt ngang, tôi hiểu mẹ tôi ngập ngừng không dám buông lời kết luận. Một mắt My Cơ bị hư, hư từ trong nhà tù. My Cơ dạy Anh văn ở trường Trung học Gò Công, đang định xin về làm Tham Vụ Ngoại Giao. Ở tỉnh nhỏ, cô giáo Anh văn nổi danh như cồn, những kẻ cầm quyền bính sau 75 buộc tội cô giáo là CIA hạng gộc. My Cơ ra tù, lại yêu một chàng tuổi trẻ lẫm liệt chưa nếm mùi hèn. Chàng tham dự phong trào Phục quốc, My Cơ lại khăn gói vào ngồi xà lim. Mắt đã hư, My Cơ bị thêm bệnh ngoài da. Màu da ngô sữa ngày xưa mịn như lụa, nay sần sùi như da cóc, trét bao nhiêu thuốc, bao nhiêu nghệ vẫn không tìm đâu xuân sắc ngày cũ.

Tôi ngán ngẩm suốt một tuần, nỗi mong manh hư ảo của nhan sắc phù du. Còn mẹ và cha, anh em bè bạn, để bây giờ... Nó nhẩn nha kể chuyện:

- Thôi để lâu lâu Cơ đến thăm, có cho địa chỉ bà cũng không tìm ra nhà đâu. Tôi ở tạm trên căn gác xép, chia chung với một bạn tù được thả từ năm ngoái, không giấy tờ hộ khẩu gì. Chui lên trèo xuống bằng thang, tướng tá đài các như bà ngã gãy chân thôi. Ngõ thì hẹp, hẹp ngang bằng ghi đông xe đạp đấy. Nghĩa là, ta dắt xe đạp vào ngõ nhà không lọt, phải đẩy cho xe đi trước, ta bò theo, giữ cho nó ngay ngắn, móc khóa vào bếp, rồi mở thang bò lên gác. Cái gác lửng cao vừa tầm ngồi thôi, đứng thẳng là đụng mái tôn nóng bỏng đầu, nghe chưa. Vậy chứ ở căn gác đó, nàng tiên My Cơ này vẫn làm được thơ — ca ngợi cuộc đời, con người, đất sông, biển nước.

Giọng My Cơ vẫn sang cả ngọt ngào.

Tôi chịu thua.

Chắc sách tướng số có chi lầm lạc?

Nó xinh đẹp, học giỏi, con nhà giàu, sao nay hình dung tơi tả. Chỉ còn nụ cười, hàm răng chưa rụng, vẫn còn tươi.

Đời bận rộn trăm điều nghìn sự. Tôi loay hoay mà sống, loay hoay giữ cho mình đừng hụp quá sâu, đừng đánh mất cái phần riêng tây tội nghiệp, rồi cũng quên đi những day dứt về thăng trầm, vinh nhục. Ông anh họ bắt đầu phóng xe đến báo tin lũ nhỏ bắt đầu học Anh văn với My Cơ. Anh gạn hỏi tôi hai ba lần:

- Cô có biết chi về cô ấy không, cô nói là bạn học sao trông hom hem ốm yếu quá vậy? Không ghiền, không chích choác chi chứ?

Tôi nhún vai:

- Hỏi chi như công an hình sự... Anh cần người giỏi Anh văn hay cần người cho bà xã anh nổi tam bành lục sự?

Ông anh bỏ về. Lần sau, anh tạt ngang cho bố mẹ tôi chục soài, rồi kết

luận:

- Thời buổi thật lạ lùng, bạn cô giỏi Anh văn mà cũng hơi bất thường đấy. Cô ấy không bao giờ nhìn ra sự thật chung quanh.

- Cần gì nhìn, sống là được rồi. Sống đã khó, thì giờ đâu săm soi nhìn ngắm...

Anh tôi xuống giọng:

- Cô ấy kể với chị... xưa cô ấy là người yêu, nói rõ hơn là hôn thê của một ông rất lớn bây giờ... Ông ta yêu cô ấy, rồi vào tù, rồi được đem vào bưng biền. Chính Cục R cho người tìm cô để đem vào bưng. Cô không đi vì thương mẹ... Thời đổi, cô ấy vào tù với bản án phản quốc của chính quyền mới. Người yêu cũ chẳng dám can thiệp — nay ra tù thân tàn ma dại, hư chột một mắt. Sao nghe giống tiểu thuyết quá vậy?

Anh tôi nheo mắt. Tôi trề môi:

- Có thể, My Cơ làm thơ hay lắm đó. Làm cả thơ tiếng Anh.

Anh tôi lại phóng xe hối hả. Anh rất thương vợ con, và đàn ông thời nay càng thương vợ yêu con càng gian lao vất vả.

Ba hôm sau, My Cơ trở lại. Tôi kéo bạn ra bãi đất trống gần nhà thờ Vườn Xoài. Hai đứa ra sức ăn quà, bánh cuốn kiểu Nam Kỳ, với chả lụa, giá sống, nước mắm cay, chè sen táo, thêm chén bò viên mới chịu dắt nhau về nhà. My Cơ thầm thì:

- Có chuyện quan trọng phải nhờ bà giúp một tay đấy.

Tôi dẫy nẩy:

- Đừng có làm tôi đau tim đau ruột nữa. Bà lại bày trò chính trị chính em, thân cò hương vào tù hai lần chưa tởn sao còn thầm thì nghiêm trọng nữa.

My Cơ nhăn mặt:

- Đồ chết nhát, chưa gì đã bấn người lên.

Tôi chống chế:

- Không phải chết nhát, nhưng làm cái gì cho ra cơm ra cháo. Bày trò vớ vẩn, phe nhóm lung tung, vô tù uổng công quá.

Đôi mắt bệnh hoạn của My Cơ chăm chú nhìn tôi, rồi thở ra:

- Tôi không có xe đi, tính nhờ bà chút xíu chuyện. Chán đời thật, chưa chi bà đã dẫy nẩy thế này.

Tôi ân hận:

- Ờ... thì cũng hơi ngán ngẩm. Bà coi, tôi bị gạt lên gạt xuống... Bà không nhớ năm 76, 77, tụi mình chạy gạo khô cả người, nghe nhóm này nhóm kia, nghe tin này tin nọ. Nhà có bao tiền lo gom bột ngọt, gom thuốc, gom tiền giúp Phục quốc, chừng té ngửa cả băng mụ góa chồng tụi tui bị mấy thằng cha báo đời gạt. Hôm mụ Liên phóng xe chở tôi sang Nhà Bè, vào tìm địa chỉ ngài "Thủ Lãnh", ngài xoay trần, quần cụt, rung đùi bán tạp hóa, nuôi heo cho vợ. Từng bịch băng cá nhân, bột ngọt, cuốc xẻng để "anh em trong rừng" đào hầm, tụi mình mua gom các chợ, chất thành núi trong hàng tạp hóa đó. Mắt mụ Liên tóe lửa rồi ứa máu, miệng mồm méo xệch, lôi tôi ra về. Thật

đúng là nhịn đói nhịn khát, ky cóp cho cọp nó tha... Không lẽ mấy con mụ mất chồng như tụi tôi dám đem mạng tới công an xưng tội Phục quốc rằng chúng tao hận bay, gom tiền gom thuốc cho anh em, nay ngài Thủ lãnh đó gom hết về chất đống cho vợ bán chạp phô ngay chợ Nhà Bè...

My Cơ vẫn cười, rất ư hớn hở, da nó nhăn, mắt mờ, nhưng miệng vẫn tươi:

- Sời ơi, ba mớ lẻ tẻ đó ăn nhằm gì. Ta đây vào tù ra khám hai phen, nhan sắc tơi tả dường này còn chưa sờn lòng nản chí. Ai cũng nghi ngờ như tụi bay, lấy ai làm việc lớn.

Tôi ấp úng:

- Nhưng tụi này biết tin ai thật ai giả...

- Thì chúng nó tương kế tựu kế, bày ra đủ mọi phong trào Rồng xanh, Rồng vàng, khiến dân mình tối tăm mặt mũi lần mò, không biết ai là phục quốc ai lộn xòng phá hoại.

Tôi nhìn My Cơ:

- Này, nhóm của bà... cái nhóm gây gió bão ở Gò Công đó thật hay giả vậy bà?

My Cơ nhún vai:

- Bà hỏi để làm gì?

- Để biết, tụi này bị gạt hoài. Giết niềm tin tưởng của người ta, tôi nghĩ, bọn bất lương đó tàn độc hơn bạo chúa nữa. Riết rồi mấy chục triệu con người đâm ra ù lì trây đá hết.

My Cơ cũng thấm ý:

- Thời buổi đảo điên quá rồi, đến lòng yêu nước của người dân cũng bị đem bán chợ trời, chợ chạy... Nhưng mà tôi chỉ nhờ bà đưa đi thăm một Thiền sư.

Tôi ngạc nhiên:

- Đi thăm Thiền sư... có gì gay cấn khó khăn đâu, sao bà bày đặt thì thào như chuyện phục quốc vậy?

My Cơ cười, đến nước này, tả tơi khốn đốn, không nhà không cửa, nó vẫn cứ cười cợt tỉnh khô:

- Bà chưa quên nàng Hà của tụi mình chứ hả?

- Quên sao được, bà hay giở giọng móc lò người ta không à.

My Cơ vẫn cười:

- Mình đi thăm chồng của Hà cho phải đạo.

Tôi trợn mắt:

- Sao?

Thấy tôi nhìn chăm bẩm, My Cơ gắt gỏng:

- Bà làm gì trợn trừng trợn trạc ghê vậy? Tôi chưa đến nỗi điên mà.

- Tôi nghĩ chắc bà cũng trục trặc chi đó trong cái đầu bò đầu bướu của bà rồi chứ chẳng chơi đâu. Bà quên chồng Hà chết từ bao đời rồi, con bé đã dắt hai con sang tận Mỹ... đã lấy thêm hai, ba đời chồng.

- Ai không biết, nhưng chuyện đó xưa rồi.

- Thôi đi... bà làm riết tôi cũng khùng luôn chừ.
- Chồng Hà còn sống rành rành.
- Bà bày đặt viết truyện phim kinh dị từ bao giờ vậy? Ông Du rớt máy bay, chết không còn xác.

My Cơ thì thào, suỵt nhỏ:
- Nói nhỏ chứ, bà chằng, đã bảo ông còn sống, sao la rống lên vậy.

Tôi ngờ vực nhìn My Cơ:
- Thiệt sao?

My Cơ gật đầu, vẻ rất thành khẩn.

*

Tôi nghi ngờ né tránh, cuối tuần cũng chiều bạn xách Honda chở My Cơ mò về tận miệt Bình Dương. Xuyên qua vườn cây trái xum xuê, xuyên qua khu ruộng còn trơ gốc rạ, đường lộ càng về trưa càng vắng vẻ. Những con bò lười biếng nằm ngủ vật vờ dưới bóng cây. My Cơ ôm lưng tôi, mũ rộng vành che kín mặt, kể lể:
- Chồng Hà... Hồi nó làm đám tang rình rang cả thành phố dự, nhưng trong quan tài toàn trầm hương trà trấu, có xác đâu.

Tôi ậm ừ:
- Thì tan xác trên biển, biết máy bay rớt chỗ nào đâu mà mò.
- Vậy đó... ông còn sống nhăn răng. Bà tính có nên báo cho Hà biết chuyện này không?

Tôi mím môi lại:
- Chuyện này khó rồi đa... Chưa chừng mụ trời đánh đó tru tréo lên la rầy tụi mình, ai tin ông Du còn sống.
- Nó không tin ai, nhưng nó tin bà.
- Chưa chắc đâu, nước Mỹ nó giàu có hùng mạnh lắm. Nó biến đổi con người ta rùng rợn lắm kìa... Thân thiết bao năm, từ ngày qua thoát, nó có thư từ gì cho tôi đâu.
- Thì tại bà... bà có thư từ gì cho con người ta đâu.
- Đừng xui dại. Thư qua để nó rủa sả dân Việt Nam chuyên tài xin tiền à...

My Cơ cười ngặt nghẽo:
- Thì bỏ vài ngàn, chút đỉnh thì giờ, ca bài thảm thương đói khát. Nhận quà Mỹ không lời chán sao?

Tôi càu nhàu:
- Mụ cà dỡn hoài. Nhìn phương hướng coi, đi lạc chết với du kích nghe mụ.
- Thời xã hội chủ nghĩa làm gì còn du kích, may ra gặp các ngài Thủ lãnh, tụi mình mai kia thành đệ nhất phu nhân, không sướng à.

Tôi đành cười, khó mà giận được nó.

My Cơ chỉ tôi vòng vào xóm, đường đất rợp bóng tre. Ngôi chùa nhỏ, mái

ngói nhiều khoảng phủ thêm tranh, vách gỗ lâu ngày ngả màu gụ rất sậm, nền gạch loang lở nhưng hàng cột vẫn còn nguyên đường chạm.

Tôi không thèm hỏi nữa, cám ơn Trời Phật nó còn nhớ được lối đi.

Chùa nằm cuối xóm nhỏ, lưng dựa hờ rặng cây, hàng cây nối với lạch sông nhỏ, la đà những bụi cây cối xào xạc gió. Có ngôi đền nghi ngút trầm hương ngay dưới gốc si già, chằng chịt rễ. Rễ buông từ cành cao, rễ bò ngoằn ngèo như một bầy rắn quây quần đoàn tụ.

Tôi dựng xe, ngó quanh.

My Cơ tỏ ra rất thân quen với chùa. Nó đi thẳng vào cửa sau, rồi lại vòng ra trước, ngoắt tay, cười nhỏ.

Tôi bước vào chánh điện, tượng Phật lớn so với cảnh chùa. Người nhắm mắt, mùi hương vây quanh, nắng không lọt vào. Lớp sơn vàng ám mùi khói ngả thành màu đất. Cây trái, hoa tươi, những vần hương mù mịt, màn che cũng nhuộm màu của khói. Hồn ai thấp thoáng về trên vầng khói thơm? Mãi sau, tôi mới quen dần bóng tối của điện thờ để không hề trông thấy Thiền sư. Tôi thấy My Cơ đã sụp ngồi ngay trước bàn thờ, đôi chân xếp về phía sau, đầu đội mõ, kề trên vòng khăn nhiễu màu đỏ gụ. Hai mắt My Cơ khép kín, sư bà gõ từng nhịp mõ khoan nhặt. Tôi nghe giọng kinh cầu rầm rĩ, giọng của sư bà, nhưng không nghe được giọng của My Cơ. Tôi biết nó cũng chẳng hiểu chi lời chú niệm đầy huyền mặc đó.

Tôi không biết quỳ nên ngồi lặng lẽ ở góc sau. Tôi nhìn chăm vào mái đầu My Cơ. Tóc Cơ dài, đã có chiều sơ xác. Sư bà đứng sau lưng Cơ, một bàn tay trước ngực, tay kia gõ đều trên mõ gõ:

"...

Kìa Sương, Kìa Khói, Kìa là Chiêm Bao..."

Lời thơ của Quan Âm Thị Kính bỗng quay về, quấn lấy những tàn hương. Tôi thấy My Cơ, thấy Tô Thị Hà, thấy mình ngày xưa còn thơ dại, mái trường Phan Chu Trinh. Cổng trường ngày đó uy nghi quá, đến trễ năm phút sau hồi trống, cả bọn con gái đành ngẩn ngơ ngoài cổng trường, lo âu và rình chờ Thầy Tổng giám thị, thân cao, tay rung chiếc gậy tre chầm chậm bỏ đi, lạnh hơn cả thần linh trong huyền thoại Hy Lạp. Có khi thầy hành bọn chúng tôi — lũ con gái bắt đầu biết làm thơ, biết mơ mộng nên đã săm soi quá năm phút trước gương, nên đã đỏ mặt lúc đi ngang trường Phan Thanh Giản, nơi có lũ con trai rất tinh nghịch, để trễ học năm phút — đứng xớ rớ thẹn thùng chừng mười phút rồi mới nhẩn nha mở khóa cổng cho vào, có khi cả bọn bị ghi tên phạt cấm túc suốt ngày Chúa Nhật. Tôi thấy Tô Thị Hà, ngày nào vật vã trước quan tài chồng, không có xác, khóc lóc, kêu van. Năm tháng sau, nàng dung dăng với Trác, một ông Tổng Giám Đốc, đẹp trai và giàu có. Tôi thấy My Cơ đứng trên bục giảng, con mắt lạnh như băng... Tôi thấy tôi, khóc cười trăm bận, bị gạt bị lừa, vẫn ngu ngơ tin vào đời người. Bởi không tin người, tin đời, có còn lòng thành cùng Thần Phật linh thiêng?

Nay tôi, tóc bắt đầu thưa, tay mềm đã cứng. Nay My Cơ xinh đẹp, khô héo

bao giờ vậy? My Cơ còn đó không? Một mắt đã hư, cha mẹ, và em xác tan trong bụng cá? My Cơ còn đó hay đã thăng hoa. Nàng tiên khô gầy, đầu đội mõ, lưng khòm mê mỏi có thật là Trịnh My Cơ ngày nào? Và tôi, sao óc tim mù xám chẳng còn tí ti? Này chồng, này con, đâu mất cả? Có chồng thật không, hay chỉ là chớp lửa. Kìa tiếng sét nổ, kìa trận mưa giông. Vừa nắng chang chang đó sao giờ giông chớp xé toang mảnh trời.

Tôi ngồi, một mình trong chùa vắng.

Tiếng mõ tắt trong lần chớp nổ. Trời gầm hay than, giận hay buồn?

Tôi lỡ mềm lòng chiều bạn, nên thôi đành chiều luôn, khỏi uổng công cằn nhằn cự nự. Mãi rồi lũ chúng tôi khùng điên thất thểu, tháng năm qua cứ vùn vụt trôi biệt vào vô cùng vô tận. Tiếng cầu kinh ê a, mõ một nhịp, buồn vui chẳng rõ. Tôi khẽ nhúc nhích, lê trên mảnh chiếu. Cả một đời hiện tất như làn chớp. Tôi không hiểu tại sao tôi mò đến xóm nhà hiu quạnh này, ngồi dưới mái chùa nhỏ nghe từng trang đời mờ ảo phớt qua.

Khi sư bà vãn hồi kinh, My Cơ lẳng lặng đứng lên. Tôi nhìn Cơ như nhìn ai đó rất xa lạ. Cơ quay ra, cầm tay tôi dắt vào chái nhà phía sau, căn chái thu vén sạch sẽ có bàn gỗ bày bình trà rất lớn và khay tròn úp gọn rất nhiều ly. Bốn băng ghế cứng, những tranh ảnh về nơi u đồ, gốc bồ đề và chốn ngục A Tỳ. Cảnh tượng êm ắng thoát tục. Ít ra đời còn một nơi đầy độ lượng, vượt trên mọi nhiễu phiền hỗn loạn. Thấy tôi vẫn len lén nhìn, My Cơ cười:

- Còn nguyên đây mà, có ai nhập hồn đâu mà ngó dữ thần vậy?

Tôi lắc nhẹ, tôi thấy buồn. Tôi vẫn nhớ tiếc và xót xa vẻ đẹp sang quí dịu dàng của My Cơ ngày xưa, nào có xưa chi nhiều, chưa tròn mười năm sao nó tàn tạ và xấu xí. Tù ngục, đầy ải, hằn thù gì mà ghê gớm hơn cả lời nguyền của lũ người phù thủy.

Cơn giông đã nguội. Mưa vẫn còn bay nghiêng, tạt ướt một góc nhà lợp tranh mới. Mùi đất rất nồng, mùi cây cỏ vây quanh xóm nhỏ, vẻ hiu vắng càng lạnh lẽo hơn.

Sư bà chậm rãi bước vào, với lấy mảnh khăn màu lam nhạt choàng lên mái đầu trụi lũi ngộ nghĩnh của bà. Trông sư bà chẳng ai dám đoán tuổi, gương mặt thật tròn, đôi mắt hiền như mắt trẻ con.

My Cơ khô gầy, hai má hóp sâu. Sư bà mặt tròn như trăng. Vậy mà từ trên môi họ cười, vẻ thanh tịnh ngời lên rất lạ. Sao nó còn cười và độ lượng, khi nó hằng kể với tôi:

" ... Sáng tinh sương, tôi đếm nghe từng tiếng. Tôi biết sáng nay người ta bịt mắt chàng dong đi, từ khu biệt giam cuối dãy nhà mốc meo. Ở đó thần chết đã lừ đừ ngự trị, nơi những tử tội chờ ngày nhận án chết. Này Vân, án tử hình có mùi. Tin Cơ đi. Rõ ràng từ thân thể những người nhận án, mùi tử thần đã ám. Thật mà, tôi ngửi thấy mùi chết suốt một tuần trăng, và trời ơi, tuần trăng đó họ lần lượt bắn chết mười lăm người. Họ rất trẻ, trẻ không thể tưởng tượng. Bốn giờ sáng, trời mưa sập mưa sùi, cơn mưa quỷ ám. Tôi ngồi bó gối ngay bên hàng song rỉ sét, đầu dựa vào chất sắt han rỉ và tanh. Mùi

tanh của người chết, máu, tủy, nước dơ. Tôi muốn nôn, nhưng đã hai ngày tôi chẳng ăn uống nổi. Cơn nôn khan thật ghê sợ, nó dâng lên bắt mình trợn trạo rồi lại chui tọt xuống bóp nghiến gan ruột mình. Đúng lúc đó, bọn người xuất hiện từ cuối khoảng sân. Lúc đó không hề có người. Đó là khoảng sân để tù tập thể dục, chia cơm, chia nước, chia nhận giỏ thăm nuôi. Khoảng sân đó từng nhiều phen để hai, ba quan tài gỗ tạp. Khoảng sân, buổi sáng tinh mơ ấy chỉ có những hàng cột rất bẩn, dầy đặc vấy mủ máu tanh hôi. Bọn họ sáu người. Ba người đi trước, ba người đi sau. Chàng đi giữa, một mình, mắt bị bịt bằng miếng gì đó rất đen, tôi nhìn không rõ, hoặc tôi hoa mắt vì loạn thị? Tay Qui trói thúc ké sau lưng. Chân không bị còng. Tôi nhớ rõ chân không bị còng, chân còn mang đôi dép, đôi dép chính tôi chạy ra chợ mua hôm trời có bão. Bàn chân ấy ngày yêu nhau tôi nhớ rõ rất đẹp. Nó thô như bao trai tráng tội nghiệp ở xứ này, nhưng mười ngón đều thuôn, ôi những móng chân tôi từng cắt cho chàng. Ừ! Tôi ưng cắt móng chân cho chàng lắm. Tôi cũng mê cái mùi hăng hắc ngai ngái ở bàn chân ấy nữa. Sao Vân nhăn mặt, mùi chân người yêu là thứ mùi dễ mê man lắm đấy. Đó là thứ mùi rất gợi dục. Tôi nổi gai cùng người. Chàng đi ngang phòng B. Hàng song sắt rỉ có mùi tanh của máu. Tôi cắn lấy hàng song sắt tanh tưởi ấy mà không biết. Đây này, bà coi, răng cửa tôi bị sứt một miếng. Vậy là khi chàng bị dong qua sân tù giữa những hàng cột, chàng không thể thấy tôi, nhưng tôi biết chàng cảm biết có tôi ngồi nhìn, cắn vào chân song. Chàng xong một đời, rất thông minh, rất lẫm liệt. Tôi mất miếng răng cửa."

Vậy thôi.

Nó cười như mếu.

Nước mắt tràn chảy mà vẫn gắng ngoạc miệng ra, giấu đời bằng một nụ cười dị dạng. Trời, tôi cũng nổi gai người lên. Rõ ràng tôi thấy hàm răng đẹp của nó, răng cửa đã mất đi một góc.

Tôi ứa nước mắt, nhưng cũng như nó, tôi vội vàng bôi đi.

My Cơ ngửa mặt lên, mặt nó vụt biến dạng. Tôi cũng chăm chăm nhìn. Tôi thực lòng cầu xin Chúa Phật Thánh Thần, giá chi cho nó khóc.

"... Bà biết không, con người ta đẹp trai biết bao nhiêu. Bà biết, tôi làm thơ làm sao yêu người xấu trai được. Vậy mà khi chàng đi ngang tôi, mặt chàng bủng beo sưng vù những túi nước, da thì xám xanh, căng bủng đến rợn người. Tôi suýt kêu lên thất thanh. Đã vậy họ còn bắt chàng ngậm một quả chanh trong miệng. Quả chanh được chằng giữ bằng một mảnh thừng. Sợi dây thừng nhớp nháp ấy ám ảnh tôi tới ngày nhắm mắt. Đêm hôm ấy tôi mơ thấy Qui. Đó là lần thứ nhất tôi mơ thấy chàng trong tù. Hình như suốt bảy năm trong tù, tôi không hề nhớ mình có mơ... Nhà tù ghê gớm thật, nó giết cả những giấc mơ. Tôi nằm trong một đá. Mộ lạnh lắm, lạnh như một tảng băng. Hai chúng tôi bị ướp sống trong tảng băng lạnh buốt đó. Tôi nằm xuôi và chàng nằm ngược. Tôi muốn hôn môi chàng hết sức. Tôi nhớ rõ như vậy. Chỉ cần áp môi trên môi chàng, chết cứng trong băng sơn cũng đỡ lạnh. Tôi

cố xoay người. Băng lạnh và rất cứng, cứa chảy máu cả bụng tôi. Tôi thấy giòi bò ra từ những vết thương bụng. Nơi chốn riêng tư nhất của tôi thật kinh khủng! Tôi hoảng hốt nhưng không thể la. Tôi bỗng thấy bàn chân Qui. Bàn chân Giao Chỉ bà ơi, bàn chân rất giòng tộc, rất Việt Nam. Tôi áp bàn chân chàng vào mặt tôi, bàn chân ấy bỗng tràn trề chảy máu.

Tôi tỉnh dậy. Trong nền nhà ngục, mặt tôi tì trên nền nham nhám. Tôi nghĩ đến bao nhiêu thế hệ người Việt. Cái nhà tù tôi bị giam giữ có từ thời Pháp thuộc. Thời đó ông nội tôi, ông sơ tôi, bác tôi, chú tôi đổ máu trên nền ngục này... Thời ông Diệm, cũng là nhà tù để nhốt người. Thời ông Thiệu... người ta cũng dùng giày săng đá, đánh đấm tuông máu nhiều người ở đây, trên nền xi măng hôi hám tanh tưởi này. Và bây giờ đến phiên tôi... Lạy Trời! Sao đất nước tôi nhiều nhà tù đến vậy. Sao đời cha đời con cứ dạy dỗ nhau bằng lòng thù hận."

Tôi thừ người nhìn My Cơ. Sư bà choàng thêm áo rồi lại dịu dàng nhìn tôi. My Cơ vỗ vai tôi:

- Làm gì ngồi ngây vậy?

Tôi giật mình. My Cơ ngần ngừ nhìn ra mưa:

- Giông gió như thế này đi càng tiện. Chỉ ngại Vân kham không nổi thôi.

Tôi nhìn sư bà, nhìn My Cơ rồi nói nhanh:

- Đi được mà. Đừng lo cho tôi. Cái thân bà như cây sậy không lo cứ bày đặt lo cho tôi.

*

Tôi lần dò theo sư bà và My Cơ ra lạch sông. Sư bà đẩy thuyền nhỏ ra rồi leo lên. My Cơ phải khư khư nắm chắc tay giúp tôi xuống thuyền. My Cơ ngồi đầu mũi, đầu đội chiếc nón lá choàng ra ngoài mũ vải để tránh mưa. Sư bà có áo tơi rất cũ. Tôi che dù sát đầu, cố giữ cho cán dù đừng nghiêng ngả. Nước mưa nghiêng rơi đều trên mặt sông. Con thuyền lướt êm ra sông lớn, bơi dọc theo bờ lúa, lẫn cùng lau lách. Tôi được cưng vì vô tích sự, không biết chèo biết chống. Tôi ngồi giữa thuyền, rùng mình nhìn mưa làm rỗ mặt sông ngàu bọt.Tôi bỗng sợ. Trời vần vũ, mưa nghiêng. Tôi lên tiếng cho bớt sợ:

- Sư bà ơi, sao sư bà giúp My Cơ. Sư bà không biết nó... là dân Phục quốc sao?

- Mô Phật. Cửa Thiền có từ chối ai bao giờ?

Tôi vẫn khăng khăng hỏi nà tới:

- Con nghe nói, trước 75 chùa chiền hay giúp người bên kia chống chính quyền Sài Gòn lắm mà.

- Mô Phật. Tín chủ nghe hay thấy?

Tôi cười nhẹ:

- Dạ nghe, và cũng thấy nữa ạ... Con coi bao nhiêu là phim. Phim đặc công đó. Trận đánh nào của Biệt Động Thành cũng có sư sãi ni cô giúp sức, giấu cán bộ trong chùa, chôn vũ khí cũng trong chùa nữa.

Sư bà vẫn nhỏ nhẹ một lời:

- Nhà Phật không bao giờ đôi co hai tiếng.

My Cơ cười. Mưa vẫn làm xáo động mặt sông.

- Sư bà đừng bận tâm. Con nhỏ ni nó ưa trò liếng khỉ lắm.

Sư bà vẫn cười, hai tay vẫn chèo xuôi đôi dầm. Mưa vẫn làm ngầu bọt dòng sông.

Thuyền đi mãi mới tấp vào cội cây, được biến thành tay vịn cho một cây cầu nhỏ ven bờ nước. My Cơ bám vào cành, leo tót lên, buộc chắc dây để neo thuyền. Tôi bò lết mới lên được bờ, ghen tỵ nhìn Cơ thành thạo và khôn khéo.

Mưa xiêng xiêng, rồi dứt hột. Nhà lá ba gian hiện ra giữa một đầm lầy toàn rau muống. Hoa rau muống tím nở rộ khắp đầm, mênh mang và tĩnh lặng. Đất đai chi lạ lùng, sông liền với đất, đầm liền với sông. Một cụ già lom khom đi ra, rồi lẳng lặng quay vào ngay. Hình như cụ hắng giọng cho ai đó trong nhà. Dáng người cao cao bước ra. My Cơ đi nhanh tới, tay vòng lại. Tôi khựng người, mắt mở tròn.

Ông Du già đi nhiều, nhưng nụ cười mỉm đó không thể lầm. Mũi ông hơi gãy, mắt buồn đã sụp, nhưng nụ cười chẳng đổi. Tôi đứng ngây. Ông bước lại gần hơn, giọng rất đục:

- Vào đây... vào nhà đã... Khoan kêu trời đất.

Tôi riu ríu theo mọi người vào nhà. Bên trong, nhà sạch và ngăn nắp hơn vẻ ngoài rất nhiều. Sách dựng ba phía tường, sách la liệt khắp nơi... Đầu ông đội mũ ni màu nâu gụ. Tôi không biết ông có xuống tóc quy y hay vẫn là một người quy ẩn? My Cơ ngồi nhẹ xuống phản gỗ:

- Em dẫn Vân xuống thăm, nhân kỳ giỗ của anh Qui... Anh nhận ra Vân chứ. Nó vẫn xinh đẹp mượt mà như xưa mà anh Hai.

Ông Du cười nhẹ. Tôi nghĩ thầm: “Mấy người ni hay cười gớm.” Ông không trả lời, cũng không nửa câu hỏi về người vợ cũ của ông. Nhìn cảnh tình này, so với Hà giàu có bên kia, tôi không dám mở lời nhắc nhở. Tôi biết chắc ông có mối ràng buộc chặt chẽ với nhóm người cang cường của My Cơ. Con bé tong teo khô đét kia đáng nể thật. E chừng nó dẻo dai, mạnh mẽ và can đảm nghìn lần hơn tôi!

Ông Du nói cười chừng mực, giọng trầm nhưng vẫn đầy hơi. So với ông Du uy quyền lừng lẫy xưa, ông gầy và khô khan hơn nhiều. Tôi đâm sợ. Thời gian! Đời người! Vinh quang! Chúng đi đâu?

My Cơ và ông hình như có nhiều điều chung cần phải nói. Tôi theo sư bà ra ven đầm rau muống. Tôi hỏi nhỏ:

- Sư bà có giận con không?

- Sao lại giận?

- Nhưng con muốn nghe sư bà nói.

- Càng nói càng ngộ nhận thôi.

- Bây giờ con thấy My Cơ nó đúng hơn con...

- Con hết ngờ vực chân giả nữa rồi chứ.

Tôi nói nhỏ:

- Con nghĩ chân giả vẫn còn đó, mãi mãi, nhưng chẳng việc gì phải run sợ và nản lòng nản chí phải không sư bà?

Sư bà gật đầu rồi nhẫn nại hái từng chùm rau muống. Tôi cũng xoài người hái rau, không quên ngắt vài bông hoa rau màu tím, loài hoa nhà nghèo giữa đầm lầy mênh mông vụt trở nên ngọt ngào đắm đuối hơn Hồng, Lan, Huệ, Cúc bội phần. Tôi tẩn mẩn cột thành chùm hoa tím, rồi tha thẩn đi vào nhà. My Cơ đi ra, tóc đã bới cao, đầu chít khăn tang trắng. Tôi đưa cho Cơ chùm hoa tím. Cơ cảm động ghé tai tôi:

- Cám ơn cưng. Cưng dễ thương lắm đấy.

Bàn thờ đã bày trên hương án. Mười lăm hình chân dung, mười lăm người chết trẻ, ai nỡ lòng nghi nan họ? Ai nỡ đem trung liệt ấy bày trò buôn bán?

Mười lăm đôi mắt ngời lên sau khói hương. Bài kinh, tiếng mõ. Một mình My Cơ đội khăn tang, cùng với chùm hoa của tôi run nhẹ trên bàn thờ.

Ông Du biến mất. Vậy là tôi chẳng nói được chi nhiều cùng ông. Cũng đành thôi. Đời ông, đời My Cơ và những người đã chết tự viết thành huyền sử.

LỆ HẰNG
12-92



KHẾ IÊM

ấm ơ

Trói chặt
Những khoảng khắc, và ngã
Hồn tang thương
Cùng mộng

Hoài mắt nhớ
Cõi thuở, đăm đăm mãi gió sao bay
Trên ngọn ngàn lầm lì nụ hôn mùa đông
Long lanh tóc

Đã ra ngoài bầu trời hỡi non đời còn để lại tiếng cồng buồn
Thấm cơn mưa tuổi tác, vầng trăng xưa chứa chất giọt mây cuồng

Rơm rớm nói
Phục sinh chiều

Hỏi là hỏi nụ cười lời đã thốt
Môi cánh thơm
Sầu lạ
Ngực hoa ngày

Nhặt tiếng khóc
Lãng trí nhé, kẻ mở cửa lấy tai ương kết thành vòng gai

Trên chiếc bè trôi
Và không trôi
Ngọn lửa thổi
Ấm ớ về thời mênh mông quạnh hiu.

KHẾ IÊM

DU TỬ LÊ



ai đi rồi
còn gửi lại con ngươi

* và bbt & thủy

sông đôi lúc gọi tôi về, ấm áp
dòng tóc nào chung thủy một mùi hương?
thuở bé dại ghim mối tình gởi mẹ
ngắm nhìn cha như một vết thương

trái tim tôi: một dấu chấm than
thân thể tựa khối sầu quen chuyển động
cây khoan gió cho lòng sâu bớt sóng
lá khoan rơi năm ngón gươm chia lìa

mây phản trắc phân từng lô ảnh ảo
bao thước đường rêu đợi nước chân, mưa
kỷ niệm lợp mái che, chiều, nở, dột
trời xa không tiếp vận sớm mai vào

máu xô đẩy những khoang thuyền biển lận
chở thời gian chìm tiệt cõi âm
nghe hạt lệ nằm nôi thôi thánh thót
thành gương soi tôi lúc lâm chung

mỗi nhân dạng là một con thú lạ
na hồn đau về trả đất nâu
vai chưa hiểu gánh đời sao quá nặng
tay buông chưa kịp biết nhận hay cho

núi đôi lúc gọi tôi về, nín lặng
những ngọn gai đâu nhớ nổi da người
tình yêu khắc lên xương nghìn dấu hỏi
ai đi rồi còn gởi lại con ngươi?
20-10-92



NGUYỄN KHẢI

người kể chuyện thuê

1.

Anh Hợp và tôi là đồng đội, lại cũng là bạn đồng tuế và đồng nghiệp. Anh vốn là công tử con quan tổng đốc đầu tỉnh được nuông chiều từ tấm bé, học lực xấp xỉ tú tài, đẹp trai, ăn nói hấp dẫn, là nhà báo tiếng tăm vang dội suốt thời chống Mỹ. Anh sinh ra và được đào luyện để làm quan, làm ông chủ, làm người chỉ huy, chứ còn gì nữa. Chẳng dè lại chọn cái nghề làm báo, một đời làm báo, ăn khổ, ở khổ, vợ con nheo nhóc túng thiếu từ thuở còn trẻ tới lúc đã bạc đầu. Nhưng cũng chẳng có gì đáng phải than vãn vì có mấy ai được sống dư thừa trong bấy nhiêu năm. Duy có sự chịu khổ của cụ cựu tổng đốc là làm tôi thực sự kinh ngạc. Trong mười năm con trai đi làm báo tại các chiến trường phía Nam, ông già đến ở hẳn với con dâu, trông nhà trông cháu, ăn cơm với vừng với rau. Vừa ôm cháu vừa giảng dạy kinh sách cho các nhà Hán học của các Viện nghiên cứu và các trường Đại học. Ông đã ngoài bảy mươi tuổi, sống hòa hợp với hoàn cảnh một cách thản nhiên, vui vẻ như vốn dĩ ông vẫn sống như vậy. Người vô sản làm cách mạng và chịu mọi cực khổ đã đành một nhẽ. Anh ta chỉ mất có cái xiềng còn được cả thế giới. Còn tầng lớp thượng lưu của xã hội cũ dám theo cách mạng và dám chịu khổ thì họ được một Tổ quốc tự do nhưng bản thân thì mất hầu như tất cả. Mỗi lần được gặp những con người đó, tôi thường tự nhủ: "Mình có mất quái gì đâu mà hay kêu ca thế. Nhìn họ mà không thấy xấu hổ ư?"

2.

Anh Hợp về hưu đã một năm. Vợ anh nghỉ mất sức từ mấy năm trước đó. Hai cô con gái lớn đã lấy chồng, mỗi cô có một đứa con và các ông con rể đều ở nhờ nhà bố vợ. Bà mẹ thành người nấu cơm chuyên nghiệp: Ông bố vẫn là người chi tiền chính cho cái đại gia đình, vui thì có vui nhưng khổ thân cho ông bạn già của tôi quá. Anh dậy từ mờ sáng, đạp chiếc xe cọc cạch bỏ mối báo và tạp chí cho các quầy bán sách báo khắp mấy cửa ô, lâu ngày thân quen anh còn mua giúp họ những mặt hàng khan hiếm lấy chút ít hoa hồng của cả hai bên. Cũng là một khoảng thu không nhỏ. Chiều ở nhà đọc các tạp chí và báo nước ngoài mượn của bạn bè, chọn lọc, tổng hợp thành những bài báo nhỏ đặc sắc, thú vị bán cho các báo đã đặt hàng. Lại là một khoảng thu khác. Tuổi già ăn ít, ngủ ít, mặc quần áo cũ nhưng làm việc còn gấp gáp, căng thẳng hơn cả thời còn trai trẻ. Tên nô lệ tự nguyện ấy chỉ cầu mong mỗi ngày được các chủ nhân lớn nhỏ ban phát một nụ cười thỏa mãn là đã đủ để sung sướng. Có lần tôi hỏi thật anh, ở thành phố Hồ Chí Minh, thân thích và bằng hữu của gia đình anh chiếm một góc thành phố, toàn là những người sang và giàu cả, lẽ nào vợ chồng anh cứ chịu sống túng thiếu mãi ở cái đất Hà Nội này. Anh nhìn tôi rồi trả lời thản nhiên: "Mình không có thói quen để người khác nuôi vợ chồng mình và con cháu mình". Lại thế nữa! Đã nghèo còn khái thì biết đến thuở nào mới đổi được cái phận nghèo.

3.

Một lần tôi ra Hà Nội, nhằm một buổi tối, lại thăm vợ chồng anh Hợp. Anh không có nhà. Vợ anh hẹn tối sau lại. Tối sau tôi bận không tới được. Tối sau nữa tôi tới ông bạn của tôi vẫn vắng mặt. Vợ anh nói, các tối thứ hai, thứ tư, thứ sáu ông ấy đều về khuya. Tôi hỏi, ông già lại làm thêm nghề gì nữa đấy? Bà vợ mỉm cười bí mật: "Tối mai các ông gặp nhau sẽ biết". Quả nhiên ông bạn tôi lại có thêm một khoản thu mới nữa, rất hậu hĩnh, rất nhàn nhã, lại phù hợp với cái nghề một đời bình luận thời sự chính trị. Chẳng phải nói chuyện trước một cử tọa trang trọng nào mà chỉ cho một nhóm người vốn không quan tâm bao nhiêu tới thời sự chính trị. Họ là mấy nhà kinh doanh tư nhân muốn được hiểu cặn kẽ những gì đang xảy ra trên toàn cầu để bổ khuyết những trao đổi nhàm chán thường ngày về mánh mung giá cả lỗ lãi. Làm sang có một phần nhưng xét đến cùng những chuyện trên trời dưới biển ấy đều có dính líu xa gần tới đồng tiền cả. Chính trị với kinh tế vốn là cha con, là anh em ruột thịt, không hiểu người làm sao tính toán được công việc của riêng mình.

Một buổi tối anh Hợp rủ tôi tới thăm nhà triệu phú của thời buổi mới. Một tòa nhà nguy nga mới xây dựng ngay trên một đường phố lớn của Hà Nội, tầng trên cùng là sân thượng, tầng dưới có bao lơn trồng cây cảnh, tầng trệt cửa sắt. Nhưng không có biển hàng. Ông chủ nhà thuộc loại kinh doanh

trên các giá cả, không cần biết mặt hàng, càng không cần bày mặt hàng, thậm chí không biết cả cầm tiền và đếm tiền. Tiền từng bọc, từng túi, bọc này mười triệu, túi kia vài chục triệu, chỉ gật đầu bảo, cứ để đó đi, lát nữa có người tới lại hất đầu bảo, tiền đấy, cầm đi. Vào nhà đã có bốn năm cái xe Dream dựng một góc, nền nhà lát đá đen, đèn chùm, tranh tĩnh vật và rất nhiều chậu cây xanh đặt ở các góc. Hai bộ bàn ghế tiếp khách, một Tây, một Tàu, sang trọng đẹp đẽ như trong một tạp chí quảng cáo. Và chủ nhà cùng bạn bè đã ngồi sẵn đón đợi ông bạn già, người làm công đặc biệt, đi cùng một ông già khác, nghèo nàn, nhếch nhác như nhau. Trên bàn đã bày sẵn rượu Tây cùng các món nhắm thượng hạng. Bà vợ trạc ngoài ba mươi, mặc bộ váy áo màu rất nhã, tóc cuốn cao, không trang điểm và cũng không đeo nữ trang, bước ra chắp tay chào:

- Em xin chào hai bác.

Rồi chị ta nghiêng mặt về phía anh Hợp nói thêm:

- Tối trước bác về khuya quá, vợ chồng em cứ lo mãi.

Anh Hợp cười:

- Đã già lại nghèo có đi một mình cả đêm cũng chẳng ai nỡ chòng ghẹo. Chòng ghẹo thì được cái quái gì.

Có thế thật, đã già lại nghèo không gây nguy hiểm, chẳng gợi thèm muốn nên được xã hội mời đứng ngoài cuộc chơi. Tôi chăm chú quan sát ông chủ nhà, cũng phải ngót nghét bốn mươi, người mập tròn, da đen tái, môi dày và hàm răng thưa, người không đẹp nhưng có duyên và dễ gây tin cậy. Anh tên là Thụy. Thụy hỏi tôi:

- Bác cũng viết báo à?

Anh Hợp giới thiệu tôi có phần tô vẽ rồi hỏi lại:

- Chắc là chú cũng có đọc văn của ông này?

Thụy cười ngượng nghịu:

- Nghe tên thì quen nhưng em không nhớ đã được đọc ở đâu.

Lúc này là tháng 10 năm 1990. Irắc đưa quân chiếm đóng Côoét vừa được hai tháng. Cuộc khủng hoảng vùng Vịnh đã được anh Hợp nói sơ qua từ mấy tối trước. Tối nay anh tiếp tục giới thiệu chân dung mấy nhân vật chủ chốt của thế giới Ả Rập: tổng thống Irắc, tiểu vương Cooét, tổng thống Ai Cập, các quốc vương Ả Rập Xêút và Goócđani. Và một nhân vật không nói năng gì nhưng là kẻ xúi bẩy mọi tham vọng và tranh chấp: Dầu lửa. Đã lâu lắm tôi mới được nghe một buổi nói chuyện thời sự lý thú đến thế. Tư liệu dồi dào, lời lẽ chọn lọc, bình luận chí lý. Mấy anh nhà giàu cũng khôn thật. Thuê một nhà báo nổi tiếng làm báo cáo viên thời sự quả là họ biết dùng đích đáng đồng tiền.

4.

Cuối câu chuyện ông chủ nhà nói rất hồn nhiên:

- Chúng em thừa tiền nhưng ít chữ, các bác thừa chữ nhưng đồng tiền có phần eo hẹp. Anh em mình bù đắp cho nhau để cuộc đời thêm vui.

Một anh để râu quai nón, ăn mặc xoàng xỉnh như dân thợ, hay cười, hàm răng to khỏe:

- Cuộc sống của bọn em cũng gay gắt chẳng kém vùng Vịnh, kẻ được người thua, mỗi ngày phải có dăm bảy xác chết, mất cơ nghiệp cũng coi như là chết. Bác nhà văn viết một cuốn sách về bọn em là có lý lắm.

Tôi hỏi nửa đùa nửa thật:

- Các ông chủ muốn thuê bọn này lâu dài phải không?

Cả mọi người như sững sờ vì câu hỏi trắng trợn của tôi. Tới lúc ấy một ông khách trẻ nhất, có gương mặt thư sinh, chưa hề mở miệng nói một lời nào, mới nhỏ nhẻ lên tiếng:

- Bọn em ở đây đều là đầy tớ của khách hàng cả. Nếu bác cần mua, chúng em xin là đầy tớ hầu hạ hết lòng. Còn nếu bác muốn bán thì chúng em lại là khách hàng, là ông chủ như bác vừa nói. Chủ tớ thay phiên mà.

Tôi cười mát:

- Mấy thằng trí thức nghèo mạt thì có gì để bán?

Chàng thư sinh, có vẻ là nhà tham mưu của nhóm, cũng cười:

- Có đấy bác ạ. Cái tài viết văn viết báo của hai bác cũng là một mặt hàng có giá lắm.

Rõ khỉ! Một đời đấu tranh cho quyền tự do sáng tạo, chỉ viết cho mình và cho một công chúng được chọn lựa, kiên quyết không làm đầy tớ cho ai cả, cuối cùng lại hạ cờ bó giáo xin viết thuê cho mấy thằng có tiền mới phất. Có mà điên! Ông chủ nhà áng chừng có chú ý tới vẻ mặt bất chợt cau có của tôi liền nói tiếp, là lấy tình anh em con cháu trong nhà mà nói, là kẻ hèn thưa chuyện với người sang, cái cách cư xử phỉnh nịnh ấy cũng làm tôi hả dạ ít nhiều:

- Thưa hai bác, cái vốn của hai bác phải tích lũy một đời mới có. Dầu xã hội thay đổi thế nào nó cũng không thể mất giá, nó là vàng mười, lại bỏ trong két sắt, không hao hụt, cũng chẳng bị ai cướp đi. Cái vốn của bọn em bì sao được. Hoạnh phát rồi sẽ hoạnh tán vì nó phụ thuộc vào mưa nắng của thị trường. Có đấy mà mất đấy, trong chớp mắt. Phù phiếm lắm, mong manh lắm. Tuy nhiên...

Thế là cả đám thực khách trẻ khỏe, đang ăn nên làm ra, sức sống tràn trề khiến người ngồi cạnh phải ngộp thở, tranh nhau giảng giải cho hai ông anh vừa ngu vừa kiêu về cái tuy nhiên... Tuy nhiên, chúng tôi phải biết cách khai thác cái vốn quí ấy thành hàng hóa, họ nói thế, không đủ sức khai thác thì phải nhờ bạn bè hoặc đàn em giúp sức. Họ sẽ gợi ý chủ đề, giới thiệu nhân vật, tổ chức các cuộc tiếp xúc rồi nuôi ăn ngồi viết, nuôi bao lâu cũng sẵn sàng và đảm nhận mọi chi phí cho tới ngày cuốn sách được ra mắt bạn đọc. Lỗ, họ xin chịu. Lãi, họ sẽ nộp tặng tác giả cả gói. Mua bán kiểu gì mà lạ! Họ được cái gì nhỉ? Chẳng lẽ chỉ muốn giải trí mà chịu tốn kém đến thế? Họ là

con buôn tất phải biết tính chứ.

- Lãi chứ ạ, anh thư sinh trả lời tôi. Được văn chương ghi nhận bọn em là những nhân vật náo nhiệt của một thời tức là lãi. Chúng em rất muốn những hoạt động tầm thường của mình có một ý nghĩa lâu dài nào đó.

Đừng hòng! Tôi tự hét lên với tôi như thế. Nhà văn cách mạng còn chưa tự khẳng định được chân dung mình trong văn chương, huống hồ mấy anh lái buôn lại đòi dựng tượng trên bàn thờ nghệ thuật. Không đời nào, thà húp cháo! Vả lại, họ có quyền gì mà buộc được chúng tôi phải làm thế.

Lúc ra về, Thụy cầm tay tôi nói rất chân tình:

- Bác ra Hà Nội tiêu pha cũng tốn kém, nếu bác cần gì cứ bảo bọn em một tiếng, chúng em xin hết lòng hỗ trợ.

Tôi ở Hà Nội gần hai tháng nhưng không tới thăm Thụy một lần nào nữa. Mỗi lần gặp Hợp anh đều nhắc lời mời của vợ chồng nhà kinh doanh có lòng ưu ái đặc biệt với giới làm văn làm báo. Nhưng tôi vẫn cố cưỡng lại để không đến. Vì mặc cảm tự ti, vì tự ái giai cấp, vì lo sợ bị quyến rũ, không biết nữa. Anh Hợp cho biết, mỗi tháng nhóm kinh doanh ấy đưa biếu anh vài trăm ngàn hết sức trân trọng và biết ơn. Với một gia đình quen ăn tiêu tần tiện thì vài trăm ngàn có thêm mỗi tháng là đáng mừng lắm. Người lớn ăn uống sao cũng được nhưng còn những đứa trẻ. Anh mua sữa bột Liên Xô nấu cho các cháu ăn. Nó ngậm sữa trong mồm rồi phun vào đầy mặt ông ngoại một cách đắc thắng. Một hộp sữa bột của Nhật đắt hơn gần chục lần nhưng từ chối sao được. Có ba trăm ngàn mà đem lại bao nhiêu là nụ cười, là niềm vui, thật quá rẻ. Cái vui của nhà nghèo tốn ít tiền nhỉ? Một lần trò chuyện với nhau về nghề nghiệp, tôi có hỏi anh Hợp cuốn sách anh định viết về cái nghề làm báo của anh, như một hồi ký, không chỉ của một cá nhân mà của một thế hệ với vô vàn sự kiện đã thuộc về lịch sử. Anh đi nhiều, gặp gỡ nhiều, ghi chép từng ngày những chuyện mắt thấy tai nghe trong gần một trăm cuốn sổ tay, chẳng lẽ không đủ chắt lọc thành vài ngàn trang sách. Anh đã từng nói: "Nếu không viết được bộ sách đó thì đời mình chẳng còn nghĩa lý gì". Tôi cũng cho là phải, là rất phải. Nên mới hỏi. Anh ngồi lặng lẽ rất lâu rồi trả lời thật buồn: "Vẫn chưa bắt đầu. Vì sơ sài thì thà đừng viết. Viết cẩn thận phải mất khoảng mười năm". Người sáu mươi tuổi nói về một kế hoạch mười năm nghe mà thương tâm. Nhưng chẳng lẽ bỏ? Vài ngàn trang sách ấy là máu là nước mắt, tiếng khóc tiếng cười của cả một thời. Một thời ồn ào, chói lọi chỉ vì cái khổ của một người hóa ra nhoè nhạt trong cái mông mênh của lịch sử. Nụ cười của vợ của con của đàn cháu nói thế mà đắt, rất đắt.

Trước ngày tôi vào thành phố Hồ Chí Minh, anh Hợp kéo tôi đi ăn thịt chó ở góc chợ Hòe Nhai. Cả hai chúng tôi đều không biết uống rượu nhưng mỗi người vẫn rót cho mình một chén đầy. Chả ai nói với ai được câu nào, nhìn nhau chán lại nhìn khách tới ăn. Toàn đám trẻ cả nhưng không thể phân biệt được nghề nghiệp của họ, là giáo sư, cán bộ, con buôn hay đạo tặc. Chịu! Ăn mặc đều sang trọng, nói năng đều bỗ bã, cười đùa ầm ĩ, vô tư. Anh Hợp

hỏi tôi:

- Sắp tới định viết gì?

- Nhiều chuyện để viết lắm nhưng cũng chả muốn viết.

- Sao thế?

- Một đời tôi viết văn để bán cho Nhà nước, nay các nhà xuất bản của Nhà nước không mua thì bán cho ai?

Hợp hơi cười:

- Cậu nên nghĩ lại lời mời của thằng Thụy. Bọn họ làm ăn đứng đắn đấy.

- Tôi cũng biết thế chứ. Nhưng các nhà triệu phú mới có cho phép tôi được quyền châm chọc, chế giễu họ tí chút không? Có cho phép tôi được lên án một cách sống nào đó, một cách làm ăn nào đó trong bọn họ mà tôi không thuận mắt?

Hợp lại cười:

- Nếu họ không ưng thì họ sẽ trả lại bản thảo, có gì mà sợ.

Đúng thế, giai cấp hữu sản mới chả làm gì được anh nhà văn cả cho dầu họ rất ghét. Họ không thể tước quyền công dân hay bỏ tù. Họ cũng không ra lệnh phải làm thế này, không được làm thế nọ. Rất anh em, rất bè bạn, rất tình nghĩa, luôn luôn tình nghĩa, chỉ có điều họ không ưng ý thì họ sẽ bỏ mặc anh chết đói. Tôi không nói ra điều tôi chợt nghĩ mà chỉ trả lời Hợp với nụ cười bẽ bàng:

- Để tôi nghĩ đã, nếu không còn cách nào khác để thoát khỏi cái đói thì tôi phải nghĩ lại lời mời của họ thật.

NGUYỄN KHẢI

(Trong nước)



HOÀNG XUÂN SƠN

năm mươi, tiếng thở trầm

Gởi Triều Hoa Đại

Chéo núi cắt ra đường mộng thực
đêm hôm trỗi dậy, Ngất ngơ, nhìn
lửa tàn vung vãi đâu mê cực
tận nỗi luân trầm nghe xướng tên

Ngày mệt lả xuống trên bàn toán
chữ nghĩa hiện hình như trêu ngươi
đầu, mắt tung tóe nghìn sao đóm
gượng bấm cho ra lệch lạc đời

Chết rồi một phút mê hồn. Dại
mà nhớ đi bưng cả chuyến dài
tay múa lầm thầm kinh mật niệm
bước vào không chuẩn nhịp trần ai

Bước vào năm mươi thần trí lẫn?
núi già hơn biển già hơn mây!
thảng thốt sao trầm nơi bản địa
thấu được phần ta triệt chốn này

Tay cầm bảng chặn năm mươi tới
xe đời tuồng như lướt lướt qua
đổ xuống dốc chiều - thân. Ớn tạ
ném trả bình sinh nắm bụi nhòa

Ta trên đường mỏng phơi thân cụ
một tuyết một sương đã rạc rày
em hơ tấm áo ngày xuân cũ
xẻ hết mặn nồng xuân đắng cay

Lòng bỏ sượng sần câu thơ thẩm
bạn ta nghìn phương bút mực chìm
đau cơn triều thủy hồn tê tái
tàn lụi mây trời tiệp bóng chim

Năm mươi như mưa chiều lất phất
chuếnh choáng hoàng hôn xạm mặt người
thấy ta chiếc bóng ngồi bất động
thèm quá chao ơi một tiếng cười

Nhìn ra. Bạc trắng con đường cũ
năm mươi năm mươi tàn hương hoa
để khối tình đồng hoang mê ngụ
ngày một ngày âm một sát na

Trong cõi người giam chật hẹp người
mỗi lần biên giới một mù khơi
đã say nghìn trận mê man tửu
rồi cũng ơ hờ giọt rượu trôi

Ngày mai bè bạn xuôi trăm ngã
ta vẫn còn nơi mạn chống chèo
mặt nước khôn khuây niềm uẩn khúc
bơ phờ nước xiết mảnh thuyền neo

Một ngày nghe lại khúc cầm tấu
phải tiếng đàn xưa khúc ta xưa
ngồi thầm hát khẽ câu chia biệt
nghĩ tội xuân hồng mất trẻ thơ

Năm mươi cho nhau lòng nhau, rõ
trăng gác về tây một chái sầu
vẫn nhớ trên không dài tiếng hú
không về tâm phủ biết về đâu?

Về trong cỏ lá hoàn xương mục
cây của rừng người tơi huyết khô
ngờ đâu tâm lãnh còn khua động
chút lửa sinh cường nhen nhúm thơ

Năm mươi năm mươi đời cao ngạo
thị phi chữ gió thoảng tai ngoài
à! Sống chưa ra hồn ra dáng
lòng chưa hề hung hiểm một ai

Rồi ra sẽ xuống đường chiêm nghiệm
bài toán giả, chân giữa chợ người
thõng tay ừ rồi buông tay thõng
biến ảo vô lường một cuộc chơi

Ta hái một thời xuân sắc đượm
ấp ủ vòng tay ấn bạn đường
em này, nắng sớm còn tơ tóc
như đời còn nhau đời còn thương

Ta ước ngàn mai xuân sáng tươi
năm mươi trẻ lại với đất trời
cám ơn em hoa từ độ kiếp
cám ơn người, mật nguyện tinh khôi

Mai ta đốt nến hồng sinh nhật
thơ thẩn đôi dòng thương nhớ thương
cho em hết cả nguồn sinh tận
và cả tân hồn lúc nhiễu nhương

HOÀNG XUÂN SƠN



SÔNG PHỐ

anh đã bắt đầu nhớ đến tôi chưa?

Vẫn mưa. Sáng nay anh dọn đi. Ra khỏi căn nhà này. Người ta dọn ra khỏi một apartment cũng phải báo trước ba mươi ngày. Một hotel cũng phải hai mươi bốn tiếng. Anh dọn ra khỏi cuộc đời tôi không có lời báo trước.

Không, nói như thể cũng không hoàn toàn công bằng. Rõ ràng đầy rẫy tín hiệu ra đấy mà người ta bắt nhận chậm chạp thôi. Người ta lo là lo cho những xây xát, trầy tróc ở một góc tường mới quét vôi, chứ ai còn muốn che chống lại một cái vách đã nứt rạn, sắp đổ. Có ai còn nghĩ đến tính dự báo của những đám mây đen vẫn vần vũ trên bầu trời của mình ngày này qua tháng khác? Quên hẳn đi rằng bây giờ mỗi lần giận nhau, anh vẫn mang gối ra ngủ phòng khách, nhưng giữa đêm không còn nhè nhẹ trở vào nằm xuống cạnh bên tôi, để chỉ cần những lăn trở, đụng chạm thân thể bình thường cũng đủ tác dụng của một thỏi nam châm thu hút lại những mảnh tình cảm vừa bị tung vãi. Bây giờ tôi cũng không còn như đứa trẻ phạm lỗi, rón rén xoa dịu cơn giận của anh bằng một bó hoa tươi trên bàn ăn hay một nụ hôn giữa trán. Bây giờ tôi khoanh tay lại để mặc cho vết dầu bất mãn lan rộng, lan rộng mãi trên mặt nước tình yêu của mình. Tôi chờ đợi những hậu quả tất nhiên của lý nhân quả chăng? Chờ đợi nhưng lại bàng hoàng, sợ hãi trước sấm sét của cơn dông có dự đoán này.

Ôi, mâu thuẫn là tôi.

Trời tiếp tục mưa. Đâu cần phải đi vội vã vậy. Chịu đựng mười mấy năm được, không chịu thêm được một hai ngày sao? Tôi đứng trong bếp, thấy mình thừa thãi, vướng víu chân anh. Nói mà cố giữ cho giọng nói không run. Khóc mà cố không có nước mắt. Có bão táp thì bão táp trong lòng. Có chảy máu thì tim ơi, hãy chảy bên trong.

Không dọn hôm nay, ngày mai cũng dọn. Thêm một ngày có thay đổi được gì không? Anh trả lời hằn học, không nắm bắt được cái phao tôi vừa ném ra mong mỏi trong tuyệt vọng, biết đâu nó cứu vớt được một tình yêu sắp chìm xuống, cứu vớt được hai linh hồn sắp đánh mất nhau. Một nhát

gươm đi, một nhát dao trả lại. Trong lòng anh không sóng sánh những gợn sóng ăn năn như tôi sao? Anh không đang chỉ chờ tôi nói lời năn nỉ - như tôi vẫn thường làm - để nhào vào lòng tôi khóc sướt mướt - như anh vẫn hay làm, hay sao?

Hình như đây là trận tử chiến cuối cùng. Cả hai bên đều đã máu me đầm đìa. Chỉ còn hoặc sống hoặc chết. Không phương thỏa hiệp nữa rồi. Cái sĩ diện, lòng tự ái vẫn luôn luôn được bảo vệ, che chở hơn là tình yêu, hạnh phúc, phải không anh?

Hình như đây là màn cuối của vở kịch được diễn đi diễn lại hoài. Màn cuối của cái cảnh anh chồng đã nhồi nhét quần áo vào túi xách, chân trong chân ngoài ở ngưỡng cửa, chờ đợi. Chị vợ bắt được tín hiệu "giảm nhiệt" phát đi từ tích tắc ngập ngừng đó, vội chạy lại dằn cái túi xách ra khỏi tay chồng. Quần áo tung toé. Chị cúi lượm, quỳ hẳn dưới chân anh, khóc. Sự hạ mình của chị vuốt ve tự ái anh, khơi động cái ước muốn thầm kín dấy lên trong anh ngay từ lúc cầm cái túi xách trên tay. Anh cũng sụp xuống, phủ lấy chị bằng những cái hôn có vị mặn của nước mắt. Rồi... rồi... yêu nhau như dằn xé, như cắn rứt. Làm đau thân thể nhau như để bù trừ cho những vết đau vừa để lại trên tâm hồn nhau.

Một vở kịch đơn giản, và nhàm chán của cuộc đời. Tôi quyết định không đóng nữa vai trò đó. Tôi đứng chôn chân cố quên vai diễn, và cố quên luôn lời đối thoại. Phần anh, anh cũng xuất thần cương ra cái cảnh tôi chưa thấy bao giờ: anh vung tay, đôi mắt long lên nhìn tôi, đôi mắt chỉ giành cho kẻ thù. Cái dáng cao lớn của anh ngã về phía tôi, chờn vờn đe dọa. Tôi thu nhỏ mình lại, sửa sửa cái khăn ăn vẫn ngay ngắn trong ngăn tủ. Tôi sợ trong một phút không dằn, anh sẽ bạt tai tôi. Tôi nín thở. Run rẩy. Có cảm tưởng anh đã biến thành con thú dữ, và tôi, tôi nhỏ nhoi tội nghiệp trước móng vuốt anh. Có thật, chúng ta đã từng chung chăn chung gối? Có thật, trên cánh tay vạm vỡ kia nhiều đêm tôi đã gối đầu? Có thật, những lời nói yêu đương anh từng rót vào tai tôi trong những khuya sâu chăn gối mặn nồng?

Và có thật, cái chung cuộc vô phương cứu vãn, đã đến?

Bây giờ chỉ còn lại những ngày của quỷ. Ngày nào cũng dài thậm thượt và giống hệt nhau.

Ngày nào cũng bắt đầu bằng những buổi sáng giật mình thức giấc, thảng thốt vì sự im vắng đến rợn người. Tưởng chừng như cả thế giới ngoài kia cũng đã cuốn gói trốn đi khi tôi còn mê mệt trong vô minh.

Ngày nào cũng cùng tận bằng nỗi sợ hãi bóng tối. Bóng tối trong tâm hồn tôi, bóng tối thực sự chung quanh tôi. Bóng tối... Tôi chong đèn khắp mọi căn phòng. Tôi trấn an tôi bằng ảo tưởng bình an, bằng thứ ánh sáng lạnh lẽo của những ngọn đèn vô tâm. Tôi ngủ bằng đôi mắt khép hờ, bằng lỗ tai của con thú nhỏ sợ tiếng chân người thợ săn. Chỉ một tiếng động nhỏ - tiếng nước

rỉ trong buồng tắm, tiếng đồng hồ tích tắc, tiếng gió lướt qua bên ngoài khung cửa sổ... - cũng là những âm thanh làm vỡ não. Tôi ngủ trong chập chờn tỉnh thức, với hy vọng mơ hồ những tiếng gõ cửa... Tôi ngủ bằng ảo mộng anh sẽ trở về. Anh sẽ trở về... Tận đáy sâu tiềm thức, ước muốn như chồi cây non, len lén nẩy mầm...

Đang xem TV, bỗng phụt. Bóng đèn cháy. Màn ảnh đang đầy màu sắc, tiếng nói... chợt tối đen, im nín. Không phải mấy vấn đề lớn lao như miếng cơm, manh áo làm khổ tôi, mà những cái nhỏ nhặt tầm thường làm tôi chao đảo, khốn khổ từ lúc anh đi. Bỗng dưng bao nhiêu thứ nằm vạ ra, có vẻ như chúng quá biết sự bất lực của tôi. Cái vòi sen trong phòng tắm vẫn cứ rỉ nước dù tôi đã vặn siết đến phồng đỏ đôi bàn tay. Mọi khi nó chứng, tôi chỉ ới một tiếng, anh chạy vào, vặn thêm một vòng là nó ngưng ngay. Rồi cái bánh xe hồi nào biết tránh đinh, bây giờ lại u mê, phát chướng. Hôm qua thì cái máy hút bụi nghẹt cứng, khua ầm ĩ, vì "ăn" phải đồng tiền hay cây đinh gì đó. Hôm nay, lại khung kính cửa sổ trật ra khỏi rãnh, chật vật cả tiếng đồng hồ vẫn không có cách nào đưa nó vào vị trí cũ. Chả lẽ lại kêu anh trở về vì mấy thứ đó?

Không lẽ bảo với anh rằng tôi cần anh?

Đã đăng báo bán nhà. Lại sắp có những kẻ đến dở màn, vén cửa, vạch tủ, ghé mắt vào cả những góc riêng tư nhất của cuộc đời tôi. Tôi thấy như những đôi mắt đó sẽ dò ra được những bất hạnh của mình. Đằng sau mỗi căn nhà được bán có bao nhiêu câu chuyện đổ vỡ? Đàng sau mỗi cuộc hôn nhân đổ vỡ có bao nhiêu người đàn bà không cảm thấy đó là lỗi của mình? Tôi sợ sự tọc mạch vô tình trên những đồ vật lúc tôi không có ở nhà. Họ sẽ cầm lên thứ này, bỏ xuống thứ khác. Sờ mó bằng mắt đến những bí mật thầm kín của tôi còn để lại trong phòng này. Không, tôi không muốn họ đụng chạm đến những dây tơ, mạng nhện đó, dầu là những động chạm vô tình.

Sáng thứ bảy vẫn dậy sớm như ngày thường. Không có gì để lôi kéo tôi ra khỏi giường. Không có ai chờ được đánh thức bằng một tách cà phê thơm ngát đưa qua đưa lại trước mũi. Có thể cuộn chăn nằm dài như thế này cho đến trưa, đến chiều, đến tối, đến cả ngày hôm sau, đến cả hết tuần, hết tháng, hết năm, hết một đời. Không có ai chờ đợi sự thức dậy của mình.

Giá như không phải thu dọn lại cuộc đời mình. Không phải lôi kéo từ ngăn tủ này đến ngăn tủ khác, chọn lựa những thứ để mang theo, những thứ cần bỏ. Một lần dọn nhà bằng ba lần cháy nhà có phải không? Mỗi lần đổ vỡ thì bằng bao nhiêu lần của cái gì nhỉ? Đã có ai so sánh, ví von với cái gì chưa?

Hay mỗi người tự đo lường sự mất mát của bản thân bằng những đơn vị riêng của trái tim họ? Không có đơn vị chung. Không có mẫu số chung.

Này đây, mấy cuốn phim cũ của mấy chục năm về trước. Đưa lên đèn soi không còn nhận rõ ai với ai nữa. Người nâng cao ly nước trong buổi tiệc, người đứng tựa vách núi ngó xuống bãi biển... Đó là Cường, Tuấn, hay Ngọc, hay Tâm...? Những người yêu tôi, những người tôi yêu bây giờ chỉ là những hình ảnh mờ nhạt trong ký ức của nhau.

Này đây, hình ảnh anh lúc còn nằm ngửa, rồi đứng, bò, ngồi, rồi một mình, rồi với mấy cô gái khác, rồi với tôi. Với tôi, trong tay anh, âu yếm, nồng nàn ... Tôi xé vụn những bức ảnh. Buông bàn tay thả ra, những mẩu hình rơi lả tả như máu chảy từ những đầu ngón tay.

Này đây, mọi thứ đồ vật vô tri đều gợi nhớ về anh. Bộ chén dĩa bằng sứ Nhật, có hình hoa hồng, màu hồng phớt trên nền trắng sữa, tôi đã mua sau ngày cưới. Ảo tưởng sự thanh lịch của chúng sẽ làm cho đời sống gia đình mình cũng thanh lịch, lãng mạn như thế.

Này đây, mấy cái áo gối có thêu những cánh hoa hồng ở bốn góc, với chữ *Hạnh Phúc* bằng chỉ đỏ óng ánh. Khăn tắm, khăn tay, cái nào cũng có đôi, với *initials* tên tôi, tên anh. Cái lãng mạn của thuở yêu nhau, bây giờ như cái gai đâm vào mắt, cái tang chứng sự lầm lẫn của mình.

Tôi gom chúng lại, bỏ vào một thùng riêng, cất đi sự dại khờ của tôi.

Cô *broker* hào hứng ôm choàng lấy tôi bảo xong rồi, xong rồi. Ba mươi ngày nữa giao nhà. Cái gì vậy? Ba mươi ngày ư? Ba mươi ngày nữa thôi sao? Không. Tôi chưa sẵn sàng. Tôi chỉ đùa thôi. Tôi chỉ làm cho đã nư thôi. Tôi thật lòng nào muốn thế... Tôi không muốn thế, bởi vì bao giờ tôi cũng thế: đập vỡ cái ly nhưng lại sợ miếng nhọn ghim vào tay. Đã thực sự không còn gì nữa giữa anh và tôi, nhưng vẫn muốn nắm níu lấy chỗ này, miếng mồi cuối cùng để nhử bước chân anh trở về. Còn ở đây, tôi vẫn còn cho anh lý do để lâu lâu tạt qua. Không biết cái áo xanh em mua hôm sinh nhật lạc góc nào rồi? Anh về kiếm cuốn sách. Anh bỏ quên địa chỉ người bạn... Những lý do... Chắc là anh nhớ căn phòng nhỏ này. Tôi chờ một lời chân thật hơn ở anh - như anh về tìm em. Anh nhớ em. Đơn giản thế, sao anh không nói? Đơn giản thế sao tôi chờ đợi mỏi mòn?

Ba mươi ngày. Chỉ ba mươi ngày nữa thôi!

Đồ đạc đã dọn ra lần hồi từ mấy hôm trước. Căn phòng bề bộn ngày nào, bây giờ trống trải, có vẻ như tăng thêm diện tích. Mấy bức tường không có tranh trơ mặt ra như người đàn bà không son phấn. Không bàn ghế. Không có bụi bặm ở những góc tường. Không khí lạnh lẽo, tê tê. Tôi đến bên cửa sổ, kéo màn, nhìn lại một lần cuối cái cây - không biết tên gọi là gì - có lá giống

như lá bàng, dày dặc trên cành. Thôi chào, chào người bạn vẫn là chứng nhân thầm lặng của đoạn kết một câu chuyện tình. Thôi chào, căn phòng đã từng là giấc mộng ban đầu của tôi. Xin lỗi đã để lại quá nhiều tiếng thở dài và nước mắt.

Anh cũng đến dọn những vật dụng còn lại của mình. Hối hả như muốn chạy trốn. Không lẽ anh không có chút lưu luyến, ngậm ngùi? Không lẽ anh không thấy mỉa mai chua chát: hồi đó hai đứa cùng dọn vô, cùng khiêng, cùng ôm, cùng kéo, cùng cười khúc khích, không biết mệt. Bây giờ, hai đứa cũng cùng dọn ra, nhưng anh mang tới xe anh, tôi vác về xe tôi... Đi ra, đi vô, chạm mặt nhau, hai cái đầu cúi xuống, hai tấm thân muốn thu nhỏ lại. Tránh nhìn nhau, tránh chạm vào nhau. Cùng quá thì nói dăm ba câu bâng quơ, thừa thải, nhạt. Còn sót gì nữa không? Còn bao nhiêu thùng sách nữa? Chắc sắp hết rồi...

Đã hết rồi. Căn phòng trống rỗng. Mấy ngăn tủ toách hoát. Anh bảo thôi đi. Và quay lưng. Tôi suýt buột miệng anh ơi... chờ chút. Nước mắt bỗng chực trào ra. Tôi còn muốn đứng lại tí nữa để giã từ hạnh phúc đã nằm lại ở đây, để giã từ tình yêu đã chết ở chốn này. Chết nhưng không thấy xác.

Anh ơi... chờ chút... Bởi vì chỉ một lát nữa thôi, hai đứa sẽ rẽ về hai ngã đường khác nhau. Mấy quyển sách trong xe anh có nhớ cái kệ sách trong xe tôi? Mấy cái tách bên xe tôi có nhớ cái ấm nước bên xe anh?

Và anh, anh đã bắt đầu nhớ đến tôi chưa?

SÔNG PHỐ



BẠT XỨ

cô tịch

Bài ca về chiến tranh
hát một mình
Lời thì thầm vào trong sâu nhắn gởi
Ngõ kiệt cùng tìm tình yêu chưa hề thực bỗng thốt lên lời lạ
Máu héo khô sẫm màu tường vi hương quá khứ úa tàn
Mưa tràn lan
Từ hôm qua
Hôm kia
Nhớ người thi sĩ bàn tay trên đóa hồng và nỗi chết

Nơi chốn và khoảnh khắc quạnh hiu
Chút trăng xanh đầu cành thu
Không buồn.

khi xa

Em,
Nửa vầng trăng yếu ớt
Trời thẳm xanh chiều hôm
Những đường tàu chồng chéo thép lạnh lên tâm tưởng
Nơi mất vào mù tăm
Tiếng đục trầm nghiến hoài ngày mai không nguôi
Em,
Hương hoa úa tàn mộng kêu đòi
Lẩn khuất trong bóng vây đen những thì thầm van vỉ

Vươn với vào trời không cây khô
Chết từng nhánh cành khao khan cơn gió hạ
Những chiếc lá tản lạc phương nào
Tiêu hủy
Biệt tích
Em,
Luyến tiếc không rời cuối đường tay vẫy
Có hề gì chia xa
Có hề gì
Chia
Xa
Tự buổi trên đường thu
Bước chân anh đã không còn lưu dấu tích

đường gió về

Gởi gió đi đường trưa trống trải
Gió ùa về trăm trận trốt giông
Một lần xô dậy bao chia biệt
Dặm mây tóc trắng không nguôi ngoai

Gởi gió về đường trưa quạnh quẽ
Một buổi nằm không vạn buổi hoang vu
Tiếng chim lạnh mất đằng sau núi lạnh
Lách lau chết trắng phút không ngờ

Một buổi gió đi về tất tả
Thơ đuổi nằm thôi không khóc thương.

BẠT XỨ



NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

chỗ về của tình yêu

Khi nhận thiệp hồng, Trương gởi cho tôi một ngàn lẻ một mảnh tim bằng giấy bạc thuốc lá. Tôi nghĩ, người yêu của tôi chỉ tổ lãng mạn hoặc tiêm nhiễm thứ phim truyện ướt át tình cảm.

"Lẽ tất nhiên anh không phải là người luôn cứng rắn. Nói toạc ra anh chỉ vờ vịt cứng rắn. Một cách để che đậy yếu đuối. Thôi được, coi như bây giờ anh mới biết buồn thật khi mất em", tôi thầm nghĩ và thú vị hình dung khuôn mặt Trương, buồn rầu đốt thuốc liên tục (Thật ra khuôn mặt chàng vốn khắc khổ và hai mắt vốn buồn rầu từ lâu).

Ngoài kia buổi chiều bay dần lên cao. Hình như nó sắp bị nuốt chửng vào vùng mây xám hoàng hôn. Buổi chiều rồi sẽ mất tăm bóng dáng. Tôi ngỡ những cánh chim tình yêu thường cũng bị cuốn hút lên như thế. Buồn thảm.

Có chiếc lá lẻ loi vụt đâm đầu xuống tự tử bên cửa kính. Ờ cũng chỉ là một cách ngủ yên thôi mà.

Như thế đó rồi hơi thở (cô đơn?) của chiếc lá đứt ngang, dứt lìa khỏi cành. Như thế đó biết đâu là chấm dứt mọi ác mộng. Bộ lá không có ác mộng sao? Như thế đó nên lá không còn ở lại với đời nữa!

Và tôi...

Những buổi chiều như thế này thường làm mình lạnh. Cái lạnh tỏa khắp châu thân. Lạnh, nhưng lạnh ở đâu chui ra không rõ. Chỉ thấy cảm xúc như môi lạnh, dao lạnh chạy vẽ một đường dọc trên sống lưng. Hình như nó sắp cắt cả lời tỏ tình của Trương tôi giữ trong tim. Một khi nó vạch đến tiếng nói yêu thương ngày cũ thì tôi cũng bắt đầu muốn chết. Thôi không thích mắng rủa Trương nữa. Dù gì tôi cũng đã gởi thiệp hồng cho chàng và chàng cũng đã xé tim... bạc gởi tặng tôi từ biệt.

Cứ coi như cuộc tình của chúng tôi đã mất hết hiệu lực. Trương đã đẩy tôi đến mức cố gắng cuối cùng. Đã bảo tôi bắt đầu lạnh. Như cục đá cũng may. Như chai đá là hết.

Thêm một chiếc lá nữa rơi lơ lửng giữa thinh không. Sao tôi không được rơi như chiếc lá chứ. Tôi chỉ giỏi nói nhảm thôi. Ai lại đi ghen với một cái gì

đó rơi vỡ bao giờ.

Lòng tôi vỡ rơi như lá có ai thèm nhặt đâu. Người ta chỉ nhặt lên nếu biết chắc sau khi rơi vỡ, tim lòng tôi vẫn còn cứu sống được. Đàn ông khôn ngoan và bao dung đến thế! Họ nhặt về tô phết lại và nếu cần ban cho tim nhỏ một chỗ nương tựa. Tưởng rằng trái tim rồi sẽ được hàn gắn và không bị rơi vỡ nữa. Không bao giờ bị rơi vỡ nữa. Không bao giờ bị rơi vỡ nữa ư?

Làm thế nào có thể quả quyết được điều đó. Tôi chỉ biết rõ bây giờ buổi chiều đã bỏ mái nhà hàng xóm trước mặt. Bỏ cả khung cửa kính của tôi nữa.

Ôi khung kính làm tôi nhớ.

Nghe nói cũng vào một buổi chiều. Dĩ nhiên lúc nắng chưa tắt như bây giờ. Trời vẫn còn tỏa những làn ánh sáng rực rỡ. Tưởng tượng người đàn ông núp vào một thân cây đợi chờ. Ồ, ông ta biết mà. Không chiều nào người đàn bà không lại bên ô cửa. Thường là với điếu thuốc gắn trên môi và cuốn sách cầm tay. Cho đến khi trời không còn một vệt sáng nào để làm đèn đọc, người đàn bà mới chịu buông mành bỏ vào trong.

Cuối cùng tại sao lại như thế. Đoạn kết bi thảm quá. Càng tự hỏi lại càng thêm hoang mang. Vâng, việc gì người đàn ông trẻ tuổi si tình này phải làm thế. Để lấp kín, chôn kín một mối tình tuyệt vọng? Ông ta đã đứng chờ người đàn bà với một hộp quẹt trong tay và một thân thể đẫm xăng.

Phía ngoài là tiếng gọi si mê lần cuối và bên trong mặt kính là những ngón tay soãi dài tội nghiệp của người đàn bà.

Vâng, chỉ trong nháy mắt người si tình đã biến thành một dải khói đen đuốc. Hay nhỉ, tự nhiên tôi lại nghĩ những điều không đâu đã đọc được trên báo. Ông ta còn trẻ, sẵn sàng chết vì tình cũng chẳng có gì lạ. Làm sao trái tim đập loạn xà ngầu ấy có thể tìm thấy bình yên nếu không chết đi? Ờ nhỉ, làm sao một người tìm được bình yên với thứ tình yêu đơn phương. Không có tình yêu, người ta không sống nổi sao? Phải tùy theo định nghĩa sống là sống ra sao? Sống dật dờ có gọi là sống không? Ai chứ Trương dám làm người nói dóc đầu tiên. Chàng bảo sống là khi tim còn đập còn thở chứ gì. Chàng bảo thế thì để chàng sống cho đến khi tim ngừng thở. Dĩ nhiên người lớn tuổi cỡ chàng khó có những xúc động bồng bột đến mãnh liệt như vậy!

Ô hay, tôi cũng vừa ngửi thấy mùi khen khét thơm thơm của da thịt. Buồn cười chưa, Trương có bao giờ tự tử vì tình một cách táo bạo thế đâu. Một cách nhẹ nhàng cũng không nốt.

Không tự tử, tự thiêu gì ráo nhưng vẫn có si ngốc là cái chắc. Tôi đoán vậy và nhận ra mình vừa nhớ đếm mùi thuốc lá thơm khen khét trên mười đốt ngón tay chàng. Không phải sao, những vàng tay thuốc lá mà tôi đã hơn một lần đưa lên môi ngậm. Không phải sao, chính tôi đã hôn lấy hôn để những ngón tay tài hoa mệnh yểu ấy (những ngón tay vàng khói bệnh hoạn và tài hoa thường mệnh yểu, có phải?) như muốn uống từng ngụm hơi hướm đậm đặc vào phổi vào tim.

Tôi còn nhớ trên ngón tay trái áp út của chàng có một nốt ruồi son và

chàng đã đùa là sẽ không bao giờ chịu deo nhẫn cưới, vì dại gì che mất cái nốt ruồi dễ thương.

Ơ, chàng không muốn đeo nhẫn cưới mặc chàng chớ. Tôi muốn đeo nhẫn cưới mặc tôi. Việc gì cứ phải bắt chước chàng mãi trong khi ngón tay trái áp út của tôi đâu có nốt ruồi son đẹp. Chàng thật là chẳng dễ thương chút nào về chuyện đeo nhẫn cưới, nếu không muốn nói là ích kỷ.

Dù vậy tôi vẫn không hề quên chàng. Vâng, tôi chẳng bao giờ quên Trương đâu. Không tài nào quên được chàng đúng hơn. Tình yêu ấy như những dấu ấn hằn sâu trên từng phân vuông da thịt và trí nhớ. Do đó, chuyện tôi muốn đeo nhẫn cưới cũng trở nên khá phức tạp. Phức tạp không phải vì tôi muốn chiếc hột xoàn bự bằng hột bắp. Phức tạp vì chàng không chịu đeo cả chiếc nhẫn cỏ vào tay tôi và tay chàng (Lại cái nốt ruồi son ấy? Trong thâm tâm, có lẽ chàng muốn ám chỉ nó như một biểu hiện của tài năng, dù tôi biết chàng đang mòn mỏi kiếm tìm thứ tài năng ấy trên tay chàng và rất có thể cái khổ của chàng là đang ngộ nhận về nó).

Phức tạp nữa, vì tôi cần phải có một người khác ngoài chàng mới deo nhẫn vào tay mình được. Không lẽ một người có thể tự đeo lấy nhẫn cưới? Có ai đi kết hôn với cái bóng của mình đâu.

Điều này tôi thực sự muốn đổ hết tội lỗi lên đầu chàng. Vậy việc gởi thiệp hồng đến chàng cũng đáng đời thôi. Tôi muốn hành hạ chàng cho bỏ ghét. Tôi muốn chàng hưởng cái cảm giác mất nhau thực sự. Đã bảo trăm sự tại chàng. Ngàn sự cũng tại chàng cơ mà.

*

Cách đây hai tháng, Trương lại chọc cho tôi khóc trong diện thoại. Tôi nghẹn giọng:

- Để rồi anh coi, eom sẽ biến mất thật nhanh như một bóng ma.

- Đừng dọa nữa. Anh vẫn có cảm tưởng em không bao giờ có thật cơ mà. Em có đó rồi không đó.

- Anh muốn ám chỉ điều gì?

- Anh chỉ muốn nhắc lại điều em vừa nói. Nghĩ cũng đúng. Em giống hệt nàng con gái liêu trai anh chỉ gặp đêm khuya.

Giọng chàng bắt đầu lạc đi ở đầu dây bên kia.

- Thoáng chút cô ta mất tiêu. A ha... rồi anh lại một mình, lại lẻ loi với gối với chăn ngập đầy hơi hướm. Anh biết mà...

Giọng tôi cũng bắt đầu lạc đi. Tim tôi bắt đầu đập sai nhịp:

- Cũng tại anh thôi. Bộ anh không muốn thế sao chứ?

- Muốn? Chẳng lẽ em không hề hối hận đã đi theo một người tương lai không ra gì sao?

- Đi theo anh, sống hết mình với người mình yêu đôi khi em thấy tình yêu ấy thật cao cả, thật tuyệt vời. Không, em không hề hối hận đã yêu anh và

được anh yêu.

- Đã bảo anh chỉ là tên nhạc sĩ quèn mà người đời chưa ai biết đến. Như em biết anh đang đi tìm cho mình một giọng hát độc đáo riêng biệt. Nội chừng đó anh cũng không bảo đảm được hạnh phúc cho em.

- Hạnh phúc là cái gì? Với em chỉ cần uống tiếng đàn nốt nhạc, giọng hát của anh, em cũng đủ no nê rồi. Em đâu cần việc người đời biết đến tung hô anh hay không.

- Những tình cảm bồng bột và mãnh liệt của em lúc này rồi sẽ qua đi, anh báo trước. Em chịu nổi thứ ma cà bơ cà bất như anh được bao lâu? Rồi chúng ta sẽ phải mang nhau ra tòa chia của, chia cải và ly dị nhau ư? Trời ơi, anh chỉ có mỗi cây đàn...

- Không, em sẽ sống với anh mãi cho tới già tới chết.

- Anh sắp chết rồi, chả lẽ lại bắt em làm góa phụ son trẻ sao? Khổ, bệnh của anh nhà giàu cũng không thoát nổi. Ung thư mà em.

- Đừng dọa, em không sợ đâu. Coi như em muốn lây bệnh của anh luôn. Thần tượng bóng rổ Magic Johnson mắc bệnh AIDS, vợ ông ấy vẫn tỏ ra yêu đương da diết hơn chứ có bỏ bê đâu nà.

Giọng chàng run lên vì xót xa:

- Người như em phải trở thành góa phụ thì tội quá.

- Em cóc cần. Em chỉ muốn về với anh. Em không muốn làm giàu cho hãng điện thoại AT&T nữa. Dạo này cứ nhịn ăn hoặc không buồn ăn để ôm anh qua điện thoại, anh không thấy em càng ngày càng xanh xao sao?

- Em tôi lãng mạn, em tôi lý tưởng quá. Những chữ này đang làm khổ em. Em đang khốn cùng vì chúng, em biết không? Hãy vất nó ra khỏi đầu em.

- Vất nó đi em sẽ không còn là em nữa. Coi như em bị người đời và anh bạc dãi, cười chê vì không thể tách nó ra khỏi em, nhưng nói thật em chỉ muốn giữ nó cho riêng mình. Nó làm thành em, nó có giá trị và được em tôn trọng hay không là quyền của em chứ.

- Anh là một Trương Chi biết thân biết phận mình với con đò nát và vết nám trên mặt. À không, vết nám của anh thì ở trong tim trong phổi. Anh không dám đòi hỏi gì nơi nàng con gái ở lầu hoa đài các như em.

- Anh đừng cải lương nữa có được không.

- Không, anh thực tế hơn em nhiều. Anh thấy trước một tương lai rách như cái mền.

- Em yêu anh và anh yêu em, như thế không đủ bảo đảm cho hai chữ tương lai mà anh nói sao?

- Mình yêu nhau đủ rồi, còn lấy nhau coi như huyền thoại.

- Anh điên cái đầu. Thôi được rồi anh Trương. Bây giờ em cũng đổi ý luôn. Em không thèm lấy anh nữa. Em không thèm yêu Trương... Chi của em nữa đâu.

Nhịp tim chàng bỗng nghe dồn dập, ấm áp bên tai tôi:

- Người con gái ở lầu hoa thì có bao giờ yêu Trương Chi đâu. Cô ta chỉ

yêu tiếng hát vẳng tới từ bờ sông vắng. Chỉ tội trái tim của người nghệ sĩ tài hoa bạc mệnh thì quá yếu mềm. Nàng chỉ tội nghiệp chàng, trong khi Trương Chi thì lại quá si tình bi lụy. Em thấy chưa, sự giàu sang sáng chói bên ngoài dễ đánh gục tất cả. Tha hồ dồn anh Trương Chi đến chết tức tưởi.

- Anh nói như đang trách đời hay trách cứ em một điều gì. Em sống giản dị, chẳng màng những thứ xa xỉ xa hoa. Nếu có, em đã không đi với anh.

- Anh hiểu. Cũng như bây giờ em có thể nói vậy. Anh không chối cãi tình yêu và tâm hồn cao thượng của em. Vâng, ít ra là lúc này. Nhưng những người với nhân cách ngược ngạo trái đời như anh và em sẽ không có một chỗ nào nơi đây. Không một chỗ nào thích hợp ở trần gian, em hiểu không?

- Anh nói gì lạ vậy? Ai có thể cấm được tình yêu của chúng ta?

- Tình yêu cũng chỉ là những phù du xa xỉ. Không thể bắt em uống nước suối mà yêu anh như thời tiền sử. Anh nghèo lắm.

- Em biết rồi nhưng em sẵn sàng đi theo anh. Có em, anh sẽ ráng tu chỉnh đời mình lại. Chúng ta sẽ cùng nhau tạo dựng.

- Anh là thằng đứng chầu rìa, chờ đèn đỏ tới để có cơ hội chùi cửa kính xe cho thiên hạ. Anh đó, trong một góc phố ồn ào ngựa xe của New York mà em đã gặp và đã... thương hại. Em không nhớ sao?

- Thì có sao đâu. Vẫn là một nghề lương thiện chán.

- Nên em quay cửa kính xe xuống và rộng lượng bỏ vào tay anh một đô, chứ gì. Anh nhớ mà.

- Xí, anh còn bày đặt chào em bằng tiếng Mẽo: “Welcome to New York”, trong khi không hiểu sao em lại lí nhí cảm ơn anh bằng tiếng Việt. Nhìn anh là biết mình đồng hương liền hà. Anh coi em nhạy chưa?

- Anh cũng biết ngay là gặp dân ở xứ xa đến. Dĩ nhiên trước khi anh nhìn bảng số xe cơ. Dân New York lái xe bựa khỏi nói. Đèn đỏ còn vượt, huống hồ mới vàng đã ngừng lại như em. Mà giỏi lắm họ cũng chỉ cho anh vài chục xu chứ đâu hào phóng vậy.

- Bộ không phải em tỏ ra đặc biệt với anh vì nhận ra ngay mình cùng Việt Nam cả sao?

- Em tội nghiệp anh. Anh biết. Và cũng biết thêm là em mắc nợ anh từ phút giây đó.

- Không, em không chọn anh để trả nợ. Em chọn anh để yêu. Nói đúng hơn tình yêu tự nhiên đến chứ làm gì có chuyện lựa với chọn.

Chàng cười khì, tôi kể lể tiếp:

- Mấy ngày ngắn ngủi ở lại New York thăm bà con sau đó dành hết cho anh còn chưa đủ, vì em đã thấy thương thấy yêu anh ngay mới chết chứ. Những người đàn ông thông minh, tài hoa gặp lúc sa cơ lỡ vận trông đáng thương và đáng yêu gấp bội những lúc họ có vẻ được đời đãi ngộ. Chính nỗi nghèo đói làm nổi bật giá trị đặc biệt trong tâm hồn họ. Em không nói dốc, không tán tỉnh anh đâu. Như thể con đò rách làm tiếng hát của Trương Chi nghe bàng hoàng thêm sông lạnh và trái tim Mỵ Nương, phải vậy không anh?

Trương im lặng. Có lẽ tại tôi nói nhiều quá. Tôi làm chàng mệt tim. Tôi làm đôi mắt chàng long lanh thì phải. Mỗi lần cảm động với những gì quá đẹp và quá buồn, chàng vẫn rơi nước mắt như con gái.

Ôi, có phải đôi mắt của Trương Chi trong đêm dài và sông lạnh cũng ướt buồn như thế. Bên này sông là tiếng sáo tương tư hay tiếng hát mê sảng của Trương Chi và bên kia sông là đèn màu lộng lẫy và bóng dáng kiều diễm lạnh lùng của Mỵ Nương.

Ôi Trương, có phải trên đời chỉ có em mới điên rồ và ngang ngạnh yêu anh không. Ồ, sao em lại nói như thế. Tình yêu mà cứ lý luận mãi, khổ quá!

Hình như Trương cũng khổ nữa. Tôi không thấy chàng vò đầu bứt tai, nhưng tôi nghe rõ từng tiếng thở dài:

- Kể ra em cũng thật uổng phí và... nhảm nhí. Em mê chi ở cái thằng người vô tích sự này. Hắn đã không thể giữ được một công việc nào nhất định để nuôi thân. Hắn loay hoay trong đời sống như không bao giờ tìm được phương cách thích ứng. Hắn cà phơ cà phất chỉ biết bám vào những thứ lẩm cẩm như lời ca tiếng nhạc. Lấy hắn, cuộc đời em tôi sẽ trôi bồng trôi bềnh đến đâu chớ.

- Anh định làm nhà đạo đức hay cố vấn hôn nhân vậy?

- Như em biết, tính anh vẫn hay đùa trêu đời sống ngay những lúc ai cũng nghiêm túc. Cho vui thôi chứ chẳng có gì và anh cũng chẳng sao. Chỉ vì em vừa mảnh dẻ vừa yếu đuối nên anh phải tỏ ra... nghiêm trang chút chút đấy thôi. Đừng lây tính bông lơn của anh làm gì. Em cứ tiếp tục nghiêm túc và thực tế như... đời sống vẫn hơn.

- Mặc kệ em. Để yên em tìm cách nổi loạn với tình yêu... lý tưởng của mình một lần xem sao.

- Em đặt tên nghe ... thấy thương. Gì mà tình yêu lý tưởng lận?

- Em không chủ ý đặt tên hay xếp loại tình yêu của mình đâu nhé. Tình yêu là tình yêu, đơn giản thế thôi. Phân hạng xếp loại hay đặt tên làm gì. Chỉ tổ làm sai trật ý nghĩa của nó. Hoặc không đúng đủ đâu anh. Ví dụ có người thấy số phận tương lai của anh hẩm hiu mà vẫn được em yêu nên gọi là tình thương hại, anh thấy đúng hay sai?

- Nếu chỉ thuần thương hại thì đâu thể gọi là tình yêu được. Nhưng phải công nhận em có một chút gì đó thương hại anh chứ.

- Nếu em bảo em thương hại anh "nhiều chút" chắc là anh... không chịu đâu. Anh khốn cùng và anh kiêu ngạo, nhưng em yêu anh. Tình yêu anh có thật. Anh yêu em vậy là quá đủ với em. Anh không ngụy tạo, đeo mặt nạ và không thèm vẽ vời những lời giả dối hoa mỹ. Chúng ta cứ yêu nhau hồn nhiên như đêm nào dưới trăng sao New York đi anh. Sao bắt em phải bội bạc, phải bỏ anh, phải làm giống... cuộc đời?

- Anh chán nản. Thú thật với em anh luôn chán nãn và hoài nghi tất cả. Anh là thằng vứt đi, thằng bỏ đi. Anh cứ tưởng chỉ khi còn bó chân ở quê nhà, anh mới là thằng lạc lõng ngơ ngác vì đời mình không định hướng. Bây

giờ tới vùng đất hứa của nhiều người mong muốn, sao anh vẫn chẳng khá hơn hả em? Có lẽ anh sinh ra vốn đã ký kết với những điều bất hạnh...

- Bất hạnh, em sẽ chia sẻ với anh mà...

Chàng cười đau cả đường dây điện thoại:

- Không. Không được đâu em. Anh không hề thoải mái, hòa nhập vào dòng người, lớp người chỉ thuần yêu chuộng bề ngoài vật chất. Nơi đây người ta chỉ lừa bịp, giỏi bới móc chỉ trích hoặc toàn rặc những kẻ thích đại ngôn về những sang trọng xa hoa. Anh mệt. Anh đâm mệt, em ạ...

- Có ai điên lập bia đúc tượng thờ những hạng người như thế đâu mà anh lo. Tin em đi, em sẽ không làm anh chán nản. Anh không thấy sao, đêm ở New York em nào có tiếc...

Chàng lại im lặng. Có lẽ chàng đang nhớ. Đêm, ôi chao tôi cũng đang muốn uống lại từng ngụm cảm giác đêm ấy.

Đêm New York. Sao môi chàng lúc nào cũng dễ nuốt hơn miếng xương xáo mướt ngọt. Hình như chúng tôi đã yêu nhau giữa thiên nhiên. Trên trời có trăng sao chứng giám và dưới đất có cỏ mướt trở giấc rạo tình. Chàng rên rỉ: "Chao ơi da thịt em thơm mùi hương con gái dễ sợ luôn," khi lưỡi chàng run lên từng hồi xúc động. Răng chàng tham lam, run rẩy vẽ đầy những vết hằn trên người tôi. Cùng khắp. Tôi đùa đùa: "Coi chừng anh bị gãy lưỡi đó nha. Hôn chi dữ thần". Chàng cười bằng hơi thở nóng ran: "Nếu em làm anh câm, anh sẽ hôn em tàn bạo hơn thế nữa để trả thù... hì hì..."

Chàng đã hôn tôi táo bạo quá thể rồi còn gì! Con bé suýt ngạt thở mấy lần. Môi chàng hỗn loạn, bất chấp tim hai đứa thi nhau nhảy lung tung, quá nhịp.

Đêm ấy. Đêm duy nhất ở New York tôi thấy sức sống trong chàng tràn đầy, mãnh liệt.

Không như buổi tối trước đó và trước đó, người chàng mệt mỏi, buồn bã như sắp chết. Sức sống chạy trốn, tắt tiệt đâu đó trong óc não chàng. Không phải trong cơ thể cũng có những bắp thịt chắc cứng ấy đâu.

Chàng chán đời. Chàng mắc chứng thần trí rã rời. Chàng muốn bẽ gãy sự sống cho xong. Thế thôi!

Nhưng tôi yêu chàng. Tôi muốn hà hơi, muốn điều hòa sức sống trong đầu chàng bằng mọi cách. Tôi muốn bàn tay chàng tỏa đầy hơi ấm con tim. Bàn tay không lạnh để có thể siết chặt, đan lấy đời tôi vĩnh viễn.

Chàng luôn luôn bảo sự sống chỉ giành cho những kẻ yêu đời và được đời yêu. Bộ tình yêu không đủ làm chàng thấy đời sống đáng yêu hơn sao?

Điều phát hiện khiến tôi giận chàng thậm tệ. Xem chừng nửa muốn nhận nửa muốn khước từ tình yêu của tôi. Tôi giận chàng vì tình yêu mình bị xem thường. Chàng không tin vào hạnh phúc đã đành, nhiều khi tôi có cảm tưởng chàng còn khinh bỉ nó. Chàng giao hoan thâm ái với con nhà bất hạnh vì chàng bảo: "Hạnh phúc ư? Làm gì có thật! Vậy mà người ta cứ phải kỳ kèo, mặc cả, chạy lùng bắt nó hoài thấy mệt. Không có nó cho yên. Cái mệt của

một kẻ luôn gặp bất hạnh, anh đã thấy quen. Anh sợ nhất vừa ôm giữ hạnh phúc vừa sợ mất nó. Cái cảm giác ấy còn ghê gớm hơn là không bao giờ biết đến hạnh phúc".

Chỉ đêm ấy, đêm đầu và cuối ở New York, hạnh phúc đã sáng rực một lần duy nhất trong mắt chàng quấn quít, như chưa bao giờ biết quấn quít. Chàng lên cơn sốt tình yêu như chưa bao giờ hừng hực ái tình. Toàn thân chàng ấm nóng nhưng lại run lên bần bật. Chàng lắp bắp: "Mình hết hôn nhau ở công viên, ở trong xe rồi giữa trời đất. Anh nghèo quá không mướn nổi một khách sạn tồi ở New York cho chúng mình." Tôi cười lả lơi: "Mình đâu cần khách sạn. Mình bắt chước tổ tông. Mình muốn có trăng sao làm chứng".

Khi tôi bỗng vùng dậy ngồi đăm đăm khó thương bên một mỏm đá gần con sông nhỏ, chàng đã không giận còn tới gần qùy nhẹ dưới chân. Trông chàng hệt con chiên ngoan đạo ngày chúa nhật trước Mẹ Đồng Trinh. Tôi gọi đùa chàng là cừu-ngoan-ngày-chúa-nhật và chàng đã rơm rớm nước mắt (hạnh phúc?): "Nói thật với anh đi, em có thực sự muốn lấy một thằng cà bơ cà bất như anh không?" "Muốn", tôi trả lời xúc động.

Chàng vít lấy tôi hôn đắm đuối. Nụ hôn của những kẻ yêu nhau trong ngày đời tận thế. Chúng tôi đã hôn nhau thật lâu cho đến khi cả hai gần tắt thở mới buông. Chàng kêu lên: "Ái chà, chân anh tê quá. Em kéo đỡ anh lên đi chứ. Bằng lòng nhé, chúng ta sẽ lấy nhau ngay đêm nay".

Như thế đó những lời nói và cử chỉ của chàng thay đổi ngay. Chàng nồng nàn đó rồi hững hờ đó, hệt như mưa nắng. Cơn sốt tình yêu trong chàng hạ nhiệt thật mau. Tôi chào thua thời tiết của tâm hồn chàng. Hình như trong phút giây tận cùng say đắm nhất, chàng đã dừng lại. Chàng bắt đầu chiêm ngưỡng sự lõa lồ của tòa thiên nhiên bằng đôi mắt của nhà tu hành: "Thôi để dành. Anh không cưới được em đâu. Để em lấy người khác cho sướng thân. Người em mảnh dẻ thế này... Tội em".

Tôi khóc. Chàng uống những giọt nước mắt trên mặt tôi. Hình như suốt đêm ấy chúng tôi cũng đã yêu nhau. Bằng môi hôn. Bằng cơn bão của những bờ lưỡi nóng. Vâng, chỉ bằng những nóng hổi ấy.

Những nóng hổi chỉ có một lần trong một đời. Và tôi cũng đã ríu rít cảm ơn chàng ban tặng. Nhưng tôi vẫn chịu không hiểu nổi Trương, không hiểu tại sao chàng điên rồ khước từ hạnh phúc lứa đôi. Hình như chàng chỉ yêu thứ tình yêu không trọn và đi tìm suốt đường dài năm tháng một điều gì tôi không rõ.

Em đã là bóng mát của đời anh, sao anh còn lục lạo đâu xa? Câu hỏi vẫn hoài dời là câu hỏi.

Cách đây hai tháng, vâng, đó là lần cuối cùng chúng tôi trò chuyện với nhau và câu sau chót chàng nói:

- Em ạ, tình yêu của chúng ta đến từ gió. Gió thổi phép lạ ấy vào tim phổi chúng ta và biết đâu cũng gió đến cuốn phăng tình yêu đi. Anh nghe nói

chung quanh em đang có nhiều người sắp hàng chờ gió thổi bay anh mất tiêu cơ mà.

Lần đó chàng nói và tôi chẳng nghe rõ hết ý. Nói đúng hơn tôi chẳng muốn nghe rõ một điều gì nữa cả.

Tôi cũng không buồn làm thêm giờ phụ trội để trả nợ điện thoại. Chàng đã không còn muốn mang đến cho tôi những tín hiệu bình yên thì gọi nhau làm gì.

Cách hay nhất là để yên chàng... Trương với tiếng đàn thiên thu vạn cổ, Mỵ Nương thời đại rồi cũng gạt lệ và chén trà xanh kỷ niệm để khoác tay một chàng hào hoa nào đó.

Chao ơi, sao tim tôi cứ bị chàng dùng những mảnh tim vụn (bằng giấy bạc thuốc lá) mồi lửa?

*

Giá tim tôi không bị chàng đốt lửa dữ vậy có lẽ tôi đã không đến. Từ New Jersey đến nơi chàng ở chỉ mất mấy tiếng lái xe, nhưng tôi cứ lần lửa hoài. Tôi sợ chàng làm mặt lạnh hoặc giả một điều gì khác tệ hơn bất ngờ xảy đến. Tôi ghét phải trở về với những ảo tưởng thêu dệt chết chóc.

Suốt cả đường đi, bầu trời cứ cảm động long lanh sương đục. Dĩ nhiên tôi phải lái khá chậm vì không muốn chết trước khi gặp chàng. Chết lúc này chắc chắn tôi sẽ không nhắm mắt được. Đợi chết trong tay chàng lý thú hơn nhiều.

Từ chỗ lái chậm, từ chỗ màn sương đục, tôi lại thấy chàng hiện ra khi tỏ khi mờ. Trương ơi, vào những lúc tuyệt vọng như thế này (trong thiệp hồng ghi rõ ngày mai em lấy chồng rồi còn gì!), anh có bao giờ dám nghĩ em sẽ đến thăm lần cuối. Anh bây giờ gầy đi như thế nào? Hay màn sương đục đã che mất một nửa phần da thịt ấy của em? Anh oán trách em, vì em đã làm điều anh muốn? Có phải anh vẫn tự mâu thuẫn với chính mình và luôn làm khổ cả những ai lỡ yêu anh? Có phải em đã không cần tỏ ra cao cả để si ngốc, tôn vinh em suốt đời như anh thường lẩn thẩn. Em mang xác thân trinh nữ làm gì, khi hồn em tim em anh đã cắm sâu, hằn vết tự lúc nào.

Khi anh không còn hôn em nữa, em giống tàu lá non lịm chết trên cành vì khát chờ những giọt sương đến hồi sinh.

Trời ơi, sao Trương tin được chuyện tôi có thể phụ bạc chàng. Cái thiệp hồng. Ờ, có nghĩa gì cái thiệp hồng ấy. Biết đâu đó chỉ là sự đặt bày của tôi để trắc nghiệm lòng chàng. Gặp nhau giữa lúc tưởng chừng sắp mất nhau suốt đời cũng thú vị chán. Chắc hai đứa sẽ đứng tim vì cảm xúc rực lửa.

Tôi sẽ giúp chàng viết tiếp khúc nhạc tình dang dở. Tôi sẽ là nguồn cảm hứng lý thú cho những bản nhạc tình tha thiết, vời vợi. Tôi sẽ bắt chàng làm quen dần với hạnh phúc và phải tin rằng tình yêu chúng tôi có thật. Chàng mê say âm nhạc. Con chúng tôi ra đời sẽ có khiếu về âm nhạc. Những lúc

túng thiếu buồn phiền, chúng tôi sẽ có nhạc thánh thót vỗ về. Hãy thử xem nếu đời sống không có âm nhạc sẽ buồn tẻ biết bao.

Đó thấy chưa, khi tôi đến nhà chàng, nhạc cũng đang rơi. Nhạc quyện trong tiếng đàn ghita của chàng xuyên thủng tim tôi. Một cảm giác tê tái tuyệt vời. Như thể một điều gì đó quá đẹp vì quá buồn.

Chiều thu ở New York thật tím. Tôi có cảm tưởng màu chiều muốn nhuộm lấy hồn tôi, môi tôi, và đang viền quanh mắt tôi một chút... mùa thu tím.

Trương không biết tôi đến nhưng chàng vẫn có mặt ở nhà, và tôi đến như một cơn mơ. Gọi là nhà cho vui, thật ra chàng chỉ tá túc tạm ở gara một người bà con xa. Chàng đã xin trọn đặc ân cái gara, vì không muốn phải bối rối lui tới trong nhà gặp họ. Biết ý, họ để chàng trốn yên với giang san nhỏ bé ấy. Ngoài trừ những khi có tôi gọi đến họ mới có dịp gặp chàng. Nghe nói chỉ lúc đó, chàng mới cười thật tươi. Bằng không, chàng sẵn sàng cáu kỉnh kể cả những lúc được... mời vào nhà ăn uống.

Trương sống lủi thủi, lặng thầm, và hết sức cô đơn như thế. Buồn buồn, chàng rút khỏi căn phòng gara đi lang thang dọc theo những bờ sông bụi cỏ. Chàng không có lấy một mống bạn, kể cả những tên chỉ chuyên nịnh hót nhậu nhẹt. Chàng bảo những lúc ấy chàng thật thấm thía nhận rõ mình là kẻ mất hồn, mất nhà, mất cửa tận đâu đâu. Khổ nỗi kẻ mất hồn ấy lại có khả năng tạo hồn vía cho tôi. Không có chàng, tôi là kẻ mất hồn què quặc phân nửa.

Hình như tôi đã khựng lại quá lâu trước nhà chàng. Thật tình tôi cũng chẳng có khái niệm gì về thời gian lúc này. Chiều xuống hay ngày đang sầm mặt. Chiều thay áo tím hay vừa đổi áo đen tôi cũng chỉ mơ hồ cảm nhận. Nhưng biết rõ một điều tiếng đàn của chàng đã ngưng đọng.

Có phải anh đã ngửi thấy mùi hương em? Có phải anh đã biết rằng em đến?

Tôi hỏi thầm khi tiếng nói đâu đó của chàng làm tôi hết mơ màng. Anh vừa đánh đàn vừa cho một người nào đó nghe? Anh đang có một người bên cạnh ư?

Không. Không thể như thế được. Nhưng rõ ràng là tiếng nói của chàng. Chỉ khác ở giọng điệu lè nhè say, điều tôi chưa bao giờ bắt gặp.

Tôi nép sát người để nghe rõ từng tiếng một:

- Thôi Lan ơi, đi đâu thì đi đi. Đi lấy chồng tôi càng mừng cho em. Ai cũng muốn bỏ tôi hết mà. Giá gì em chịu để lại cho tôi chiếc quần lót cũng đỡ. Oái ăm chưa, tôi lại có tật giống ông tài tử Mẽo Warren Beaty. Ông ấy hễ làm tình với cô nào xong thì xin ngay chiếc quần lót để làm kỷ niệm. À thôi để tôi hát tặng em bài hát này rồi về nhé.

Chàng lại đàn tiếp. Tiếng đàn, ôi tiếng đàn làm tôi nhói tim. Lan, người đàn bà đang có mặt bên chàng cũng là Lan nữa sao? Lan. Lan. Ngàn lần không phải anh đang gọi thầm anh đâu. Nếu anh biết cuối cùng em đã đến,

không lẽ anh còn muốn xua đuổi thay vì chạy ra ôm chầm lấy em?

Vâng, cả tiếng hát tiếng đàn của anh rồi cũng muốn xua đuổi luôn em. Sao em nghe như trong mỗi âm thanh ấy là lời từ biệt đau đớn nhưng vẫn kiêu ngạo của anh. Ô hay! Anh đâu hề chờ đợi em đến mà em lại đến. Một cô Lan hay Loan nào đó bên cạnh anh đã thay thế em rồi phải không?

Em đã bảo, rồi anh cũng sẽ làm khổ tất cả những ai lỡ yêu anh. Cô Lan kia chắc giờ cũng đã thấm thía điều này?

Chỉ có em, chỉ riêng em vẫn cứ dại dột đi tìm một chốn nào cho tình yêu lý tưởng của mình. Em chẳng bao giờ bắt gặp nó đâu, em biết rồi! Đời này chắc chẳng có nơi nào giam giữ nổi thứ tình yêu ấy. Thôi thì em trở về, em nguyện trở về nơi chốn kỷ niệm. Ở đó em sẽ bắt gặp tình yêu ngự trị nguy nga trong chính đỉnh tim em.

Vâng, chỉ ở đó những đóa hôn của tình yêu mới đơm hoa bất tử.

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

TẠ VŨ

vô đề

Mãi tôi mới biết câu hát ấy giành cho tôi
Câu hát đã như cánh buồm chao đảo
Tôi xòe hai bàn tay
trước nắng mặt trời
không có máu
Mà như người phạm tội

Em lên tàu trời nắng
Em xuống tàu trời mưa
Em lắc mái tóc
lắc mưa
như lắc bụi

Hai tuyến đường ray
gặp nhau ở cuối chân trời
Đây là điểm gặp nhau đánh lừa con mắt

TẠ VŨ
(Trong nước)

TRẦN MỘNG TÚ

đông khúc

Trở về
Buổi chiều trắng xoa bên sườn núi
Tuyết ngập bàn chân trắng nẻo về
Tóc trắng bay vào không gian trắng
Đốm lửa thời gian bỗng đỏ hoe.

Trượt tuyết
Trượt xuống một con dốc trắng xóa
Toàn thân lao thẳng vào hư vô
Nghe rạn phiến băng trong lồng ngực
Lạnh buốt trên môi giọt lệ khô.

Tặng phẩm
Ánh sáng gọi nhau ngoài cửa sổ
Giữa khuya thức giấc ngỡ đêm rằm
Ngó ra lấp lánh dòng sông bạc
trời đang tặng đất khối thủy ngân.

Hoa trắng
Chàng đến mang theo cành hoa trắng
Hồn tôi là chiếc bình pha lê
Sá gì hoa tuyết hương không đượm
Tình chàng chín rục trái đam mê.

Cưới hỏi
Gió đi trạm ngõ trên đỉnh núi
lá nhờ mai mối hỏi giọt mưa
mái đông đón tuyết về làm vợ
Chàng đã xiêu lòng cưới em chưa?

TRẦN MỘNG TÚ



LAM SƠN *phụ trách*

vấn đề của chúng ta

AI ĐÁNH PHÁ LỊCH SỬ?

(Vài cảm nghĩ về bài "Vì Sao Họ Đánh Phá Lịch Sử" của ông Nguyễn Chí Thiệp, *Thời Luận* ngày 6-1-1993)



LTS: *Gần hai năm nay,* Hợp Lưu *liên tục bị nhiều báo hải ngoại đánh phá, chụp mũ, bôi nhọ bằng đủ mọi phương cách. Chúng tôi vẫn giữ im lặng vì tin rằng việc làm của chúng tôi rồi sẽ được thời gian trả lời. Quả vậy, HL đã lớn mạnh nhanh chóng một cách không ngờ, thêm tờ Trăm Con chung một chủ trương ra đời, thư văn hữu và bạn đọc khắp trên thế giới gửi về hết lòng khích lệ. Mới đây, tờ* Thời Luận *đăng bài anh Nguyễn Chí Thiệp chụp mũ HL đã đánh phá lịch sử và là cán bộ Cộng sản. Vì lòng quý mến anh Nguyễn Chí Thiệp qua cuốn* Trại Kiên Giam *(HL đã giới thiệu một cách trìu ái trên mục* Điểm Sách *số 6 tháng 8 và 9, 1992), chúng tôi đăng tải bài dưới đây của anh Lam Sơn, một biên tập thường trực của HL, để có đôi lời thảo luận. Hy vọng những lời giãi bày chân thành này không trở nên vô ích.*

Hợp Lưu

*

Tôi đọc báo *Thời Luận* cũng như anh Nguyễn Chí Thiệp đọc báo *Hợp Lưu* và *Trăm Con*. Tôi cũng đã đọc những tác phẩm từ trong nước gởi ra và được các nhà xuất bản hải ngoại in lại. Tôi cũng đọc những truyện ngắn trên *Hợp Lưu*. Điểm đầu tiên tôi phê phán các tác phẩm mà tôi đã đọc: khen hay cũng có mà chê cũng có. Tôi nghĩ quyền phê phán một tác phẩm là ý kiến riêng của mỗi cá nhân, ý kiến ấy được tự do phát biểu để nhiều người cùng chia sẻ sự đồng ý và không đồng ý. Đó là một sinh hoạt cần thiết. Tôi nói cần

thiết chứ chưa chắc gì đã có tính dân chủ trong đó.

Báo *Thời Luận* ngày thứ sáu 8-1-1993 có đăng bài *"Vì sao họ đánh phá lịch sử"* của anh Nguyễn Chí Thiệp. Cái tựa đã đập thẳng vào mắt tôi, và vào ngay cân não tôi. Tôi gắng đọc hết bài, một bài hơi dài của anh Thiệp. Anh Thiệp đã căn cứ vào truyện "Phẩm Tiết" của Nguyễn Huy Thiệp để đả kích tác giả đã bôi xấu nhân vật vua Quang Trung Nguyễn Huệ, và căn cứ vào truyện "Mùa Mưa Gai Sắc" của Trần Vũ để cho rằng, tác giả Trần Vũ tả nhân vật Quang Trung Nguyễn Huệ như một trùm ăn cướp, thô lỗ, cộc cằn, bạo dâm và đa sát. Anh Thiệp đánh Trần Vũ mạnh hơn Nguyễn Huy Thiệp vì Trần Vũ đã tả *"Triều đình nhà Lê như quán bia ôm, Trần Vũ bôi bác lịch sử."* Anh Thiệp viết về Trần Vũ như sau: *"Trần Vũ càng ngày càng đi sâu vào lối viết táo bạo nhằm bôi bác Việt sử. Trong truyện ngắn* "Gia Phả" *đăng ở* Hợp Lưu *số 7, Trần Vũ đã hạ nhục Triều Trần, là một triều đại có công nhất trong lịch sử Việt Nam, vừa 3 lần đánh thắng quân Mông Cổ, để lịch sử thế giới phải công nhận là thời nhà Trần, Việt Nam là nước duy nhất thắng Mông Cổ. Ngoài ra nhà Trần là triều đại hưng thịnh nhất của đất nước, văn hóa và đạo lý được phát triển đến trình độ văn minh cao."*

Anh Thiệp đã dùng bài "Tại Sao Phải Là Nguyễn Huệ" đăng trong *Hợp Lưu* số 5 của ông Trương Vũ đặt vấn đề, *"trước là phê phán lối dùng tài liệu lịch sử táo bạo của Nguyễn Huy Thiệp và Trần Vũ, nhưng cuối bài báo là để biện bạch, giải thích một cách khôn khéo để những người đọc không lập trường chính trị, sử quan lờ mờ có thể chấp nhận lối viết đó."*

"Ông Trương Vũ," lời anh Thiệp, *"cho rằng Nguyễn Huy Thiệp muốn gửi tới người đọc một thông điệp, đó là một cách ẩn dụ để phê phán lối tôn xưng lãnh tụ của chế độ Cộng sản. Nếu lập luận này là đúng thì Nguyễn Huy Thiệp đã thất bại, vì qua bài viết của ông, những người ít hiểu biết lịch sử và chính trị Việt Nam không thấy thần tượng Hồ Chí Minh bị đánh một điểm nào cả, mà chỉ thấy anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ bị bôi xấu đi."* Cho rằng Nguyễn Huy Thiệp sợ ở tù nên dùng hư cấu, kỹ thuật ẩn dụ, người đọc có thể chấp nhận, còn Trần Vũ thì sao? *"Trần Vũ đã viết các truyện ngắn rất táo bạo để đả phá không những Nguyễn Huệ trong* "Mùa Mưa Gai Sắc" *mà đánh cả triều Trần trong truyện ngắn* "Gia Phả", *trong khi ông ở ngoài nước không sợ bị bắt hay ở tù."*

Tới đây, anh Thiệp đặt câu hỏi: "*Tại sao từ Nguyễn Huy Thiệp đến Trần Vũ nối tiếp nhau tích cực dùng hình thức hư cấu nửa thực nửa giả để viết truyện nội dung đánh phá vào các nhân vật và triều đại anh hùng của lịch sử dân tộc Việt Nam?*" Đặt câu hỏi như vậy để kết luận: *"Như vậy có cả một chủ trương từ Nguyễn Huy Thiệp đến Trần Vũ và tạp chí* Hợp Lưu *tích cực phổ biến. Như vậy có cả một kế hoạch để nhằm mục đích nào đó"*... và *"không có một tư nhân hay một nhóm cá nhân nào đủ sức làm nổi một tờ tạp chí như Hợp Lưu*

nếu không có sự tài trợ của một nguồn tài chánh của một tổ chức chính trị hay của một chính phủ... để thấy rõ sau lưng Hợp Lưu *là ai. Khi đã thấy rõ điều đó rồi tất chúng ta phải hiểu tại sao họ tích cực đánh phá các thần tượng anh hùng!"*

Điểm đầu tiên tôi muốn trình bày cùng anh Nguyễn Chí Thiệp, nếu chỉ dựa vào hai tác giả Nguyễn Huy Thiệp và Trần Vũ với cách viết dùng hư cấu, ẩn dụ *"bôi xấu các nhân vật lịch sử như Quang Trung Nguyễn Huệ và các vua Triều Trần"* để kết tội họ đánh phá lịch sử như tựa bài viết của anh, có phải "hơi cường điệu một chút" không? Nếu muốn kết tội như vậy, có lẽ hơn ai hết anh đã đọc những bài học lịch sử của Đảng Cộng Sản đưa vào chương trình giáo dục, thì họ đã đánh phá lịch sử từ lâu rồi. Nhưng đó là họ sửa lịch sử chính thức trở thành lịch sử theo quan điểm vô sản chuyên chính của họ như những anh hùng lập nên một triều đại nào cũng được họ cho là xuất phát từ nông dân vô sản dựng nên sự nghiệp để rồi cuối cùng theo chế độ phong kiến phản bội lại "gốc nông dân." Lối sửa lịch sử như vậy ngay cả người đảng viên Cộng sản còn không chấp nhận được huống thay người dân bình thường. Hơn nữa, những bài viết của Nguyễn Huy Thiệp và Trần Vũ là những truyện ngắn với nội dung chứa đựng những cảm nghĩ riêng của tác giả về một nhân vật nào đó, như Quang Trung Nguyễn Huệ, về một triều đại nào đó như Triều Trần, có thể được một số người chia sẻ: dù đồng ý hay không đồng ý. Từ điểm này đưa đến nhận xét...

Thứ hai, nếu dựa vào một định kiến có sẵn về chính trị để phê phán văn chương là một điểm không phù hợp với lý luận. Tính cách áp đặt, võ đoán rằng tạp chí *Hợp Lưu* nhận ngân khoản tài trợ của Cộng sản Việt Nam, dù anh Thiệp không nói thẳng ra, và sau lưng nhóm *Hợp Lưu* là cán bộ Cộng sản (cũng là một ẩn dụ của anh Thiệp), là một lý luận thiếu cơ sở, một chiều chủ quan, không phù hợp với căn bản của sinh hoạt tự do dân chủ mà chúng ta chọn lựa để chống lại Cộng Sản Việt Nam. Những người Chủ biên, Phụ tá chủ biên, và Ban chủ trương của tạp chí *Hợp Lưu*, phần lớn chắc không xa lạ gì với anh Thiệp và với tôi. Có thể tôi và anh không đồng ý, không hợp với một số lý luận của họ, nhưng riêng tôi, nếu cho là tôi chủ quan, tôi không thấy ở họ một ám ảnh nào của một bóng mờ Cộng sản, nói chi là Cộng sản. Chúng ta khác với họ ở chỗ phương thức, ở chỗ kỹ thuật đấu tranh, nhưng không thể vì thế mà vội kết án họ là Cộng sản, bị Cộng sản mua chuộc. Càng không thể nói tạp chí *Hợp Lưu* được Cộng sản Việt Nam tài trợ khi chúng ta chỉ thấy một tờ báo nào có *"giá trị, hình thức trình bày từ hình bìa đến chữ in đều rất đẹp, khuôn khổ vừa vặn dễ gây cảm tình với độc giả, người đọc sách nhìn thấy là muốn mua ngay,"* (Nguyễn Chí Thiệp)để kết án họ. Càng không thể lấy kinh nghiệm chủ quan đối với một tổ chức, một đảng phái chính trị ở hải ngoại nào *"có một tạp chí giá trị như* Hợp Lưu" để kết luận cho rằng sai lưng *Hợp Lưu* là **ai**. Tôi nghĩ rằng qua một thời gian sống ở hải ngoại, anh cũng nhận chân được sinh hoạt của văn nghệ sĩ, của báo chí, của tổ chức, hội

đoàn chính trị như thế nào rồi. Một điểm tôi muốn thẳng thắn nói với anh, trong địa hạt báo chí, muốn có một tờ báo có tầm vóc như *Hợp Lưu*, chưa chắc gì một tổ chức chính trị hay Đảng Cộng Sản đứng ở sau lưng chỉ đạo làm nổi đâu. Phải gồm những kẻ có lòng, hy sinh, dám bỏ tiền nhà, tiền ăn mỗi người trong nhóm một số tiền hàng tháng để "làm báo." Đó là một nhóm văn nghệ sĩ đúng nghĩa văn nghệ sĩ. Mà đã là văn nghệ sĩ đúng nghĩa thì áp đặt khuôn khổ chính trị vào họ, thật là một "vạn nan" nhất là khi họ ở môi trường hải ngoại này.

Có thể trách họ dùng máu văn nghệ sĩ tự do viết quá đà về các nhân vật lịch sử đã được đóng khung "anh hùng dân tộc." Nhưng những nhân vật lịch sử cũng là con người, một con người có cảm tính, có thất tình lục dục như người thường. Họ được ca tụng là anh hùng dân tộc, được lịch sử ghi ơn, không có nghĩa là họ không có những ham muốn vật chất, không có những tính xấu.

Thứ ba, viết về bản chất bình thường của một nhân vật lịch sử, hay viết về những ham muốn có tính "con người bình thường" là một việc bình thường. Những nhân vật anh hùng dân tộc được dân tộc biết ơn vì những chiến công lẫy lừng của họ đối với dân tộc, vì những di sản tốt đẹp họ để lại cho hậu thế. Nhưng không phải vì vậy cá tính của họ đều tuyệt hảo, đều tốt, đều đáng làm gương cho mọi người, nhất là những cảnh xảy ra trong bóng tối, sau hậu cung. Vậy thì còn đâu những chuyện như "Thâm cung bí sử."

Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ có viết "quá đà", như một số người trong đó có anh, và có thể có tôi, nhận định về những nhân vật như Quang Trung Nguyễn Huệ, các vua Triều Trần, chỉ vì chúng ta đã lập ra một taboo cho những nhân vật lịch sử đó, không cho ai có quyền đá động. Nhưng những truyện ngắn của hai tác giả này "có xúc phạm" chăng đi nữa, sự "xúc phạm ấy" có tính hư cấu, không có tính khẳng định, không có tính cải sửa lịch sử chính thức, theo tôi nghĩ, được cho phép của văn chương. Vấn đề không có nghĩa là họ phủ nhận tài năng, và những hành động anh hùng của các nhân vật anh hùng dân tộc đó.

*** Về anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ:** Không ai phủ nhận tài năng, cách đối xử, cách dùng người của người anh hùng Tây Sơn. Nhưng không phải vì những chiến công của vua Quang Trung như anh Thiệp kể ra và cuốn sách lịch sử nào ở Việt Nam cũng kể ra (dù VNCH hay VNDCCH hay CHXHCNVN), mà các nhà viết sử, các nhà sử học, các nhà khoa học nhân văn không nhắc đến những tật xấu của cá nhân Nguyễn Huệ. Có lẽ chúng ta, anh và tôi, đọc lại cuốn *Lịch Sử Nội Chiến ở Việt Nam 1771-1802* của Tạ Chí Đại Trường, tiết 7 đến tiết 9 để hiểu rõ hơn một chút về Tây Sơn, trong đó có vị anh hùng Nguyễn Huệ.

*** Về Triều Trần:** Không ai phủ nhận là một triều đại có công nhất trong lịch sử Việt Nam, một triều đại hưng thịnh nhất, văn hóa được phát triển đến trình độ văn minh cao. Nhưng khi anh viết "đạo lý phát triển cao" thì tôi hơi

nghi ngờ. Chính anh đã viết, *"Các vua Triều Trần có đặt tục lệ riêng là lấy người trong thân tộc để bảo vệ ngôi, điều này có trái với luân lý của dân tộc, nhưng đó là việc của gia đình."* Đọc *Đại Việt Toàn Thư* của Ngô Sĩ Liên để thấy những vụ thông dâm loạn luân như anh họ lấy em họ, em họ lấy chị họ, chú lấy cháu ruột... xảy ra trong Triều Trần; có phải Ngô Sĩ Liên bôi bác hay đánh phá lịch sử không? Đọc sách *Cổ Luật Việt Nam Thông Khảo và Tư Pháp Sử* của giáo sư Thạc sĩ Vũ Văn Mẫu (xuất bản tại Sài Gòn năm 1974) và đọc tham luận *Pháp Luật Trước Thời Bắc Thuộc và Triều Trần* (tạp chí *Đại Học* tháng 1-1959) của luật gia Nguyễn Toại thì chúng ta có kết luận hai vị này *"đã đánh phá lịch sử"*, bôi bác lịch sử sao?

Nếu ta có trách Nguyễn Huy Thiệp hay Trần Vũ vì những tác phẩm dùng hư cấu và ẩn dụ để lột tả cá tính xấu của nhân vật lịch sử hay một triều đại, thì có thể trách hai tác giả này dùng nhiều từ ngữ có tính sex trắng trợn, có thể làm một số độc giả không hài lòng.

Thứ tư, trong một thảo luận hay phê bình một bài viết, một tác phẩm nào đó, thì chúng ta nên tránh tính cách quy chụp, chụp mũ làm không khí thảo luận hải ngoại lẫn trong nước bị vẩn đục, trì trệ sự tiến bộ và đúng đắn trong tư tưởng. Chúng ta thảo luận phê bình với mục tiêu gì? Phải chăng chúng ta muốn tìm một sự thật mà đó là một *sự thật động*, chứ không phải một*sự thật tĩnh*. Một sự thật động cần có tính đối thoại, có tính sáng tỏ, thuyết phục được đại đa số chấp nhận. Trong khi đó, một sự thật tĩnh có tính chất độc thoại, một chiều, áp đặt người không đồng ý phải chấp nhận. Đó là một sự thật của người Cộng sản mà chúng ta phải phi bác.

Dù sao, bài viết của anh Thiệp vẫn có một giá trị riêng vì nó bộc lộ rõ ràng tư tưởng của anh về một vấn đề có tính cách rộng lớn, tôi muốn nói đến chính trị. Bài viết này của tôi cũng thế, nó chỉ nói lên quan điểm không đồng ý với nội dung bài viết của anh Thiệp. Vì thế cả hai quan điểm, của anh Thiệp và của tôi, thật tế chỉ là hai ý kiến cá nhân về một số vấn đề. Nhưng tôi khác ở chỗ, tôi không dùng một định kiến chính trị để vội vàng kết luận. Đối với Nguyễn Huy Thiệp, những truyện ngắn hay những sách đã được in và xuất bản mà tôi có dịp đọc, tôi thưởng thức và nghiệm xem tác giả muốn gởi gấm điều gì. Tôi không dùng chữ thông điệp như Trương Vũ, nhưng tôi thấy tác giả đã nói được tâm trạng của một người viết văn sống trong cảnh kềm kẹp của chế độ công an tư tưởng. Do đó, chúng ta không thể bắt buộc tác giả phải viết tách bạch như chúng ta, đang sống ở môi trường tự do ở hải ngoại được. Riêng với Trần Vũ, một người ở hải ngoại, có viết những tác phẩm liên hệ đến vua Quang Trung Nguyễn Huệ, liên hệ đến các vua Triều Trần, Trần Vũ đã dùng hư cấu để tả những tưởng tượng về thâm cung bí sử là quyền của tác giả. Chúng ta có quyền phê phán, nhưng không nên quy chụp bằng định kiến chính trị sẵn có của chúng ta, để kết luận như anh Thiệp viết, "Trong tương lai, Trần Vũ sẽ tiếp tục viết truyện đánh phá các vị anh hùng khác, hoặc tiếp nối các tác giả khác sẽ đánh phá để cho những người kém hiểu biết

lịch sử Việt Nam sẽ nhìn thấy từ Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Quang Trung đều là những người không đáng được tôn trọng." Anh Thiệp lại sợ rằng, *"Qua cách lý luận và kỹ thuật viết của nhóm* Hợp Lưu *rõ ràng là họ nhắm lôi kéo những giới trẻ ở hải ngoại, những người học được tinh thần tự do phóng khoáng của Tây phương và ít hiểu biết về lịch sử và văn hóa của dân tộc."* Sự lo ngại kiểu quy chụp như kiểu trên về nhóm *Hợp Lưu* đối với giới trẻ hải ngoại là một sự lo xa quá đáng. Thứ nhất, nếu trong giới trẻ hải ngoại có em nào thiết tha đến môn học nhân văn, trong đó có khoa Sử, em đó sẽ dùng phương pháp luận Tây phương để tìm hiểu, nghiên cứu về một giai đoạn sử liên hệ đến một nhân vật, một triều đại nào đó. Có khi em đó còn khám phá ra những chuyện "khó nói" hơn nữa, có thể đụng chạm đến taboo mà những người lớn tuổi đặt ra. Chuyện đáng lo là giới trẻ không đọc được tiếng Việt, không thèm xem sách viết bằng Việt ngữ. Tôi chứng kiến một câu chuyện cách nay ba năm. Trong một buổi tập họp các em học sinh Việt Nam cấp Trung học để một bạn nói về ngày 19 tháng Năm, ngày sinh nhật ông Hồ Chí Minh, để thảo luận nhằm chống đối, đả đảo. Các em trẻ hỏi, "Who is Ho Chi Minh? What's matter with us?" (*Tòa soạn tạm dịch: Hồ Chí Minh là ai? Ăn nhằm gì tới tụi mình?*) Và các em bỏ cuộc thảo luận.

Người Cộng sản Việt Nam có quyền xem ông Hồ Chí Minh là thần tượng của họ. Họ đặt ra những điều cấm kỵ, những taboo để không ai có quyền xâm phạm đến thần tượng của họ. Nhưng không vì thế mà các học giả, các nhà sử học, ngay của Cộng sản không dám vượt qua. Như nhà sử học Trần Quốc Vượng trong bài *"Nỗi Bất Hạnh Của Một Số Nhà Trí Thức Nho Gia"* (Đọc *Trong Cõi* của Trần Quốc Vượng, các trang 252-258, nhà xuất bản Trăm Hoa, California, 1993).

Chuyện chống Cộng theo kiểu của chúng ta là chuyện của chúng ta. Chúng ta không thể áp đặt thành phần trẻ hải ngoại phải chống Cộng giống như chúng ta, vì nhiều khi họ đặt những câu hỏi, những vấn đề mà chúng ta khó thể trả lời được. Do đó, người Cộng sản không thể và sẽ không bao giờ làm được chuyện, như anh Thiệp lo, *"với thành phần trẻ hải ngoại, họ muốn những người này quên đi quá khứ chống Cộng của cha anh."* Giới trẻ có quên chuyện chống Cộng của cha anh hay không là do cha anh của giới trẻ đó, anh Thiệp ạ!

Từ những điểm trên, tôi không muốn bàn thêm về những lời nhắn nhủ của anh Thiệp với nhóm *Hợp Lưu*, trong đó anh chia ra hai thành phần cán bộ đảng viên Cộng sản và những người cộng tác với *Hợp Lưu*.

Mỗi người có một tư tưởng, một cảm nghĩ và có một đường lối hành động riêng. Chúng ta không thể viết một bài như "Công tác tư tưởng của Đảng", và chúng ta cũng không thể viết một bài chống Cộng như của Bộ Thông Tin Chiêu Hồi. Hai lề lối đó không còn thuyết phục được người khác. Và nếu cố cưỡng, chúng ta sẽ bị du vào thế dần dần tự cô lập mà thôi.

LAM SƠN



VƯƠNG NHU *thực hiện*

nói chuyện với nhà thơ phạm tiến duật



Chúng tôi đã gặp nhà thơ Phạm Tiến Duật nhân dịp ông sang Mỹ do lời mời của Đại học Salisbury, tiểu bang Maryland. Tại Đại học này, một buổi hội thảo lớn có chủ đề "Nhớ Tết Mậu Thân 1968 Bàn Về Cuộc Chiến Tranh Việt Nam" đã được tổ chức, với sự tham gia của gần 80 học giả từ khắp nơi trên đất Mỹ tụ về.

Dù buổi gặp gỡ rất thoải mái, cởi mở, chúng tôi vẫn thấy có nhiều điều, như Phạm Tiến Duật nói: "Không tiện nói ra". Để tránh cho ông khỏi phải vướng vào trường hợp của giáo sư sử học Trần Quốc Vượng khi trở lại Việt Nam, chúng tôi cố tránh những câu hỏi "không tiện hỏi". Tuy nhiên, trong chừng mực nào đó, buổi trao đổi cũng giúp chúng ta hiểu hơn về suy nghĩ của một thế hệ nhà văn nhà thơ xuất thân từ "phía bên kia".

Phạm Tiến Duật sinh năm 1941 tại Phú Thọ (Vĩnh Phú, Bắc Việt Nam). Sau khi tốt nghiệp Đại học vào năm 1964, ông vào bộ đội, làm phóng viên chiến tranh. Năm 1969, gia nhập Hội Nhà Văn Việt Nam. Năm 1976, giải ngũ, về làm việc tại Hội Nhà Văn. Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà Văn Việt Nam (phụ trách hội đồng thơ), Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà Báo Việt Nam (từ khóa 5 - giữ chức Chi hội trưởng Chi hội nhà báo). Nguyên Phó giám đốc Xưởng phim của Hội Nhà Văn. Tác phẩm: *Bài Thơ Đầu Tiên* (1961). Tập truyện đầu tiên (1962). Có ba bài thơ nổi tiếng được chọn in trong *Tuyển Tập Thơ Việt Nam* (Lửa Đèn, Tắt Lửa, Thắp Đèn - 1967). Thơ đã in: *Vầng Trăng - Quầng Lửa (1970). Thơ Một Chặng Đường* (1971). *Ở Hai Đầu Núi* và *Tập Thơ Mới Mang Tên Cũ: Vầng Trăng và Những Quầng Lửa* (1983). Văn xuôi: *Câu Chuyện Quanh Nồi Cao Voi* (truyện vừa -

1972). Ngoài ra, ông còn là tác giả bài thơ "Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây" được phổ thành ca khúc, rất nổi tiếng sau 1975, đồng thời cũng là tác giả thi phẩm "Vòng Trắng" từng gây xôn xao dư luận năm 1974, bài thơ đã khiến giới lãnh đạo văn nghệ của Hà Nội khó chịu và lên tiếng khiển trách.

Sau đây là buổi nói chuyện giữa phóng viên bổn báo và nhà thơ Phạm Tiến Duật được ghi lại từ máy ghi âm.

*

Xin anh cho biết anh đã đến Mỹ trong trường hợp nào? Những việc anh sẽ làm cùng những cuộc gặp gỡ tại đây?

Tôi sang Mỹ do lời mời của Đại học Salisbury bang Maryland, nhân đại học này tổ chức một buổi hội thảo lớn mang tên: "Nhớ Tết Mậu Thân 1968 Bàn Về Cuộc Chiến Tranh Việt Nam". Hội thảo này gồm có 80 học giả đến từ các nơi trên đất Mỹ tham dự. Riêng tôi, họ không mời với tư cách một học giả để bàn chuyện chiến tranh, mà là để đọc thơ. Đêm thơ gồm hai người, tôi và một thi sĩ người Mỹ. Rất vui, đã gây cho tôi nhiều ấn tượng đẹp.

Xin anh cho biết anh viết văn hay làm thơ là chính?

Ngoài sáng tác thơ tôi còn viết bút ký, phóng sự, tiểu thuyết, báo chí, làm điện ảnh và viết ca từ cho các bài hát. Tuy nhiên tôi yêu thơ, và xem đó là bộ môn chính của mình. Cũng giống như anh, ngoài hội họa anh có thể vẫn làm nhiều thứ khác.

Anh thấy hội họa và thơ thế nào? Cách dung nạp và triển khai có khác nhau không?

Nói một cách tổng quát, tất cả mọi nghành nghệ thuật đều có nhiều diểm giống nhau, không riêng gì hội họa và thi ca. Tôi lấy một thí dụ, giữa thơ và âm nhạc chẳng hạn. Kỹ thuật âm nhạc phát triển từ mô tiến, cao trào rồi quay về chủ âm để kết thúc. Trong thi ca cũng na ná như vậy. Nếu trong âm nhạc có những khoảng trống mà trong hát chèo gọi là lưu không, thì ở trong thơ, giữa hai khổ thơ người ta hay viết cách ra, bỏ trống một khoảng giấy trắng, đó gọi là khoảng lưu không, với mục đích để cho độc giả có đủ thì giờ tiếp nhận những thông tin, những điều mà tác giả muốn gởi gắm. Leonado da Vinci nói một câu rất hay về mối tương quan giữa hội họa và thi ca: "Thơ là họa cảm thấy, còn họa là thơ trông thấy". Về âm nhạc và kiến trúc, ông cũng cho rằng: "Kiến trúc chẳng qua chỉ là âm nhạc đá hoa mà thôi". Nói chung, tất cả mọi loại hình nghệ thuật đều có sự dung hòa kỳ diệu. Những bức tranh trên tường chung quanh chúng ta đây có nói gì đâu? Sao tôi vẫn nghe và thấy thơ trong đó.

Anh nghĩ sao về thơ lục bát, một thể thơ mang tính đặc trưng của Việt Nam,

cùng những bước tiến của nó, và trong nền thi ca mới của ta hiện nay, tính đặc trưng đó có còn không?

Thơ lục bát Việt Nam có thể nói đã trải qua ba thời kỳ vận động trong nội tại của nó. Thời kỳ đầu tiên nó phát triển các nhịp: 2/2/2 - 2/2/2/2. Ví dụ như: *Nhớ ai / như nhớ / thuốc lào . Đã chôn / điếu xuống / lại đào / điếu lên.* Nguyễn Du là thời hai, ông đã sáng tạo nên nhịp 3/3 trong lục bát: *Kéo cờ lũy / phát súng thành . Từ công kíp mới thân nghênh cửa ngoài.* Thời kỳ ba đáng kể nhất phải nói đến Vũ Hoàng Chương. Không biết người ta nghĩ sao, riêng tôi, đánh giá rất cao sự sáng tạo của ông trong việc cắt dòng tám thành ra nhịp 3/5: *bao người ngã / lại bao người vùng lên.*

Tuy nhiên buộc lòng mà nói, thơ lục bát trong vòng vài thập kỷ vừa qua phát triển rất chậm. Không có mấy bài thơ hay. Tôi không so sánh tài năng mà so sánh cụ thể ở thể thơ lục bát. Hình như thơ lục bát dễ mô tả con thuyền hơn một chiến hạm, một cái làng dễ hơn một dãy phố, con trâu cái cày dễ hơn một hệ thống máy móc nông nghiệp, một dòng sông phẳng lặng dễ hơn một thác lũ... Mà Việt Nam ta trong chặng đường vừa qua, chiến tranh, máu lửa dữ dội, có lẽ thơ lục bát không tồn tại được trong trạng huống đó là vì thế. Tôi hy vọng trong thời gian tới đây, khi mọi điều, mọi sự lắng xuống, bình thường hơn, thơ lục bát của ta khá hơn chăng?

Còn thơ mới thế nào?

Rất đáng quan tâm. Chữ *thơ mới* cũng đáng để bàn tới. Thơ mới vốn có hai khái niệm. Một là khái niệm phong trào thơ mới từ năm 1932 đến 1945. Còn một khái niệm khác nữa, đó là sự bắt nhịp của thơ mới với đời sống hiện đại, bắt nhịp được với tính thời đại của nhân loại trên thế giới. Đấy là hai khái niệm khác nhau. Dầu sao đi nữa hiện nay đời sống đã mới thì thơ phải mới, nếu nó muốn tồn tại.

Văn học Việt Nam trước đây, bên cạnh những vận động tự thân để tạo nên bản sắc riêng, đã tiếp thu văn học Trung quốc, văn học Pháp. Giờ đây còn tiếp thu thêm các nền văn học khác trên thế giới... Tôi nghĩ rằng nền thi ca Việt Nam đang chuyển động. Những bài thơ không vần, những bài thơ câu ngắn câu dài, những bài thơ dồn không gian thời gian, nén không gian thời gian lại và tân kỳ trong cấu trúc, nhịp điệu... gần đây đã ra đời rất nhiều là một dấu hiệu tốt.

Anh có thể cụ thể vài bài thơ tiêu biểu?

Tôi có rất nhiều bạn bè làm thơ. Có những người đi trước, có những người cùng lứa. Lớp đi trước đã có nhiều người nhắc đến, chắc anh cũng biết rồi. Lớp cùng lứa có người đã mất như Xuân Quỳnh, Lưu Quang Vũ...

Lưu Quang Vũ nhỏ tuổi hơn anh?

Vâng, nhưng cùng một thế hệ. Phải kể thêm Phan Thị Thanh Nhàn,

Nguyễn Duy, Nguyễn Đức Mậu, Vương Trọng, Anh Ngọc... Đông lắm, không kể hết được.

Đông lắm, nghĩa là thi ca trong thập kỷ qua đã có những thành tựu đặc sắc?

Đôi khi một thế kỷ không có thơ nói chi một thập kỷ. Tại Pháp thế kỷ thứ 18 thơ ca dường như không khá. Hay toàn bộ thơ ca Trung quốc sau đời Đường tiến đến đời Minh rồi Thanh không có thơ.

Tại Việt Nam, sau sự xuất hiện những nhà thơ cực kỳ xuất sắc như Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tế Hanh... kế đó không thấy có thơ hay. Như thế nói một thập kỷ e rằng quá ngắn. Tuy vậy trong vài thập kỷ vừa qua cũng có những tác giả khá. Những nhà thơ thời kỳ chống Pháp như Vũ Tú Nam, Phạm Hổ, sau này trong nội chiến có Xuân Quỳnh, Bằng Việt, Nguyễn Duy, Phan Thị Thanh Nhàn, Thu Bồn... Tác phẩm của họ rất khác trước và có chất lượng đáng kể. Cần nói thêm để tránh ngộ nhận: tôi sinh ra ở miền Bắc, lớn lên ở miền Bắc, vì thế không có dịp làm quen với thơ ca miền Nam, nên nhận xét của tôi chỉ giới hạn ở một nửa phần đất nước.

Chúng tôi hiểu. Anh vừa nói "tác phẩm của họ rất khác trước". Vậy khác như thế nào?

Khác trước thế này: Nếu như trước kia thơ được sáng tác trong hoàn cảnh chiến tranh, giống hệt như bàn tay ta nắm lại để trở thành một nắm đấm, và như vậy, yếu tố cá nhân bị giảm thiểu đáng kể. Còn khi chiến tranh kết thúc, bàn tay ấy mềm mại xòe ra và mỗi ngón tay phải trở thành mình. Do vậy yếu tố cá nhân, yếu tố tâm sự riêng tư lại được trả về cho thơ. Tôi sẽ không trích đọc ra đây những tác phẩm của họ, xin để anh tự tìm đọc và rút ra cho mình một khái niệm tổng quát. Như thế sẽ khách quan, công bình hơn trong việc đánh giá.

Vừa rồi anh nói đến sự chuyển động của thi ca Việt Nam, xin anh nói rõ hơn về sự chuyển động này, trong vận động tự thân cùng những khuynh hướng đã ảnh hưởng?

Một câu hỏi tự nó đã có sự ẩn nấp của câu trả lời. Tôi xin nói ngay rằng: vừa có Việt Nam vừa có ảnh hưởng. Còn chuyển động là do tự đời sống nó vận động buộc thi ca phải theo. Tôi đọc ngay anh nghe một bài thơ làm ví dụ. Bài thơ đó do tôi dịch mang tựa đề: "Người Đàn Bà Đáng Giá 100 Xu" của Georger Brassens, một nhà thơ Pháp:

Cái thuở sống ở tầng hầm thứ ba bẩn thỉu, ti tiện và nhơ nhớp.

Có một gã còn ti tiện hơn cả tôi. Hắn đã bán vợ hắn cho tôi với giá 100 xu.

Em yêu ơi! Em mặc quần áo vào đi. Rồi về với thằng chồng của em, mang theo luôn 100 xu của hắn. Anh không bõ ôm một bộ xương gầy.

Cô gái vục dậy và khóc.

Hãy cho em ở lại, vì dù sao anh đã không đánh em.

Trời ơi! Em tên là Minon hay Minette?

Tên em là gì anh không được rõ. Bây giờ bộ xương sườn gầy guộc của em giơ ra như một gọng kìm kẹp lấy trái tim anh.

Bây giờ có gã nào trên đời này muốn đổi em với cả gia tài của hắn, tôi sẽ không đổi nữa.

Cái thuở sống ở tầng hầm thứ ba bẩn thỉu, ti tiện và nhơ nhớp.

Có một gã còn ti tiện hơn cả tôi. Hắn đã bán vợ hắn cho tôi với giá 100 xu.

Đấy là sự chuyển động trong thi ca Pháp. Nó gần với văn xuôi hơn là thơ. Sự chuyển động này cho thấy đã khác hẳn Lamartin, Appolinaire v.v... Chỉ có thể giải thích: đời sống hiện đại của Pháp đã chi phối thơ.

Trở lại thi ca Việt Nam, cũng vậy, sự chuyển động bắt nguồn từ những xô đẩy nội tại của xã hội khiến thi ca không thể không thay đổi.

Hiện nay các đề tài sáng tác của các thi sĩ Việt Nam có được khơi mở một cách rộng rãi hay vẫn quẩn quanh với những ước lệ cũ, hoặc giả vẫn còn bị chi phối bởi những quyền lực vô hình như khoảng thời gian đầu sau tháng tư 1975?

Sự tồn tại của thi sĩ, họa sĩ, cũng như các nghệ sĩ thuộc các lãnh vực khác giống như Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Người là gỗ thì dễ cháy. Người là đất thì hiền lành, người là sắt thì lạnh lùng, người là nước thì uyển chuyển... Chính họ đẻ ra đề tài, không ai có quyền ép họ, không ai có thể cho họ đề tài được. Tôi có thể tặng anh một câu kinh Phật trong bộ kinh *Thủ Lăng Nghiêm* mà tôi rất quí: *"Khi ngươi mở mắt ra là khi ngươi nhìn vào thiên hạ. Khi ngươi nhắm mắt lại là ngươi nhìn vào chính bản thân ngươi vậy".* Đề tài của thơ có từ hai trạng huống đó. Trạng huống mở mắt ra và trạng huống nhắm mắt lại. Có lẽ trong thời gian qua chúng ta mở mắt để làm thơ nhiều hơn là nhắm. Tôi mong mỏi thi ca Việt Nam bên cạnh việc làm thơ bằng chính đôi mắt mở để quan sát, còn phải biết nhắm lại để suy gẫm nữa.

Anh có thể cho độc giả biết về trường hợp Vòng Trắng. *Đã có nhiều dư luận cho rằng anh bị tước Đảng tịch vì bài thơ này và đồng thời gặp rất nhiều rắc rối từ phía chính quyền?*

Thưa anh, tôi muốn nói lại là không phải chính quyền, mà là một số người cụ thể tôi không tiện nêu tên ở đây, đã gây cho tôi rất nhiều phiền hà mệt mỏi. Vừa qua tại Maryland có một vài tờ báo Mỹ cũng nêu trường hợp này... Tôi xin được nói về bài thơ *Vòng Trắng.*

Tôi từ mặt trận ra, đến một làng thuộc huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông cũ, làng Hòa Xá. Làng này có khoảng 800 cô gái là vợ của khoảng gần 1000 thanh niên ra trận. Hơn phân nửa các cô gái đó đã mất chồng. Họ chỉ làm một nghề thợ dệt thủ công. Đó là nghề dệt vải sô may màn. Tiếng thoi dệt ngày đêm gõ vào đầu tôi như gõ vào số phận. Và những tấm vải sô trắng các cô gái dệt đó như chính họ đã dệt cho mình và con cái một vành khăn tang.

Sau thời gian đó tôi lên huyện Ba Vì - nơi Quang Dũng ngày xưa đã viết *Tây Tiến* - tiếng thoi dệt của các cô gái làng Hòa Xá vẫn ám ảnh tôi mãi không yên, và tôi đã viết bài thơ này. Bài thơ có tám dòng viết ra như một điếu văn, như một vành khăn tang chít lên đầu để tang cho các bạn tôi - những người lính. Thế nhưng một số người đã cho rằng tôi quá yếm thế, quá ủy mỵ và có tư tưởng chán ghét chiến tranh v.v... Người ta đã đem tôi ra mà phê bình.

Giờ đây mọi chuyện đã qua. Bài thơ *Vòng Trắng* đã được thanh lý trở lại và nó được tái đăng trên báo *Văn Nghệ*. Vừa qua nhân kỷ niệm tròn năm của tạp chí *Thanh Niên,* tôi cũng đã viết giải bày sòng phẳng về việc này.

Vai trò của anh ở báo Văn Nghệ *như thế nào, cùng những hoạt động gần đây của anh?*

Như anh biết tôi là Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà Văn, phụ trách Hội đồng thơ, và Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà Báo Việt Nam. Tại tòa báo *Văn Nghệ* tôi là Chi hội trưởng Chi hội nhà báo. Đứng về mặt nhà nước, Hữu Thỉnh phụ trách, còn đứng về mặt đoàn hội, đoàn thể, tôi là người phụ trách. Phải nói thật với anh đây là do anh em bầu chứ không phải được cắt cử. Tôi chưa bao giờ tự đánh giá cao về mình trong chuyện này. Anh em giao trách nhiệm cho mình thì mình phải làm thôi.

Trong quá trình làm cho tờ Văn Nghệ, *anh có còn bị phiền hà gì nữa không?*

Hình như không. Khiêm tốn mà nói, vai trò của tôi rất là nhỏ bé, lại được anh em thương. Không chỉ ở báo *Văn Nghệ* mà hầu hết là bạn thân cùng lứa thành ra không có gì phiền toái. Mặt khác, tôi thường xuyên làm công tác quảng giao văn học với bạn đọc. Tôi thường tạo điều kiện nối kết với độc giả bằng các buổi nói chuyện và đọc thơ của tôi trên vô tuyến truyền hình Việt Nam, và giữ được rất thường xuyên. Đó là niềm vui của tôi.

Xin anh cho biết tiến trình của báo Văn Nghệ *cũng như dư luận đối với tờ báo?*

Tháng ba năm 1993 báo *Văn Nghệ* của chúng tôi kỷ niệm tròn 45 năm thành lập. Đây là tờ báo văn học lớn nhất của Việt Nam hiện nay. Nó ra đời ngay ở Việt Bắc thời kháng Pháp. Tờ báo đã qua rất nhiều thời kỳ khác nhau. Hầu hết các nhà văn lớn của Việt Nam đã tham gia tờ báo này như Đặng Thái Mai, Nguyễn Đình Thi, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tế Hanh v.v... Nó cũng đã qua nhiều sóng gió: Vụ *Nhân Văn Giai Phẩm* cũng từ đây. Những vụ việc văn học lớn, gây xôn xao cũng từ báo *Văn Nghệ* như vụ Hoàng Cầm, sau đó vụ "Cây Táo Ông Lành", "Vòng Trắng" v.v... Dầu sao đây cũng là tờ báo tập trung đông đảo những nhà văn mang đầy trách nhiệm trước xã hội, trọng trách trước dân tộc. Tờ báo ấy có lúc rất dũng cảm, dám

chỉ ra những điều thiếu sót, yếu kém của cơ chế chính quyền, xã hội, nhằm mục đích giúp đất nước mỗi ngày mỗi khá hơn, về mọi mặt.

Là người đóng vai trò trách nhiệm về báo chí, xin anh cho biết tình hình báo chí, xuất bản trong nước hiện nay ra sao?

Báo chí và xuất bản trong nước vừa qua có gặp một khó khăn lớn: sự rối loạn. Có thể nói, cực kỳ rối loạn. Đó là một thị trường báo và sách không thể kiểm soát nổi. Hệ thống xuất bản tiếng là của nhà nước nhưng thực ra do tư nhân khuynh loát. Các đầu nậu về sách báo mọc ra như nấm. Một tờ báo đẻ ra rất nhiều tờ báo con, phụ trương. Các mặt sách xuất bản đại trà, tùm lum, từ sách mang tính bạo lực, dâm ô, đồi trụy đến các sách nhảm nhí, bói toán v.v... Công bình nhận xét: đây là việc tốt về mặt nói lên được sự tự do ngôn luận, in ấn. Nhưng cũng có cái dở là không thể nào kiểm soát được chất lượng văn hóa. Tôi thấy, về mặt nào đó còn tệ hơn nhiều nước chung quanh. Thật là chuyện đáng buồn.

Phải làm sao cho hệ thống xuất bản, báo chí phát triển tự do, nhưng phải lành mạnh, giữ được văn hóa dân tộc. Đó là mối quan tâm của mỗi người cầm bút chúng ta.

Trong nước, anh có được đọc những ấn phẩm hải ngoại không?

Tôi có được đọc những tác phẩm của các bạn tại hải ngoại như Pháp, Tây Đức, Canada, Úc Đại Lợi. Riêng Hoa Kỳ rất ít. Tôi nghĩ có lẽ khó khăn do vấn đề chuyển giao.

Còn việc in, phổ biến các tác giả hải ngoại ra sao? Anh có đọc họ? Đánh giá về họ cùng kết luận của anh?

Thường thường vào dịp tết, báo *Văn Nghệ* hay in một số tác phẩm của anh em hải ngoại, như Nguyễn Hồi Thủ ở Pháp là một trường hợp. Ở Hoa Kỳ có lẽ là nơi tập trung đông đảo nhất nhà văn của Sài Gòn ngày xưa. Rất nhiều người có tài, tôi có may mắn được biết một số người trong họ. Tôi có đọc và theo dõi trước kia. Tôi nghe nói Lê Tất Điều sau này chuyển sang làm thơ có đúng không? Tôi quí mến anh Nhật Tiến, người nổi tiếng điềm đạm và rất có tâm hồn, yêu trẻ thơ. Anh ấy đã viết rất nhiều cho trẻ thơ. Hiện nay anh ấy ra sao tôi không biết. Nguyên Sa bây giờ thế nào? Thanh Tâm Tuyền ở đâu v.v... tôi hoàn toàn không được rõ. Hầu hết chỉ nghe nói thế này, thế kia.

Vì không được đọc hết các tác giả thành ra tôi cũng không thể có sự chọn lựa để đánh giá hay nhận xét. Kết luận quá sớm chẳng hóa quá hồ đồ chăng? Trong câu chuyện, đôi khi nhắc đến vài tác giả ở hải ngoại chẳng qua ngẫu ý mà nói thôi.

Điều tôi mong muốn là sẽ có lúc chúng ta thông cảm được nhau hơn, để có thể ngồi lại với nhau. Tôi rất muốn gặp gỡ anh em nhà văn, nhà thơ, nhà

báo tại hải ngoại để cùng chuyện trò và cùng hướng đến mục đích chung là xây dựng văn hóa dân tộc. Và để cùng đọc tác phẩm của nhau.

Từ năm 1986 - 1987 đã có nhiều bài viết như "Lời Khai Của Bị Can" của Trần Huy Quang, "Cây Cao Su Kêu Cứu"... Những kịch bản của Lưu Quang Vũ, những phim tài liệu của Trần Văn Thủy, các tác giả như Nguyễn Huy Thiệp, các tham luận của Dương Thu Hương v.v.. đã dám nói lên cái bề trái của xã hội. Song song đó, thi ca Việt Nam đóng góp được gì trong tổ chức đời sống cùng những thực tế về mặt hành sử sai lầm của hệ thống chính quyền? Xin anh cho biết, cá nhân anh nhận xét thế nào về tất cả những hiện tượng nêu trên?

Tôi xin được nói là tôi sẽ không đánh giá cụ thể từng tác giả cũng như tác phẩm của họ. Với tư cách là Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà Báo Việt Nam xin cảm ơn các anh, là những người ở rất xa mà vẫn quan tâm đến những việc vụ, phong trào đó. Đúng là báo chí Việt Nam, điện ảnh Việt Nam, các hệ thống thông tin đã đóng góp rất nhiều vào công cuộc đổi mới tại Việt Nam. Báo chí Việt Nam vừa qua, trong đó có văn học, đã chỉ ra những cái yếu, cái kém, tham ô, những lạm, cùng các cùng tệ nạn xã hội. Từ đó xuất hiện những nhà văn, nhà báo rất năng nổ, đã viết nên những tác phẩm rất xuất sắc, trực tiếp đóng góp vào quá trình hoàn thiện cơ cấu xã hội.

Riêng thi ca khó hơn. Nguyễn Đình Chiểu đã từng viết: "Đau Nam chữa Bắc mà thuyên mới tài". Như vậy đau ở chỗ này, chữa ở phía kia mới xong được... Nói cách khác, đóng góp của thi ca có tính cách trừu tượng hơn, nhưng không phải không có.

Tại Việt Nam hiện nay thực sự đã có tự do sáng tác chưa?

Tôi muốn nói với anh như thế này: Tôi từ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam sang, tôi nói sợ rằng anh cho tôi ca ngợi nơi mình ở, nhưng tôi vẫn phải nói: Hiện nay đã có tự do trong sáng tác. Nếu như anh đọc trên báo Văn Nghệ hay các báo khác, anh sẽ thấy vô số ý kiến đa dạng đã được chấp nhận. Tất nhiên không phải là không có chuyện này chuyện kia. Vẫn có đấy, nhưng chẳng qua chỉ là hạt sạn nhỏ bé trong miếng cơm mà thôi. Miếng cơm có sạn thì ta nhằn nó ra, phải không anh?

Anh có nghe hay biết gì về phong trào "văn chương phản kháng" ở trong cũng như ngoài nước. Sự tác động của phong trào thế nào? Ý kiến của anh ra sao?

Có thể nói văn học lúc nào cũng tiềm tàng tính phản kháng ở bên trong. Đó là sự chống lại cái ác. Tôi rất hoan nghênh sự việc này. Trong văn học của mọi dân tộc, mọi thời đại đều có tính phản kháng. Chính cái tính phản kháng đó đã khiến văn học đóng một vai trò quan trọng, có ích lợi cho xã hội, đó là sự làm sạch sẽ xã hội, nếu chữ phản kháng được hình thành như một

thuật ngữ. Nếu tôi không lầm thì người ta đã dùng nó cho một nhà văn là André Gide.

Hiện nay phong trào "văn chương phản kháng" trong hay ngoài nước thế nào, có tốt hay không còn do một điều kiện nữa, đó là phản kháng cái gì, phản kháng ai? Tôi nghĩ đây chỉ là hiện tượng tất yếu của một xã hội trong buổi giao thời thôi.

Như vậy trong buổi giao thời, người làm văn học hiện nay có cần một thái độ chính trị nào không?

Nói đúng ra từ chính trị hiểu theo gốc rễ của nó thì rất cần. Từ *politic* khởi thủy từ Hy Lạp, thời đế quốc La Mã, từ đó được hiểu là mối quan hệ của cộng đồng này với cộng đồng kia, mối quan hệ của một cá nhân với một khối người. Tất cả thái độ đó gọi là thái độ chính trị.

Về thái độ chính trị của nhà văn, nhà báo ở Việt Nam hay hải ngoại theo tôi cần thiết nhất là: hãy ủng hộ xu thế hòa bình, nhân bản, xu thế thúc đẩy các mối quan hệ giữa các nước trên thế giới. Việc dẹp bỏ chiến tranh toàn cầu và hợp tác cùng có lợi.

Trở lại với đời sống Việt Nam, xin anh cho biết những thi sĩ của chúng ta đã sinh sống thế nào?

Câu này rất khó nói. Thưa anh, thi sĩ cũng giống như người dân thường mà thôi. Có người thế này, có người thế kia. Nhưng phải nói rằng không một ai sống nổi bằng chính nghề làm thơ. Họ phải có một nghề nào khác để sinh sống. Trước kia tôi in một tập thơ với số lượng một vạn cuốn, tôi sẽ có một món tiền đủ sống nửa năm hay một năm. Bây giờ, tôi phải tự bỏ tiền túi ra để in. Nếu không có tiền, tôi... phải bán xe đạp hay bán nhẫn của vợ đi mà in! Tóm lại, đời sống khá hay kém của một nhà thơ chắc chắn không phải tùy thuộc vào thơ. Nói cách khác, không ai kiếm sống bằng nghề làm thơ.

Nhà nước không có một chế độ nào để giúp đỡ họ sao?

Gần đây thì có, trước đây thì không. Tức là khi Việt Nam chuyển từ chế độ bao cấp sang chế độ kinh tế thị trường. Việc chống bao cấp đó - như anh chắc hiểu - cũng có nghĩa chống luôn cả bao cấp văn hóa, giáo dục và y tế. Nhưng mà... *bạn* có thể chống bao cấp với *bạn*. Còn *con*... Sao lại có thể chống bao cấp với *con* được. *Con* thì phải nuôi dưỡng nó chứ.

Đúng ra không thể nào chống bao cấp với văn hóa, giáo dục và y tế. Hiện nay chính sách của Việt Nam đang được hoàn chỉnh dần. Tôi biết gần đây có một số chủ trương tài trợ cho văn nghệ sĩ. Điều ấy thật đáng mừng. Nhưng dầu sao nó mới chỉ bắt đầu, chưa phổ biến rộng.

Theo anh điều gì cần bổ khuyết cho công việc làm văn học nghệ thuật?

Thực ra cái bổ khuyết đó nằm trong tự thân các tác giả. Cái chính là phải

có tài. Nhờ có tài anh sẽ thấy được, thẩm thấu được tất cả, nhận thức được những điều anh cần phải làm. Nhưng cái tài ấy đâu dễ kiếm, phải không? Còn nếu nói cụ thể cho việc phụ trợ, bổ khuyết, có thể nói ba điều sau đây:

1. Hệ thống chính sách của nhà nước đối với văn hóa phải rõ hơn, cụ thể hơn trong việc nuôi dưỡng nghệ sĩ để họ có thể sáng tác tốt.

2. Phải làm sao để người nghệ sĩ có sự thông hiểu đa dạng hơn về văn hóa Việt Nam và văn hóa nhân loại, kiến thức phải được trau dồi kỹ lưỡng hơn để khẳng định về mình, viết lên những tác phẩm mang đầy tính uẩn khúc, tính uyên bác hơn.

3. Nói ra thật bất tiện, nhưng nó cũng nằm trong điều thứ nhất. Đó là phải tạo cho văn nghệ sĩ một đời sống vật chất tương đối hơn và phải được củng cố thì họ mới làm tốt được.

Quan điểm cùng kỳ vọng của anh về một nền văn học nghệ thuật tổng quát của Việt Nam?

Vâng, có lẽ anh cũng giống tôi thôi, chúng ta đều có niềm tự hào về nền văn hóa lâu đời của chúng ta. Chí ít chúng ta cũng có được hai danh nhân văn hóa được Liên Hiệp Quốc ghi nhận là danh nhân thế giới phải kỷ niệm. Đó là Nguyễn Trãi và Nguyễn Du. Không phải nước nào cũng được LHQ ghi danh như vậy.

Để kế tục niềm tự hào trên thật là khó khăn. Tôi kỳ vọng rằng: làm sao cho nền văn hóa ấy không bị mai một, nền văn hóa ấy không chỉ được lưu truyền trong nước mà còn cần lưu truyền đến mỗi người Việt Nam trên toàn cầu. Làm sao cho một đứa trẻ không chỉ đọc những tác phẩm bằng tiếng ngoại quốc mà còn đọc được ca dao Việt Nam, thuộc được dân ca Việt Nam nữa. Đó là điều tôi cho rằng tất cả chúng ta đều phải quan tâm, vì suy cho cho cùng ai cũng phải có một cội rễ, phải không? Tôi thấy ngay tại Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ này, các dân tộc khác đều có nguồn gốc và đều giữ được nguồn gốc cùng văn hóa của họ. Tôi có ba kỳ vọng sau đây:

- Tại Việt Nam, việc mở rộng nền kinh tế thị trường không làm cho nền văn hóa Việt Nam bị băng hoại, mà phải giữ được bản sắc của dân tộc.
- Không có một nền văn hóa kiểu quần chúng, đại trà, mà phải xuất hiện những tài năng.
- Văn học Việt Nam bởi người Việt Nam là của người Việt Nam. Dù ở bất cứ đâu trên thế giới, nếu có tài năng đều có quyền tham dự vào nghĩa vụ và quyền lợi trong việc xây dựng, cũng như thụ hưởng kho tàng văn hóa dân tộc.

Về vấn đề quan hệ giữa văn nghệ sĩ nội địa và văn nghệ sĩ hải ngoại, nếu có đối thoại, theo anh, sẽ bắt đầu từ đâu và sẽ đối thoại như thế nào?

Dân văn hóa dễ bắt tay nhau hơn dân quân sự, thế mà, các viên tướng của Mỹ đã bắt tay các viên tướng Việt Nam rồi, huống gì các nhà văn, nhà thơ,

họa sĩ... sao lại không thể bắt tay nhau được? Các nhà làm văn học nghệ thuật không chỉ thấu việc một năm, hai năm, năm, mười năm... mà còn thấu việc hàng bao thế kỷ, do đó họ cũng biết bỏ qua những lấn cấn mà bắt tay nhau chứ. Như tôi đã nói ở trên, bằng vào tài năng và sự nhạy cảm, họ có thể nhìn ra nhiều vấn đề, tôi tin rằng trong những ngày tương lai, hai cộng đồng có thể hiểu nhau hơn, gần nhau hơn khởi từ ý hướng chung là cùng bắt tay xây dựng một nước Việt Nam mỗi ngày mỗi lớn mạnh và uy thế hơn trong cộng đồng nhân loại.

Vừa qua anh có tuyên bố trên tờ Maryland: "Tôi muốn bắt đầu lại bằng sự thân thiện..." Anh muốn nói điều này với dân chúng Mỹ hay với cộng đồng Việt Nam hải ngoại?

Thưa anh, tất nhiên với Mỹ. Vì trước đây nước Mỹ và nước Việt Nam vẫn coi nhau như những quốc gia thù địch... Còn với người Việt chúng ta, tôi nghĩ mọi chuyện đã xảy ra trong quá vãng là một trục trặc trong bộ máy kỹ thuật. Chỉ tiếc một điều: vì trục trặc đó, cả hai miền đã tốn quá nhiều máu xương.

Tôi cũng tin tưởng rằng anh em văn nghệ, các nhà văn, nhà thơ hải ngoại hay nội địa có thể làm sáng tỏ mọi việc để tiến hành việc đoàn tụ, hầu có thể ngồi lại với nhau mà cùng hướng đến tương lai.

Anh có muốn trao đổi thêm điều gì với anh em văn nghệ hải ngoại?

Không riêng gì tôi mà các bạn tôi cũng đều muốn như tôi: muốn gặp gỡ, trao đổi và tiếp xúc. Khi tôi đi, có người nói với tôi: "Ông ơi, đến Mỹ, ông đừng bò xuống Cali, vì chỗ đó có nhiều sự hiểu lầm lắm..." Thật ra tôi chỉ sợ không có thì giờ, chứ chả ngại gì điều ấy, vì tôi vẫn tin, trong mọi trường hợp, những người làm thơ viết văn vẫn rất dễ hiểu nhau. Ngày mai tôi phải rời nước Mỹ để trở về Việt Nam, tôi mong sao chúng ta có thể trao đổi cho nhau những tác phẩm tốt, tặng cho nhau những bài thơ mới nhân danh lòng nhân ái của con người. Nếu có một tổ chức xã hội nào đó đứng làm trung gian cho sự gần gũi này thì thật là điều vô cùng quí.

Với một thời gian ngắn ở Mỹ, anh đã tiếp xúc với nhiều nhân vật Mỹ, đã tham quan một số nơi, anh thấy thế nào?

Quả nhiên thời gian ở Mỹ của tôi thật quá ngắn ngủi cho nên chẳng thể kết luận một điều gì. Nhận xét đầu tiên về nước Mỹ của tôi là từ 1987 khi tôi đến Moscow, đó là lần đầu tôi xem một cuộc triển lãm tranh của Hoa Kỳ tại Nga. Triển lãm mang tên: *Hội Họa Mỹ 1890-1920* được tổ chức tại Trung Tâm Triển Lãm Quốc Dân, khi ấy tôi ngạc nhiên về những không gian hết sức thanh bình, những vườn cây, những mảnh đất rộng bạt ngàn với những người dân bình dị hiền lành... hoàn toàn khác với một nước Mỹ đầy bom đạn và vũ khí tối tân. Khi sang Mỹ, tôi đã đi được nhiều nơi, dù rằng vốn liếng

tiếng Anh của tôi không được thạo lắm, bởi có rất nhiều người tận tâm hướng dẫn tôi, vui vẻ với tôi, khiến tôi có ý nghĩ rằng: ở bất cứ nơi nào trên trái đất này, người tốt bao giờ cũng nhiều hơn người xấu.

Anh có dự kiến gì khi trở về Việt Nam?

Có vài dự kiến. Trước hết tôi muốn làm một bộ phim truyền hình liên quan đến những người lính Mỹ mất tích tại Việt Nam mà may mắn thay khi tới Massachusetts tôi đã tìm thấy nhiều tài liệu quí giá. Thứ nữa tôi sẽ làm một số bài thơ cảm hứng từ tấm vé máy bay của tôi, với tựa đề là: "Tôi bay cùng chiều quay quả đất". Tứ thơ nẩy ra từ số giờ bay ghi trên vé: rời Bangkok lúc 9g30 ngày X và đến Los Angeles vào 10g50 cùng ngày. Nếu đúng như giờ ghi trên vé thì tôi chỉ bay có hơn một tiếng đồng hồ. Tại sao vậy? Là vì tôi bay cùng chiều quay quả đất, đó là ngày tôi có nhiều mặt trời nhất. Tôi cũng sẽ viết vài phóng sự, và thực hiện một phóng sự bằng hình (tôi có đem theo một máy video camera). Tôi hy vọng sẽ trở lại đây để nói chuyện với các nhà văn, nhà thơ Hoa Kỳ như lời hứa hẹn. Ngoài ra, một lần nữa, tôi xin nhắc lại điều đã nói ở trên: được gặp gỡ các nhà văn Việt Nam. Chỉ ngại rằng không biết các anh chị ấy có tiếp tôi hay không? Thật lòng tôi muốn tới California với mong ước được thăm một số tác giả mà tôi đã từng đọc.

Thay mặt độc giả Hợp Lưu xin cảm ơn anh và xin chúc anh thượng lộ bình an trên chuyến trở lại Việt Nam vào ngày mai.

VƯƠNG NHU *thực hiện*



PHẠM TIẾN DUẬT

vòng trắng

Khói bom lên trời thành một cái vòng đen
Trên mặt đất lại sinh bao vòng trắng
Tôi với bạn tôi đi trong yên lặng
Cái yên lặng bình thường đêm sau chiến tranh.

Có mất mát nào lớn bằng cái chết
Khăn tang vòng tròn như một số không
Nhưng bạn ơi ở bên trong vòng trắng
Là cái đầu bốc lửa ở bên trong.

PHẠM TIẾN DUẬT, 1974.



THỤY KHUÊ

đọc bến không chồng của dương hướng



Bến Không Chồng của Dương Hướng, tác phẩm được giải thưởng hội nhà văn năm 91, do nhà xuất bản Hội Nhà Văn tái bản, cũng năm 91 - sách dày 291 trang - là cuốn tiểu thuyết viết về miền hậu tuyến, một thế giới không có chiến tranh, không có người chết nhưng đầy dẫy những người đã chết nửa phần hồn.

Bến Không Chồng còn có cái tên trớ trêu khác là *Bến Tình*, một địa danh thuộc làng Đông, nơi có cầu đá Bạc, bắc qua sông Đình. Tác giả dụng ý dùng những địa danh có chữ đ, những danh từ riêng mang những nét chung của đời sống hằng ngày. Những chữ đấy còn có thể tìm thấy trong: *đạo - đời - đảng*, những danh từ quen thuộc chi phối đời sống người dân Việt. Làng Đông còn có một đặc tính nữa: *"Làng Đông có nhiều cái nhất: Đình làng Đông to nhất; Cây quéo làng Đông cao nhất. Cầu đá làng Đông đẹp nhất. Nước sông Đình làng*

Đông cũng mát nhất" (trg 9). *Nhất* nhiều như thế, cũng lại là một đặc tính rất Việt Nam. Sau cùng, làng Đông mang đặc tính chung của nhiều làng khác: Làng Đông có hai dòng họ kình địch.

Sự phân tranh giữa hai dòng họ là một hiện trạng xuất phát từ lâu đời, có thể xem như một thứ dân tộc tính của người Việt Nam. Ở làng Đông sự phân tranh bắt nguồn từ một truyền thuyết xa xôi, dựa trên một tội ác có thể đã xẩy ra hoặc hoàn toàn do trí tưởng tượng của con người cấu tạo nên. Truyền thuyết vô căn cứ đó đã ngăn chặn biết bao mối tình, đã phân hóa tình cảm giữa người và người và đẩy đưa hai họ Nguyễn - Vũ tới hận thù, chia rẽ, xâu xé trong nhiều thế hệ.

Huyền thoại và truyền thuyết là những dữ kiện của các xã hội bán khai. Tiếp xúc với khoa học, con người dần dần loại bỏ niềm tin vào huyền thoại mà chỉ xem như một đối tượng khảo sát nhân chủng. Nguồn gốc Con Rồng Cháu Tiên, cũng nằm trong những truyền thuyết hoang đường, hậu quả của một niềm tự hào dân tộc quá mức, cần được tìm hiểu và soi sáng hơn là tin tưởng.

Trở lại với tác phẩm của Dương Hướng, sự phân tranh giữa hai dòng họ bắt nguồn tự niềm tin vào một truyền thuyết hoang đường ở đây có thể xem như một thứ *tệ đoan xã hội mang màu sắc dân tộc*, một thứ cá tính đã đi vào đời sống dân quê như một "truyền thống" mù quáng và phản khoa học. Không phải vì tình cờ mà Nguyễn Khắc Trường trong *Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma* và Dương Hướng trong *Bến Không Chồng* cùng đả phá truyền thống ấy. Vô hình chung, cả hai đều muốn dùng sự phân tranh ấy để nói đến một cuộc phân tranh khác, rộng lớn hơn, mà tất cả chúng ta dù ở phía này hay phía nọ, dù quê hay tỉnh, cũng đã trách nhiệm, cũng đã đóng góp một cách tích cực vào.

Ngày nay, nhìn lại quá khứ có những chữ *Giá* đầy ý nghĩa: " *Giá chẳng thằng nào đánh thằng nào*" (trg 214). Nhưng những chữ*Giá* ấy đã không xẩy ra và làng Đông cũng như bao nhiêu làng khác đã đi vào chiến tranh, đã hy sinh những giọt máu thiêng liêng nhất của mình - những đứa con trai lành lặn - cho một cuộc chiến mà tác giả sau nhiều phân vân - gọi là *Chiến Tranh Phá Hoại*. Làng Đông còn lại gì? Anh Nhan ho hen cò cử. Anh Tẹo chột mắt. Thằng Ngốc chuyên đi gắp cứt trâu. Hân là chàng trai lành lặn duy nhất: to, cao, khoẻ mạnh... nhưng lại là đồ bỏ vì Hân là người lính đầu tiên đào ngũ về làng *Hân không dám ló mặt ra đường từ cái hôm phải đeo tấm biển "Ai cũng như tôi thì mất nước" đi diễu trên đường làng giữa tiếng khua phèng phèng của tụi trẻ*. (trg 132).

*

Trong những cuốn tiểu thuyết viết về chiến tranh hoặc chống chiến tranh những năm gần đây, tác phẩm của Dương Hướng xói động đến những vấn đề cốt tủy, một cách thâm trầm và đau đớn. Không đả động đến những điểm

nóng trong chiến tranh. Không lạm dụng đến những tình tiết éo le. Dương Hướng chọn con đường khác và khó: Ông viết về những cái tầm thường của người dân quê với bút pháp vừa thật thà vừa táo bạo, đôi khi ranh mãnh, đôi khi mỉa mai, cay độc. Dương Hướng đề cập đến nhiều vấn đề, nhiều nhân vật, nhiều lứa tuổi nhưng không cần nhiều lời mà gần như vấn đề nào ông cũng cố gắng đi đến ngành đến ngọn. Nhân vật nào ông cũng chụp được những nét tinh tế, sắc sảo: từ tâm tình của đứa nhỏ lên năm, lên ba, đến lứa tuổi thanh niên, trung niên và luống tuổi. Dương Hướng viết kỹ, viết hay, viết bạo, trừ những trang đầu còn ngập ngừng chưa thật "vào" truyện, độc giả khó tìm thấy những dễ dãi, sơ hở, vội vàng trong gần ba trăm trang sách.

*

Câu chuyện bắt đầu từ ngày Nguyễn Vạn *ma lem mắt toét*, anh hùng Điện Biên, sau chiến thắng xách ba lô về làng với những *tấm huân chương rung rinh lấp lánh trên ngực*. Về làng công việc đầu tiên của Nguyễn Vạn là xung phong phá ngôi đình Đông để làm trụ sở ủy ban xã. "*Chẳng có thần thánh mà chỉ sợ làm sai lời đảng dậy [...] Cả cái làng Đông cũng chẳng ai chết vì chuyện phá đình. Đến như ngôi miếu ở đầu làng linh thiêng có tiếng, ai đi qua cũng không dám nói tục. Vậy mà hôm phá miếu, Vạn còn đến sớm đái lên cả bệ thờ mà cũng chẳng sao. Đã bảo là Vạn không tin vào thần thánh ma quỷ. Điều đáng sợ nhất với Vạn là để mất lòng tin với dân và Đảng. Từ một việc nhỏ Vạn cũng phải cân nhắc xem có phải đấy là ý dân ý Đảng. Lâu nay Vạn xét lại lòng mình và thấy rằng Vạn đã yêu thương chị Nhân. Đó là do những phút giây yếu hèn không kềm nén được*". (trg 61)

Nguyễn Vạn hiện thân của lớp cùng đinh, thất học. Sau cuộc đổi đời trở thành những chức sắc nắm quyền sinh sát trong làng. Họ từ bỏ niềm tin vào thánh thần ma quỷ để tin vào một thứ thần thánh khác: Đảng đồng nghĩa với Nhân dân. *Chân lý* của Vạn *từ ấy* là *Đảng*. Biểu tượng: Vạn là người anh hùng chiến thắng Điện Biên. Cả *chân lý* lẫn *biểu tượng* đã dẫn dắt Vạn trong suốt cuộc đời còn lại: Vạn đã bắn người, đã làm những chuyện phi nhân, phi lý trong cải cách ruộng đất; đã thúc đẩy trai tráng trong làng xung phong vào nghĩa vụ quân sự, đã hy sinh những cơ hội hạnh phúc trong đời để đóng tròn hai vai: người hùng và người Cộng Sản. Nhưng cho đến lúc lìa đời, khối óc thực thà, trung hậu và giản dị của anh không bao giờ hiểu: Thế nào là người anh hùng? Thế nào là người Cộng Sản? Anh sống với những nạn nhân của anh, với thảm kịch của họ do chính anh gây ra, đau khổ với họ, xả thân chia sẻ phần bất hạnh của họ mà không từng đặt câu hỏi, không biết đặt câu hỏi: Vì ai và vì sao?

Dương Hướng muốn đưa ra một nghiệm đề: Khi một quyền lực tối cao chiếm hữu được lòng tin của lớp người thực thà, trung hậu nhưng không có khả năng suy luận, khả năng kiểm nghiệm thì quyền lực ấy trở nên vạn năng, trở thành Định Mệnh.

Một người có ý thức cá nhân, dự định chống lại tập thể: Ông Khiên muốn giữ đứa con trai độc nhất của mình, không cho đi bộ đội với lý do đơn giản: Ông cần người lo việc tế tự và nối dõi tông đường. Lý do rất "vụ lợi" và cá nhân đó, có thể ẩn dấu một lý do khác mạnh mẽ và nhân bản hơn: Ông Khiên muốn bảo vệ cuộc sống trong một môi trường coi thường sinh mạng. Dù với cách nhìn nào đi nữa, ông Khiên vẫn đi ra ngoài quỹ đạo của những người làm nên "lịch sử" và ông đã phải tự xử trước khi bị xử.

Một người khác, ông Xung nổi xung đốt ngôi từ đường họ để phản ứng lại những oan ức chồng chất mà gia đình ông phải chịu. Sau hành động chống phá mãnh liệt ấy, ông Xung giả điên, giả dại để phi tang hành động của mình.

Phản ứng của ông Khiên từ tốn, âm thầm, thâm trầm và dứt khoát.

Phản ứng của ông Xung nóng nẩy, cực đoan, tuyệt vọng và lẫn tránh hậu quả. Ở đây Dương Hướng đưa ra thể nghiệm thứ nhì: Mọi tư duy đối lập đều bị tiêu diệt, tự hủy hoặc vô hiệu hóa trong môi trường chuyên chính.

Ở một nơi mà "*đàn ông phải tắm ở đầu nước không thì sợ đàn bà làm bẩn mình*" (trg 12), những người đàn bà của Dương Hướng chỉ còn nước chịu đựng. Họ thường có trực giác mẫn cảm, có khả năng nhận thức cao hơn những người đàn ông sống cạnh họ nhưng họ thuộc diện *không có thẩm quyền*.

Một người như chị Nhân, đã từng *đi từng nhà vận động thanh niên lên đường nhập ngũ*, đã ba lần tiễn chồng con ra đi, tất cả đều lần lượt bỏ mình trong nghĩa vụ. Chị Nhân lẩn thẩn tính toán sổ đời: "*Giá thằng Hiệp nhà này còn sống... giá chẳng thằng nào đánh thằng nào*" (trg 214) và đêm đêm chị nhận những lời buộc tội của chồng con. *Chồng chị nói: "Mình là kẻ giết người, là mụ đàn bà ác độc! Tôi đã ra đi rồi sao mình không để các con được sống?" Thằng Hà nói: "Bố và con đã đi rồi, sao mẹ không để cho em con được sống?" Thằng Hiệp nói: "Sao mẹ lại vui mừng khi con đi vào chỗ chết?"* (trg 215)

Chị Nhân có ý thức tự vấn, tinh thần trách nhiệm, khả năng tra hỏi chính mình trong khi chồng chị và các con chị khi còn sống cũng như khi đã chết - không hề có khả năng tự vấn, không nhìn nhận hậu quả của việc mình làm. Dương Hướng đưa ra một nghiệm đề thứ ba: Những người nắm chủ quyền không có khả năng và không có tinh thần trách nhiệm. Ngược lại, những người có khả năng và tinh thần trách nhiệm lại không có chủ quyền.

Thế giới đàn bà của Dương Hướng còn có những tâm hồn mới như Thủy: trí thức, dứt khoát sống cho mình, thản nhiên tìm đến động tác sinh lý như một quyền tự do thiêng liêng của con người, không phân biệt nam, nữ. Thủy sẵn sàng dùng bất cứ phương tiện ngoại vi nào để có thể tạo được đứa con cho người chồng đã mất khả năng sinh dục. Thủy là hiện thân của cá thể trong một tập thể không dung tha cá thể. Hiện thân của tự do trong môi trường không tha thiết tự do. Thủy là thiểu số, không có thẩm quyền, cho nên những huyên náo của Thủy chỉ như hòn sỏi ném xuống nước, khơi động

mặt hồ trong chốc lát rồi lặng lẽ chìm sâu vào lòng nước.

Thế giới đàn bà của Dương Hướng còn có những cá nhân đòi quyền sống, dòi quyền sống đời sống sinh lý trong một xã hội thiếu đàn ông. Đòi hỏi cấp bách và quẫn bách như mụ Hơn. Sôi động và liều lĩnh như Thắm. Trâng tráo, đáng thương và tuyệt vọng như Dâu. Thơ mộng, nồng nàn và hoang tưởng như Hạnh:

"Lâu nay Hạnh sợ cái bến tắm [...] sợ chính sự gợi cảm của dòng sông... Sợ cái bến 'không chồng' [...] Đã tám năm nay Hạnh nhận ra mình sống bằng kỷ niệm với Nghĩa nhiều hơn là chờ đợi ở tương lai [...].

Bến vắng. Nỗi buồn cô liêu. Một tiếc nuối thoáng qua... Một thời xuân sắc và những phút ái ân với Nghĩa bỗng trỗi dậy. Đầu óc Hạnh căng ra rung lên ngây ngất đi tìm lạc thú trong hoang tưởng. Hạnh lao ra dòng nước mát lạnh sóng sánh bóng trăng. Cơ thể lâu ngày khô héo bỗng rạo rực tràn ngập lưng phấn. Hạnh vùng vẫy quẫy đạp trong ham muốn làm tình với nước. Trong phút chốc Hạnh thấy mình đang chìm dần như thể có con ba ba thuồng luồng đang lôi tuột xuống đáy sông. Hạnh hoảng loạn chới với cố nhoài lên bãi cát. Tay vẫn giữ khư khư bộ quần áo sũng nước. Hạnh lao lên bến chạy dọc bờ sông. Hạnh chạy mãi chạy mãi [...] Bầu trời đầy sao lung linh và vầng trăng đơn độc lửng lơ trên nền trời xanh ngắt. Hạnh nhìn mãi nhìn mãi vào vầng trăng. Bất chợt Hạnh rùng mình hoảng hốt thấy vầng trăng cứ lớn dần và to phình ra, đỏ lừ như mặt con ma ở đầu cánh mả Rốt chuyên săn phụ nữ góa chồng. Hạnh cố dẫy dụa trong tuyệt vọng, mặt con ma đỏ lừ đang sà xuống thấp dần, thấp dần sát mặt Hạnh. Nó thè lè chiếc lưỡi đỏ lừ liếm lên khắp thân thể Hạnh. Hạnh cảm nhận rõ ràng con ma mặt đỏ đang làm tình với mình. (trg 174-175)

Dòng nước vô tình ở bến tình đã đón nhận bao nhiêu tấm thân đến trầm mình dưới trăng khuya như thế? Đã giải tỏa bao nhiêu khát vọng? Xoa dịu bao nhiêu thiếu thốn của người đàn bà - không chồng - trong gần nửa thế kỷ chiến tranh và chết chóc? Khi hòa bình trở lại, lại vẫn bến tình hứng chịu những giọt nước mắt thặng dư vắt ra từ những mảnh đời rách nát không kim chỉ nào vá víu cho được.

Nguyễn Nghĩa, người anh hùng của thế hệ thứ hai, đã thay thế Nguyễn Vạn, chiến thắng trở về. Có uy thế và có học, Nguyễn Nghĩa không giẫm lên quá khứ, không đạp đổ miếu đình, đàn áp địa chủ như Nguyễn Vạn. anh xây lại từ đường trên đất tổ, anh vinh danh nếp sống mới cho gia đình, xoa dịu những khổ đau mẹ chờ, vợ đợi. Nhưng sự hiện diện của anh đã trễ... quá trễ, không đủ khỏa lấp những mất mát quá dài, quá sâu. Và vết tích chiến tranh còn tàn dư trên anh đủ triệt hạ nốt chút hy vọng mong manh của một hạnh phúc chưa bao giờ có thực.

Trọng lực của chiến tranh - Chiến tranh do chính thế hệ anh gây ra - đã oằn xuống, đã găm vào huyết quản của cả một thế giới trẻ và già. Trong sâu lắng, lần đầu tiên anh nhìn lại người thân của mình: *"Chú Vạn hồi này hầu như không bước ra khỏi mảnh vườn ươm... gương mặt chú gầy xọm đi, tóc bạc*

trắng như ông lão. Còn Thành suốt đời phải mang bộ mặt dị dạng không vợ con... Dâu ngày xưa lem lém như vậy, giờ lại lấy cửa Phật làm vui. Đến như cái Thắm rực rỡ nhất nhì làng Đông, bây giờ vẫn vò võ nuôi con một mình. Còn mẹ Hạnh thì gần như câm lặng... Nghe mọi người đồn Hạnh lên mãi trên Bắc Thái gì đó." (trg 282)

Ân hận nào thay thế được một đời đổ vỡ, một đời vĩnh viễn ra đi? Cái giá phải hy sinh cho chiến tranh quá lớn, đè nặng như một định mệnh oan khiên, đổ xuống những người đàn ông đi không trở lại, những người về dị dạng, xuống những anh hùng còm cõi tâm linh, thể lực tàn phế, không đủ khả năng để vun xới hạnh phúc, gieo mầm cho cuộc sống tương lai.

Cái giá chiến tranh đè xuống những người đàn bà ở lại, đã mẫn cán, can trường tranh đấu để sống còn trong khoảng thời gian chiến tranh, đơn côi, trống trải. Và khi hòa bình trở lại còn phải cật lực gầy dựng cho những người thân thui chột trở về. Sức chịu đựng và cố gắng bền bỉ đã làm khô cạn mạch đất, ráo kiệt dòng sông mà những mầm non thui chột - dù có lỡ làng gieo xuống - cũng không còn điểm tựa để trổi dậy, để vào đời.

Bến Không Chồng là cuốn tiểu thuyết thời đại mà người viết đã lao lung suy nghiệm về những vấn đề sâu xa của đất nước, về quyền sống của con người. Qua bút pháp điềm tĩnh, tỉnh táo, vui tươi, tinh quái ẩn dấu một thảm kịch tàn nhẫn. Soi rọi ngòi bút vào mỗi nhân vật, mở rộng vết thương bằng lối nói chất phác dung tục của người dân quê, Dương Hướng khai khoáng để tìm cách khử trùng.

Chúng ta có thể đọc *Bến Không Chồng* như một tiểu thuyết hiền lành viết về phong tục xã hội. Chúng ta cũng có thể đọc *Bến Không Chồng* như một sám hối của lương tâm sau nhiều lỗi lầm chồng chất. Đọc cách nào đi chăng nữa, *Bến Không Chồng* vẫn còn đọng lại trong ta một chút máu và nước mắt của những linh hồn chưa kịp sống, những linh hồn đã sống và đang chết.

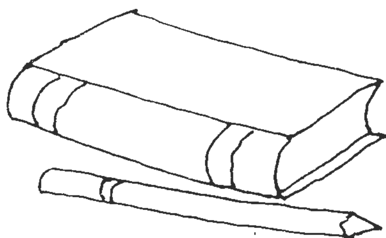
THỤY KHUÊ
18/11/1992



KIM THI *phụ trách*

ngày... tháng...

Ngày 25 tháng 12, 1992



Ph. thân mến

Mùa xuân ở xứ này khá lạnh, buổi sáng từ trong nhà nhìn ra, qua khung kính, sương mù giăng đầy khu vườn nhỏ, những bông hồng đỏ thẫm - hồng nhung - lay nhẹ trong gió. Bên vệ đường, phía ngoài hàng rào sắt mắt lưới, cây anh đào trụi lá trơ nhiều cành nhỏ. Sự bình yên của ngoại cảnh dễ gây nhàm chán, hay tại tâm hồn tôi đã cổi cằn, không còn thích nghi nổi với môi trường mới?

Thật ra cũng chẳng mới gì. Sáu năm rồi, kể từ ngày đặt chân xuống phi trường Los Angeles. Sáu năm trên một đất nước mà thời gian dường như được rút ngắn lại rất nhiều nếu so với nhịp sống ở quê nhà. Thế nhưng, lạ quá, nhiều lúc chiêm nghiệm bản thân, tôi chợt nhận ra sáu năm qua, tôi vẫn chỉ là kẻ đứng bên lề xã hội này. Mỗi ngày với chừng ấy công việc, không thêm, không bớt; với chừng ấy giao tiếp, không vượt ra ngoài những ước lệ xã giao hoặc tương quan nghề nghiệp. Đời sống, như goong tàu, chạy miết về phía trước, trên hai đường ray đã định sẵn. Yên ổn. Nếu chỉ giới hạn hai chữ này trong khuôn khổ một cuộc sống tương đối không quá thiếu thốn thì quả tôi đang yên ổn. Thứ yên ổn "tiền chế", kiểu "food to go" made in USA, no vừa phải, ít tốn kém, và tiện lợi. Như thế, có lẽ sẽ như thế, vài ba mươi năm nữa, cho đến lúc - nói như một nhà văn luống tuổi - ăn đất, với đầy đủ thân bằng quyến thuộc theo sau cỗ áo quan. Cũng là một cách chết yên ổn. Còn con đường nào an toàn hơn cho cuộc đời một cư dân? Và còn đòi hỏi gì hơn?

Thế nhưng vẫn có điều gì bất ưng thường xuyên ngự trị trong tâm hồn. Điều gì? Có người giải thích đó là nỗi hoài nhớ cố hương. Là dòng máu chảy trong cơ thể không ngừng réo gọi cội nguồn. Là nơi chốn đã sinh ra dã lớn lên đã buộc ràng bao nhiêu hệ lụy mỗi ngày mỗi hiển hiện rõ nét trong hồi tưởng. Ph. nhớ không cuốn *Men Đá Vàng* của Nguyễn Thị Thanh Sâm? Cuốn sách tôi moi được trong đống sách trên vỉa hè đường Pasteur năm nào. Cuốn sách chúng ta đã đọc, để rồi kinh ngạc hỏi nhau tại sao một tác phẩm hay đến như thế, vượt xa những "danh tác" nổi đình nổi đám dương thời, mà không mấy ai biết đến, càng chẳng có ai viết về nó? Từ ngày ấy, dù chưa phải là người trong văn giới, tôi đã lờ mờ nhận thấy số phận của một tác phẩm, và tăm tiếng của một tác giả, nhiều khi, rất nhiều khi, tùy thuộc vào sự rủi may của số phận. Nhưng đấy là vấn đề khác, có dịp, tôi sẽ trò chuyện với Ph. Sở dĩ tôi nhắc đến *Men Đá Vàng*, bởi từ đâu đó trong tác phẩm, có một câu văn tuyệt diệu thỉnh thoảng lại vang ngân trong đầu tôi. Nó như tiếng chuông réo gọi sự tỉnh thức trước lẽ sinh diệt vô thường. Nó biểu thị cái vòng luân hồi màu nhiệm buộc quanh mỗi phận người. Và trên hết, hình tượng nó gợi ra thật đẹp, thật gần gũi với tâm cảm mỗi chúng ta:

Người ta sinh ra từ một cái gò, gò bụng của mẹ, và rồi sẽ chết đi dưới một cái gò, nấm mộ ngoài nghĩa trang.

Bao giờ cũng thế, mỗi lần nghĩ đến quê hương, hình ảnh hai cái gò của Nguyễn Thị Thanh Sâm lại hiện lên, kèm theo hàng loạt ấn tượng khác. Có cái tôi biết là thật, có cái tôi phân vân mãi không hiểu phát sinh từ những giấc mơ, hay nẩy ra từ trí tưởng tượng. Một điều hơi lạ: bao giờ, lúc nào những ấn tượng ấy cũng xoay quanh hình ảnh người Mẹ. Dù rằng bà đã mất đi từ lúc tôi mới lên bảy, dù rằng hình ảnh bà, trong tôi, chỉ lờ mờ qua khuôn mặt một thiếu phụ có đôi mắt to đen, sâu hun hút, được khai sinh từ bàn tay của cha tôi - một ông thợ vẽ truyền thần - mà mãi cho đến gần mười lăm năm trước ngày tôi rời nước ra đi, vẫn còn nằm cô đơn trên vách ván, trong ngôi nhà mục nát ven một bờ biển miền Trung sáng chiều dội đập tiếng sóng. Nơi đó, tuy không phải là chốn tôi sinh ra, nhưng đã lưu giữ của tôi nhiều kỷ niệm, những kỷ niệm của một thời tuổi nhỏ đầy bất hạnh: cha tù tội vì "hoạt động chính trị", em trai chết vì lao, em gái chết vì bệnh tâm thần, và tôi, bỏ nhà ra đi năm mười ba tuổi, vì không chịu nổi cái bầu khí u ám của dói nghèo, thù hận.

Ngày tôi lên đảo, được tin cha qua đời, tôi đã ngồi suốt từ lúc mặt trời áp trên đỉnh đầu đến khi cái vầng đỏ kia lặn sâu xuống mặt biển, trên một mõm đá nhô ra bờ vực sau lưng đảo Pulau Bidong. Quanh tôi, tiếng sóng, và gió, lướt thướt, ì ầm. Tôi không khóc. Chẳng có giọt nước mắt nào ứa ra. Nhưng lòng tôi, tim tôi quặn thắt. Tôi nghĩ miên man bao nhiêu chuyện cũ. Buổi chiều nào tôi theo người mẹ kế vào thăm nuôi cha ở bệnh viện Duy Tân. Qua

bao nhiêu thủ tục giấy tờ nhiêu khê, lọt vào ngưỡng cửa khu “trại cấm” dành riêng cho các tội phạm, lấm lét cúi gằm mặt trước tia mắt của gã an ninh canh gác trước cửa phòng, tôi nhìn thấy cha nằm thiêm thiếp trên giường bệnh. Cánh tay trái của cha bó bột treo trước ngực, mặt cha sưng tấy, mắt phải cha được băng kín bằng một miếng băng thấm máu thâm đen. Cha nằm, như chết, hơi thở nặng nhọc, khò khè. Dì tôi cúi xuống, thì thào: "Ông ơi, ăn cháo không, tui đút?" Dì lặp lại câu hỏi đến lần thứ tư cha mới chậm chạp xoay nghiêng đầu, mở mắt. Châu thân tôi bỗng dưng lạnh toát. Từ hố mắt thâm quầng còn lại, bất động một con ngươi vàng đục, tuy hướng về phía chúng tôi nhưng có lẽ không trông thấy gì hết. Chỉ có những ngón tay thâm tím thò ra ngoài lớp băng bột khẽ nhích động, chứng tỏ cha đã nhận ra sự hiện diện của chúng tôi. Lần đó, tôi cũng không khóc, chẳng có giọt nước mắt nào ứa ra, dù lòng tôi, tim tôi quặn thắt. Sau này người mẹ kế kể lại cha đã phải chịu đựng suốt một tuần trong phòng tra tấn, đến gãy tay và hư một mắt.

Cha không làm chính trị. Ông là một nghệ sĩ, hay đúng hơn, một họa sĩ bất thành. Suốt đời, từ xuân xanh đến trung niên, ông vật lộn với cọ sơn, khung bố, để cuối cùng đành chấp nhận thân phận một người thợ vẽ truyền thần lây lất kiếm cơm qua ngày.

Những tưởng như thế sẽ yên, sẽ an tâm sống cuộc đời tầm thường của một người bình thường. Vậy mà một ngày ai đó báo cáo cha cất giữ tài liệu và hình ảnh cộng sản. Người ta ập vào cửa tiệm, lục soát, lôi ra những tấm hình cũ mèm thân chủ thuê vẽ. Trong đám hình ngổn ngang có chân dung một nhân vật “làm lớn” nào đó của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Thế là với “tang chứng” nhãn tiền, cha bị bắt, bị tra tấn và cuối cùng ngồi tù.

Ba năm cha trả nợ cho “tội lỗi” của mình trong bốn vách đá, là ba năm cảnh nhà chìm sâu xuống đáy cùng túng bấn. Tôi luôn luôn đến trường bằng cái bụng rỗng, nhiều khi leo lên cầu thang mà hai chân run bắn vì đói lả. Và bằng một bộ đồng phục duy nhất, tối giặt, sáng mặc, với chiếc quần kaki xanh mạng đi mạng lại dày cộm hai mông đít. Bộ đồng phục đã tạo cho tôi một thói quen đi đứng khác người, mãi đến hôm nay vẫn chưa bỏ được: đi, bao giờ cũng nghiêng nghiêng một góc 45 độ so với hướng trước mặt, cốt che dấu những đôi mắt soi mói đầy ác tâm một cách rất ngây thơ con trẻ của bạn học. Đứng, lúc nào cũng tìm mọi cách áp lưng vào tường. Và ngồi, mãi mãi chọn vị trí cuối lớp, để chắc chắn chẳng có ai phía sau nhìn vào “hậu diện” tang thương của mình. Tôi xấu hổ.

Nhưng sự xấu hổ do bộ đồng phục gây ra chả thấm gì so với cảnh thầy giám thị đứng trên bục giảng, kêu tên từng học sinh chưa đóng học phí ra khỏi lớp. Cho đến ngày hôm nay, nhiều khi tôi vẫn thường tự hỏi: làm sao mình có thể chịu đựng được những tia nhìn dõi theo thương cảm khi tôi rời ghế ngồi, đứng dậy, cúi gằm mặt, đi như chạy ra khỏi phòng học. Lạ thay, lần đó tôi cũng không khóc, chẳng có giọt nước mắt nào ứa ra, dù thật tình,

nếu có thêm một tí can đảm, có lẽ tôi đã phóng từ lầu hai xuống sân xi măng bên dưới!

Không tiền, học đường từ chối cho tôi kiến thức. Đành vậy. Tôi phải tự tìm cho mình kiến thức.

Nhưng tìm nơi nào? Trong ngôi nhà mục nát bữa cháo bữa rau? Trong rổ cá vụn người mẹ kế mót về mỗi sáng và mòn chân rao bán khắp hang cùng ngõ hẹp?

Tôi quyết định ra đi. Đi đâu? Đi làm gì? Tôi không biết. Chỉ tâm niệm phải thoát ra thôi cái môi trường hôn ám kia. Trên chuyến tàu đêm xuyên Việt, với tư cách một hành khách "chui", tôi bước xuống cuộc đời bằng đôi chân của tuổi mười ba.

Từ ấy đến nay, đã bao nhiêu năm qua đi. Bao nhiêu thăng trầm dâu bể. Bao nhiêu vấp ngã, trầm luân... Tôi đã sống, có khi rơi xuống đáy cùng xã hội, có lúc biến hình thành một loại du thủ du thực, đánh đổi sự tồn tại của bản thân trên đầu mũi dao nhọn, có ngót mười năm làm con chốt thí trong trò chơi tương tàn cốt nhục. Đã thương tích, đã thập tử nhất sinh, đã tận tay gói xác bao nhiêu đồng đội, đã bị "chôn sống" dưới hầm sâu nhiều giờ liền, đã từng "cải thiện dinh dưỡng" bằng những con thằn lằn trên vách trại giam Đại Lợi sau ngày 30 tháng 4. Và cuối cùng, đã lênh đênh trên mặt biển năm ngày đêm giữa bão dông hung tợn... Dù thế, cho đến nay, khi tóc đã lấm tấm bạc, tôi vẫn thầm hãnh diện: chưa bao giờ tôi nhúng tay vào tội ác, hoặc làm một điều gì đó trái với lương tâm. Bởi lúc nào, ở đâu, mỗi khi bị đẩy đến lằn ranh chót phân chia giữa sáng và tối, hình ảnh Mẹ tức khắc hiển lộng, qua đôi mắt to đen hun hút sâu. Đôi mắt im ỉm nghìn thu, nhưng lại có sức mạnh của một thứ dòn bẩy, bứng tôi lên, vực tôi dậy, dẫn dắt tôi tiếp tục hoàn thiện chức năng làm người.

Mẹ, một ngày sau bao nhiêu năm nổi trôi lang bạt, tôi trở về. Cha đã già. Hai đứa em kế theo nhau vĩnh biệt cuộc đời. Đứa em trai út học hành dang dở, sức khỏe hao mòn, triệu chứng lao phổi - có lẽ do truyền nhiễm từ người anh - đe dọa. Cảnh nhà càng tiêu điều. Người mẹ kế tảo tần chạy ăn từng bữa. Tôi ra ngồi cạnh mộ mẹ. Ngôi mộ nằm trên đồi cát. Dưới sâu, biển. Gió từ đại dương thổi vào, lẫn trong mùi muối mặn mùi phân người nồng nặc. Mộ mẹ đã sụt lở, lau lách phủ kín, tấm bia rêu mốc xiêu vẹo. Ngày đó tôi đã định sẽ tìm một số tiền chỉnh trang lại ngôi mộ. Nhưng rồi đến lúc ra đi, lại bao nhiêu bể dâu, tôi vẫn chưa thực hiện được ý định. Hai nămtrước, qua thư đứa em út, báo tin mộ mẹ đã gần như bị san bằng bởi gió cát thời gian. Tôi hoảng, gởi vội về một số tiền nhỏ, với hy vọng đủ để xây lại cho mẹ một chỗ nằm tương đối.

Một chỗ nằm tương đối. Một cái gò. *Người ta sinh ra từ một cái gò, gò bụng của mẹ, và rồi sẽ chết đi cũng dưới một cái gò, nấm mộ ngoài nghĩa trang.* Khởi đầu và kết thúc, qua hai hình tượng tuy có khác nhau, nhưng lại gắn bó mật thiết với nhau một cách kỳ lạ: Gò bụng của mẹ, một biểu tượng cụ thể, là tâm

diểm của mọi sinh thành. Nấm mộ ngoài nghĩa trang, một biểu tượng khác, cũng cụ thể không kém, là đích đến cuối cùng của kiếp người.

Cái đích đến đó, đối với bản thân tôi, và có lẽ cho cả những kẻ cùng trang lứa với tôi, không nơi nào tốt hơn: đất mẹ.

Đất mẹ. Hai chữ này mỗi lần vang lên, tôi vẫn có cảm tưởng lạc điệu thế nào! Tôi còn có gì ở cái xứ sở rách nát kia? Mộ mẹ và hai em trên đồi cát. Mộ cha ở một nơi nào đó tôi chưa từng biết. Đứa em út duy nhất còn lại, dù đang vật lộn với căn bệnh trầm kha cùng gánh nặng vợ con, tôi nghĩ, cũng không đến nổi khó khăn lắm để tôi lo toan thái quá.

Nói trắng ra, cái phần đất gọi là quê hương đó gần như không còn bao nhiêu ràng buộc. Thế mà hàng đêm, hàng ngày, vẫn vi vu trong đầu tôi rất nhiều dằn vật. Chết trên đất mẹ, nằm trong lòng mẹ như thuở chưa khai sinh, hẳn nhiên đó là điều, tôi tin, bất cứ ai có trên nửa đời gắn bó với chốn chôn nhau, cũng mong thế. Nhưng chưa hẳn đó là lý do khiến tôi cứ phải "bị buộc vào" đất mẹ. Sáu năm nay tôi đã làm rất nhiều thứ. Nhưng dù làm gì chăng nữa, phá phách, ngổ ngáo như một tay hiện sinh vô thần, hay cân nhắc chừng mực như một ông giáo già, lúc nào tôi cũng loay hoay với câu hỏi mang trong tự thân ít nhiều ray rứt: ta đang vì ta hay vì cái phần đất lầm than kia? Và cũng sáu năm nay, hình như chưa lúc nào tôi thực sự an tâm thụ hưởng một niềm vui nào trọn vẹn. Ôi những niềm vui không trọn, những ước vọng không thành, và nỗi bơ vơ trống vắng đến dại người giữa một bối cảnh dửng dưng! Biết nói thế nào để anh hiểu thấu cái tâm trạng "lửng lơ", "mất gốc" kia, hở anh Ph.?

Đất mẹ. Tôi nghe nói ngày nay đã khá hơn nhiều lắm so với ngày tôi ra đi. Khá hơn, nghĩa là thế nào? Khá hơn, nghĩa là cơm không còn trộn phụ sản và trên mâm còn có đĩa thịt, đĩa cá? Khá hơn, nghĩa là tấm áo em tôi đang mặc không còn vá chùm vá đụp, tập vở cháu tôi đang viết không còn làm bằng thứ giấy đen xỉn lợn cợn rơm cỏ? Vâng, có khá thật. Tôi mừng. Mừng lắm. Nhưng sẽ mừng gấp trăm lần hơn, nếu trên mọi phần đất của quê hương, tất cả những cánh cửa sẽ được mở tung để đón gió trời, ánh sáng tự do. Và sẽ mừng gấp vạn lần hơn nữa nếu trên những trang báo hàng ngày, sẽ hết sạch những giọng điệu hằn thù, để chỉ thấy phơi phới những bài thơ tình đẫm ướt bao giấc mộng thanh xuân. Ước mơ này, nếu xảy ra, tôi mong không chỉ xảy ra trên quê hương, mà ngay tại đây, nơi tôi đang sống, cũng thế.

Hãy nhắm lại những đôi mắt trắng dã căm hờn (dù căm hờn thật hay chỉ giả vờ như một "mốt" thời trang, như một thứ cần câu áo cơm, danh phận). Hãy thôi đi cái trò cỡi ngựa xem hoa, ra điều ta đây đứng trên đứng cao hơn hiện thực dời sống, để rao giảng những điều cao cả, để cúi xuống phê phán hay khóc thương những phần số bất hạnh, với một trái tim và một tấm lòng chứa đầy độc tố.

Anh Ph.,

Gần trọn lá thư tôi chỉ kể lể dài dòng thân thế mình. Chẳng phải tôi muốn nói về cái tôi của mình. Cái tôi của mình, vẻ vang danh giá gì cho cam! Tôi kể, là cốt để anh hiểu: nếu có kẻ nào hội đủ lý do để căm thù, thì kẻ đó phải là tôi. Vâng, chính tôi. Chính đứa bé mười ba đã đánh mất tuổi thơ qua hình ảnh người cha nằm thiêm thiếp trên giường bệnh với cánh tay gãy và một con mắt mù. Chính cái gã thanh niên đã đốt tuổi trẻ mình trong qua phân chiến cuộc, đã đổ máu, đã thương tích, đã dở dang một phần đời. Chính cái gã đàn ông đã bất lực gục đầu trong góc tối trại tị nạn trên đảo Bidong, khi Cao Ủy Liên Hiệp Quốc cho tin người đàn bà từng có với mình một đứa con, đã rơi vào tay hải tặc trong chuyến vượt biển trước đó, để suốt mười ngày lênh đênh trên con tàu xa lạ, làm một thứ đồ chơi cho bọn đàn ông mang đầy thú tính, cuối cùng, chúng cột cô ấy trần truồng trên một can dầu, ném xuống biển, trôi dạt. Gần sáu năm qua, cho đến hôm nay, dù đã thử dò tìm tung tích, tôi vẫn không biết cô ấy sống chết phương nào! Vâng, cái kẻ đó, tôi đó - biểu hiện cụ thể nhất của một giai đoạn lịch sử - chắc chắn có đủ lý do để căm thù.

Thế nhưng, suy cho cùng, để làm gì lòng căm thù kia? Tôi giết được ai, và giả dụ giết được chăng nữa, lòng tôi có thanh thản bình yên không? Trên nửa phần đất bên này, bao nhiêu gia đình đã mất cha, mất con, mất chồng. Trên nửa phần đất bên kia, bao nhiêuthôn làng đã tan hoang dưới nghìn trận mưa bom B52, bao nhiêu trai trẻ đã làm mồi cho lam sơn chướng khí? Thảm kịch đó, nếu đem cân, chưa chắc bên nào chịu nhẹ hơn bên nào. Đừng nhân danh thảm kịch của riêng anh để quy kết tội lỗi cho kẻ khác. Thái độ vừa hèn vừa thiếu lương thiện. Thảm kịch đó phải được hiểu là bất hạnh chung của một đất nước, một giống nòi, nghĩa lý gì một cá nhân bèo bọt như tôi, như anh? Nở với nhau một nụ cười, xoá quên đi bao nhiêu đau thương cũ, đó là nhiệm vụ không phải của chỉ riêng ai. Trần Vũ, trong một bài viết đăng trên Văn Học (số 79, tháng 11, 1992), đã đưa ra một hình ảnh thật cảm động:

Anh tang anh, tôi tang tôi, cùng một tiếng khóc cứ ai thắt nghẹn trong lòng đất nước. Nhưng vấn đề chính: mãn tang rồi anh có qua thăm tôi không? Anh còn ray rứt ít nhiều quá khứ. Chưa dám bỏ bàn thờ liệt sĩ, dù từ thâm tâm anh hiểu rõ hận thù di truyền xuống từ cái bàn thờ đó. Tôi còn trẻ, bạn bè tôi còn trẻ, quá khứ cũng đớn đau bầm vập nhưng còn có thể phai, thôi thì tôi qua thăm anh....

Trần Vũ viết, thay mặt cho một lớp người cùng trang lứa mà viết. Tôi, tuy không lớn hơn Trần Vũ bao nhiêu, nhưng cũng cứ coi như một thế hệ khác, khi đọc những dòng này, lòng chợt dâng lên một nỗi niềm pha lẫn giữa cảm phục và xấu hổ. Cảm phục, vì nhận thấy thế hệ trẻ mà anh đại biểu mới bao dung đại lượng làm sao. Xấu hổ, cũng bởi từ thái độ bao dung đại lượng đó, tôi nghĩ đến lớp người đồng thời với tôi, hay trên tôi, sao mà giống quá loài đỉa, vắt, kiên trì bám mãi vào cái xác chết nhầy nhụa máu me, hút cho cạn

kiệt những giọt máu vốn đã thâm đen, lẽ ra phải được vùi chôn từ lâu xuống vũng sình quá khứ.

Anh Ph.,

Tôi vừa mất bình tỉnh. Tha thứ cho tôi. Lẽ ra đến tuổi này tôi nên trầm hơn, gạt bỏ ngoài tai những điều bất ưng, xóa đi cái ký ức lố nhố những khuôn mặt phì nộn nhầy mỡ sân si, và thản nhiên nhìn mọi sự diễn ra, như nhìn một màn kịch dóng vụng trên sân khấu. Tha thứ cho tôi, và hãy rộng lượng để xem như đây là những dòng tâm sự của một người đã bị bứng ra khỏi quê hương viết cho một người đang sống tại quê hương. Cái kẻ bị bứng đó bao giờ cũng mang trong lòng nỗi niềm tha thiết muốn làm một cái gì đó chuộc lỗi với quê hương. Vì vậy, anh cho phép hắn phẫn nộ. Hắn phẫn nộ với thế hệ của hắn, cũng có nghĩa hắn phẫn nộ với chính những cái chấp nê còn tồn đọng trong bản thân hắn. Thứ đến, nhân tiện cũng coi như đây là một lời cảm ơn, gởi đến những người bạn trẻ của tôi, những người cùng thế hệ với Trần Vũ, rằng, qua các bạn, nhờ các bạn, tôi vững tin hơn ở tương lai, cái tương lai mà nửa tháng trước đây người bạn trẻ rất đổi thân mến ấy đã lạc quan hy vọng qua một thư riêng: *"Thời kỳ thương khó sắp chấm dứt"*.

Vâng, mãn tang rồi, anh không qua thăm tôi ư? **Vậy thì tôi qua thăm anh**. Tôi qua thăm anh, mà tâm lòng phơi phới, không tính toán thiệt hơn, không xét nét lỗ lời (của cho đi, sao còn tính chuyện lỗ lời?). Tôi qua thăm anh, và ném vào sọt rác cái sĩ diện, cái thế giá, cái thẻ bài, cái căn cước, cái hộ khẩu, cái yếu tính lăng nhăng lằng nhằng gì đó. Bởi vì trước tiên và cuối cùng, tôi là người Việt Nam của một đất nước Việt Nam, duy nhất, không trong ngoài, không Bắc Nam, không quốc gia, chẳng cộng sản. Quốc gia, cộng sản, Nam Bắc, trong ngoài đi chỗ khác chơi. Anh Bắc ư? Hãy xây thêm vài ba cái Lăng nữa, hãy dựng thêm năm bảy chục cái bảo tàng "Tội Ác Mỹ Ngụy" nữa, và hãy nhồi nhét vào đầu thế hệ trẻ thơ lòng căm thù để lớn lên chúng trở thành những tay giết người thiện nghệ! Chỉ van các ngài, hãy nhớ cho: đất nước rất đổi anh hùng của chúng ta hiện nay đang đứng ở một trong những bậc thang cuối cùng của các quốc gia đói nghèo nhất thế giới. Anh Nam ư? Hãy "giương cao cờ vàng ba sọc đỏ" để trở về "giải phóng quê hương", để "tiêu diệt đến tên cộng sản cuối cùng". Chỉ xin các anh, hãy đủ lương thiện tối thiểu để cúi đầu tủi hổ trước anh linh những người đã chết, rằng ta đã từng có thời bỏ chạy như một lũ hèn. Anh Cộng ư? Hãy khép lại mọi cánh cửa mở ra bên ngoài thế giới, và hãy "tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên Chủ Nghĩa Xã Hội" bằng cái cày con trâu của thế kỷ thứ mười tám! Anh Quốc ư? hãy cứ mỗi năm đến ngày "quốc hận", vận vào người những áo hoa mũ đỏ, những giày saut nón trận mà diễn hành trên các đường phố an toàn xứ người, tha hồ hoan hô đả đảo, để sáng hôm sau yên tâm mua thêm đất, tậu thêm nhà, đưa gia đình con cái du lịch thêm vài chuyến Việt Nam, "vừa vui vừa rẻ!" . Chỉ lạy các ông, khi trở ra, xin đừng vừa chửi cái phần đất "thối tha mọi

rợ chỉ toàn một lũ tham ô nhũng lạm", vừa đóng vai yêu quê hương yêu đồng bào, sụt sùi *cầu nguyện* cho *đất nước tôi thấm nhuần một nền đạo lý và công lý lành mạnh xứng đáng con người hiện đại)!* Hãy... Hãy... Hãy... Nhưng trước tiên, hãy biết đỏ mặt, và biết tởm, biết lợm giọng!

Tôi sinh ra từ một cái gò, gò bụng của mẹ, và rồi sẽ chết đi dưới một cái gò, nấm mộ ngoài nghĩa trang, trên đất mẹ. Dứt khoát như thế, chẳng thể khác hơn. Và không bao giờ muốn khác hơn.

Anh Ph.

Để kết thúc lá thư này, tôi chép tặng anh bài thơ của một chuyên gia kinh tế vừa gởi tặng anh em HL. Bài thơ có thể chưa đạt đến trình độ nghệ thuật tiêu biểu. Nhưng qua những dòng chữ dưới đây, anh sẽ không thể phủ nhận tấm lòng của tác giả đối với quê hương. Cũng cần cho anh biết thêm, tác giả bài thơ chưa qua khỏi tuổi ba mươi bao lâu, nghĩa là anh cùng một thế hệ với Trần Vũ. Cái thế hệ, may thay, chưa đủ già để lẩm cẩmthắp đuốc đi tìm cái "thế giá" mơ hồ nào đó trên các phần đất bên ngoài quê hương! Cái thế hệ , ra đường, không cần phải soát lại túi trên túi dưới xem có mang theo đủ không những "thẻ bài", những "căn cước" nhiêu khê lỉnh kỉnh. Chuyên gia kinh tế này từng trở về Việt Nam nhiều lần. Và bằng khả năng chuyên môn của mình, anh đã góp phần không nhỏ nhằm đưa đất nước hướng theo con đường kinh tế thị trường, mở rộng cánh cửa giao thương với thế giới bên ngoài. Nguyên Lương là một trong nhiều bút hiệu của anh.

CON ĐƯỜNG CÁC ANH VỀ

Thơ **Nguyên Lương**

Anh lầm lũi lên đường
Từ giã vợ con
Đi về với dân tộc quê hương
Hành trang mang theo chỉ có tình thương;
Thương nước, thương đồng bào, thương người thân đói, nghèo, lạc hậu.

Sĩ phu thời nay không vào bưng biền chiến đấu
Đi về Sài Gòn, Hà Nội
Với khối óc và niềm tin
Nhìn mặt Hồ Gươm nước lặng nhớ chuyện rùa thần
Cần kiếm báu? Không! Chỉ cần cây bút.

Anh đánh thức "Con Rồng Ngủ Quên" hãy mở to đôi mắt
Vùng vẫy Chương Dương, sóng cuộn Bạch Đằng
Tạm quên chuyện xưa huyền thoại xa xăm
Soạn sách lược: tăng hiệu năng, giảm chi tiêu, giữ yên lạm phát (1)...

Anh viết sách: "Đặc khu sản xuất",
Phát triển Việt Nam thế kỷ hai ngàn
Nâng dân trí lên cao, đất nước giàu sang

Anh lặn lội đi gom, xin từng cuốn sách (2).
Anh Việt kiều quen uống rượu khuya, làm thơ, ca hát...
Thức giấc nửa đêm, nhớ chuyện quê nhà
Viết thư cho bạn bè:
"Chờ đến khi tổng sản lượng quốc gia tăng gấp hai, ba...
Ta sẽ cùng đồng bào xuống đường đòi thêm tự do, dân chủ..."

Anh gọi người Mỹ: "ngày xưa gởi bom bây giờ gởi sách..." (2)
Hai mươi năm thôi bỏ quên đi chuyện hận thù
Những hố bom đã thành ao nuôi cá, đầm trồng rau
Đừng gợi nhớ chuyện mùa Giáng Sinh năm nào long trời lở đất.

Trưa Sài Gòn nóng nực,
Đêm Hà Nội mưa rào;
Đâu bằng Paris hoa lệ, California tươi mát, Singapore mỹ miều...
Từ giã vợ con, lầm lũi bước mau
Anh gùi trên vai một Việt Nam tàn tật.

Anh khóc nhìn đứa bé dò dẫm ăn xin mù mắt
Không con đường nào dài hơn con đường lầy lội quê hương
Con đường từ no đủ xuống bần cùng
Con đường từ thù hận qua yêu thương
Tất cả chỉ được bắt đầu từ đường máu nối liền nhịp tim hơi thở.

Ngày Sài Gòn hớn hở,
Đêm Hà Nội hăng say
Anh đi đó đây nối lại tình người
Không ra biển, không lên rừng. Anh đi sâu vào lòng dân tộc.

Thấy nước người giàu anh buồn chua xót
Ôi! dòng máu Rồng Tiên, vẽ mặt, xâm mình
Lời thề xưa: "Thà làm quỷ nước Nam..."
"Sát thát" ngày nay: "Giết tên giặc nghèo, đói, dốt..."

Anh về: "Như lá rơi về cội
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời...
Một đời người được mấy điều mong ước...

Kết tụ sầu nhân thế chuyển đời..." (3).

Anh về: "Từ một đại dương xa xôi
Sóng vỗ một bên đẩy xô đất trời nghiêng lệch
Thà lấy màu xanh này lấp vào khoảng không thù nghịch
Những đau thương của người sẽ biến thành yêu thương..." (4)

Anh về: "Không mang theo màu cờ sắc áo...
Không định chế, không tự ti, không mặc cảm ngày xưa
Không nhân danh bao năm nằm gai nếm mật đợi chờ
Kỷ nguyên mới, ta cần tập hợp mới... "(5)

Anh về với tấm lòng rộng mở
Noi gương Hưng Đạo Vương vì việc nước quên tình nhà
Không theo Gia Long quật mồ, tru di, xé xác, trả thù xưa
Học Nguyễn Trãi bài "lấy chí nhân thay cường bạo".

Anh về với tương lai nhẹ nhàng, phơi phới
Chặt bỏ ngày xưa những mắc xích vô hình
Những nợ nần, những khắc nghiệt, những oan khiên
Những chia rẽ, những tị hiềm, lầm lỡ.

Anh về nối lại tình dân tộc quê hương gắn bó
Những hôm nay buồn vào sáng lạng ngày mai
Về với núi sông, với làng xóm, với đền đài
Với đứa bé đến trường bằng đôi chân đất

Đêm Huế buồn cỏ cây ngậm ngùi thổn thức
Chiều Nha Trang biển gọi sóng ai về
Chân buốt đau, Anh bước vội đường quê
Cứ đi mãi cũng có ngày Anh tới đích.

---

(1) Phạm Đỗ Chí, IMF và tác phẩm "Con Rồng Ngủ Quên"
(2) Võ Tá Hân, VBS và tác phẩm
"The Export Processing Zone and Vietnam After The War".
(3) Tô Thuỳ Yên (Ta Về)
(4) Lê Bi (Địa Chỉ Lòng Tôi)
(5) Trần Đỗ (Một Tập Hợp Mới Trước Một Kỷ Nguyên Mới)

Ngày 1 tháng 1, 1993
Ngày đầu của một năm mới, đã định viết về những điều vui, nhưng tối hôm qua, thầy VL gọi điện thoại cho phụ tá chủ biên Phan Tấn Hải, báo tin

thi sĩ Quách Tấn vừa từ trần tại Việt Nam. Thế là "những điều vui" định viết lại trở thành "một điều buồn".

Vài năm trở lại đây, nhiều nhà văn nhà thơ thuộc thế hệ tiền chiến và kế tiếp đã lần lượt qua đời. Vẫn biết qui luật tử sinh là chuyện không thể tránh đối với muôn loài, và ra đi vào tuổi 83, đối với người Đông phương, phải được xem là thọ. Nhưng dẫu sao bọn hậu sinh chúng ta cũng không khỏi cảm thấy bùi ngùi.

Nhà thơ Quách Tấn sinh ngày 23 tháng 11 năm năm Kỷ Dậu (nhằm ngày 4 tháng Giêng năm 1910) tại Thuận Nghĩa, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định (tức quận Tây Sơn, tỉnh Nghĩa Bình hiện nay). Lúc nhỏ học chữ Hán, đến năm 12 tuổi mới chuyển sang Quốc ngữ và chữ Pháp. Cho đến ngày lìa trần, thi sĩ đã để lại cho chúng ta một gia tài văn học đồ sộ, gồm 19 tập thơ, 40 tác phẩm văn xuôi hoặc khảo cứu. Tuy nhiên, do hoàn cảnh chính trị, ông chỉ mới xuất bản được những tác phẩm sau đây (tất cả đều trước 1975):

Về thơ:

- *Một Tấm Lòng (1939)*
- *Mùa Cổ Điển (1940)*
- *Đọng Bóng Chiều (1966)*
- *Mộng Ngân Sơn (1967)*
- *Giọt Trăng (1973)*
- *Tố Như Thi (thơ dịch)*

Về văn xuôi:

- *Trăng Ma lầu Việt*
- *Nghìn Lẽ Một Đêm*
- *Đời Bích Khê*
- *Đôi Nét Về Hàn Mặc Tử*
- *Xứ Trầm Hương*
- *Nước Non Bình Định*

Sau biến cố 1975, như bao nhiêu văn nghệ sĩ miền Nam khác, Quách Tấn cũng trải qua nhiều tai ương. Năm 1983, ông bị bắt giam 6 tháng với tội danh "Viết văn chống chính quyền". Năm 1989, người bạn đời của ông là Nhất Phiến Tâm từ trần. Đầu năm 1990, ông bị bệnh về thị giác, phải mổ, và có lẽ do thiếu thốn thuốc men, cuối cùng rơi vào tình trạng mù lòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 1992, tại Nha Trang, thi sĩ Quách Tấn từ trần,, hưởng thọ 83 tuổi.

Nhận xét về ông, nhà phê bình Hoài Thanh cho rằng "Quách Tấn đã tìm được những lời thơ rung cảm chúng ta một cách thấm thía. Người đã thoát khỏi cái lối chơi chữ nó vẫn là môn sở trường của nhiều người trong làng thơ cũ...".

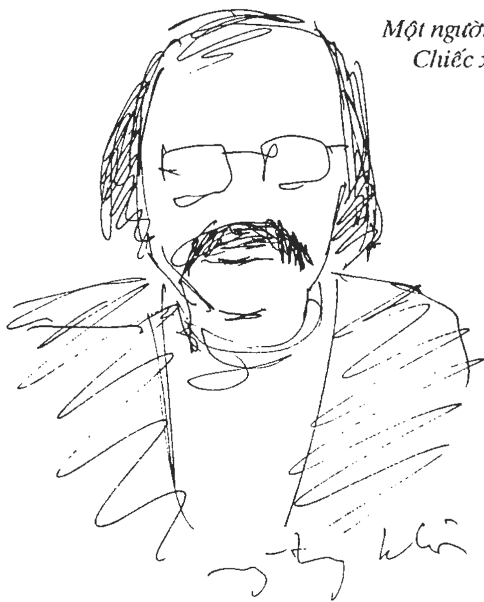
Do nhận tin trễ và thiếu thốn tài liệu, tôi không thể đi sâu vào văn nghiệp

cũng như cuộc đời của thi sĩ một cách chi tiết. Hy vọng những đồng nghiệp khác, sẽ cho chúng ta những tư liệu quý và chính xác.

Ngày 4 tháng 1, 1993

Khi Nhạc sĩ Trần Duy Đức đưa tặng tôi cuốn băng **Em Hiểu Vì Đâu Chim Gọi Nhau**, gồm mười ca khúc phổ từ thơ Du Tử Lê, anh cười, nhỏ nhẹ: *Ông nghe thử thế nào.* Từ lúc nhận cuốn băng đến nay đã hơn một tháng, tôi có nghe, không phải một lần, mà nhiều lần, rất nhiều lần. Và đã định viết một cái gì đó về tác phẩm này. Nhưng rồi công việc bề bộn, tôi chưa thể viết. Sáng nay, nhận được xấp bản thảo từ Houston gởi qua. Mở xem: bản thảo của nhà thơ Cao Đông Khánh. Đọc lướt, nhận ra cái điều tôi "định" từ một tháng nay dã được Cao Đông Khánh thực hiện. Nhận ra tiếp: Nói về nhạc Trần Duy Đức và thơ Du Tử Lê, có lẽ thi sĩ họ Cao đủ thẩm quyền hơn tôi. Ngoài sự nhạy bén của một người làm thơ viết về những ca khúc phổ từ thơ, Cao Đông Khánh còn có giao tình thân thiết với cả hai vị này. Qua hai yếu tố vừa nêu, chúng ta có thể tin tưởng bài viết sau đây sẽ phản ánh trung thực cái nhìn của một tác giả về một tác phẩm.

CHÂN DUNG TRẦN DUY ĐỨC QUA NHỮNG CA KHÚC PHỔ TỪ THƠ DU TỬ LÊ



Một người, một kiểu, một hình, một cảnh
Chiếc xe tùy thân xuống biển lên rừng
Cao Đông Khánh

Hãy bắt đầu bằng những ca khúc. Hãy để cho những ca khúc đưa đường dẫn lối bởi vì âm nhạc là con đường gần nhất để đưa người tới với người, đưa người gần gũi với người, đưa người tâm sự, âu yếm với người.

Và ca khúc, ca khúc có tác dụng cấp kỳ hơn bởi vì nếu coi âm nhạc là hình dáng của giai nhân thì ca khúc là hơi thở của giai nhân, là da thịt của giai nhân, là mùi vị của giai nhân. Bởi vì ở được với ca khúc là ở được với tâm tình của âm nhạc. Tâm tình của âm nhạc có thể vui,

buồn, giận, ghét... Có thể thế này thế nọ là tùy theo trạng thái lúc bấy giờ của người viết ca khúc.

Người viết âm nhạc, cũng như người làm văn chương, nói cho cùng, là một kẻ thứ ba khuất mờ, xa thẳm... Hắn ở một chỗ khác, một chỗ rất khác. Một ca khúc, một bài thơ, một đoạn văn đến được với người thưởng ngoạn tức thì người thưởng ngoạn có hình bóng tác giả ở nơi những điều họ cảm nhận được từ tác phẩm. Và cái người được người thưởng ngoạn nhận diện là tác giả mới là người thật.

*

Tác giả Trần Duy Đức, nhạc sĩ Trần Duy Đức độc giả nhìn thấy ở đây, hôm nay, nhưng tôi lại nhìn thấy ông ở một nơi khác... Có thể ở nơi một góc nào đó của một gian phòng với đàn với giấy với bút... một mình, chỉ một mình. Một mình cô đơn, vô cùng cô đơn, là hình ảnh căn bản của người sáng tác trong lúc họ làm việc. Nhưng hình ảnh cô đơn đó thật là phóng khoáng và tự do, bởi vì, nói cho cùng, chân dung của tác giả chính là:

Một người, một kiểu, một hình, một cảnh
Chiếc xe tùy thân xuống biển lên rừng

Trong chốn tùy thân, nhạc sĩ Trần Duy Đức bình thản, khoan thai, tự tại nhưng không có gì bận rộn thắc mắc bởi vì "Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi".

Trong chốn tùy thân, người nhạc sĩ đó đưa âm nhạc vào chốn ẻo lả, mượt mà, lộng lẫy như một ngày nắng vội sắp dứt.

Trong chốn tùy thân, Trần Duy Đức "Chỉ Nhớ Người Thôi Đã Hết Đời" êm ái, bền lâu, thong thả, tha thiết.

Trong chốn tùy thân, âm nhạc Trần Duy Đức lâng lâng, lên cao, ngây ngất như hơi rượu bốc lên cho một tháng chín bắt đầu mùa thu ở trên trời.

Trong chốn tùy thân, ca khúc Trần Duy Đức có khi trở thành thắm thiết, deo đuổi, nối tiếp... những kết hợp lâu dài kéo níu nhau, gắn bó nhau không dứt như trùng trùng sau lưng, chập chùng trước mặt "Khi Bắt Đầu Những năm 30 Tuổi".

Trong chốn tùy thân, Trần Duy Đức như có những riêng tư giữ lấy một mình, không thổ lộ với ai cả. Ông như có những điều ẩn mật để nói riêng với người vắng mặt, nói riêng với người đã bỏ đi, vì vậy không khí nhạc trở thành u uất, ẩn khuất.

Trong chốn tùy thân, âm nhạc Trần Duy Đức đưa người vào cõi trống vắng của Tháng Hai buồn... cái buồn bốc lên chới với, xuất thần, thoát hồn vào cõi bao la cùng cực.

Trong chốn tùy thân, Trần Duy Đức có khi nhớ lại, tất cả những điều nhớ lại được âm nhạc dẫn về như cơn gió lạnh từ xa thổi lại, như tuyết rơi từ phía không trung dồn về khiến cho tất cả đóng băng... buốt lạnh.

Trong chốn tùy thân, với ngôn ngữ thơ Du Tử Lê, nhạc sĩ Trần Duy Đức vẫn "Đời Mãi Ở Phương Đông" khe khẽ, nhỏ to, tâm sự... Tâm sự một cách

tường tận chi tiết của ân tình.

Trong chốn tùy thân, với thơ Du Tử Lê, âm nhạc Trần Duy Đức quấn quít, quẩn quanh, quyện quyện như những câu hỏi dồn dập, những câu nối tiếp nhau mà không có câu trả lời, hay cũng có thể, những câu hỏi sau chính là câu trả lời cho những câu hỏi trước trong ca khúc "Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu".

*

Mười ca khúc, trong chủ đề **Em Hiểu Vì Đâu Chim Gọi Nhau** phổ từ 10 bài thơ Du Tử Lê, nhạc sĩ Trần Duy Đức ra mắt, trình diện một khuôn mặt âm nhạc phong phú, đa dạng nhưng vẫn giữ được phong cách tùy thân của chính mình. Trần Duy Đức có tác phẩm và trở thành tác giả là do nơi cái khí phách tùy thân căn bản đó.

Ngôn ngữ của mỗi dân tộc có chốn tùy thân của chính nó. So sánh với các ngôn ngữ khác chữ Việt được viết bằng mẫu tự ABC coi như là một loại chữ viết được phát minh mới nhất để có đủ khả năng ghi nhận những cung bậc âm thanh trầm bổng phong phú của tiếng Việt. Điều lạ lùng và kỳ thú này phải được coi như là huyền thoại của ngôn ngữ học nhân loại.

Thơ Du Tử Lê làm bằng chữ Việt Nam có chốn tùy thân của mình, tức là cõi riêng, cõi tư ở trong chốn tùy thân của ngôn ngữ Việt Nam. vậy, thơ đó, chính là huyền thoại của huyền thoại.

Nhạc phổ từ thơ Du Tử Lê, nhạc sĩ Trần Duy Đức có chỗ tùy thân của mình, tức là huyền thoại của huyền thoại của huyền thoại.

Làm sáng tác mà trở thành được tác giả là ở được trong những chỗ tùy thân khác mà vẫn có chốn tùy thân của mình; đó là điều làm được của nhạc sĩ Trần Duy Đức.

*

Hạnh phúc biết bao khi ta ở được trong những chỗ tùy thân khác, mà cũng hạnh phúc biết bao khi ta có chốn tùy thân của chính mình.

Một người, một kiểu, một hình, một cảnh
Chiếc xe tùy thân xuống biển lên rừng

Và người đó, hôm nay đây, chính là Trần Duy Đức, tôi xin trân trọng giới thiệu Chân Dung Hạnh Phúc của nhạc sĩ Trần Duy Đức.

CAO ĐÔNG KHÁNH



MILAN KUNDERA
TRỊNH Y THƯ *chuyển ngữ*

nhẹ kiếp nhân sinh

(Tiếp theo kỳ trước)

23.

Tất cả tội ác của đế quốc Nga trước đây đều được che phủ bởi một bức màn đen kín mít, tinh vi. Một triệu người Lithuania phải bỏ xứ ra đi, hàng trăm ngàn người Ba Lan bị sát hại, toàn bộ sắc dân Crimean Tatars bị tiêu diệt. Tất cả mơ hồ rơi rớt trong trí nhớ chúng ta chứ không hề thấy một tài liệu, một hình ảnh nào ghi lại. Không sớm thì muộn, rồi đây người ta sẽ phủ nhận, sẽ cho đây là những chuyện hoàn toàn bịa đặt, giả trá. Cuộc xâm lăng Tiệp Khắc năm 1968 không thế. Cả hình chụp lẫn phim ảnh về cuộc biến động được lưu trữ tại nhiều văn khố khắp nơi trên thế giới.

Những người cầm máy ảnh hay máy quay phim ở Tiệp nhìn ra công việc duy nhất họ có khả năng làm được lúc đó là ghi nhận lại bộ mặt kinh hoàng này để các thế hệ mai sau biết rõ. Liên tiếp bảy ngày trời, Tereza xông xáo ngoài đường phố với chiếc máy ảnh trên tay. Lính Nga không biết phải phản ứng như thế nào. Họ được hướng dẫn kỹ lưỡng về cách đối phó nếu có người nổ súng hay ném đá vào họ, nhưng không hề được chỉ dạy phải đối phó ra sao trong trường hợp chĩa vào mặt là ống kính chiếc máy ảnh.

Tereza chụp hết cuộn này sang cuộn khác và cô tìm đến trao tận tay một nửa số phim chụp được cho các phóng viên ngoại quốc (biên giới Tiệp vẫn còn mở ngỏ và các phóng viên ngoại quốc này hoan hỉ tiếp nhận bất cứ tài liệu gì). Rất nhiều bức ảnh cô chụp lần lượt xuất hiện trên báo chí Tây Phương. Xe tăng, những nắm tay đe dọa, nhà cửa cháy rụi, xác người chết phủ dưới lá cờ xanh- đỏ-trắng, cờ quốc gia Tiệp. Những thanh niên cỡi xe gắn máy xả hết tốc lực chạy vòng quanh xe tăng Nga, người ngồi yên sau phất phới lá cờ. Những cô gái trẻ tuổi mặc váy ngắn cố tình khiêu khích, trêu chọc đám lính Nga đói đàn bà lâu ngày bằng cách ôm hôn bất cứ người lạ mặt nào đi ngang qua gần đó. Như tôi đã nói, cuộc xâm lăng của Nga vào đất Tiệp

không phải là một biến động thương đau; nó là cuộc hội hè đình đám của thù hận, một cuộc hội hè đầy ắp nỗi kích động lạ lùng (và không sao giải thích được).

24.

Khi chạy sang Thụy Sĩ, Tereza đem theo chừng năm mươi tấm ảnh đắc ý nhất. Cô ôm xấp ảnh đến tòa soạn một tạp chí minh họa có số lượng phát hành khá cao. Viên chủ bút tờ tạp chí đón tiếp cô khá ân cần (dân Tiệp vẫn mang cái hào quang một giống dân xấu số và người Thụy Sĩ thì thừa thãi lòng thương hại). Ông ta mời cô ngồi, đưa mắt nhìn vào xấp ảnh, cất tiếng khen ngợi rồi giải thích vì yếu tố thời gian, biến cố ở Tiệp xảy ra khá lâu rồi, nên chúng tôi không thể đăng báo giùm cô bộ ảnh này được (chứ không phải vì chúng thiếu nghệ thuật).

"Nhưng ở Praha, sự việc đã chấm dứt đâu". Cô phản đối và cố gắng giải thích cho ông ta nghe với vốn liếng Đức ngữ nghèo nàn của cô rằng ngay giờ phút này, với tình trạng bị chiếm đóng, với hoàn cảnh hoàn toàn bất lợi, hội đồng công nhân vẫn đang được thành lập trong các nhà máy, sinh viên vẫn biểu tình chống đối đòi người Nga cút ra khỏi đất nước họ, cả nước đang lớn tiếng cho thế giới biết nguyện vọng của họ là gì. "Quả thực đó là điều không dễ tin chút nào! Vậy mà ở đây không còn ai thèm quan tâm đến nữa".

Một người đàn bà dáng vẻ nhanh nhẹn chợt bước vào phòng cắt đứt cuộc đối thoại giữa Tereza và viên chủ bút khiến ông ta thấy nhẹ nhõm cả người. Bà ta đưa cho viên chủ bút một tập hồ sơ và nói: "Đây là bài phóng sự về khu bãi tắm khỏa thân".

Viên chủ bút tinh tế đủ để e ngại một người Tiệp chụp ảnh xe tăng sẽ cho việc chụp ảnh khỏa thân trên bãi biển là cái gì phù phiếm, vô bổ. Ông ta đặt tập hồ sơ xuống ở phía đầu bàn rồi nói nhanh với người đàn bà: "Xin giới thiệu một đồng nghiệp người Tiệp của cô. Cô ấy chụp nhiều bức ảnh tuyệt vời lắm".

Người đàn bà bắt tay Tereza rồi cầm lên xấp ảnh. "Cô thử xem ảnh tôi chụp xem sao". Bà ta nói với Tereza.

Tereza khom người về phía trước, rút ra xấp ảnh từ tập hồ sơ.

Viên chủ bút nói, giọng gần như muốn xin lỗi: "Dĩ nhiên, những bức ảnh này hoàn toàn khác với ảnh cô chụp".

"Không khác lắm đâu. Chúng đều giống nhau cả".

Cả viên chủ bút lẫn người nữ phóng viên nhiếp ảnh đều không hiểu Tereza muốn ngụ ý nói gì và ngay cả tôi cũng cảm thấy khó khăn giải thích ý tưởng đang có trong đầu cô khi cô so sánh hình ảnh bãi biển khỏa thân với cuộc xâm lăng của người Nga vào đất Tiệp. Lật đến tấm ảnh chụp một gia đình bốn người đứng quây thành vòng tròn, cô ngừng lại một lúc: bà mẹ trần truồng đứng nghiêng người che lấy hai đứa trẻ, cặp vú đồ sộ của bà ta chảy xuống trông như vú bò hay vú dê, ông chồng bà ta cũng đứng nghiêng người

như thế ở phía bên kia, bộ phận sinh dục của ông ta trông giống như dùm vú một con bò cái thu nhỏ.

"Cô không thích chút nào hết phải không?" Viên chủ bút cất tiếng hỏi.

"Ảnh chụp đẹp lắm".

"Cô ấy bị *sốc* vì hình ảnh của đề tài". Người nữ phóng viên nhiếp ảnh nói. "Tôi đoán cô chưa hề đặt chân đến một bãi biển khỏa thân nào".

"Chưa bao giờ". Tereza trả lời.

Viên chủ bút mỉm cười: "Cô thấy không, thực dễ đoán cô là người xứ nào. Các nước Cộng Sản thường khắc khổ, nghiêm ngặt quá đáng".

"Chẳng có gì sai quấy, bậy bạ về một thân hình không che đậy." Người dàn bà nói giọng bao dung. "Đó là cái gì bình thường. Và cái gì bình thường đều đẹp đẽ".

Hình ảnh bà mẹ trần truồng đi lại một cách tự nhiên trong nhà chợt thoáng hiện về trong đầu Tereza. Cô có cảm tưởng như vẫn nghe được tiếng cười của bà dằng sau lưng khi cô chạy ào ra kéo bức màn cửa sổ lại để người bên hàng xóm không trông thấy mẹ cô như vậy trong nhà.

25.

Người nữ phóng viên nhiếp ảnh mời Tereza xuống *cafeteria* dùng cà phê. "Những bức ảnh cô chụp xem thú vị lắm. Tôi thấy cô có con mắt với thân hình người nữ. Cô biết tôi nói gì chứ. Hình những cô gái với dáng điệu khiêu khích?

"Những cô gái ôm hôn người lạ trước mũi xe tăng Nga?"

"Đúng vậy. Cô có triển vọng trở thành nhiếp ảnh gia thời trang thượng thặng, cô biết không? Cô cần tìm cho mình một người mẫu, một người đang cần việc làm như cô chẳng hạn. Rồi cô tự thực hiện lấy một bộ ảnh, xong đem đến cho các *agency* xem. Dĩ nhiên, cô sẽ phải mất một thời gian khá lâu trước khi tên tuổi cô được chú ý, nhưng tôi có thể giúp cô ngay trong lúc này và ngay tại nơi dây: để tôi giới thiệu cô với người chủ biên phụ trang vườn tược của tạp chí chúng tôi. Ông ta chắc đang cần vài tấm ảnh xương rồng, hay hoa hồng gì đó."

"Cám ơn bà nhiều lắm." Tereza nói một cách chân thành vì hiển nhiên người dàn bà đang ngồi đối diện cô là người đầy hảo tâm.

Nhưng cô tự nói với chính mình, tại sao mình phải đi chụp ảnh xương rồng? Ở Zurich, cô không muốn lại phải bước qua chặng đường cô đã đi khi cô còn ở Prague: chiến đấu trong công việc, tranh đấu cho từng bức ảnh được đăng báo. Cô chẳng bao giờ có tham vọng đi tìm hư danh. Cô chỉ muốn thoát ra khỏi thế giới của mẹ cô mà thôi. Vâng, cô thấy rõ ràng lắm: cho dù cô có nhiệt tình với nhiếp ảnh đến mấy chăng nữa thì cô vẫn có thể dễ dàng chuyển hướng sang bất cứ một mục đích nào khác trong đời. Nhiếp ảnh chỉ là phương tiện giúp cô với lên tới "cái gì cao hơn" và để cô được sống cạnh Tomas mà thôi.

"Chồng tôi là bác sĩ. Anh ấy đủ sức nuôi tôi. Tôi thấy không cần phải đi chụp ảnh làm gì".

Người nữ phóng viên nhiếp ảnh trả lời: "Tôi thấy rất uổng nếu cô bỏ ngang sau khi đã chụp được những bức ảnh đẹp như thế".

Vâng, những bức ảnh ghi nhận cuộc xâm lăng lại là cái gì hoàn toàn khác biệt. Cô làm điều này không phải cho Tomas. Nó đến từ lòng đam mê của cô. Nhưng không phải là lòng đam mê nhiếp ảnh. Nó xuất phát từ cõi lòng thù hận đến mê muội của cô. Tình huống này chắc sẽ không bao giờ tái diễn. Và những bức ảnh này, những bức ảnh có được do lòng đam mê của cô, lại là những bức ảnh không ai muốn công nhận chỉ vì chúng đã mất đi yếu tố thời gian. Chỉ xương rồng mới có vẻ hấp dẫn vĩnh hằng. Và cô thấy xương rồng chẳng thú vị chút nào cả.

Tereza nói: "Bà thực là tốt bụng, nhưng tôi thích ở nhà hơn. Tôi không thấy cần phải đi làm."

Người đàn bà tiếp lời: "Nhưng ngồi nhà cô có thấy đầy đủ không?"

"Đầy dủ hơn là phải đi chụp hình xương rồng".

"Ngay cả khi cô phải chụp hình xương rồng, cô đang sống đời sống mà trong đó cô chủ động. Nếu cô chỉ sống cho chồng con thôi thì làm gì cô có đời sống của riêng cô".

Đột nhiên Tereza thấy khó chịu: "Chồng tôi là đời sống của tôi chứ không phải xương rồng".

Người nữ phóng viên nhiếp ảnh vẫn ôn tồn: "Cô muốn nói cô là người sung sướng?"

Vẫn thấy khó chịu, Tereza trả lời: "Dĩ nhiên là tôi sung sướng chứ!"

"Loại đàn bà duy nhất nói được câu nói đó là loại..." Bà ta bỗng nhiên im bặt, bỏ lửng câu nói.

"... hạn hẹp. Có phải bà muốn nói như vậy không?"

Người đàn bà lấy lại tự chủ và nói: "Không phải hạn hẹp. Lỗi thời thì đúng hơn".

"Đúng đấy. Đó là cái gì chồng tôi vẫn thường nói về tôi". Tereza bâng khuâng trả lời.

26.

Nhưng Tomas suốt ngày cắm đầu vào công việc ở bệnh viện và Tereza cứ phải thui thủi ở nhà một mình. Ít nhất cô còn có con chó Karenin bên cạnh và thỉnh thoảng cô dẫn nó ra ngoài đi dạo. Về nhà cô chỉ biết mải miết chúi đầu vào đống sách vở văn phạm tiếng Đức và tiếng Pháp. Nhưng cô chỉ thấy nỗi buồn vây kín và không sao tập trung được tư tưởng. Cô cứ miên man nghĩ đến bài diễn từ của Dubcek đọc trên làn sóng điện sau khi ông ta từ Mạc Tư Khoa về. Mặc dù đã quên bẵng nội dung bài diễn từ, cô vẫn nghe văng vẳng bên tai giọng nói run rẩy của ông ta. Cô liên tưởng đến cảnh những tên lính ngoại xâm xông vào uy hiếp và cầm tù ông, lãnh tụ một quốc gia độc lập,

ngay trên phần đất quê hương ông rồi giam giữ ông hết bốn ngày tại một nơi nào đó trong vùng đồi núi Ukrainia, cho ông hay ông sẽ bị hành quyết - cũng như trước đó mười năm họ đã hành quyết lãnh tụ Imre Nagy của Hung - rồi đẩy lên xe chở về Mạc Tư Khoa, ra lệnh cho ông tắm rửa, cạo râu, thay quần áo mới và thắt một chiếc cà vạt, thông báo cho ông biết về quyết định hoãn lệnh hành quyết, khuyên ông trở về làm lãnh tụ thêm lần nữa, ấn ông ngồi xuống chiếc ghế đối diện Brezhnev, và bắt ông diễn kịch.

Ông trở về trong nhục nhã để hiệu triệu cái xứ sở nhục nhã của ông. Ông nhục nhã đến nỗi nói không ra hơi. Tereza không bao giờ quên được những giây phút im lặng đến rợn người trong bài diễn từ ông đọc. Ông mệt mỏi đến kiệt tàn hơi sức ư? Ông bị ốm đau? Ông bị thuốc? Hay đó chỉ là sự tuyệt vọng? Nếu không còn gì đánhg nói tồn tại nơi con người Dubcek thì ít ra những giây khắc im lặng đến rợn người đó sẽ còn lại mãi mãi, những giây khắc khi ông dường như không còn khả năng hít thở, khi ông thở hổn hển trong lúc toàn thể dân chúng im lặng trước chiếc máy thu thanh. Những giây khắc im lặng chứa đựng nỗi kinh hoàng đã đổ chụp lên đầu lên cổ người dân Tiệp.

Ngày thứ bảy của cuộc xâm chiếm, Tereza ngồi nghe Dubcek đọc bài diễn từ trong phòng biên tập của tờ báo cô đang cộng tác mà chỉ qua đêm đã biến thành một bộ phận của cuộc phản kháng. Mọi người có mặt lúc đó đều tỏ vẻ chê trách, bất bình Dubcek. Họ chỉ trích ông đã thỏa hiệp; họ thấy nhục nhã; sự yếu đuối của ông làm họ thấy bị xúc phạm.

Khi sang Zurich và hồi tưởng lại những ngày giờ đó. Tereza thấy không còn oán ghét ông ta nữa. "Yếu đuối" không còn là cái tội. Bất cứ ai đối đầu với một sức mạnh cương cường hơn đều cảm thấy yếu đuối dù đó là người có thân hình lực sĩ như Dubcek. Đột nhiên Tereza thấy mình bị lôi cuốn bởi sự yếu đuối này, sự yếu đuối mà có lúc tưởng như ghê gớm không sao chịu đựng nổi, sự yếu đuối đã đẩy Tereza và Tomas ra khỏi quê hương hai người. Cô thấy cô là người đứng trong hàng ngũ những người yếu đuối, trong xứ sở của những người yếu đuối, cô phải chung thủy với họ chỉ vì họ là những người yếu đuối và phải thở hổn hển giữa những câu nói ngập ngừng, đứt quãng.

Cô bị lôi cuốn bởi sự yếu đuối này như cô đã từng bị lôi cuốn bởi căn bệnh *vertigo*. Cô bị lôi cuốn vì chính cô cũng cảm thấy yếu đuối. Một lần nữa cô bị lòng ghen tương nung nấu và một lần nữa hai tay cô cứ run lên bần bật. Khi Tomas để ý và thấy cô như vậy, anh lại làm cái công việc anh vẫn thường làm: ôm lấy hai tay cô trong tay mình rồi cố xoa dịu bằng cách xiết chặt. Cô giật ra khỏi tay anh.

"Việc gì vậy em?" Tomas hỏi.

"Không có gì cả."

"Em muốn anh làm gì cho em?"

"Em muốn anh già đi. Già đi đến mười tuổi. Hai mươi tuổi!"

Ý cô muốn nói: Em muốn anh yếu sức đi. Yếu như em đây.

27.

Karenin không thấy vui sướng chút nào khi phải di chuyển sang Thụy Sĩ. Nó ghét sự thay đổi. Chúng ta không thể vẽ biểu đồ thì giờ của loài chó dọc theo đường thẳng; nó không tiệm tiến từ điểm này sang điểm nọ. Nó di chuyển theo đường tròn như kim đồng hồ, từ tốn quay tròn, quay tròn, ngày này qua ngày khác trên cùng một con đường. Lúc còn ở Praha, Karenin thấy bực bội mỗi khi Tomas vàTereza mua về một chiếc ghế mới hay di chuyển chậu hoa từ chỗ này sang chỗ khác. Ý niệm về thời gian của nó bị khuấy động như thể hai người cố tình gạt gẫm cây kim đồng hồ bằng cách thay đổi những con số trên mặt.

Tuy vậy, chẳng bao lâu nó tái lập lại được cái trật tự và tập tục cũ trong căn nhà ở Zurich. Cũng như khi còn ở Praha, sáng sáng nó nhảy lên giường đánh thức hai người dậy, rồi theo chân Tereza đi dạo phố mua sắm vào buổi sáng, nó cũng không quên các cuộc đi dạo khác trong ngày.

Nó là thời biểu của cuộc sống hai người. Những lúc tuyệt vọng, Tereza cứ phảI tự nhắc nhở là hãy vì Tomas mà cố sức bám víu vào cuộc sống, vì anh yếu đuối hơn cô, có lẽ còn yếu đuối hơn cả Dubcek và mảnh đất bị ruồng bỏ của hai người.

Một hôm, lúc vừa đi dạo về, trong nhà có tiếng điện thoại reo vang, Tereza cầm ống nghe lên và hỏi ai ở bên kia đầu dây.

Cô nghe giọng đàn bà nói tiếng Đức xin được nói chuyện với Tomas. Giọng bà ta có vẻ nóng nảy và Tereza có cảm tưởng như có sự nhạo báng trong đó. Khi cô nói Tomas không có nhà và cô không biết bao giờ anh mới về thì người đàn bà ở đầu dây bên kia cất tiếng cười rồi cúp máy.

Tereza biết đây chẳng phải là chuyện ghê gớm. Có thể đó là người nữ y tá ở bệnh viện, hay một bệnh nhân, một cô thư ký, bất cứ ai. Nhưng cô vẫn thấy bực dọc và không tài nào tập trung tư tưởng được để làm việc khác. Đến đây thì cô nhận ra cô đã đánh mất chút sinh lực cuối cùng rơi rớt lại khi còn ở quê nhà: cô hoàn toàn không có khả năng dung thứ một câu chuyện tuyệt đối tầm thường, cỏn con như vậy.

Sống trên một đất nước xa lạ có nghĩa là đi trên dây giăng cách mặt đất mà không có lưới đỡ bên dưới, tấm lưới đỡ chính là nơi chốn con người có gia đình, bằng hữu, đồng nghiệp, nơi con người có thể dễ dàng nói điều mình muốn nói bằng thứ ngôn ngữ quen thuộc từ thời ấu thơ. Ở Praha, cô chỉ tùy thuộc vào Tomas trong những vấn đề thuộc về quả tim, ở đây cô tùy thuộc vào anh tất cả. Một mai, giả thử anh ruồng rẫy cô thì cô sẽ ra sao? Cô cứ phải sống suốt cuộc đời như vậy trong nỗi ám ảnh lo sợ sẽ có ngày mất Tomas sao?

Cô nhủ thầm: Sự quen biết giữa hai người dựa trên một điều sai lạc ngay từ lúc ban đầu. Quyển sách *Anna Kareninna* cô kẹp dưới nách là giấy tờ giả mạo; nó đã làm cho Tomas có ý tưởng không đúng về cô. Dù có yêu thương nhưng hai người đã làm đời nhau biến thành địa ngục. Sự việc hai người có

tình yêu cho nhau, chỉ là bằng chứng lỗi lầm không ở hai người, không ở hành vi hay sự thất thường của cảm xúc. Lỗi lầm đó bắt nguồn từ sự tương khắc giữa hai người: Tomas cứng cỏi, mạnh mẽ còn Tereza thì yếu đuối, mỏi mòn. Cô giống Dubcek, người phải ngưng đến ba mươi giây đồng hồ giữa một câu nói; cô giống cái xứ sở của cô, cái xứ sở nói lắp bắp, thở hổn hển, và không sao thốt lên nổi một câu nói tầm thường.

Nhưng khi người mạnh trở nên quá yếu đuối khiến người yếu bị đau đớn thì người yếu phải mạnh mẽ lên để cất bước giã từ.

Và sau khi tự nói với mình tất cả những điều này, Tereza dí sát mặt vào cái đầu bù xù của con chó Karenin và nói: "Rất tiếc Karenin ạ. Có vẻ mày lại phải di chuyển thêm một lần nữa đấy".

28

Ngồi nép mình vào góc buồng toa xe lửa với chiếc va-li nặng trĩu nhét trên hộc và con Karenin kẹp giữa hai chân, cô không ngớt suy nghĩ về gã đầu bếp tại tiệm ăn trong khách sạn nơi cô từng làm việc trong thời gian còn chung sống với mẹ. Gã đầu bếp không bỏ lỡ một cơ hội nào để vỗ vào phần sau của cô và không bao giờ gã thấy chán miệng hỏi cô một cách thực nham nhở trước mặt mọi người là bao giờ cô mới chịu lên giường với gã. Kể cũng kỳ cục gã lại là người cô liên tưởng đến trong lúc này. Từ hồi nào đến giờ, gã vẫn là thí dụ về cái gì cô khinh bỉ, ghê tởm nhất. Và giờ đây cô chỉ còn biết cách ngước mặt lên hướng nhìn về gã và nói: "Anh thường nói là anh muốn ngủ với tôi. Thì đây, tôi đây".

Cô muốn làm cái gì để ngăn chặn không cho cô quay về Tomas. Cô mong được chính tay mình tàn phá bảy năm trời vừa trôi qua trong cuộc đời cô. Nó là căn bệnh *vertigo*. Một cảm giác mãnh liệt, không sao chế ngự được, cảm giác mong muốn được rơi ngã xuống.

Chúng ta cũng có thể gọi căn bệnh *vertigo* là sự chìm đắm trong nỗi say sưa của kẻ yếu. Biết được nhược điểm của mình, anh ta bó tay chịu thua thiệt chứ không chống trả. Anh ta say sưa với sự yếu đuối, mong được yếu hơn nữa, mong được rơi xuống ngay trung tâm thành phố trước mặt mọi người, mong được xuống thấp hơn, thấp hơn cả bên dưới.

Cô cố tự thuyết phục sẽ thu xếp dọn về sinh sống tại một nơi nào đó ngoài Praha và từ bỏ luôn nghề nhiếp ảnh. Cô định sẽ về lại cái tỉnh lỵ nhỏ bé nơi tiếng gọi của Tomas đã có thời gian quyến dụ, mời gọi cô.

Nhưng khi về đến Praha cô phải dùng thì giờ giải quyết một số việc vặt vãnh và cứ phải lần lữa trì hoãn chuyện di chuyển.

Ngày thứ năm từ hôm trở về, Tomas đột ngột xuất hiện. Karenin nhảy chồm lên người anh, và vì thế mất một lúc khá lâu hai người mới mở đầu cho nhau được.

Hai người có cảm tưởng như đang đứng trên cánh đồng đầy tuyết, thân thể run rẩy vì giá lạnh.

Đoạn hai người tiến lại gần nhau như những người tình chưa bao giờ biết hôn là gì.

"Mọi việc yên ổn cả chứ?" Anh hỏi.

"Vâng".

"Em đã ra tòa báo chưa?"

"Em có gọi điện thoại"

"Rồi sao?"

"Không có gì cả. Em vẫn đang chờ."

"Em chờ cái gì?"

Cô không trả lời Tomas cô đang chờ đợi cái gì. Cô không thể bảo anh cô vẫn chờ đợi ngày anh quay về.

29

Bây giờ hãy trở lại với thời điểm chúng ta đã biết qua. Tomas sầu thảm đến tuyệt vọng và bao tử anh cứ nhói lên từng cơn đau đớn. Đêm nào anh cũng mất ngủ.

Tomas ngủ được một chốc thì Tereza thức giấc. (Phi cơ Nga vẫn vũ bay lượn trên nền trời Praha và không ai có thể ngủ được vì tiếng động). Vì cô mà anh trở về. Đó là ý tưởng hiện đến trước hết trong đầu Tereza khi Tomas trở về với cô. Vì cô, anh đã thay đổi định mệnh cuộc đời anh. Giờ đây anh không còn trách nhiệm gì với cô nữa; giờ đây cô mới là người chịu trách nhiệm với anh.

Cô thấy cái tinh thần trách nhiệm này dường như đòi hỏi nhiều sức mạnh hơn là cô có thể có.

Nhưng đột nhiên cô nhớ lại hôm trước ngày anh xuất hiện tại ngưỡng cửa căn nhà, tiếng chuông nhà thờ bỗng đổ sáu tiếng. Hôm hai người gặp nhau lần đầu, ca làm của cô tan vào lúc sáu giờ. Cô thấy anh ngồi ở đằng xa đối diện cô trên chiếc ghế dài màu vàng và cô nghe tiếng chuông từ gác chuông nhà thờ đổ sáu tiếng.

Không, đây không phải là lòng mê tín, nó là cái cảm quan thẩm mỹ đã cứu vớt cô ra khỏi nỗi buồn chán tuyệt vọng và đã thâm nhập, tiêm nhiễm vào cô một ý chí mới mẽ để cô sống tới. Đàn chim của sự ngẫu nhiên một lần nữa lại đáp xuống đậu trên vai cô. Hai mắt cô nhòe đi và cô thấy tràn ngập nỗi sung sướng không sao diễn tả được khi nghe tiếng thở đều đặn của Tomas bên cạnh mình.

(Tiếp kỳ sau)

MILAN KUNDERA



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới

PHẠM QUỲNH, (tuyển tập và di cảo), An Tiêm xuất bản lần thứ nhất 1992. Giá 17 Mỹ Kim.

Sách chia làm ba phần. Phần một gồm những bài viết tuyển chọn từ các báo *Nam Phong* và *Thượng Chi Văn Tập,* đề cập đến nhiều vấn đề: Văn học, giáo dục, triết lý Đông Tây, phong tục tập quán... Phần hai là những di cảo của Phạm Quỳnh. Phần ba gồm những bài viết và phê bình về Phạm Quỳnh của nhiều nhà vă n, học giả.

Gạt vấn đề chính trị qua một bên, chỉ nói đến phần đóng góp của nhân vật lỗi lạc này cho văn hóa và văn học Việt Nam thì chắc chắn không thể không ghi công. Trong *Nhà Văn Hiện Đại*, Vũ Ngọc Phan khẳng định: "Cái công của Phạm Quỳnh "khai thác" lúc đầu cho nền quốc văn có ngày nay, thật là một công không nhỏ".

Sách in đẹp, sáng sủa.

MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG, tác giả **Darshani Deane**, dịch giả **Nguyên Phong. Bìa Đinh Cường. Văn Nghệ** xuất bản 1992. Giá 12 Mỹ Kim.

Darshani Deane là một diễn giả nổi tiếng, đã giúp đỡ nhiều người trên phương diện tâm linh. Cuộc diễn thuyết nào của bà cũng thu hút rất đông quần chúng, sau buổi nói chuyện bà thường dành thì giờ để tiếp xúc với thính giả để thảo luận thêm về những đề tài liên quan đến đời sống cá nhân của họ. Chi tiết cuộc tiếp xúc được ghi nhận và in thành sách dưới tựa đề: "Wisdom, Bliss, and Common Sense" (tạm dịch: Minh triết trong đời sống). Cuốn sách này đã giúp nhiều người tìm được sự thoải mái trong đời sống tinh thần và là một trong những cuốn sách tâm linh bán chạy nhất năm 1989 (trích Tiểu Sử Tác Giả)

Cuộc sống của chúng ta, với những lo toan áo cơm và chao đảo về mặt tinh thần trên xứ người, quả rất cần một thứ "kim chỉ nam" để hướng dẫn sinh hoạt tâm linh , thì cuốn sách này, trong giới hạn nào đó, sẽ góp phần giúp chúng ta tìm thấ y sự thư giản cần thiết.

NGƯỜI CHĂN GIỮ ĐÀN THÚ VÀ NHỮNG BÀI THƠ KHÁC CỦA ALBERTO CAEIRO, thơ **Fernando Pessoa**, bản dịch **Diễm Châu. BÔNG**

HỒNG, thơ **J.-L. Borges,** bản dịch **Diễm Châu. HAI MƯƠI BÀI THƠ TÌNH VÀ MỘT BÀI CA TUYỆT VỌNG,** thơ **Pablo Neruda,** bản dịch **Nguyễn Đăng Thường.** Cả ba tập đều do nhà **Trình Bày** xuất bản cuối năm 1992.

Theo nhận xét chung của những người làm thơ tại hải ngoại, công việc của nhà *Trình Bày* từ vài năm nay, là nỗ lực chỉ có thể phát sinh từ những tấm lòng thủy chung nhất đối với thi ca. Chính chúng tôi, những người đang hệ lụy thường xuyên với chữ nghĩa, cũng không dấu nổi ngạc nhiên mỗi lần nhận được một hai tập thơ, được gởi đi từ một địa chỉ rất xa tận trời Âu, nơi ngụ cư của nhà thơ Diễm Châu, cũng là nơi khai sinh ra những tập thơ này. Sự ngạc nhiên pha nhiều cảm phục.

Ba tập thơ chúng tôi vừa giới thiệu, là ba thi phẩm mới nhất nhà *Trình Bày* vừa phát hành. Qua tên tuổi của ba tác giả, cũng như qua khả năng dịch thuật của hai nhà thơ Diễm Châu và Nguyễn Đăng Thường, độc giả yêu mến thơ ca - dù khó tính đến đâu chăng nữa - cũng không thể không yên tâm: chúng ta đang cầm trên tay những công trình văn học xứng đáng và tiêu biểu.

PHÁP TRƯỜNG, tập truyện **Trịnh Khắc Hồng.** Nhà xuất bản **Văn Nghệ,** thành phố Hồ Chí Minh.

Từ truyện ngắn đầu tay *Những Người Có Mặt* xuất hiện trên tạp chí Mai vào năm 1963 tại Sài Gòn, đến nay đã 30 năm. Ngày đó Trịnh Khắc Hồng chưa tròn 20 tuổi. Theo lời giới thiệu của người chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí vừa nêu thì Trịnh Khắc Hồng được xem là một tài năng mới có khả năng mở ra cho truyện một thế giới ở dưới sâu những tầng đáy của tâm hồn, thế giới vô thức, với một bút pháp tân kỳ. Những tưởng sau lần xuất hiện đó, Trịnh Khắc Hồng sẽ tiếp tục cống hiến cho văn học nhiều khai phá khác. Thế rồi bẵng đi gần một phần ba thế kỷ, người ta lại thấy Trịnh Khắc Hồng tái xuất. Một tái xuất cũng bất ngờ, đột ngột không kém lần đầu tiên. Tập truyện *Pháp Trường* do nhà Văn Nghệ thành phố HCM xuất bản trong năm vừa qua đã gây ngạc nhiên lý thú, bởi vì khác với nhiều tác phẩm sao chép hiện thực mà ta thường gọi là "văn chương minh họa", Trịnh Khắc Hồng đã đi vào lãnh vực khá cam go của văn chương: *Qua đời sống của các nhân vật, tôi muốn biểu hiện thân phận của con người với những thế giới ở bên trong, thế giới của tiềm thức... Nhân vật của tôi hành động trong trong cuộc sống không chỉ bằng ý thức mà thực sự nó bị chi phối bởi thế giới của tiềm thức, và nhiều khi của vô thức...*

Được biết, nhà văn Trịnh Khắc Hồng vừa từ Việt Nam đến định cư tại Pháp cách đây không lâu. Có thể ông sẽ cho tái bản tác phẩm *Pháp Trường* tại hải ngoại. Tác phẩm này gồm mười truyện ngắn.

CHUYẾN MÉTRO ĐI TỪ BELLEVILLE, tập truyện **Mai Thảo.** Bìa Khánh Trường. Phụ bản Thái Tuấn, Ngọc Dũng. Nam Á xuấ bản. Giá 10 Mỹ Kim.

Chúng ta đều biết Mai Thảo là nhà văn sáng tác đều nhất và có nhiếu độc giả nhất của miền Nam trước kia. Ngày nay, tuy tuổi đã cao, nhưng ông vẫn

còn tiếp tục công việc của một nhà văn: viết và đưa tác phẩm đến với công chúng. Có thể nói: Mai Thảo là một trong số rất ít - đếm chưa đủ trên đầu nă ngón tay - những nhà văn chỉ sống bằng ngoài bút.

Vẫn một văn phong lấp lánh rất Mai Thảo, vẫn những câu chuyện "không gây ra bão, không làm nên sóng", và vẫn cái nhìn rất nhân ái dành cho con người, cuộc đời, nhà văn luống tuổi này đã một lần nữa, gởi đến chúng ta cái thông điệp ông từng viết đâu đó trong trên dưới bốn mươi tác phẩmcủa ông: "Nếuta nằm xuống, cuộc đời là trái núi, hãy đứng dậy mà xem, cuộc đời sẽ quỳ dưới chân ta". Rất tiếc kỹ thuật in (nhất là bìa) chưa đạt tiêu chuẩn.

QUÊ, tùy bút **Võ Phiến, Văn Nghệ** xuất bản. Giá 6 Mỹ Kim.

Bằng giọng văn thâm trầm, nhẹ nhàng, Võ Phiến tiếp tục cho chúng ta thấy sự tinh nhạy của ngòi bút ông. Có thể trích một đoạn nhỏ làm dẫn chứng:

"...Ông Nguyễn nhớ đến bốn câu thơ:

Đi vắng từ xa trở lại nhà
Bộ đồ cũ mặc ấm trà pha
Tựa lưng vào vách tường thân thuộc
Trong cõi riêng buồn thấy lại ta

Bà Nguyễn tò mò:

- Thơ ai vậy ông

- Mai Thảo đấy.

- Ông đọc lại, nghe với. Hay chứ hả?

- Hay. Hay chứ. Nhưng phải có cơ duyên, bắt gặp những lúc Mai Thảo quên làm-mới-chữ-nghĩa. Không phải dễ. Không dễ dàng đâu nhé." (Khách Xá Qui Tâm - *Quê* - trang 85).

Đúng là... tinh tế kiểu Võ Phiến. Bọn hậu sinh nên lấy cái tinh tế này làm chuẩn mực chăng?

KIỀU LOAN, kịch thơ **Hoàng Cầm. Văn Học** (trong nước) xuất bản 1992. Giá 6.500 đồng Việt Nam.

Đúng 50 năm sau sau khi kịch bản khởi thảo (1942) nhà xuất bản Văn Học đã cùng với tác giả Hoàng Cầm sưu tầm thâu góp, chỉnh lý để khôi phục lại toàn vẹn bản thảo chính thức (vì kịch bản một thời gian dài bị thất lạc, tản mạn, qua hai cuộc chiến tranh giữ nước).

Chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc một tác phẩm kịch thơ theo đúng tinh thần và cốt cách của nó: Trong kịch có thơ và trong thơ có kịch, một tác phẩm khá tiêu biểu cho một bộ môn vừa văn học vừa sân khấu mà đến nay, nhiều bạn đọc trong và ngoài nước còn nghe tiếng vang, vẫn mong chờ ngày ra mắt, cuốn sách góp thêm một loại hình đáng chú ý vào kho tàng sách văn học phong phú của chúng ta. (Trích tựa của nhà xuất bản Văn Học).

NỤ HÔN LOÀI HOA TÍM DẠI, thơ **Thái Thụy Vy. Phù Viên** xuất bản. **Duy Lam** đề tựa và vẽ chân dung tác giả (bìa sau). Bìa **Đinh Cường,** phụ bản **Võ Đình, Thanh Nhàn, Đinh Cường, Nguyễn Trọng Khôi.** Không ghi giá

bán.

... Nhưng thơ Thái Thụy Vy còn mang đến cho tôi một số ngạc nhiên và xúc động khi tôi lần lượt đọc và suy nghĩ về gần cả một trăm bài thơ anh đã làm và phả vào từng dòng thơ cái tâm sự buồn của anh, một con người mà tâm hồn nhạy cảm đã bị đời và con người làm tổn thương rất nhiều, rất nhiều, đến độ anh phải dùng những dòng thơ như một tiếng kêu than, mời gọi sự đồng cảm và những đáp ứng chân tình (Duy Lam).

CHÍN TRUYỆN NGẮN, tuyển tập truyện ngắn gồm chín truyện ngắn của chín tác giả: **Nguyễn Khải, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Dậu, Nguyễn Thị Ấm, Nguyễn Quang Thân, Lê Minh Khuê, Phạm Thị Hoài, Ma Văn Kháng, Hòa Vang.** Nhà xuất bản **Hội Nhà Văn** xuất bản 1992. Bìa **Lương Xuân Đoàn.** Giá 8.000 đồng VN.

Lạnh lùng, tàn bạo, phi nhân, vô luân, ranh giới giữa thiện ác hoàn toàn bị xóa mờ. Không phê phán, không lý giải, không tham dự, chỉ có những sự kiện, sự kiện, và sự kiện. Ấm ấp, ngồn ngộn, sống sít. Nếu "nhà văn là chứng nhân của thời đại", thì qua *Chín Truyện Ngắn*, thực tại Việt Nam đã được ghi lại một cách trung thực nhất. Sự trung thực làm chúng ta kinh hoàng, ớn lạnh. Và do đó, cũng ứa nước mắt.

VÁCH VÀ VỰC, thơ **Lê Hữu Khóa,** nhà xuất bản **Grisea và Gesle** ấn hành. Không ghi giá bán.

Hình thức trang nhã, giản dị. Nội dung mới, lạ. Một nỗ lực cách tân thi ca. Tập thơ nên có trong mọi tủ sách những người yêu thơ.

LOVE POEM / THƠ TÌNH DU TỬ LÊ, giá 10 Mỹ Kim, **và ĐI VỚI VỀ CŨNG MỘT NGHĨA NHƯ NHAU,** giá 12 Mỹ Kim. Tủ sách **Văn Học Nhân Chứng** tái bản.

Tập đầu, gồm hai phần: phần tiếng Anh gồm thơ DTL được dịch bởi Đỗ Đình Tuân, Huỳnh Sanh Thông, Hoàng Hà Thanh, Huỳnh Thiên Kim, Kirk Lindsay, J.K. Le, Nguyễn Ngọc Bích, Vũ Ngự Chiêu. Phần hai gồm những bài thơ của Du Tử Lê được các nhạc sĩ phổ thành ca khúc.

Tập hai, cũng thơ Du Tử Lê và một số ca khúc phổ từ thơ DTL qua các nhạc sĩ Phạm Đình Chương, Phạm Duy, Vũ Thành An, Trần Duy Đức, Phan Nguyên Anh, Ngô Anh Quang, Nguyễn Hiền.

Du Tử Lê là một hiện tượng đặc biệt trong thị trường thơ ca Việt Nam hải ngoại: hầu hết các thi phẩm của các tác giả khác gần như không bán được, riêng thơ Du Tử Lê là một ngoại lệ: thơ in với số lượng cao, vẫn bán hết và vẫn tái bản. Điều đó đủ bảo chứng cho tài năng của DTL hơn bất cứ một lời giới thiệu nào.

CHÍ TÔN CA, thơ **Nguyễn Hữu Nhật.** Nhà **Anh Em** xuất bản. Giá 15 Mỹ Kim.

Đây là tập thơ thứ hai, sau *Thơ Hoa Sen* đã xuất bản cách đây không lâu. Vẫn với hình thức rất trang nhã, rất "thơ", *Chí Tôn Ca* gồm hai ca khúc có tên Ai Ca và Diệu Ca. Đó là những bài ngợi ca rất đỗi tôn kính, hay những

bài ca tụng đấng Chí Tôn mà nhà văn Nguyễn Thị Vinh, trong lời bạt dành cho tác phẩm, dưới tựa đề *Thơ Đến Từ Phương Đông*, đã cho chúng ta biết.

CHUYỆN TÌNH LÁ ME, truyện dài **Chu Tất Tiến. Thời Điểm** xuất bản. Giá 12 Mỹ Kim.

Với "Chuyện Tình Lá Me", Chu Tất Tiến đưa người đọc trở lại một thời của "chủ nghĩa tình cảm", sự dịu dàng óng mượt trong tình yêu, nỗi đam mê nhẹ nhàng, một cảm xúc thơ dại.

Những dòng trên của nhà văn Nguyễn Xân Hoàng thiết tưởng có thể cho chúng ta một cái nhìn khái quát về tác phẩm này.

NHỮNG NGÀY MUỐN QUÊN (1975-1983), ghi chép của **Đoàn Thêm. Tổ hợp xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ** xuất bản. Giá 18 Mỹ Kim.

Trước 1975, chúng ta đã biết Đoàn Thêm qua bộ sách nổi tiếng *Những Ngày Chưa Quên*. Nay, chữ *Muốn* đã thay thế cho chữ *Chưa*, tác phẩm, dưới hình thức ghi nhận kiểu nhật ký, đã vẽ lại một giai đoạn ngót tám năm tại Sài Gòn, mà theo tác giả, rất muốn quên nhưng vẫn không quên được.

BẠN TRẦM, tập truyện **Hoàng Du Thụy,** bìa **Vũ Thái Hòa,** bạt **Hồ Trường An. Miệt Vườn** xuất bản 1992. Giá 10 Mỹ Kim.

Gồm 17 truyện ngắn, đa số đã đăng trên các tạp chí Văn, Văn Học, Thế Kỷ 21...

Không chuyên chở những "vấn đề lớn", không mang khát vọng "làm mới" chữ nghĩa, truyện Hoàng Du Thụy chỉ xoay quanh một vấn đề muôn thuở của con người: tình yêu. Tuy nhiên tình yêu trong truyện HDT hầu hết là những dở dang, mất mát, ngang trái, dù không ly kỳ, éo le. Hình như HDT cũng là một nhà văn gốc "Miệt Vườn", dẫu ông không sử dụng cái kho tàng ngôn ngữ "rặc miền Nam" mà đa số các nhà văn gốc "Miệt Vườn" khác thường sử dụng.

ĐƯỜNG NÀO CÓ HOA ĐÀO và **HUYỀN CA, DIỄM ẢNH,** thơ **Dương Huệ Anh, Phương Đông** xuất bản. Giá 8 Mỹ Kim mỗi tập.

Đây chỉ là một công trình sưu tuyển một số thơ của một tác giả trong thời gian qua để ghi lại những cảm nghĩ khó quên. Đây cũng là dịp để tạ lòng các thân hữu đã khuyến khích và ơn người tri kỹ. (Trích Lời Nói Đầu của tác giả).

TRONG CÕI, biên khảo của **Trần Quốc Vượng,** bìa Khánh Trường, **Trăm Hoa** xuất bản 1992. Giá 15 Mỹ Kim.

Gồm những bài viết uyên bác và sắc bén của một giáo sư sử học (thuộc Đại học Tổng hợp Hà Nội) đề cập đến nhiều vấn đề liên quan đến văn hóa, lịch sử, khảo cổ, truyền thống dân gian... đã được đăng tải trong nước và hải ngoại (trong thời gian ông sang nghiên cứu tại đại học Cornell, Nữu Ước, Hoa Kỳ). Chính những bài viết tại hải ngoại này, đã khiến giáo sư Trần Quốc Vượng trở thành nạn nhân của rất nhiều bài đả kích khi ông trở lại Việt Nam. Ông bị cho nghỉ hưu non, với số lương hàng tháng mà theo ông, chỉ đủ uống ba lon bia!

Cuốn sách là một nỗ lực lớn của nhà xuất bản TrămHoa, vì với tình trạng

xuất bản èo uột tại hải ngoại hiện nay, và với khả năng tài chánh của một nhà xuất bản nghèo, những người chủ trương đã phải "thắt lưng buộc bụng" để đưa tác phẩm đến vối độc giả.

TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY(tức **ĐẠT LAI LẠT MA TỰ TRUYỆN), Tenzin Gyatso,** bìa Khánh Trường. **Văn Nghệ** xuất bản 1992. Giá 14 Mỹ Kim.

Người Tây Tạng tin rằng đức Đạt Lai Lạt Ma là hóa thân đời thứ mười bốn của Bồ tát Quán Thế Âm. Nhưng chính đức Đạt Lai Lạt Ma, Ngài có nghĩ rằng chính Ngài là Phật sống hay chăng? Năm Ngài 13 tuổi, một phái đoàn trong hàng giáo phẩm cao cấp đã tìm được Ngài từ một gia đình nông dân nghèo nàn, để đưa về kinh đô Lhasa nối nghiệp vị tiền thân của Ngài là đức Đạt Lai Lạt Ma đời trước. Năm 15 tuổi, Ngài trở thành vị lãnh đạo tôn giáo và chính trị của Tây Tạng, vừa lúc Cộng sản Trung Hoa xâm lăng tổ quốc Ngài để thi hành một chính sách diệt chủng. Đức Đạt Lai Lạt ma đã đối phó với quân xâm lược như thế nào? Nhờ phép lạ nào Ngài cùng đoàn tùy tùng trốn khỏi kinh đô Lhasa và vượt biên sang Ấn Độ trong khi quân đội Trung Hoa bủa vây?

Những câu hỏi trên sẽ được đức Đạt Lai Lạt Ma trình bày tường tận, cũng như sẽ cho chúng ta biết về các hiện tượng thần bí của xứ Tây Tạng, về các Bồ Tát hóa thân, các phép tu thiền định của Mật Tông, chuyện các thiền sư luyện lửa Tam Muội... Đồng thời cũng nói về tất cả mọi vấn đề của thời đại: chủ nghĩa Cộng Sản, nền văn minh vật chất Tây phương, chính trị, tình dục, tôn giáo....

Một cuốn sách không chỉ dành riêng cho những tín đồ Phật giáo, mà còn là cuốn sách của tất cả mọi người, được viết bằng một khối óc thông tuệ, ôn nhu, hòa nhã, từ bi...

CÁI CHẾT SAU QUÁ KHỨ, tập truyện **Trần Vũ**. Bìa Tranh Nguyễn Quỳnh, Khánh Trường trình bày. **Hồng Lĩnh** xuất bản 1992. Giá 12 Mỹ Kim.

Tuy chỉ mới xuất hiện vài năm trở lại đây tại hải ngoại, nhưng Trần Vũ đã chứng tỏ một bản lĩnh vượt trội. Là tác giả của tập truyện ngắn NGÔI NHÀ SAU LƯNG VĂN MIẾU từng gây xôn xao dư luận vào những năm 1990, 1991. Cho đến nay, anh vẫn giữ đều một nhịp sáng tác sung mãn. Truyện của anh thường xuyên xuất hiện trên các tạp chí văn chương uy tín, và hầu như truyện nào cũng gây ra những cuộc tranh luận sôi nổi trong văn giới. CÁI CHẾT SAU QUÁ KHỨ một lần nữa, chứng tỏ với chúng ta: tài năng của anh là một hiện thực không thể phủ nhận, cũng như không thể phủ nhận ở cây viết trẻ này một ý chí vượt thắng không ngừng, một sức tưởng tượng phong phú, và một nỗ lực khai phá đa dạng.

TIẾNG GỌI NGÀN, truyện ngắn chọn lọc của 14 tác giả: **Đoàn Giỏi, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Nguyễn Quang Sáng, Bùi Hiển, Nguyễn Quang Thân, Nguyễn Sinh, Lưu Quang Vũ, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Dạ Ngân, Dương Thu Hương, Triệu Huấn, Tô Hoài, Trần Văn Tuấn. Bìa Đinh Cường.** Sách trong nước, **Hồng Lĩnh** tái bản tại hải ngoại. Giá 14 Mỹ Kim.

Mười bốn truyện ngắn này có mười bốn vị trí riêng của chúng. Đây là những truyện có công chúng, nói một cách khác hẳn là những truyện trong nhiều truyện được bạn đọc chú ý, hoan nghênh hoặc bàn luận nhiều trong những năm qua. với sự thử thách của thời gian và dư luận, chắc chắn là một trong số 14 truyện này sẽ đọng lại mãi trong trí nhớ và tâm hồn người đọc.

Những nhân vật, những số phận, những khuôn mặt và tính cách, những cảnh vật và tình người, những niềm vui và nỗi buồn trong sáng, những triết lý, những suy tư về cuộc sống, về xã hội, về con người... thông qua các hình tượng văn học và ngôn ngữ văn học sẽ đến và đọng lại trong chúng ta, nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta, giúp chúng ta thêm yêu cuộc đời và thời đại chúng ta đang sống. (Trích *Lời Giới Thiệu* của Tự Sơn)

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN THẾ UYÊN, bìa **Nguyên Khai. Xuân Thu** xuất bản 1992. Giá 10 Mỹ Kim.

Gồm mười một truyện ngắn chọn lọc của Thế Uyên.

Là một nhà văn đã thành danh tại miền Nam trước 1975. Sau thời gian dài nghỉ viết, đến Mỹ, ông trở lại cầm bút và đã liên tiếp cho ra đời nhiều tác phẩmmới thuộc nhiều thể loại, làm phong phú thêm cho sự nghiệp sáng tác của mình.

Ngoài khả năng đa dạng, uyên bác, Thế Uyên còn được xem như một nhà văn cấp tiến, dấn thân đối với đa số độc giả. Ngược lại, bị xem là "tay sai", hoặc "đón gió trở cờ" dưới mắt nhìn của vài chuyên viên chống cộng bằng mồm hung hăng tại hải ngoại!

Đây làtác phẩm thứ tư của ông được xuất bản tại hải ngoại (không kể nhiều cuốn viết trước 75 đã tái bản), nâng tổng số đầu sách của mình lên gần 30 cuốn, chưa kể ba cuốn khác đã hoàn tất, đợi in.

CHỖ ĐỨNG CỦA NGUYỄN CHÍ THIỆN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM và **KẾT THÚC VỤ ÁN THIẾU VĂN HÓA CUỐI THẾ KỶ XX**, hai cuốn sách mới nhất của **Trần Nhu**. Tác giả xuất bản 1992. Giá mỗi cuốn 11 Mỹ Kim.

Cuốn thứ nhất viết về Nguyễn Chí Thiện qua cái nhìn của một người vốn là bạn đồng tù với thi sĩ. Cuốn thứ hai nói lên sự phẫn nộ của tác giả khi đọc thấy những bài viết tại hại ngoại trong vụ *"Nguyễn Chí Thiện hay Lý Đông A?"* mà một số báo chí từng có thời gây xôn xao.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

NHẮN TIN VĂN HỮU GỞI BÀI CHO HỢP LƯU

Vì người Việt sống ở nhiều quốc gia, và không phải ai cũng thông thạo mọi ngôn ngữ được dùng, nên tòa soạn đề nghị các văn hữu khi dùng ngoại ngữ trong bài của mình (ngoại trừ những chữ đã trở thành ký hiệu quốc tế), xin tự dịch ra tiếng Việt ở phần ghi chú cuối bài. Tòa soạn có thể làm việc này, nhưng ngại không đúng ý tác giả. Thứ nữa nếu được tác giả gởi dĩa VNI hoặc VNLab để tòa soạn tiết kiệm thì giờ và tránh các lỗi đánh máy là tốt nhất. Trân trọng cám ơn.



với văn hữu và bạn đọc

THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

Thư Dương Thu Hương gởi Thụy Khuê

Chị Thụy Khuê thân quý,

Trái với dự đoán của chị, mình không gặp ai cả. Chắc những người bạn của chị bận hoặc gặp khó khăn. Hiện nay, ở đây đang có một chiến dịch rầm rộ nhằm hạ nhục mình. Bức thư của ông Việt kiều Lê Bá Hiên nào đó đang được nhiều nơi phổ biến. Thư được in không tiếc tiền và được đọc tại các cuộc giao ban của ban VNVNTW, đài phát thanh, bộ tổng tham mưu quân đội, PA25 thành phố v.v... và v.v... Hình như họ tưởng rằng việc bôi nhọ một cá nhân có tư tưởng dân chủ sẽ cứu vãn sự sụp đổ của CNCS và làm nhà nước tham nhũng khủng khiếp này trở nên trong sạch hơn, được dân chúng tín nhiệm hơn. Thật hài hước và thật thê thảm nữa. Bởi lẽ, trong đám người hả hê vì lá thư ấy có những kẻ sống mỏi mòn, chỉ mơ ước mua được cho con vài lạng thịt cuối tuần. Xét cho cùng, thật đáng thương, vì với gốc rễ là tầng lớp hào lý hay lưu manh vô sản, họ chẳng thể tìm được cách phản ứng nào khá hơn. Không thắng được mình bằng tư tưởng và ý chí, họ mượn miệng 1 kẻ hàm hồ để chưởi vã. Một hành động tuyệt vọng thôi. Làm sao lời lẽ của ông Hiên nào đó gây được xao xuyến cho mình. Khi nhận bức thư này mình đã đọc to cho giới văn nghệ cùng nghe. Họ thơ ngây quá, nếu bị rung động bởi những lời lẽ như thế thì mình đã vỡ tim hay đứt mạch máu não chết từ lâu. Đã hơn mười năm nay, mình rèn thói quen loại bỏ lợi ích và xúc động cá nhân ra ngoài công việc. Điều đó khó nhưng làm được. Mùa đông năm 89, sau đại hội nhà văn, nhóm chiến hữu đã chuẩn bị một loạt trả thù cá nhân những kẻ tham gia kẹp xe sát hại mình. Mấy nhân vật này chị có thể thấy thấp thoáng trong TTVĐ. Các cậu ấy đều vào đời bằng tấm thẻ quân nhân và tinh thông cái nghề đáng nguyền rủa là nghề giết người. Lúc ấy mình đã thuyết phục nhóm lính chiến rằng: “Hãy tha thứ cho họ. Họ chỉ là công cụ. Họ chỉ là những con chó của kẻ cầm quyền. Trong chiến tranh, bạo lực chỉ nên dùng đến khi không còn cách nào khả quan hơn nó”. Các cậu ấy đã nghe mình. Và vào phút này, đám người kia vẫn được sống an toàn với gia đình họ trong thành phố. Bây giờ, với ông BDT cũng vậy. Vì ông ta liên kết với dây Mafia

Mai Chí Thọ mình phải vạch mặt chỉ tên. Vụ buôn bán chui kho vũ khí Long Bình và tài nguyên đất nước đã bị đổ bể. Mình đã đạt được mục tiêu là kêu lên tiếng kêu cảnh cáo cho dân chúng. Hãy tỉnh táo, có kẻ đã toan tính bán xương máu dân lành và tài nguyên đất đai cho ngoại bang lấy vàng bỏ riêng vào túi. Việc đã xong, mình không còn nghĩ đến ông ta nữa. Hơi đâu mà thù oán người dưng. Vừa rồi khi nghe bố mình thông báo về chính phủ lưu vong Bùi Tín - BDT mình mới lại nhớ đến ông ta, và cười ngất. Chí ít thì cái chính phủ ấy cũng giải khuây được cho mọi người vào tiết đông hàn dài dặc ở Châu Âu. Còn ở đây, lúc này, mình đang khổ sở vì sự khốn quẫn của nghề nghiệp. Điện ảnh cũng như nhiều nghành VHNT khác đang lâm nguy. Dưới sức ép của thị trường và sự cùng mạt về tài chính nó có thể tiêu ma hay hoàn toàn biến dạng - Trừ một số người có quyền chức đã vơ vét tích trữ được từ trước, nhiều anh em đồng nghiệp đang đói theo nghĩa đen, phim 35 ly hấp hối, toàn vidéo thị trường. Làm phim giống hệt như buôn dăm nãi chuối đầu chợ bán cuối chợ. Sự xuống cấp xẩy ra trên khắp các bình diện văn hóa. Nó sẽ bổ sung và kích thích cho nhiều sự suy đồi tinh thần khác. Là người làm văn hoá nghệ thuật, chị có đồng ý kiến với mình? Tận bây giờ, nhà nước mới nói đến hai chữ "nhân văn". Thôi thì quá muộn cũng còn hơn không. Công việc của chúng ta vẫn là cố gắng đến tận cùng sức lực bé nhỏ của mình để đóng góp cho sự tiến triển của văn hóa và đất nước, trên cái nền hai chữ "Nhân Văn". Lạy trời, nếu trời còn cho sống thì cái việc làm văn hóa văn văn nghệ ở đây, giữa thời buổi này cũng đầy hiểm nguy và nan giải. Nhưng mà, cũng không muốn ném đi những mộng việc cỏn con của mình nên đành liều "một liều ba bẩy cũng liều", xem sao. Chúc chị và gia đình an khang hạnh phúc.

DƯƠNG THU HƯƠNG

Chữ và nghĩa

Ở Mỹ có tờ nguyệt san thường dành nhiều trương cho mục CHỮ VÀ NGHĨA. Nhưng đó là báo THẾ KỶ 21. Còn sách báo cuối thế kỷ 20 này có nên chú ý đến *sự trong sáng của tiếng Việt* không?

Sau vụ Montréal hồi tháng sáu, tôi mới tò mò tìm đọc HỢP LƯU. Báo của quý vị có nhiều bài hay, trình bày sáng, in đẹp, tôi rất thích. Còn về phần sai sót cũng không phải hiếm nhưng chưa bao giờ tôi dám thưa. Hôm nay tôi mạo muội viết thư này là vì HỢP LƯU SỐ 7, giữa trương 215 có đoạn:

Để có lời khen "tương đối ít lỗi chính tả" anh tặng,... Phàm bất cứ ai vướng vào nghiệp viết lách, đều hiểu, không có gì bực bội hơn khi thấy bài viết của mình bị rơi vào nổi buồng chín tã... *Ôi, trời sinh chi cái xứ... Bắc kỳ khiến cho bọn Trung Nam kỳ chúng tôi lao khổ tấm thân.* (trích nguyên văn).

Ba chấm lửng lơ trước hai chữ *Bắc kỳ* xin nhường người Bắc trả lời. Tôi người Trung. Vấn đề chính tả thì người Bắc sành *hỏi ngã* là nhờ giọng nói, chứ nếu họ muốn viết đúng những từ như: *chí sĩ, trí sĩ, xán lạn, sáng lạng, v.v... thì cũng cần phải học.*

Vì thích tờ báo, nên tôi xin phép nói thẳng đôi lời:

Nếu HỢP LƯU muốn xứng đáng với tiêu đề TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO thì *nên* khắc phục mấy khuyết điểm nhỏ dưới đây (không thể điểm hết cả *số 7*, tôi chỉ xin giới hạn mấy trương trong mục **Ngày... tháng...** do nhà văn KIM THI phụ trách):

I.- SAI CHÍNH TẢ: Chỉ đếm từ trương 197 đến trương 204 trong mục này thôi, cũng đã có 15 chữ sai chính tả (tương đối ít?). Tuy toàn là chữ dễ, nhưng tôi cũng xin ghi vào phần phụ chú ở cuối trương để dẫn chứng (1).

II.- DÙNG CHỮ SAI NGHĨA. Chỉ xin nêu vài ví dụ: 1) Tr. 200, hàng 3: "*... một tài xế dáng người to lớn vĩ đại*". *Vĩ đại* nghĩa là to lớn nhưng không phải to xác. Có thể nói: *Sự nghiệp vĩ đại của một vĩ nhân* (grand homme). 2) Tr. 201, hàng 2: "*nửa giờ sau tiếng xe lục hặc bên ngoài*". Hục hặc không phải là tiếng tượng thanh. *Hục hặc là sự cãi cọ, xung đột giữa hai người hoặc hai phe. Chưa bàn đến câu văn rất tối nghĩa.*

III.- VĂN CHƯƠNG. Xin chỉ lấy một câu: "*... chỉ vài mươi nóc gia, tất cả đều bị thiêu rụi trong lửa*. (Tr. 203, h 15, dưới lên). *Nóc gia* hay hơn *nóc nhà? Thiêu* hay hơn *cháy* (trừ khi làm thơ phải chọn vần)? Chỉ nói *cháy rụi* là đủ. Thừa hai chữ *trong lửa.*

IV.- Thường thường gặp những câu văn có xen tiếng Anh mà không dịch nghĩa, tui cứ thẹn mình không biết tiếng Anh để thưởng thức hết cái hay của câu *văn lai Mỹ!*

Dám mong các bậc cao minh đừng lầm tưởng rằng tôi có "*ý đồ*" "*bôi đen*" HỢP LƯU. Không, hoàn toàn không! Mà cũng không thể. *Tôi đề cập đến khía cạnh mà những kẻ khôn ngoan hầu như không ai nói.*

NGUYỄN HỮU THÀNH (Pháp)

---

(1)Những chữ sai chính tả: tr. 197 (3 ch): Liêm *sĩ* (sỉ), mâu *thuẩn* (thuẫn, 2 lần). Tr 198 (4 ch): *bứt* (bức) xúc, *ngẩn* (ngẩng) cao, *dành* (giành) được độc lập, *đỗ* (đổ) vỡ. Tr 200: *quàng* (quàn) xác. Tr 202 (2 ch) *dấu* (giấu) đâu đó trong người; cái nghĩa *đứng* (đúng) đắn nhất. Tr 203 (4 ch): *đỗ* (đổ) vỡ, *màn* (màng) óc, *ngẩu* (ngẫu) nhiên, gần *gủi* (gũi). Tr 204: *sang* (san) bằng.

Những chữ đánh máy sai tôi không liệt vào loại sai chính tả.

HL cảm ơn ông đã bỏ công ngồi viết lá thư này, và chân thành tạ lỗi với ông, cũng như với độc giả về những lỗi chính tả. Riêng phần DÙNG CHỮ SAI và VĂN CHƯƠNG, chúng tôi sẽ xin thảo luận vào một dịp khác. Kính.

... thì tôi thấy hay quá.

Tôi tên Nguyễn Văn Toàn, hiện ở thị trấn Rancho Cardova (cách thủ phủ Sacramento khoảng 12 dặm về phía Đông). Tôi qua định cư tại Hoa Kỳ được hơn hai năm. Nơi tôi ở thường ít sách báo Việt ngữ, lâu lâu chỉ được đọc một ít tin tức qua mấy tờ nguyệt san, hoặc bán nguyệt san có tính cách thương mại trong vùng mà thôi.

Cách đây khoảng năm tháng tôi đọc tạp chí *Phù Sa*, tình cờ gặp bản tin

(báo này gọi là *Bản Tin Tổng Hợp*) của ba nhà báo Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyên Phong, Võ Thành Nhân, báo động về chiến dịch *Hoa Hồng Xám* do Cộng Sản Việt Nam phát động qua việc xóa bỏ cờ quốc gia cũng như nhiều vấn đề khác nhằm làm băng hoại tinh thần chống Cộng của người Việt hải ngoại.

Bản Tin cho biết: nhà văn Nhật Tiến, người từng hai lần về Việt Nam và mới trở lại Mỹ hồi Tết, đã từ Cali lên Toronto cho ra mắt tờ *Trăm Con*, là tờ báo nằm trong quỹ đạo của chiến dịch *Hoa Hồng Xám*. Để chứng minh cho luận cứ trên, *Bản Tin* trích dẫn một số đoạn trong tờ *Trăm Con: "... Còn ngoài nước cũng vậy, với nhiều xúc động nhưng lại ít liên đới với cái hiện thực thiết thân của đồng bào trong nước, những nhóm hoạt đầu chính trị nhân danh cuộc chiến 45-75 đã tàn lụi, để, lại với những màu cờ sắc áo cũ, những định chế và nhân vật xưa, quyết nối dài cuộc chiến đã chấm dứt với ảo tưởng tiêu diệt cho đến người Cộng Sản cuối cùng..."*

Bản Tin trích thêm: *"... ở nước ngoài, phẩm và lượng các nhóm tàn dư của hai chế độ Cộng Hòa cũ chỉ là những con số trên các bản thông cáo, và nỗ lực kêu gọi mọi người đoàn kết sau lưng họ là một giấc mơ lãng mạn mà thôi".*

Cuối cùng *Bản Tin* kết luận: Nhật Tiến và *Trăm Con* là thân Cộng hoặc bị Việt Cộng giựt dây, và kêu gọi đồng bào hải ngoại "đề cao cảnh giác".

Tôi chưa có dịp làm quen với tờ *Trăm Con*. Riêng nhà văn Nhật Tiến, trước 75 tôi có nghe tên nhưng cũng chưa đọc tác phẩm nào của ông cả. Thú thực, tôi không có khiếu về văn thơ và rất ít đọc văn thơ, ngoại trừ lúc còn nhỏ có đọc một số tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn. Nhưng nếu chủ trương của NT và *Trăm Con* quả đúng như *Bản Tin* đã trích dẫn, thì tôi thấy hay quá, hữu lý nữa... Tôi hoàn toàn đồng ý với cách nhìn đó. Từ 5 tháng nay tôi có ý tìm NT để hỏi thăm nhưng rất tiếc không tìm ra địa chỉ của ông. Cách đây mấy tuần, khi đọc tạp chí *Giao Điểm*, tôi thấy có ô quảng cáo báo *Hợp Lưu*. Hỏi một người bạn, anh này nói *Hợp Lưu* và *Trăm Con* là một. Hôm nay tôi viết về địa chỉ ghi trên mẩu quảng cáo, nếu đúng *Hợp Lưu* và *Trăm Con* là một và cùng có NT trong ban chủ trương thì xin tòa soạn cho tôi biết. Tôi không rõ giá báo là bao nhiêu, cùng cách thức mua, nếu có thể, tòa soạn cho biết luôn. Tôi sẽ đọc và cổ động cho lập trường của quý báo, bởi, nhân danh một người sống trong lòng chế độ CS ngót mười lăm năm, tôi nghĩ mình có đủ thẩm quyền để hiểu người dân trong nước nghĩ gì, muốn gì, và chúng ta phải làm gì cho đất nước trong giai đoạn hiện tại.

NGUYỄN VĂN TOÀN (Rancho Cordova, CA)

Trước tiên, HL xin đính chính: Về nhân sự, điều hành, HL và TC là hai tờ báo hoàn toàn độc lập. Tuy nhiên, có thể lập trường, chủ trương của chúng tôi giống nhau. Điều này cũng không lấy gì làm ngạc nhiên. Mười tám năm nay, ở hải ngoại, có hàng vài trăm tờ báo lập trường... giống nhau. Chẳng lẽ các tờ báo này cũng là... một?

Thư đến, cảm ơn ông đã "nhìn thấy" HL và TC qua một bài báo khác lập trường. Chẳng giấu gì ông, từ ngày bị... bêu rếu, số lượng độc giả của HL bỗng tăng một cách... không cản nổi. Có người nói chúng tôi đã bỏ tiền ra để nhờ các tờ báo ấy quảng cáo. Oan lắm.

Trong lá thư tiếp theo (chúng tôi đã chuyển đến Trần Đỗ, Đỗ Hữu Tài và Đỗ Quý Toàn, Nhật Tiến), ông gọi anh chàng chủ biên bằng... "bác", khiến hắn... xanh mặt kêu trời! Ông là bạn coi thi tú tài cùng chung một hội đồng ở Mỹ Tho với anh Đỗ Quý Toàn vào cái thuở hắn mới xong trung học, có nghĩa ông thuộc lớp "sư phụ" của hắn, kêu vậy, hắn rất sợ bị tổn thọ. Kính.

... làm gì chúng tôi không nhận ra chân lý

Lần đầu tiên cháu thật sự cảm thấy có một tờ báo ở nước ngoài (ngoài các tờ báo sinh viên chúng cháu tự viết và lén lút xuất bản) thực sự dành cho mình, dành cho tất cả những người Việt Nam ước mơ về một đất nước VN tự do, bình đẳng và bạn hữu.

Tuổi trẻ thế hệ chúng cháu đã lớn lên trong một nền giáo dục bưng bít, dạy sống, hay đúng hơn là dạy tồn tại để biết ơn "Đảng tiên phong, Bác - người cha già của dân tộc..."; hấp thụ một nền văn học "đầy tính chiến đấu trong từng giai đoạn Cách mạng..." Cháu thật đau buồn khi khi nhận ra tâm hồn mình đã bị bóp méo mó từ lúc mới sinh, nhận ra ở mình bao nhiêu thua lỗ thiếu hụt so với các bạn hữu cùng lứa năm châu. Nhưng cũng chính vì vậy cháu lại rơi vào tâm trạng chán nản khi gặp sự tuyên truyền ngược lại theo kiểu "tên phản động Nguyễn Ái Quốc" hay "bọn cộng sản khát máu nhân dân..." Các cô chú ơi, là những người có ít nhiều kiến thức làm gì chúng cháu không nhận ra chân lý, phải trái; nhận ra xu hướng tất yếu của lịch sử, làm gì mà chúng cháu không thấy thấm thía sự thật? Và thử hỏi, mọi người Việt Nam trong giai đoạn vừa qua có quyền chọn lựa cho mình một thái độ chính trị hay không? Ba mẹ cháu lớn lên ở Hà Nội, hai vị trở thành người cộng sản là chuyện tất nhiên. Cháu sinh ra ở Hà Nội, làm sao cháu không cố học để được nhà nước gửi đi du học, hòng thoát khỏi cuộc sống lầm than lo đến từng cân gạo mớ rau? Ngược lại, ngoại cháu vào Nam từ năm 54, làm sao các cậu của cháu không đi lính cộng hòa? Ngày hôm nay, thử hỏi có gia đình nào không mất mát, đau đớn, ly tan?

Cháu mong HL sẽ góp phần tích cực làm tất cả chúng ta quên đi mọi thù hằn, nhớ về chiến tranh như một nỗi đau của lịch sử, để cùng hướng tới một nước Việt Nam văn minh và thịnh vượng...

NNT (Hungari)

"Nỗi lòng" của cháu cũng là "nỗi lòng" của hầu hết các sinh viên, công nhân lao động... hiện đang sinh sống tại Đông Âu, và cũng là "nỗi lòng" của nhiều Việt kiều rải rác khắp năm châu. Đó là lý do đã thúc đẩy các chú ngồi lại với nhau để thực hiện tờ báo này. Chúc cháu học hành tiến bộ, tốt nghiệp nhanh để trở về phục vụ đất nước. Tương lai Việt Nam thuộc về các cháu, hãy

nhớ kỹ điều đó.

HỢP LƯU TRẢ LỜI ĐỘC GIẢ VÀ VĂN HỮU

Ông Võ Văn Triên (Italy): Chúng tôi đã gởi một số HL để ông "xem thử". Và hy vọng nội dung sẽ "phù hợp với sở thích" của ông. Kính.

Phamova (Tiệp Khắc): Chúng tôi biết, như các bạn khác thuộc khối Đông Âu, điều kiện sách báo thiếu thốn, và lương tiền của các bạn cũng không bao nhiêu, nên việc tìm sách để đọc theo lối "mua" là chuyện khó khăn gần như không thể giải quyết được. Vì vậy, mỗi số, chúng tôi đã gởi biếu các bạn trên vài trăm số. Chỉ mong HL là món ăn tinh thần không đến nỗi vô bổ. Thân mến.

Nhóm bạn đọc HL (Moscow): Vâng, ai cũng ngán lắm cái trò chửi bới hàm hồ và vô trách nhiệm của một số ông bà chủ báo tại hải ngoại lắm rồi. Nhưng thôi, mặc họ, chẳng cần quan tâm làm gì. Hy vọng, những điều các bạn nói là sự thật: HL đang được chuyền tay nhau đọc không nghỉ, và hợp với suy nghĩ của tuyệt đại đa số người Việt hiện nay đang sống tại CIS (Liên Xô cũ). Thân mến.

Trần Văn Bá (WA): Đã gởi những số báo cũ ông đặt mua (rất tiếc các số 1 và 3 đã tuyệt bản. Chừng nào thâu hồi được, chúng tôi sẽ gởi để ông có "đủ bộ" như ước muốn). Vấn đề đó chúng tôi có nghĩ đến, nhưng khó khăn lắm ông ạ. Theo thư một bạn văn chúng tôi vừa nhận được từ Sài Gòn thì chế độ hiện nay tại Việt Nam đang siết lại sợi dây trói chung quanh lãnh vực văn nghệ. Bởi theo họ, kinh tế, kỹ thuật càng cởi bao nhiêu thì văn nghệ cần siết bấy nhiêu, nếu không, họ sợ sẽ rơi vào tình trạng xáo trộn như các nước Đông Âu. Tin tức đó làm những người có tâm huyết buồn lắm, tuy nhiên cũng không đến nỗi tuyệt vọng. Khi mà kinh tế bung nở, thì rồi văn hóa, văn nghệ sẽ bị (hay được) kéo theo, không có thứ rào ngăn nào cản nổi. Kính.

Với các văn hữu và độc giả đã gởi thiệp chúc Giáng Sinh và Tết: Chân thành cảm ơn quý vị. Chúng tôi cũng đã gởi đến từng quý vị những lời chúc tốt đẹp nhất cho năm mới 1993. Thân kính.

HỢP LƯU

PHÂN ƯU

HỢP LƯU nhận được tin nhà thơ lão thành

QUÁCH TẤN

đã từ trần tại Nha Trang, Việt Nam ngày 21-12-1992.

Tạp chí HỢP LƯU và tất cả văn thi hữu, họa sĩ cộng tác thành kính chia buồn cùng gia đình nhà thơ Quách Tấn, và cầu nguyện hương hồn nhà thơ sớm về miền vĩnh phúc.

không chỉ như một băng nhạc - không chỉ như một tác phẩm - mà còn là một cố quận ấm trong một trái tim

EM HIỂU VÌ ĐÂU CHIM GỌI NHAU

10 phối hợp tuyệt vời giữa

Thơ **du tử lê**

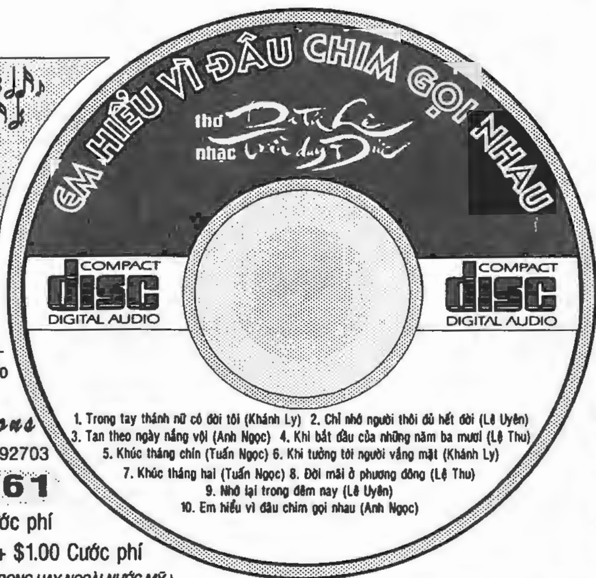
và Nhạc **trần duy đức**



tuấn ngọc • khánh ly • anh ngọc • lệ thu • lê uyên

1. Trong tay thánh nữ có đời tôi (Khánh Ly) 2. Chỉ nhớ người thôi đủ hết đời (Lê Uyên)
3. Tan theo ngày nắng vội (Anh Ngọc) 4. Khi bắt đầu của những năm ba mươi (Lệ Thu)
5. Khúc tháng chín (Tuấn Ngọc) 6. Khi tưởng tới người vắng mặt (Khánh Ly)
7. Khúc tháng hai (Tuấn Ngọc) 8. Đời mãi ở phương đông (Lệ Thu)
9. Nhớ lại trong đêm nay (Lê Uyên) 10. Em hiểu vì đâu chim gọi nhau (Anh Ngọc)

Thực hiện : Nhóm Nhân Chứng
Hòa âm : Trầm Tử Thiêng
: với dàn nhạc hòa tấu
: Hollywood Phil Harmonic
Thu tại : Tomlinson Recording Services
: (24 track computerized digital system)
Mix : John Tomlinson
Nhiếp ảnh
và trình bày : Trần Đình Thục



Đã phát hành

băng nhạc CrO_2 Cassette
& đĩa nhạc Compact Disc

Hỏi mua tại các T.T. Băng Nhạc và Sách Báo
Ở xa xin L/L về:

Nguyệt Lâm Productions
706 La Vergn Way - Santa Ana, CA 92703
(714) 554-7161

Compact Disc: $15.00 + $1.50 Cước phí
Băng nhạc CrO_2 Cassette: $7.00 + $1.00 Cước phí
(GIÁ CƯỚC PHÍ ĐỒNG HẠNG, BẤT KỂ TRONG HAY NGOÀI NƯỚC MỸ.)

Designed by VAN Arts of Printing 714/ 554-6565

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(*Tất cả xin ghi rõ bằng chữ in*)

Họ tên: ______________________________

Địa chỉ ______________________________

____

Nhận mua _____ năm Hợp Lưu kể từ số __________

Giá tiền:

* Trong nội địa Hoa Kỳ và Canada:
Hạng tư: $18.00 ☐ (1/2 năm) - $36.00 ☐ (1 năm)
Hạng nhất: $24.00 ☐ (1/2) năm) - $48.00 ☐ (1 năm)

* Âu châu, Úc châu, Á Châu:
Đường thủy: $24.00 ☐ (1/2 năm) - $48.00 ☐ (1 năm)
Hàng không: $34.00 ☐ (1/2) - $60.00 ☐ (1 năm)

Xin gởi bằng Mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ bằng internatinal money order hoặc bưu phiếu, đề:

HỢP LƯU
TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA

PHIẾU ỦNG HỘ

Tôi tên: ______________________________

Địa chỉ: ______________________________

____

Điện thoại: ______________________________

ủng hộ tập san HỢP LƯU một số tiền là: _____ Mỹ Kim
cho ☐ (1/2 năm) ☐ (1 năm)
kể từ số ________
để giúp HỢP LƯU có đủ phương tiện
tiếp tục phục vụ bạn đọc



9601 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683. USA

Tel: (714) 531-7223 Fax: (714) 531-1107

Tác phẩm thứ hai của một nhà văn trẻ từng làm
chúng ta kinh ngạc qua NGÔI NHÀ SAU LƯNG VĂN MIẾU

TRẦN VŨ

CÁI CHẾT SAU QÚA KHỨ

Đã phát hành trên khắp thế giới

HỒNG LĨNH



Giá Sáu Mỹ Kim.